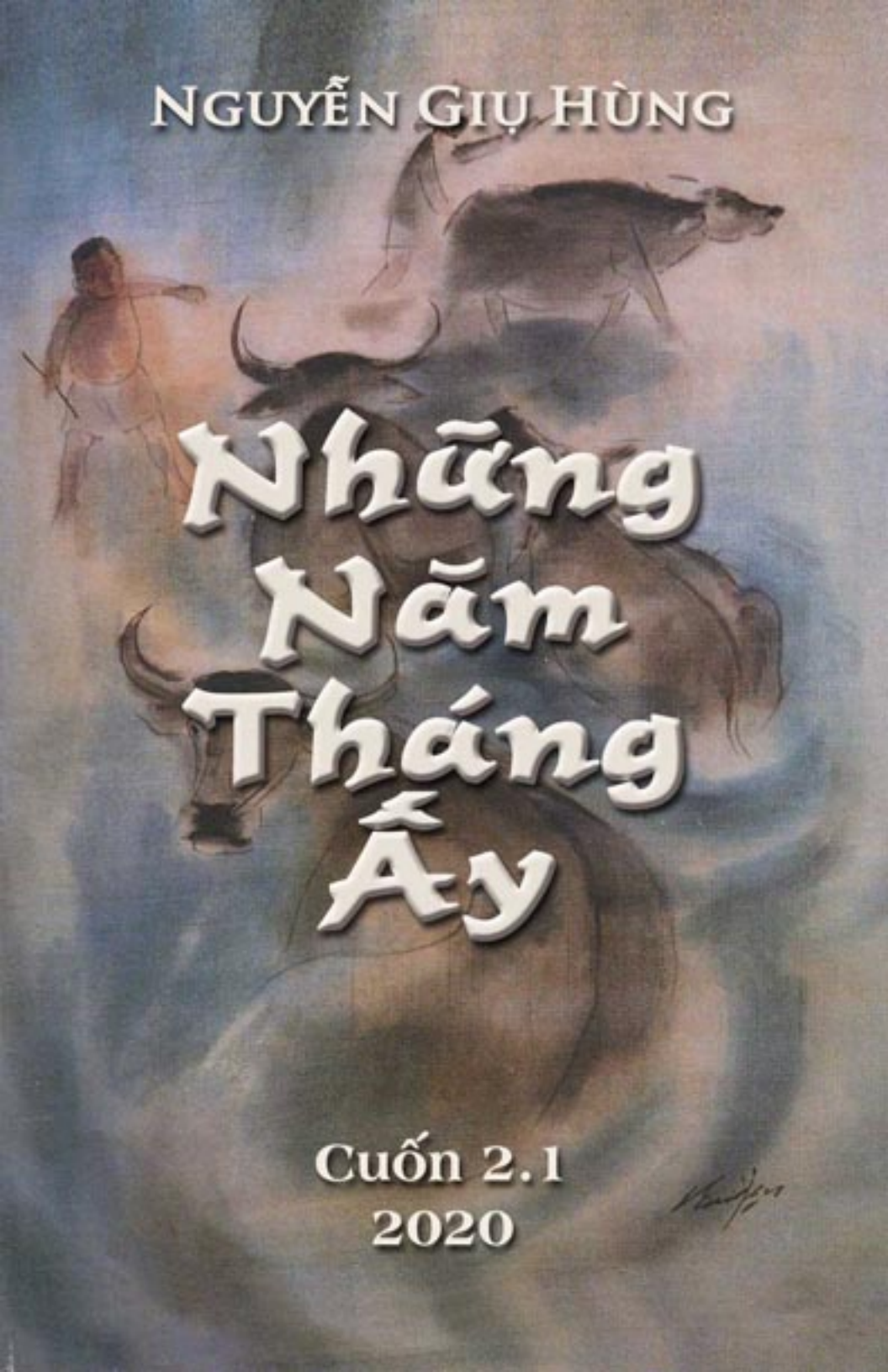
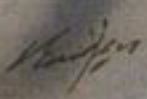




NGUYỄN GIỰ HÙNG

Những
Năm
Tháng
Ấy

Cuốn 2.1
2020



NGUYỄN GIỰ HÙNG

**Những
Năm
Tháng
Ấy**

**Cuốn 2.1
2020**

Mục Lục

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 1 – Một Thoáng Quê Nhà	
Chương 1 : Về Quê	3
Chương 2 : Trăng Quê	19
Chương 3 : Hà Nội Năm Xưa	36
Chương 4 : Con Đường Thơm	77
 Tập 2 – Đi Thăm Thành Cổ Loa	
Chương 5 : Thành Cổ Loa	97
Chương 6 : Trống Đồng	146
 Tập 3 – Đi Chơi Chùa Hương	
Chương 7 : Tuyến Chùa Hương Tích	
Phần 7-1 : Suối Yên	167
Phần 7-2 : Chùa Tiên	222
Chương 8 : Tuyến Chùa Hình Bồng Và Tuyến Chùa Tuyết Sơn	259
Chương 9 : Phụ Lục: Bỏ Tất Quán Thế Âm Diệu Thiện	307
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 1)	312

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 4.1 – Đi Thăm Cổ Đô Hoa Lư	
Chương 10 : Vài Dòng Lịch Sử	3
Chương 11 : Cổ Đô Hoa Lư	
Phần 11-1 : Quần Thể Di Tích Cổ Hoa Lư	43
Phần 11-2 : Đền Vua Đinh Tiên Hoàng	76
Phần 11-3 : Đền Vua Lê Đại Hành Và Quần Thể Chùa, Đền Tại Trung Tâm Cổ Đô	97
Phần 11-4 : Âm Thực Hoa Lư	116
Phần 11-5 : Truyền Thuyết và Giai Thoại	136
Chương 12 : Tam Cốc – Bích Động	
Phần 12-1 : Tam Cốc	151
Phần 12-2 : Bích Động	171
Chương 13 : Tràng An	
Phần 13-1 : Phủ Đột–Đền Trần–Phủ Khổng	188
Phần 13-2 : Đền Thái Vi	218
Phần 13-3 : Làng Tràng An – Phủ Bặc	249
Phần 13-4 : Nghệ Thuật Hát Chèo	276
Phần 13-5 : Nghệ Thuật Uống Trà	309
Phần 13-6 : Phụ Bản	322
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2)	331

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.2</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	vi

Tập 4.2 – Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư

Chương 14 : Núi Non Nước và Những Ngôi “Chùa Động”

Phần 14-1 : Trương Hán Siêu	335
-----------------------------	-----

Phần 14-2 : Những Ngôi "Chùa Động"	361
------------------------------------	-----

Chương 15 : Phát Diệm

Phần 15-1 : Nhà Thờ Phát Diệm	387
-------------------------------	-----

Phần 15-2 : Vài Nét Về Kiến Trúc Và Điêu Khắc Trên Gỗ Và Đá	422
--	-----

Phần 15-3 : Nghề Làm Chiếu Cối Ở Phát Diệm	436
---	-----

Chương 16 : Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-1 : Bối Cảnh Lịch Sử	446
------------------------------	-----

Phần 16-2 : Văn Học Nghệ Thuật	482
--------------------------------	-----

Phần 16-3 : Đêm Sao	506
---------------------	-----

Phần 16-4 : Phụ Lục	516
---------------------	-----

Chương 17 : Bài Đọc Thêm

Bài 17-1 : Vài Nét Về Dân Nhạc Việt Nam	526
---	-----

Bài 17-2 : Vài Nét Về Tư Tưởng Phật Giáo Của Vua Trần Thái Tông	
--	--

Phần 172-1 : Một Buổi Sớm Mai	552
-------------------------------	-----

Phần 172-2 : Thiền Tông Chỉ Nam	563
---------------------------------	-----

Phần 172-3 : Vài Câu Chuyện Thiền	579
-----------------------------------	-----

Phần 172-4 : Lục Thời Sám Hối	599
-------------------------------	-----

Phần 172-5 : Luận Về Niệm Phật	604
--------------------------------	-----

Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2)	610
-------------------------------------	-----

Thư Tâm Tình Gửi Bạn

Sáng nay đọc thư bạn góp ý về việc viết **Lời Tác Giả**, tôi mới thấy khó ơ là khó. Cứ viết cho đủ vài điều bạn nêu thôi, tôi cũng sẽ phải tở tở dê ngỡ kể lẽ mất rồi.

Này nhé,

Trước tiên là phải tự giới thiệu mình, vỗ ngực xưng tên với cái TA to tướng. Ít lắm cũng phải cung khai cái nghề nghiệp liên quan tới “cái kìm cái búa” kè kè bên mình trong suốt thời kỳ còn đi học với mài mài giũa giũa tới lúc trưởng thành. Rồi lại lếch thếch vác “cái kìm cái búa” đi khắp chân trời góc biển, kể cả bao năm lê bước quê người kiếm sống, nuôi vợ nuôi con.

Thế rồi, thời gian thấm thoát trôi nhanh, nhanh quá. Đùng một cái tuổi già xồng xộc tới, đành vứt “cái búa cái kìm” về hưu nằm nhà thờ, chơi với đàn cháu nhỏ sơ sơ tám đứa. Thỉnh thoảng viết vài lá thư thăm hỏi bạn bè.

Bỗng! *Một hôm trời nắng rồi trời lại mưa*, nhận được lá thư của hai ông bạn già cùng lứa tuổi đề nghị đăng mấy lá thư tôi viết tào lao lên *nội san* của nhóm.

Thế là một công việc mới không lương được trảm vào chỗ những giờ rảnh rồi ít ỏi, ấy là **viết lách**. Cũng dễ thôi, “viết” làm sao cho người ta hiểu và “lách” làm sao cho đừng bị chửi. Với cái bút sắt bút “bì”, tôi tha hồ múa võ vườn hoang. Thỉnh thoảng bạn bè nhắc khéo về cái *thì là mà, cái chấm cái phẩy*, ngay cả cái *chính tả*

“cái lầy, cái lợ” (cái này, cái nọ). Đề tài được viết theo “đơn đặt hàng” của nhóm bạn gần xa dưới dạng TẬP GHI. Và, công việc viết lách cứ thủng thẳng, nhả nhả, chậm rãi trôi đi so với cái tuổi già hối hả chạy như “bóng câu qua cửa sổ”.

Thế rồi (lại thế rồi), *một hôm trời mưa rồi trời lại nắng*, lòng bồi hồi ngời nhớ quê hương ở nơi xa xôi vời vọi với lòng thương nhớ vô vãn. Tôi nhớ tới mấy câu thơ của thi sĩ Bằng Bá Lân:

*Mỗi bước chân đi, mỗi lạ lòng,
Quê hương ta đó, đẹp vô cùng.*

Hình ảnh quê hương đã ẩn tàng và hòa tan trong xương, trong máu tôi tự bao giờ nay hiển hiện ra rõ ràng như một vật thể sờ mó được. Dòng chảy tình tự quê hương lẫn kỷ niệm tràn về với những hình ảnh ở tuổi ấu thơ, ở tuổi hoa niên với mơ cùng mộng, nhớ nhớ thương thương; rồi nào trời nắng với trời mưa, ấm lạnh bốn mùa thay đổi; nào lũy tre làng nằm yên bình bên con sông nhỏ uốn khúc ven làng; vài trẻ mục đồng cười trâu về chuồng trong buổi chiều tắt nắng giữa cánh đồng lúa vàng bát ngát, bông bênh theo từng cơn gió nhẹ của đồng quê. Với nào bao **danh lam thắng cảnh** gắn liền với những *truyền thuyết, lịch sử và văn hóa nhân bản* lâu đời của một dân tộc oai hùng có chiều dài dựng nước hơn 4000 năm, trải qua bao triều đại ông cha, tôi nhớ sao cho hết!

Cũng từ hôm ấy, tôi ước mơ được viết về quê hương dù biết mình chưa hề có khả năng gần gũi với văn chương. Thôi kệ, cứ liều. Viết cho mình và viết cho người. Tôi cố gắng đọc sách để tham khảo, tìm tòi tài liệu, và mong *chia sẻ* những hiểu biết thu gặt được ấy

gửi đến bạn bè, hoặc ai chưa có cơ hội biết về nó do sự bận rộn mưu sinh hay vì lý do khác.

Đó là mục đích tập truyện NHỮNG NĂM THÁNG ẤY được viết. Truyện trước đây đã được chia nhỏ, đăng tải rải rác trên vài tờ *đặc san* qua những bài viết ngắn. Truyện viết về quê hương dù có viết mãi, viết mãi cũng chẳng thể cùng, trừ khi tắt thở.

Xin chấm dứt lá thư này bằng một *trích đoạn* trong bài thơ “*Cám ơn*” với lời thơ chân chất của một độc giả (tên ĐTNB) đã gửi cho tôi.

...

*Vì hoàn cảnh phải rời xa đất Mẹ,
Nhưng anh luôn một lòng đau đáu với quê hương,
Với tình cảm của người con xa xứ,
Anh tìm về nguồn cội Cha Ông,
Về văn hóa, lịch sử và thiên nhiên đất nước...
Qua những trang sách mà anh từng tìm đọc,
Đến những nơi mà anh đã đặt chân,
Anh gom cả vào từng trang tư liệu,
Trân trọng, giữ gìn cho con cháu mai sau...*

...

*Anh vẫn miệt mài tìm tư liệu mọi nơi,
Để hiểu đến tận cùng những điều anh muốn biết,
Và sẻ chia cùng bạn hữu, anh em ...*

...

Nguyễn Giụ Hùng
(Th. 9/2020)

LỜI MỞ ĐẦU

- Tập truyện được thành hình, qua sự tập hợp những bài đã đăng tải rải rác trên vài đặc san, không ngoài mục đích *giải trí* dưới tựa đề NHỮNG NĂM THÁNG ẤY.

- Nội dung của truyện là một chuyện tình *hư cấu* lồng trong hoàn cảnh đất nước thanh bình trước ngày đất nước bị chia đôi, đồng thời giới thiệu vài nét đặc thù về những **danh lam thắng cảnh mang tính chất văn hóa và lịch sử quê nhà mà tôi đã có dịp đi thăm**. Chúng ta đi xa mang theo hình ảnh quê hương.

- Những tài liệu trong truyện được sưu tầm, chọn lọc, tổng hợp và sao chép từ những tài liệu tham khảo chỉ thích hợp cho tình huống của câu chuyện. Chi tiết về ngày tháng, số liệu được đưa vào truyện với mục đích giúp người đọc tiện việc so sánh với những sử liệu hay tài liệu chính thống ... và để dễ hình dung gần đúng hơn với sự việc hay sự vật được mô tả.

- Xin cảm ơn các tác giả của những tác phẩm hay bài viết tôi đã dùng làm tài liệu tham khảo.

- Xin cảm ơn bạn bè, thân hữu đã khuyến khích, hỗ trợ trong việc viết lách của tôi. Và xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến hai người bạn đã hiệu đính cũng như thực hiện tập truyện này để làm món quà kỷ niệm, một *tác phẩm đầu tay* cho tôi.

- Cảm ơn vợ hiền và gia đình đã ủng hộ tinh thần.

Nguyễn Giụ Hùng
(Th. 9/2020)

Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện

Các nhân vật chính gồm:

- **“Tôi”** : tên Nam, sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội, trọ học ở Hà Nội;

- **Thi** : tuổi ở độ đôi tám, học sinh cùng trọ học ở Hà Nội, người yêu và sắp là hôn thê của “Tôi”;

- **Uyên** : tuổi ở độ đôi mươi, chị ruột của Thi, cô giáo ở thị xã Sơn Tây;

(Ba nhân vật “Tôi”, Uyên, Thi, người Sơn Tây, ở chung làng cách nhau một cái ngõ, quen biết và thân nhau từ thuở nhỏ.)

- **Hội** : sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội sắp ra trường, bạn học cùng trường và học trên “Tôi” mấy lớp;

- **Mơ** : cùng lứa tuổi với Uyên, cô lái đồ nghèo do thời cuộc, chở đồ cho khách hành hương trên suối Yến chùa Hương, người yêu và sắp là hôn thê của Hội;

- **Thư** : em gái của Hội, học sinh Hà Nội, cùng trang lứa với Thi;

- **Hướng dẫn viên, tức cụ “Tù” hay cụ “Tú” Hoa Lư** : đồ Tú tài thời thi cử cũ, nhiều kiến thức về lịch sử và văn hóa nước nhà, tình nguyện làm ông từ trông nom hai đền Đình, Lê ở Hoa Lư và di tích.

Tập 4-1

**Đi Thăm
Cố Đô Hoa Lư**

CHƯƠNG 10

Vài Dòng Lịch Sử



Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng

Sau bữa cơm chiều, cả ba chúng tôi lại có dịp ra sân ngồi quây quần dưới giàn cây leo thưa lá nói chuyện với nhau. Trên chiếc bàn con, Thi đã không quên đặt một đĩa ổi chín, một đĩa kẹo vùng và một ấm nước chè nóng vừa pha.

Ổi vừa được Uyên mang từ quê lên trưa nay. Cây ổi sau vườn nhà Uyên sai trái và thơm lắm. Năm nào Thi cũng hái đem sang biếu bố mẹ tôi những quả thật ngon. Tôi không thích ăn ổi vì có nhiều hạt nhưng lại thích ngửi mùi thơm của ổi chín.

Đẻ vài quả ổi chín trên bàn, chúng có thể tỏa mùi thơm ra khắp phòng.

Cả tháng nay, Uyên đã không lên Hà Nội thăm chúng tôi. Sự có mặt của Uyên bao giờ cũng là nguồn vui và cũng là dịp để cùng nhau nghĩ đến chuyện đi chơi xa trong những ngày nghỉ lễ dài.

Uyên và Thi hôm nay trông thật tươi mát trong chiếc áo ngắn cộc tay màu trắng dùng mặc ở nhà. Uyên hơn Thi vài ba tuổi nhưng trông chừng chạc, trưởng thành hẳn so với Thi.

Thi chọn một quả ổi bóng bẩy nhất đưa lên mũi ngửi rồi đưa cho tôi:

- Em chọn cho anh quả ổi này ngon nhất!

Tôi cầm lấy, cười hỏi:

- Sao em biết là nó ngon nhất, trong đó có con sâu thì sao?

- Thì anh phải chịu thôi! Nếu anh không ăn thì trả lại em đây! Thi đưa tay ra đòi lại.

Tôi đưa quả ổi lên mũi ngửi rồi đút vào túi áo, không ăn. Thi ngạc nhiên hỏi:

- Anh không ăn hả, hay là anh lại để dành cho mấy cô học trò xinh đẹp của anh hôm nọ?

Tôi chợt nhớ ra một điều, hỏi ngược lại:

- À, em còn nhớ mấy cô ấy gọi em là gì không nhỉ?

Vừa hỏi xong câu ấy, tôi vội né người sang một bên như để tránh cái “véo” của Thi mỗi khi tôi trêu nàng. Nhưng không, Thi chỉ cúi xuống phụng phịu:

- Các cô ấy chỉ gọi đùa thôi mà!

Chuyện là thế này. Nhân một buổi chiều, tôi và Thi cùng đi dạo chơi bên bờ hồ Hoàn Kiếm, gặp ba bốn cô học trò tôi dạy kèm tại tư gia. Các cô cùng trang lứa với Thi. Chúng tôi chỉ kịp trao đổi vài ba câu xã giao rồi chia tay. Có cô tinh nghịch chào “Chào thầy cô ạ” trước khi bỏ đi. Thi lúng túng gật đầu chào lại. Sau câu chào ấy, nàng cứ như ngẩn ngơ, phải một lúc lâu sau mới trở lại bình thường.

Câu đối thoại giữa tôi và Thi ngừng ở đấy. Uyên không hiểu chuyện gì nên chỉ nhìn chúng tôi cười tủm tỉm. Uyên nhìn tôi rồi chỉ vào Thi mách:

- Hôm anh và Thi về thăm nhà, em kể với thầy mẹ em về anh và Thi. Cô ta đứng gần đó, biết mẹ em thế nào cũng sẽ tò mò hỏi, vội lảng ra sân rồi chuồn thẳng sang nhà anh đến mãi tối mới chịu mò về.

Nghe chị nói thế, Thi liếc nhẹ nhìn tôi, hai tay mân mê quả ôi.

Tôi nhớ lại buổi chiều tối hôm đó.

Thi sang nhà tôi chơi gặp bữa cơm tối nên được mời cùng ăn. Mẹ tôi chỉ ghế cho Thi ngồi bên cạnh. Bố tôi hôm đó vắng nhà. Chị Thìn, người chị nuôi của tôi, vừa xới cơm cho Thi vừa nhìn tôi:

- Thi nó nhón nhanh nhĩ! mới ngày nào đây thôi!

Vừa gấp thức ăn vào bát com cho Thi với một củ chỉ thương yêu, chị nói tiếp:

- Ngày nào, nó cứ sang nhờ chị hái dùm quả bưởi non trên cao để làm bóng “đánh chuyền”. Thế mà nay đã trở thành cô thiếu nữ xinh đẹp nhất làng rồi đấy!

Chị nhìn Thi mỉm cười và đưa bát com đầy thức ăn cho nàng, rồi quay lại tôi:

- Không được bắt nạt cô em gái của tôi đấy nghe cậu! Nó lớn rồi!

Tôi vội đưa tay lên cười phân bua:

- Chị ơi! Em bị “véo” nát người ra đây này. Ai bắt nạt ai đây!

Mẹ tôi cũng cười theo và nói với Thi khi nàng còn đang bên lên nhìn tôi:

- Ăn com đi con! Đứa nào bắt nạt con thì cho bác biết. Bác sẽ đánh nó cho!

Thi lí nhí trong miệng “Vâng ạ” rồi cùng ăn com vui vẻ với mọi người.

Com nước xong, cả nhà vẫn còn ngồi nán, lan man với dăm ba câu chuyện vui trong làng. Sau, chị Thìn và Thi dọn dẹp và cùng ra sân sau rửa bát đĩa ở cuối nhà ngang, bên bể nước lớn.

Mặt trăng đỏ vàng đã chớm mọc ở sau bụi tre làm mặt ao cuối vườn lóng lánh như chiếc mâm thau

vừa được đánh sáng. Nhìn bóng hai chị em in dài trên nền gạch làm tôi cảm thấy như có cái gì thật hạnh phúc, êm đềm tràn dâng trong lòng.

Một hình ảnh mà tôi khó quên hôm đó. Mẹ tôi và Thi, một già một trẻ, cùng ngồi bồ mẹt cau tươi để phơi khô ngày mai. Dưới ánh trăng hắt qua hiên, hai người rù rì nói chuyện bên chiếc đèn dầu trên chiếc chõng tre kê dưới hiên nhà. Thỉnh thoảng tiếng mẹ tôi cười to xen lẫn tiếng cười khúc khích nho nhỏ của Thi văng tới chỗ tôi ngồi ở bậc thềm nhà, nhìn ngấm trăng lên. Ôi, hình ảnh của mẹ tôi và Thi tối hôm đó, thật thân thương làm sao!

Thi vui câu chuyện và cô bồ cho xong mẹt cau, mẹ tôi phải nhắc đôi ba lần nàng mới chịu ra về. Tôi đưa Thi về tới tận cổng nhà nàng rồi mới quay trở về. Trước khi chia tay, tôi nắm tay Thi nói vài câu từ giã. Tôi thấy lòng mình rộn rã hân hoan.

Nghe thấy tiếng Thi cười, tôi mới chầm dứt được “giấc mơ”. Thi nói với chị:

- Thỉnh thoảng anh ấy cứ như người mất hồn ấy, đang ngồi nói chuyện thì lại thờ người ra.

Uyên cũng cười theo. Tôi chống chế:

- Anh đang nghĩ tới chuyện đi chơi Hoa Lư ngày mai. Chúng ta sẽ phải đi như thế nào cho tiện đây. Có thể, có cả anh Hội và cô Mơ cùng đi chơi chung với chúng ta nữa. Họ sẽ đến sau bọn mình một tý tùy theo anh Hội có sắp xếp được công việc ở bệnh

viện hay không. Anh ấy sắp ra trường nên bận lắm.

Cả Uyên và Thi đều vui mừng, cùng reo lên:

- Ô! Thế thì vui quá!

Thi liền nhanh nhẩu kể một cách hăng say:

- Chị Uyên biết không! Hôm trước anh Hội đưa chị Mơ đến đây chơi. Chị mặc váy lĩnh mới, với một chút điểm trang, trông thật duyên dáng và xinh ơi là xinh. Chị cứ khen Hà Nội sao to, cổ kính và đẹp thế, đi cả ngày mà chưa hết và thích nhất là được ngồi ăn kem bên bờ Hồ Tây. Em thấy hai người có vẻ thương yêu nhau lắm.

Thi ngừng lại một chút, rồi tiếp:

- Hôm ấy, em lại có dịp hát lại mấy câu trong bài hát “Cô hái mơ” như để nhắc lại chuyến đi chơi Chùa Hương của bọn mình. Em cũng cù chị Mơ làm chị ấy cứ cười gập cả người. Chị cảm ơn bọn mình mãi vì đã “làm mối” cho hai người quen nhau, nhưng chị cũng tâm sự là cứ lo lo không biết chuyện duyên phận của mình sẽ ra làm sao nữa.

Thi nói một hơi tưởng như không muốn nghỉ. Uyên tỏ ra có một chút gì băn khoăn:

- Quả thật, chuyện một sinh viên y khoa sắp ra trường lại yêu tha thiết một cô lái đồ nghèo ở vùng quê hẻo lánh, dù là xinh đẹp, thì trong thời buổi này, kể ra đây cũng là một câu chuyện tình khá lãng mạn đấy nhỉ.

Uyên nói thêm với tôi:

- Biết đâu, đây chẳng phải là một cuộc cách mạng của những con người cấp tiến muốn phá vỡ, muốn thoát ra khỏi cái nề nếp, cái khuôn sáo của một xã hội đầy phiền toái, đầy những tư tưởng chật hẹp, bảo thủ. Gặp lại chị Mơ, em phải hỏi chị ấy câu chuyện tình bắt đầu ra sao mới được. Là người thật thà như đếm, chắc chị sẽ “khai” hết cho tụi mình nghe.

Nghe Uyên nói như thế nên tôi cũng nói chêm vào câu chuyện của hai cô:

- Nó không nghiêm trọng đến thế đâu Uyên! Chuyện trai gái yêu nhau trong hoàn cảnh lãng mạn như thế, ầu cũng chỉ là một chuyện rất bình thường thôi mà.

Tôi liếc nhìn Thi mỉm cười trước khi nói về một câu chuyện “sử” mà tôi sắp kể vì tôi biết môn sử là môn học Thi ít quan tâm:

- Ngay trong Việt sử nước nhà, ta có biết bao nhiêu câu chuyện tình xảy ra như thế. Thí dụ như cuối đời nhà Lý, vua Lý Huệ Tông lúc còn là Thái tử ở tuổi 16, đi chơi miền biển thì gặp một cô con gái đẹp thuộc *con nhà đánh cá họ Trần* tên Trần Thị Dung. Thái tử đem lòng yêu thương rồi lấy làm vợ, mặc dù trong cuộc hôn nhân ấy có cả lý do thời cuộc xảy ra lúc đó.

Thi hỏi tôi với sự thích thú:

- Câu chuyện tình này cũng lãng mạn đấy chứ chị Uyên nhỉ! Rồi sao nữa hả anh?

- Khi Thái tử lên ngôi vua, cô trở thành Hoàng hậu. Sau đó hai người sinh ra hai người con gái, đó là Công chúa Thuận Thiên (1216) và Công chúa Chiêu Thánh (1217). Nhờ cô con gái xinh đẹp tên Trần Thị Dung này mà gia đình và dòng họ nhà Trần mới có thêm một trong những cơ hội được tiến cử vào triều đình nhà Lý. Và cũng từ đây, nhà Lý mới mất ngôi vào tay nhà Trần sau đó.

Thì tỏ ra bất mãn:

- Ô! Sao lại cư xử với nhau như thế được nhỉ?

Tôi nhìn Thi và Uyên giải bày:

- Em ngây thơ quá! Chuyện của người lớn mà! Nhưng những việc làm của bà Trần Thị Dung giúp cho nhà Trần và cho đất nước trong giai đoạn chống quân Mông Cổ lần thứ nhất (1258) đã được nhà sử học Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư khen rằng : *"Giúp đỡ nội trị cho nhà Trần, Linh Từ có nhiều công to... Thế mới biết trời sinh ra Linh Từ cốt để mở nhà Trần..."* Linh Từ Quốc Mẫu là tước vị mà vua Trần ban tặng cho bà khi bà mất.

Nhắc đến nhà Lý, tôi chợt nhớ tới Thái hậu Ý Lan. Và cũng để chứng minh thêm một câu chuyện tương tự như trên, tôi hỏi Uyên:

- Uyên có biết một Thái hậu siêu việt trong sử sách nước ta, tức bà Ý Lan không?

Uyên trả lời tôi:

- Thưa, em biết! Sao hỏi anh?

- Uyên biết rồi thì để anh nhắc sơ lược câu chuyện này cho Thi nghe nhé. Trong triều nhà Lý, *Lý Thánh Tông* là một vị quân vương tài giỏi. Năm ngài đã 40 tuổi mà chưa có con trai nối dõi. Nhà vua và triều đình rất buồn lo. Vua thường ngự giá đi các chùa chiền để cầu tự.

Một hôm, ngài đến chùa Dâu, khi trở về, dân chúng lập các đám rước dọc đường để nghinh đón và xem mặt vua. Vua trông thấy một cô gái không ra xem rước như mọi người khác mà cứ vẫn chăm chỉ hái dâu. Ngài cho vời cô con gái quê mùa đó lại hỏi, cô gái thưa: *“Thiếp là con nhà nghèo hèn, phải làm việc đầu tắt mặt tối để phụng dưỡng cha mẹ, không dám đi xem rước và nhìn mặt rồng”*. Nhà vua thấy cô gái ấy xinh đẹp và trả lời dịu dàng nên vua tuyên về kinh đô Thăng Long làm cung phi. Người con gái đó chính là bà *Ỗ Lan*. Ít lâu sau bà sinh cho vua được người con trai tức là vua *Lý Nhân Tông* tài giỏi sau này.

Năm 1069, vua *Lý Thánh Tông* cùng tướng *Lý Thường Kiệt* cất quân đi đánh giặc *Chiêm Thành* ở phương xa. Bà *Ỗ Lan* thay vua đảm đương việc nước. Vua đánh giặc mãi không thắng bèn đem quân trở về. Trên đường về nhà vua nghe dân đồn đãi là bà trị nước rất giỏi. Nhà vua tự nghĩ : *Kể kia là đàn bà mà còn giỏi như vậy, ta là đàn ông sao lại tầm thường đến thế sao*. Vua lại quay trở lại đánh giặc, lần này thì ngài thắng to. Sử cũ có chép rằng: Bà

Nguyên phi Ý Lan trị dân rất giỏi, khiến dân tâm hòa hiệp, cõi nước thanh bình.

Thì vênh mặt lên nhìn tôi:

- Anh thấy chưa! Đàn bà giỏi hơn đàn ông. Anh không được chê em dốt đây!

Tôi cười rồi nói tiếp:

- Dân gian sùng đạo Phật tôn bà Ý Lan là “Quán Âm nữ”, tức con gái của đức Bồ Tát Quán Âm. Bà chăm lo phát triển đạo Phật, cho xây dựng cả trăm ngôi chùa, nay vẫn còn giữ được vài ngôi chùa nổi tiếng. Bà cũng hay thường mời các vị cao tăng tới đàm đạo hay thuyết pháp ở chùa Trấn Quốc tại Thăng Long và bà cho ghi chép lại. Nhờ đó mà ngày nay chúng ta mới có những tài liệu quý báu làm cơ sở tra cứu về sự có mặt và phát triển đạo Phật trên đất nước ta vào thời bấy giờ.

Tôi ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Uyên và Thi thấy không, hai người đàn bà, một xuất thân từ con nhà đánh cá, một xuất thân từ nhà nông dân nghèo khó, thế mà họ một bước có thể bước lên ngôi Hoàng hậu (vợ vua) rồi Thái hậu (mẹ vua) và làm được những việc lớn lao trong lịch sử nước nhà. Trong sử nước ta còn nhiều chuyện như thế lắm. Hai em phải nhớ lấy, đây là những *bài học quý giá* để trước khi chúng ta muốn đánh giá một người nào qua *bề ngoài* hay *sự xuất thân* của họ. Câu chuyện tình của Hội và Mơ cũng không phải là hy hữu hay ngoại lệ lắm đâu!

Tôi chợt nhớ về một mối tình khá đẹp và thật lãng mạn vào đời nhà Nguyễn, tôi kể tiếp:

- Vào đời nhà Nguyễn, với thời gian gần với chúng ta hơn còn có một câu chuyện tình nữa cũng khá lãng mạn đấy.

Chúa Nguyễn Phúc Loan (1635-1648) là một người vừa dũng cảm, vừa đa tình.

Dũng cảm vì chúa đã tự mình điều khiển thủy quân đánh tan 3 chiếc tàu của Hòa Lan ở cửa Eo (cửa Thuận An). Đa tình vì thời thanh niên, lúc chúa Phúc Loan còn là Thái tử trấn ở Quảng Nam, nhân một đêm trăng sáng, Thái tử cùng đám cận vệ đáp thuyền đi chơi xuân. Ngang qua một bãi dâu, nghe thấy giọng hát véo von của một thiếu nữ, Thái tử cho dừng thuyền lại xem thì trước mắt ngài là một thiếu nữ nhan sắc thật kiêu diễm đang hái dâu dưới ánh trăng thanh. Khi về cung, Thái tử không sao ngủ được cứ ngẩn ngơ si tình. Sáng hôm sau, ngài cho người đến gia đình cô gái nói rõ ý tình của mình. Chẳng bao lâu, cô con gái hái dâu họ Đoàn đó được Thái tử cưới về làm vợ. Sau, cô được phong là Hiếu Chiêu Hoàng hậu.

Để cho câu chuyện về cô Mơ không đi quá xa, tôi vội lên tiếng như ra lệnh:

- Thôi, ta hãy nói chuyện đi chơi Hoa Lư ngày mai đã! Chuyện cô Mơ để sau có được không?

Cả hai cô đồng thanh:

- Thừa anh vâng ạ!

Rồi hai cô nhìn nhau cười tủm tỉm.

Tôi nói tiếp với vẻ nghiêm trang:

- Trước khi đi đến cố đô Hoa Lư, anh đề nghị chúng ta cũng nên *nhắc sơ qua một chút* về những sự kiện lịch sử đã xảy ra ở đó, từ những nguyên nhân đến hậu quả của nó.

Hoa Lư là một di tích lịch sử vô cùng quan trọng của đất nước mình, của dân tộc mình trong giai đoạn mở đầu cho nền *đế chế trung ương tập quyền, tự chủ tự cường*. Anh muốn hai em không nên coi đây như chỉ là một cuộc du ngoạn thông thường.

Chúng ta phải đến đó với một *tâm lòng trân trọng* để chiêm ngưỡng những di tích của người xưa còn để lại. Từ đó ta mới có thể liên tưởng tới được những hy sinh, những thành quả mà ông cha ta đã phải dày công xây dựng để cho chúng ta có được một giang sơn gấm vóc như ngày hôm nay. Chúng ta đến đó không phải để chỉ nhìn ngôi đền, nhìn những tượng thờ bằng đá hay gỗ một cách thờ ơ, mà phải thấy ở đây, mỗi vật thể đều có linh hồn riêng của nó. Và, chúng ta đến Hoa Lư để có dịp “*sơ mó*” vào lịch sử. Lịch sử là một cái gì rất cụ thể để ta có thể nắm bắt. Mỗi cuộc đi chơi, nếu chúng ta không mang lại cho mình sự hiểu biết, sự cảm nhận và những tình cảm dành cho nơi đó một cách đặc biệt thì “*há chẳng uống phí lắm ru*”.

Tôi cười sau mấy chữ nhấn mạnh sau cùng “há chẳng uống phí lắm ru” để làm giảm bớt vẻ cường điệu. Tôi ngừng lại một chút để “dò xét” phản ứng của hai người. Tôi thấy hai cô đang lắng nghe câu chuyện một cách nghiêm chỉnh nên tôi mới nói tiếp:

- Uyên nhắc lại cho mọi người nghe về giai đoạn lịch sử Hoa Lư đi! Cô giáo thì chắc phải thuộc sử hơn anh.

Thi vội lên tiếng:

- Thôi anh nói đi! Chúng em đang lắng nghe anh mà!.

- Ủ, thôi để anh nói trước cho Thi nghe, chỗ nào thiếu sót thì Uyên bổ túc thêm nhé!

Tôi chỉ vào Thi :

- Còn cô học trò “lười” này của anh thì lắng tai mà nghe để ngày mai khỏi phải hỏi lung tung những câu vớ vẩn đấy!

Thi “véo” mạnh vào cánh tay tôi một cái rồi tròn mắt hỏi:

- Ai nói với anh rằng em là học trò lười?

Tôi tránh sang bên để tránh cái “véo” thứ hai. Tôi cười :

- À, anh chỉ nói là em lười học sử Việt Nam thôi mà, chứ anh có nói em lười làm toán đâu.

Thi lần này không “véo” nữa mà cứ đâm nhẹ vào cánh tay tôi phụng phịu:

- Em không chơi với anh nữa đâu! Hôm qua mới giảng cho em bài toán mà hôm nay anh đã nói “móc mĩa” em rồi.

Uyên vội can, cười nói với Thi:

- Thôi! Thôi đủ rồi! Cô là học trò chăm chỉ. Chịu chưa?

Uyên lại quay sang tôi :

- Anh mà chiều Thi thế này, có ngày nó không những *véo, đánh* mà còn *cấn* anh nữa đây.

Thi nhìn chị nững nịu trách:

- Chị lúc nào cũng chỉ bênh anh ý thôi!

Tôi lấy lại nghiêm trang:

- Thôi để anh nói cho nghe! Câu chuyện lịch sử trong *thời Hoa Lư* này hơi khá *phức tạp* so với những giai đoạn lịch sử khác sau đó.

Tôi nhắc cho Uyên và Thi biết:

Đất nước ta lúc bấy giờ vừa mới thoát khỏi tay ngoại xâm phương Bắc (30 năm) sau một thời gian dài nghìn năm bị đô hộ. Tình hình trong nước còn rối ren nhiều lắm.

Vua Ngô Quyền đuổi giặc Nam Hán rồi lên ngôi vua năm 939, đóng đô ở Cổ Loa, chẳng được bao lâu thì mất (năm 944), thọ 47 tuổi. Sau khi ngài mất thì *nội loạn xảy ra tự trong triều đình* đã tạo nên những hệ quả dây chuyền. Các vương gia nhà Ngô xào xáo chém giết lẫn nhau để đoạt ngôi vua. Những

vị quan trong triều thì chia phe, lập phái. Lãnh chúa mọi vùng không chịu phục tùng triều đình, nổi lên chiếm cứ lãnh địa, mỗi người hùng cứ một phương. Lịch sử gọi thời gian này là “*Loạn mười hai sứ quân*” (Thập nhị sứ quân), kéo dài hơn 20 năm (945-967).

Các sứ quân mang quân đánh nhau triền miên làm dân gian rất lầm than, khổ cực. Một lực lượng nghĩa quân dưới quyền thống lĩnh của Đinh Bộ Lĩnh đã đánh thắng những *sứ quân* để thống nhất đất nước và lập nên triều đại nhà Đinh.

Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua xưng là *Đinh Tiên Hoàng Đế* năm 968, đóng đô ở *Hoa Lư*, đặt Quốc hiệu là *Đại Cồ Việt* (nước Việt to lớn). Đây là *triều đại đầu tiên của nước ta tự xưng Đế, một triều đại phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên* có một nền tự chủ, tự cường dám tự hào sánh ngang hàng với các triều đại nhà Hán bên Tàu. Kinh đô *Hoa Lư* cũng còn được gọi là *Tràng An* như danh xưng của kinh đô Bắc triều thời Hán. Nhà Đinh có công thống nhất và lập lại kỷ cương trong nước.

Nhà Đinh trị vì từ năm 968 đến năm 981, trải qua hai đời vua, cả thảy 14 năm thì thuộc về tay Lê Hoàn, một vị tướng thân cận và tài giỏi của nhà Đinh.

Lê Hoàn lên ngôi vua tức *Lê Đại Hành*, lập nên nhà *Tiền Lê*, kinh đô vẫn ở *Hoa Lư* và Quốc hiệu vẫn giữ là *Đại Cồ Việt*. Nhà *Tiền Lê* trị vì từ năm

681 đến năm 1009, trải qua 3 đời vua, cả thấy 29 năm thì nhà Tiền Lê thuộc về tay một tướng tài giỏi của nhà Tiền Lê là *Lý Công Uẩn*, tức vua Lý Thái Tổ sau này. Nhà Tiền Lê có công tiếp tục ổn định đất nước, phá Tống, bình Chiêm, rạng danh một cõi.

Năm 1009, vua *Lý Thái Tổ* khi vừa lên ngôi, ngài dời đô từ *Hoa Lư* về *Thăng Long* trong năm sau (1010). *Hoa Lư* trở thành cố đô từ đó. Khi dời đô, Lý Thái Tổ cho con trai là Khai Quốc Vương Bồ trấn giữ ở đây. Khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô ra *Thăng Long*, *Hoa Lư* vẫn giữ vị thế quan trọng. *Hoa Lư* vẫn còn là *phủ* thời nhà Lý, là *lộ* của thời nhà Trần.

Tóm lại, cố đô *Hoa Lư* được kéo dài từ năm 968 đến năm 1010, cả thấy 42 năm, gồm 3 triều đại: *Đinh*, *Tiền Lê* và khởi đầu nhà *Lý*, với 6 vị vua.

Đây là những nét tổng quát về giai đoạn lịch sử của thời *Hoa Lư* mà chúng ta cần phải biết.

Tôi vừa nói tới đây thì Thi vội đưa lên trước mặt tôi mấy miếng ổi đã cắt và gọt vỏ sẵn:

- Anh...! Há...! Há...! Há...!

Sau mỗi tiếng “Há”, Thi đưa một miếng ổi nhỏ vào mồm tôi. Tôi nhai vội, nuốt, rồi đùa hỏi:

- Em có cho anh ăn ổi “*nhân thị*” không đấy?

Thi và Uyên nhìn nhau với đôi mắt ngạc nhiên như dò hỏi ý nghĩa về mấy chữ “*ôi nhân thịt*” mà tôi vừa dùng. Thi hỏi:

- Ôi “nhân thịt” là ỏi gì vậy? Sao em chưa hề nghe thấy!

Uyên cũng đang ngồi cười cười chờ đợi câu trả lời của tôi. Tôi cắt nghĩa:

- Ôi “nhân thịt” là quả ỏi có con sâu ở bên trong. Thịt của con sâu đó mà!

Thi và Uyên đều phá lên cười. Thi chồm người lên cắn cánh tay tôi. Thi không nhả ra mà ngược lên nhìn tôi như có ý hỏi “Anh có đau không?” Tôi nhìn vào mắt Thi không nói gì và cứ để Thi cắn. Thi cắn mạnh hơn một tý nữa, tôi vẫn cứ ngồi tùm tùm cười vì tôi biết Thi không muốn làm tôi đau. Thi cắn mạnh hơn thêm tý nữa rồi mới nhả ra:

- Anh có đau không?

- Đau! Tôi vờ trả lời như vậy.

- Đáng đời anh lắm! Sao anh cứ thích trêu em thế! Anh bị đau, sao lại không kêu lên?

Tôi nhìn Uyên :

- Khi người con trai được người con gái xinh đẹp như thế này cắn, dù có bị đau cũng không nên kêu. Phải không Uyên?

- Em đã nói với anh là có ngày anh bị Thi nó cắn mà!

Thì nhìn chị, vênh vênh mặt lên nói nhõng nhẽo:

- Tại chị xui em lúc nãy chứ bộ!

Cả ba chúng tôi lại được dịp cười vui. Trăng đã lên khỏi mái nhà. Ánh sáng trắng chiếu xuống sân gạch, chiếu xuyên qua giàn cây leo thưa lá chỗ chúng tôi đang ngồi, làm khung cảnh chung quanh trở nên êm dịu, thơ mộng, thanh bình và làm chúng tôi trở nên cởi mở, thân mật với nhau hơn trong những câu chuyện.

Nước da trắng và đôi mắt sáng long lanh của Thì hòa trong ánh trăng thanh làm nổi bật lên nét tinh anh cùng sự hồn nhiên của nàng.

Uyên dục tôi:

- Anh nói tiếp về Hoa Lư đi!

Uyên quay sang Thì:

- Em không được chọc phá anh ấy nữa đấy nhé!

Thì đứng lên, khoanh tay, cúi gập người xuống, cười nói với Chị:

- Thưa cô giáo, vâng ạ!

Thì quay sang tôi:

- Đề em rót nước chè cho anh và mời anh ăn kẹo vùng nhé! Em không phá anh nữa đâu, nhưng anh cũng không được trêu em nữa đấy. Nếu không, em cho anh ăn ổi “nhân thịt” đó!

Tôi cười rồi kể tiếp về Hoa Lư:

- Khi nói tới Thăng Long là người ta nhớ ngay tới vua Lý Thái Tổ. Cũng vậy, khi nói tới Hoa Lư là người ta nghĩ ngay tới vua Đinh Tiên Hoàng. Chúng ta đi thăm Hoa Lư, ta cũng nên tìm hiểu thêm một chút về *thân thế và sự nghiệp* của ngài Đinh Bộ Lĩnh hay vua Đinh Tiên Hoàng trong bối cảnh lịch sử lúc đó.

Tôi cố gắng nhớ lại những nét chính để kể cho Uyên và Thi nghe.

Cha ngài là *Thứ sử Đinh Công Trứ*, một viên tướng tài giỏi của Tiết đô sứ Dương Đình Nghệ. Ngô Quyền trấn ở Ái Châu (Thanh Hóa), Đinh Công Trứ trấn ở Hoan Châu (Nghệ An- Hà Tĩnh) là những nơi hiểm yếu. Thanh Hóa và Nghệ An, nhờ vào địa thế hiểm trở, có thể thủ mà cũng có cả thế công nên thường được dùng làm những hậu cứ vững chắc mỗi khi đất nước bị ngoại xâm. Những nơi này thường được đặc biệt trấn giữ bởi những tướng tài giỏi.

Đến năm 938 Dương Đình Nghệ bị nha tướng là Kiều Công Tiễn giết chết để đoạt chức Tiết đô sứ. Nhân cơ hội đó quân Nam Hán lại kéo quân thủy, bộ sang toan chiếm nước ta lần nữa. Ngô Quyền đem quân từ Ái Châu ra Bắc giết Kiều Công Tiễn, phá tan quân Nam Hán của Hoảng Thao trên sông Bạch Đằng.

Năm 939, Ngô Quyền xưng Vương, tức *Ngô Vương Quyền*. Thời kỳ này sử gọi là nhà *Tiền Ngô*,

đóng đô ở Cổ Loa, chính thức mở đầu nền độc lập tự chủ cho dân tộc ta sau một nghìn năm bị đô hộ. Dưới triều Ngô, Đinh Công Trứ vẫn còn giữ chức Thứ sử Châu Hoan như cũ.



Với vai trò của cha là Đinh Công Trứ ở Hoan Châu, nơi địa đầu giới tuyến phía nam đất nước, đã ảnh hưởng không nhỏ trong tâm tưởng và sự mưu đồ việc lớn của Đinh Bộ Lĩnh sau này.

Thứ sử Đinh Công Trứ mất đi khi Đinh Bộ Lĩnh còn niên thiếu, phải theo mẹ về sống cạnh đền Thần Núi ở động Hoa Lư. Sử chép Đinh Bộ Lĩnh, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng đã tỏ ra xuất chúng hơn người, có mộng bá vương nên khi lớn lên dân chúng trong vùng theo rất đông, chỉ trừ ông chú là *Đinh Dự* chiếm riêng thôn Bông là không chịu theo. Đinh Bộ Lĩnh đem quân đánh chú, lần đầu bị thua. Đinh Bộ Lĩnh lại đem quân trở lại đánh chú lần thứ hai, chú phải xin hàng. Đinh Bộ Lĩnh hùng cứ ở Hoa Lư.

Trong khi Đinh Bộ Lĩnh đang mưu chuyện lớn, thì cùng lúc đó, tại triều đình nhà Ngô cũng có nhiều biến cố trọng đại xảy ra. Ngô Vương Quyền làm vua được có 6 năm thì mất (944). Con cả của Ngô Vương Quyền là *Ngô Xương Ngập* lên làm vua.

Người em vợ của Ngô Vương Quyền là Dương Tam Kha đoạt ngôi vua của cháu, tự xưng là Bình Vương (945- 950). Ngô Xương Ngập phải chạy về Nam Sách thuộc Hải Dương bây giờ. *Sự đoạt ngôi của Dương Tam Kha khơi mào một loạt những cuộc nổi loạn dây chuyền trong cả nước.*

Giặc đã nổi lên tứ tung, không còn ai phục tùng triều đình nữa. *Triều đình nhà Ngô lúc đó cũng chỉ còn là một trong 12 sứ quân mà thôi.* Đất nước ta lúc đó ở trong thời kỳ loạn lạc, nhiễu nhương, dân chúng chết chóc, lầm than, khổ cực trăm điều, kéo ròng rã suốt trên 20 năm. *Đó là bối cảnh lịch sử trong thời kỳ đất nước nhiễu nhương, thù trong giặc ngoài ở giai đoạn trước khi kinh đô Hoa Lư thành hình.*

Ta trở lại với Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư. Tới năm 951, thế lực của Đinh Bộ Lĩnh cũng đã hùng mạnh lắm rồi. Lúc hai



vua Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn còn sống định đem quân đến đánh. Đinh Bộ Lĩnh muốn hòa hoãn với triều đình nên đã cho con cả là *Đinh Liễn* về triều đình để cầu hòa. Đinh Liễn bị triều đình bắt giữ và bị mang theo đoàn quân đi đánh Hoa Lư.

Sau một tháng trời quân triều đình không đánh thắng nổi Đinh Bộ Lĩnh. Xương Ngập và Xương Văn liền treo Đinh Liễn lên cành cây dọa bắn chết Liễn nếu Đinh Bộ Lĩnh không chịu quy hàng. Đinh Bộ Lĩnh nói: "*Bạc đại trượng phu lẽ nào lại vì trẻ con mà bỏ nghiệp lớn*" và liền sai hai mươi tay cung nỏ chuẩn bị bắn Đinh Liễn. Xương Ngập và Xương Văn kinh dị phải thả Liễn ra và lui binh.

Sau này, thấy thế lực của sứ quân *Trần Lãm* ở Bó Hải Khẩu (Thái Bình) rất lớn, và hơn nữa Trần Lãm đã già yếu lại không có con trai, Đinh Bộ Lĩnh mang Đinh Liễn cùng sang theo Trần Lãm và xin nhận làm con nuôi. Trần Lãm rất yêu quý Đinh Bộ Lĩnh, giao toàn binh quyền cho ông. Đúng ra, đây là một *liên minh quân sự* giữa Đinh Bộ Lĩnh và Trần Lãm.

Đinh Bộ Lĩnh cùng con "đánh nam dẹp bắc", đi đến đâu thắng đến đó nên đã tự xưng mình là *Vạn Thắng Vương*. Toàn bộ các sứ quân trong nước hoặc bị giết, hoặc theo về quy hàng. Đến năm 968, Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Đế, lấy niên hiệu là *Đinh Tiên Hoàng Đế* hay *Đinh Thắng Vương Hoàng Đế*, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, chọn *Hoa Lư* làm kinh đô.

Trong điều kiện lịch sử của thế kỷ thứ 10, loạn lạc triền miên, thù trong, giặc ngoài Đinh Bộ Lĩnh phải tận dụng triệt để địa hình, địa thế hiểm trở rất đặc dụng trong *thế phòng thủ* của Hoa Lư để làm kinh đô mà không quan ngại tới thế đất chật hẹp, khó phát triển lâu dài. Hoa Lư có *lợi thế về địa thế*,

lại có *lợi thế về lòng dân*. Hoa Lư ở sát ngay quê của Đinh Bộ Lĩnh tức là huyện Gia Viễn. Hoa Lư lại nằm bên bờ sông Hoàng Long, con sông bắt nguồn từ vùng rừng núi của tỉnh Hòa Bình, nổi vào sông Đáy rồi đổ ra biển rất thuận tiện cho việc giao thông. Do lợi thế của sông ngòi, từ Hoa Lư *có thể tiến ra phía bắc tới thành Đại La* (Thăng Long sau này), lại kiểm soát được *vùng đồng bằng ven biển*, hay theo đường núi *tiến sâu xuống phía nam để tới Thanh Hóa, Nghệ An*. Hoa Lư vừa là kinh đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, vừa là một *thành tuyến quân sự*.

Và trong thời kỳ nhà Tiền Lê thay thế nhà Đinh sau đó, Lê Hoàn vẫn giữ kinh đô ở Hoa Lư vì ngoài lý do quân sự, gần quê nhà là Thanh Hóa như thời vua Đinh, lại thêm một yếu tố nữa là vua Lê Đại Hành muốn tiến chiếm Chiêm Thành, *mở mang bờ cõi về phía Nam* nên việc ngài tiếp tục đóng đô ở Hoa Lư là hoàn toàn hợp lý cho mưu tính ấy.

Tôi ngưng một chút để uống nước rồi nói tiếp:

- Anh nhắc thêm ở đây với hai em, đứng về mặt *yếu tố lòng dân*, cũng có thể đó là một trong những lý do để vua Ngô Quyền quyết định chọn Cổ Loa làm kinh đô, vì gần quê nhà là huyện Ba Vì thuộc tỉnh Sơn Tây. Thêm nữa, Cổ Loa là kinh đô cũ của vua Thục An Dương Vương ở vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên mà anh em chúng ta đã có dịp đến thăm đó cách đây không lâu (*Xin đọc "NHỮNG*

NĂM THÁNG ẤY, Cuốn 1, Tập 2, Chương 5: Thành Cổ Loa).

Nghe tới đây, Thi lên tiếng ngay:

- Quê của vua Ngô Quyền ở huyện Ba Vì cũng gần làng mình nhỉ!

- Phải rồi! Huyện Ba Vì có tới những hai vị vua anh hùng cái thế của nước ta cơ đấy. Người thứ nhất là Phùng Hưng tức *Bố Cái Đại Vương*, người thứ hai là *Ngô Vương Quyền*.

Thi vỗ tay hớn hờ:

- Thích quá anh nhỉ!

Tôi nghĩ, kể tới đây, dù mới chỉ là lược giải, nhưng cũng nên để cho Thi và Uyên cần có một chút nghỉ ngơi. Trời còn chưa khuya lắm, chút nữa nói chuyện tiếp cũng chưa muộn gì. Tôi đề nghị:

- Chúng ta ra ngoài phố đi dạo chơi một chút nhé?

Thi nắm tay Uyên đứng lên :

- Đi ra ngoài dạo chơi một chút đi chị.

Uyên đứng lên nhưng từ chối, nàng nói với tôi:

- Anh và Thi cứ đi đi. Em ở nhà còn sắp sửa quần áo cho ngày mai nữa chứ. À, mình tính ở lại Hoa Lư mấy ngày hờ anh?

- Chắc mình ở lại hai tới ba đêm. Uyên cứ đi dạo chơi một tý rồi về sắp quần áo sau cũng được mà!

Uyên quay lại Thi :

- Hai anh em cứ đi chơi đi! Chị ở nhà nấu tiếp nồi chè đậu xanh, chút nữa về ăn.

Thi đứng tần ngần một chút rồi nói với Uyên:

- Hay em ở nhà nấu chè với chị!

Uyên đẩy nhẹ tôi và Thi ra phía cổng:

- Thôi hai người đi đi, tý nữa về ăn chè.

Thi chạy vào nhà thay vội chiếc áo sơ-mi trắng kiểu con gái và đổi đôi dép da rồi chạy phóng ra với tôi. Uyên nhìn cô em gái mỉm cười.

Tôi và Thi lững thững trên phố Huế, đi bên nhau mà không ai nói tiếng nào. Tay đan tay, vui chân, chẳng mấy lúc chúng tôi đã ra tới bờ hồ Hoàn Kiếm, không xa nhà là bao.

Gió bờ hồ thổi mát. Thỉnh thoảng chúng tôi lại nhìn nhau mỉm cười. Đồng hành với chúng tôi, vài cặp trai gái cũng đi bên nhau “lượn” bờ hồ hóng mát. Kẻ khoác tay, người bá vai, đúng là những cặp tình nhân đang ở thời kỳ yêu nhau tha thiết.

Đèn điện chung quanh bờ hồ chiếu xuống mặt nước lung linh theo gợn sóng lăn tăn. Vài cây cỏ thụ đưa cành ra xa ngoài bờ, là đà trên mặt nước, chiếu bóng xuống mặt hồ làm cảnh hồ thêm phần thơ mộng, êm đềm. Ngôi tháp rùa nằm trên hòn đảo

giữa hồ, đứng im lìm soi bóng nước, huyền ảo dưới ánh trăng thanh.

Chúng tôi, vẩn tay trong tay, đi yên lặng bên nhau. Gió mát thổi nhẹ làm những sợi tóc mai của Thi bay bay. Bỗng Thi ngược nhìn tôi:

- Anh ...!

Rồi nàng ngập ngừng không nói tiếp. Tôi dừng chân lại hỏi:

- Có chuyện gì vậy em?

Thi dẫn tôi tới chiếc ghé đá gần đó, cùng ngồi bên nhau:



Hồ Gươm (internet)

- Em có một chuyện muốn hỏi ý kiến anh.

Tôi hơi ngạc nhiên:

- Em nói đi!

- Em muốn đi làm thêm ngoài giờ học. Em có cô bạn thân cùng lớp, nhà mở tiệm vải ở phố Hàng Đào. Vì đông khách nên họ cần người phụ việc. Công việc thì dễ lắm, em chỉ cần lấy và giới thiệu những mặt hàng vải mà khách muốn xem, rồi cất trở lại chỗ cũ, không dính dáng gì tới tiền nong hay giá

cả. Bạn em muốn em đến đó phụ làm chung với cô ấy ít giờ trong tuần.

- Sao tự nhiên em lại nghĩ tới chuyện này. Em có cần tiền không? Tiền dạy kèm của anh, anh sẽ đưa cho em giữ cả nhé, em cứ lấy mà tiêu. Đừng ngại gì, em cứ coi số tiền đó như là của chung. Những gì anh có thì cũng là của em cả mà.

Thi cúi xuống, trầm ngâm một chút rồi mới ngừng lên, nắm chặt lấy cánh tay tôi, nhìn thẳng vào mặt:

- Em không cần tiền tiêu. Nhưng em không muốn anh phải vất vả quá. Em biết sang năm anh bạn học không thể đi dạy kèm nhiều như thế này được đâu. Em chỉ cần bỏ chút ít thời gian ngoài giờ học thôi mà. Anh cho em đi làm thêm nhé?

Tôi cảm động đến như muốn ôm choàng lấy Thi. Tôi siết chặt tay nàng, :

- Cảm ơn em! Em làm anh cảm động lắm! Tháng tới anh có một công việc ở trong trường, vừa được học, vừa có lương, lại vừa có thêm kinh nghiệm nữa. Các thầy trong trường vì yêu quý anh nên đã giới thiệu cho anh công việc này. Anh Hội nói là anh có số “để bọc điều” đấy. Vì chưa nhận việc nên anh chưa dám khoe với em đó thôi. Việc kèm học thêm của anh thì vừa có nhiều tiền lại vừa nhàn hạ, em không phải lo gì cho anh.

Thi ôm chặt lấy cánh tay tôi siết chặt, vui mừng.

- Thế thì thích quá nhỉ! Số anh “đẻ bọc điều” thật rồi đấy.

Thì cứ nắm tay tôi nhí nhảnh :

- Em vui quá! Em chỉ lo cho anh phải vất vả thôi!

Vẫn bản tính hồn nhiên, Thi lại ngoái đầu hướng về phía nhà Thủy tạ nằm phía góc bên kia hồ:

- Em lại sắp được anh cho đi ăn khao một “chầu” kem trong nhà Thủy tạ kia nữa rồi.

- Ừ, thế nào cũng có khao!

Tôi rút cánh tay ra khỏi tay Thi đang ôm chặt, nhẹ đặt lên vai nàng kéo về phía mình, nói nhỏ:

- Em làm anh chỉ muốn ra trường ngay ngày mai thôi!

Thì cười to:

- Em cũng thế!

Thì chợt im bặt sau câu nói đó. Tôi đùa:

- Nghĩa là ...?

Tôi bỏ lửng câu hỏi một cách ỡm ờ, nhìn nàng tủm tỉm cười.

Thì cúi xuống. Đầu bàn chân di di xuống đất :

- Em không biết!

Nếu ai đi ngang qua đây nghe thấy chúng tôi nói với nhau như thế thì có thể họ sẽ chẳng hiểu gì cả,

nhưng đối với chúng tôi thì khác, cùng hiểu nhau nhiều lắm, hiểu sâu tới tận đáy lòng. Có những lời nói, cử chỉ, hành động, ngay cả kỷ niệm nữa, có thể *chỉ có ý nghĩa* khi chúng được dành riêng cho những người trong cuộc.

Tôi kéo Thi đứng dậy:

- Thôi ta về đi! Chắc Uyên đang đợi chúng ta về ăn chè.

Thi cùng tôi lại song bước về nhà. Tay trong tay. Ôi, chỉ đơn giản thế thôi, nhưng những giây phút này đây thật hạnh phúc làm sao. Những hạnh



Hình minh họa

phúc mà chúng tôi chỉ có thể cảm nhận, chứ không thể nói được bằng lời.

Vừa bước chân vào sân nhà, chúng tôi đã thoáng ngửi thấy mùi va-ni (bột thơm) phảng phất. Chắc nghe thấy tiếng đóng cổng, Uyên biết chúng tôi về nên chạy vội ra đón:

- Gớm! Sao hai anh em canh giờ về đúng lúc thế! Nồi chè vừa nấu xong. Thôi ta lại bàn ngoài kia ăn chè và nói chuyện tiếp đi.

Uyên và Thi cùng bước vội vào nhà. Chỉ một thoáng sau mọi thứ đã được đặt trên chiếc bàn mà chúng tôi ngồi lúc trước. Chè đậu xanh Uyên nấu quả thật là ngon. Tôi ăn tới ba bát mới ngừng. Uyên thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi ăn, tủm tỉm cười.

- Em đã chuẩn bị nồi chè từ trưa, mọi thứ sẵn sàng nên khi nấu thì nhanh lắm. Em nấu nhiều, sáng mai ta ăn chè thay quả sáng trước khi ra bến xe đi Hoa Lư.

Tôi và Thi cùng hoan hô ý kiến này. Ăn xong, tôi đứng lên dọn dẹp:

- Anh nhận rửa bát đĩa cho công bình.

Thi vội nói theo:

- Anh rửa bát, em “tráng”.Được không? (“tráng” rửa bát lần thứ hai bằng nước sạch.)

- Ủ! Cảm ơn em! Thế thì tốt quá!

Tôi nhìn Thi nói đùa:

- Anh em mình thế này thì “tát biển Đông cũng cạn”!

Thi ngớ người nhìn tôi hỏi:

- Sao lại tát biển Đông?

Tôi chỉ cười hóm hỉnh mà không trả lời. Uyên cũng tủm tỉm cười nói với Thi:

- Em không biết tục ngữ ta có câu ”*Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn*” hay sao? Anh

ấy đòi đi sắm cái “gầu sòng” để cùng em đi tát biển Đông đây!

Thi vừa nghe Uyên nói thế, nàng cứ lấy hai tay đâm vào người tôi:

- Em ghét anh lắm...! Không chơi với anh nữa đâu! Lúc nào anh cũng trêu em!

Uyên thấy thế cười lớn với Thi:

- Không phải anh ấy trêu em đâu. Tới ngày giỗ ông nội sắp tới, hai nhà chính thức bàn chuyện “cùng tát biển Đông” cho hai người đây. Em quên rồi sao?

Uyên tùm tùm cười bỏ đi. Tôi cũng tảng lờ, ngồi xuống rửa bát. Thi đứng lặng yên một lúc rồi bèn lên ngồi xuống tráng bát với tôi. Nàng tạt một ít nước vào cánh tay tôi, nói nhõng nhẽo một câu rất lạc đề “Em ghét anh!” Tâm lý con gái là thế đấy. Tôi lại tảng lờ và mỉm cười một mình.

Dọn dẹp xong xuôi, chúng tôi trở lại dưới giàn cây nói chuyện. Trăng đã lên cao. Uyên lại nhắc tôi về chuyện lịch sử ở Hoa Lư. Thi cứ ngẩn ngơ như người mất hồn, tôi đoán chắc hẳn bởi những câu chuyện “tát nước” vừa qua.

Tôi hỏi Uyên:

- Lúc này, anh nói tới đâu rồi nhỉ?

- Anh nói tới chỗ vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, đóng đô ở Hoa Lư.

Tôi nói tiếp câu chuyện Hoa Lư:

- Cứ căn cứ theo sử liệu về nơi này thì dài dòng lắm. Anh chỉ lược kể thôi nhé. Vua Đinh Tiên Hoàng sau khi lên ngôi, *bỏ con cả* là Đinh Liễn, người đã theo vua đi đánh giặc từ lúc khởi đầu, *lập con thứ* là Đinh Hạng Lang lên làm Thái tử. Mầm mống nội loạn từ trong nhà khơi mào từ đấy. Đinh Liễn tức giận nên đã âm mưu giết em là Đinh Hạng Lang đi.

Năm 979, vua Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị gia nhân *Đỗ Thích* giết chết. Đỗ Thích, một đêm nằm mơ thấy có một ngôi sao rơi vào mồm, tin là theo mệnh trời, mình sẽ được làm vua nên tìm cách ám hại giết cả vua lẫn Đinh Liễn. Triều đình bắt tội Đỗ Thích và đem giết đi. Đinh Tiên Hoàng ở tại ngôi được *12 năm, thọ 56 tuổi*. Tính ra thì ngài sinh vào năm 924.

Triều đình tôn Vệ vương *Đinh Toàn*, lúc đó mới có 6 tuổi lên làm vua. Lê Hoàn, một tướng giỏi của nhà Đinh, đã từng theo Đinh Liễn đi đánh giặc, được vua Đinh Tiên Hoàng tin yêu cho giữ tới chức *Thập đạo tướng quân Điện tiền đô chỉ huy sứ* tức chỉ huy toàn quân, làm nhiếp chính vương, xưng là *Phó vương*.

Một số khai quốc công thần của nhà Đinh như *Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp*, họ đã từng là *bạn đi chăn trâu* cùng với Đinh Bộ Lĩnh thuở

niên thiếu, không phục Lê Hoàn nên dấy quân làm loạn.

Lê Hoàn tự dẫn quân đi dẹp, tiến vào Châu Ái (Thanh Hóa), dùng hỏa công tấn công thành, đốt chiến thuyền và chém Đinh Điền ngay tại mặt trận, bắt Nguyễn Bặc giải về kinh đô trị tội. Phạm Hạp chạy trốn về Bắc Giang, Lê Hoàn đuổi theo bắt sống. Thế là nội loạn được dẹp yên.

Một sứ quân cũ là *Ngô Nhật Khánh*, phò mã dưới triều Đinh Tiên Hoàng, cầu kết cùng Chiêm Thành ở phía Nam, kéo một nghìn chiến thuyền tiến đánh Hoa Lư, trong đó có cả vua Chiêm. Nhưng đoàn chiến thuyền của Chiêm mới tới cửa sông Đáy, tức cửa Thần Phù, thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay, bị bão đánh chìm cả, chỉ còn sót lại thuyền của vua Chiêm chạy về nước.

Tôi ngừng lại, uống ngụm nước chè, dò xét sự chú ý của hai “cô”, rồi nói tiếp:

- Năm 981, nhà Tống thấy trong nước ta lục đục liền đem 30 vạn quân, chia hai đường thủy bộ sang đánh. Đất nước lâm nguy! Mẹ vua Đinh Toàn, tức *Thái hậu Dương Vân Nga*, sai Lê Hoàn đem quân đi chống xâm lăng.

Phạm Cự Lượng, người Nam Sách (Hưng Yên), được cử làm đại tướng. Trước khi xuất quân, Phạm Cự Lượng nói với quân sĩ: “*Thường người có công, trị người không tuân mệnh lệnh là kỷ luật ở chiến trường. Nay chúa thượng còn trẻ thơ, chúng ta dù*

hết sức liều chết chống kẻ địch bên ngoài, may lập được chút công thì ai biết cho? Chi bằng trước hãy tôn Thập đạo tướng quân lên làm vua, sau sẽ đem quân đi đánh giặc thì hơn”.

Quân sĩ nghe nói thế đều tung hô. Bà Thái hậu Dương Vân Nga, vợ của Tiên đế Đinh Tiên Hoàng và là *mẹ ruột* của vua Đinh Toàn, khoác áo long bào cho Lê Hoàn và mời Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế. Lê Hoàn lấy niên hiệu là *Lê Đại Hành* lập nên nhà *Tiền Lê*. Nhà Tiền Lê thay nhà Đinh tiếp tục cuộc chiến đấu chống ngoại xâm.

Nhà Đinh làm vua được *hai đời* và cả *thảy 14 năm*.

Thắng trận trở về, vua Lê Đại Hành lấy bà Dương Vân Nga làm vợ, lúc đó bà đã *ba năm mất tang chồng*. Vua Lê Đại Hành và bà Dương Vân Nga sinh ra người con gái tên là Lê Thị Phát Ngân.

Bà Phát Ngân khi trưởng thành được gả cho Lý Công Uẩn. Khi Lý Công Uẩn lên làm vua tức vua *Lý Thái Tổ* thì bà Phát Ngân trở thành Hoàng hậu. Bà Phát Ngân và vua Lý Thái Tổ sinh ra hai người con trai nổi danh là *Lý Phật Mã* và *Lý Nhật Quang*.

Lý Phật Mã là con trưởng, lên ngôi tức vua *Lý Thái Tông*. Bà Dương Vân Nga trở thành Thái Hậu. Đó là những *“đây mơ rỗi má”* họ hàng của những nhân vật lịch sử thuộc ba dòng họ Đinh, Tiền Lê và Lý có liên quan tới vận mệnh đất nước ở kinh đô Hoa Lư thời đó.

Sau khi thắng Tống, vua Lê Đại Hành đem quân sang đánh Chiêm Thành (982) vì vua Chiêm bắt giữ sứ giả của Lê triều. Quân ta tiến đánh tới tận kinh thành của Chiêm, đem về nước rất nhiều người và của cải. Những tù binh này đã đóng góp không nhỏ vào những kiên trúc sau này của kinh đô Hoa Lư dưới thời Tiền Lê cũng như kinh đô Thăng Long thời nhà Lý.

Năm 1005, vua Lê Đại Hành mất. Vua lập con thứ ba là *Long Việt* làm Thái tử. Khi Long Việt lên ngôi mới được ba ngày thì bị em là *Long Đĩnh* sai người vào cung giết đi, thọ 23 tuổi. Long Đĩnh lên làm vua tức *Lê Ngọa Triều*, mất năm 1009. Lê Long Đĩnh khi mất thì con còn nhỏ nên triều đình tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, tức vua Lý Thái Tổ, khai sáng ra nhà Lý.

Thì chợt lên tiếng hỏi tôi:

- Sao anh em ruột thịt trong nhà mà lại nỡ giết nhau thế nhỉ?

- Đứng về mặt đam mê quyền lực thì đôi khi người ta quên cả tình ruột thịt; cha con hại nhau, anh em hại nhau, gia tộc hại nhau để chiếm được quyền uy. Người Trung Hoa có câu “*Quan trường vô phụ tử*”, nghĩa là nơi chốn quan trường thì không có tình nghĩa cha con. Những chuyện như thế này thì đầy rẫy trong lịch sử Trung Hoa.

Uyên hỏi:

- Anh có thể kể một vài trường hợp không?

Tôi ngẫm nghĩ một lúc như để cố nhớ ra:

- Nhiều lắm, nhưng anh cố nhớ đến những trường hợp nào xảy ra, mà những nhân vật lịch sử trong đó, em có thể đã từng nghe thấy và hình dung ra được.

Tôi nhìn Uyên hỏi:

- Em đọc truyện Tam Quốc Chí, em biết nhân vật Tào Tháo chứ?

- Thừa anh em biết.

- Vắn tắt thế này. Khi Tào Tháo chết thì người con trưởng là Tào Phi lên ngôi. Tào Phi muốn giết chết người em ruột là Tào Thục đi. Tào Thục thì nổi tiếng là người giỏi văn thơ đương thời. Tào Phi muốn có cớ để giết em nên ra lệnh bắt em đi trong vòng bảy bước phải làm xong một bài thơ, nếu không xong sẽ chém đầu. Tào Thục quả có tài, xuất ý từ chuyện huynh đệ tương tàn, làm ngay được bài “Thơ bảy bước” nổi tiếng trong lịch sử văn học Trung Hoa:

*Nấu đậu bằng canh đậu,
Ở trong nồi đậu khóc,
Vốn sinh cùng một gốc,
Sao nỡ đốt thiêu nhau.*

Kỳ này Tào Thục thoát chết nhưng về sau cũng chết trong buồn tủi. Bản truyện trong Tam Quốc Chí có viết ông “buồn bã không lúc nào ngủ” cho thấy tâm trạng ông trước khi chết như thế nào.

Hai em cũng nên biết Tào Thực là một trong mười đại thi hào đứng đầu Trung Hoa đấy. Khi có dịp, Uyên nhớ nhắc anh nói thêm cho em nghe về những “đại thi hào” này nhé.

Tôi lại nhìn Uyên hỏi:

- Uyên có nghe tới tên bà Võ Tắc Thiên chứ?

- Thừa anh, em có nghe tới!

- Bà Võ Tắc Thiên là nhân vật lịch sử nổi tiếng của Trung Hoa. Ở đây anh không nói về sự đúng sai, tốt xấu trong chính trường dành quyền lực của bà ta mà anh chỉ nói về sự ham mê quyền lực có thể đưa con người trở nên tệ hại hơn cả loài muông thú. Bà Võ Tắc Thiên có bốn người con. Vì muốn củng cố quyền hành của cá nhân mình, hai đứa con đầu lần lượt bị bà âm mưu giết đi dù đã được phong làm Thái tử. Hai đứa con kế tiếp cũng lần lượt bị bà đưa đi tù đầy dù đã được bà đưa lên làm vua. Người đàn bà vốn dĩ luôn luôn bảo vệ những con cái của mình theo thiên tính. Ấy thế, chỉ vì say mê quyền lực mà bà ta đã làm mất đi cái thiên tính lẫn cái nhân tính sẵn có.

Vào đời nhà Thanh gần đây, bà Từ Hy Thái Hậu cũng vì ham mê quyền hành mà đối xử nhẫn tâm với những đứa cháu của mình do chính tay bà dựng lên làm vua như một thứ “bù nhìn”, trong đó có vua Quang Tự là vị vua cuối cùng của nhà Thanh vì có ý định muốn canh tân nước Tàu mà bị nhiều hệ lụy đến khi chết ở tuổi 38.

May mắn, trong lịch sử nước ta không có nhiều những loại người đàn bà này. Tuy nhiên cũng có một vụ án đáng tiếc, Thái hậu Ý Lan đã bức tử Hoàng hậu Thượng Dương cùng 72 cung nữ trong nội cung vì lý do tranh nhau quyền lực.

Thi nhìn tôi, nhăn mặt :

- Sao vua chúa ác thế! Em không làm vua đâu!

- Anh cũng chẳng muốn em làm vua đâu đấy nhé! Anh chỉ muốn em là người vợ hiền, dâu thảo và biết dậy dỗ con cái như bao người khác thôi.

Thi liếc nhìn chị rồi cúi xuống.

Uyên vỗ vai cô em mỉm cười :

- Anh ấy nói đúng đấy!

Uyên ôm nhẹ ngang lưng cô em, ôn tồn :

- Chồng con đến nơi rồi, đừng có nhõng nhẽo nữa đấy!

Tôi nhìn Thi mỉm cười. Nàng cứ cúi gằm mặt không chịu ngừng lên.

Đến đây, tôi đề nghị mọi người nên đi ngủ để ngày mai còn dậy sớm ra bến xe đi thăm cố đô Hoa Lư.

Uyên vào nhà trước. Thi và tôi còn ngồi nán lại bên nhau. Ánh trăng tỏa sáng trong sân; ánh sáng vàng êm dịu, lung linh. Những cơn gió nhẹ lay động vài cành lá rủ trên giàn, nơi chúng tôi đang ngồi. Tôi

nắm tay Thi và ngược mắt lên nhìn những ngôi sao đầy đặc trên trời, nói nhỏ:

- Thi! Anh thấy hạnh phúc quá! Ước gì thời gian và khung cảnh này ngừng lại ở đây thật dài và để được ngồi bên em như thế này mãi mãi.

Thi cúi nhìn xuống, đầu bàn chân di di trên sân gạch, tay vẫn nắm chặt lấy tay tôi siết nhẹ.

Tôi kéo nhẹ vai nàng về phía tôi, ép sát vào người mình. Tôi nói nhỏ bên tai nàng:

- Em...!

Thi ngừng lên nhìn tôi. Bốn mắt gặp nhau. Trong cơn xúc động tôi định nói một lời yêu thương với nàng, nhưng sao tự nhiên tôi lại thấy nó trở nên khó khăn quá.

Thi cúi xuống. Tôi nói nhỏ:

- Thôi, ... chúng ta đi ngủ nhé!



Hình minh họa

Thi ngừng lên, trong giọng nghẹn ngào cảm động:

- Vâng ạ!

Cả hai chúng tôi cùng đứng dậy đi về phía phòng nàng. Qua cửa sổ, tôi thấy thấp thoáng bóng

Uyên đang sắp sửa quần áo cho chuyến đi chơi ngày mai. Dừng chân trước ngưỡng cửa, tôi nói nhỏ đủ để Thi nghe:

- Em ngủ ngon!

- Anh cũng ngủ ngon!

Tôi bước tới cuối sân, phóng người nhẩy mấy bước dài lên cầu thang để lên phòng trên gác. Tôi đứng nhìn ánh trăng vằng vặc soi trên sân, lòng thấy rộn ràng niềm hạnh phúc. Một chút gió nhẹ thổi qua. Ánh đèn trong phòng Thi vẫn sáng. Tôi thấy như Thi vẫn còn ở bên mình.

Tôi đoán đêm nay Thi không thể ngủ được ngay vì những lời nói của Uyên về chiếc “gầu sông” để “tát biển Đông” lúc nãy.■



CHƯƠNG 11

Cố Đô Hoa Lư

Phần 11-1

QUẦN THỂ DI TÍCH CỐ ĐÔ HOA LƯ



Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng

Chúng tôi đến bến xe đi Ninh Bình khi trời còn tờ mờ sáng để mong được đi chuyến đầu tiên. Nếu được như thế, chúng tôi sẽ có thêm được chút ít thì giờ ở Hoa Lư vì nơi đây có nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử để thăm thú, học hỏi và thưởng ngoạn lắm.

Tuy trời còn sớm tinh mơ nhưng sinh hoạt trên bến xe cũng đã khá nhộn nhịp. Xe đi Ninh Bình còn trống nhưng trên mui đã chất nhiều giỏ hàng lớn trên đó. Có lẽ, các chủ nhân của những giỏ hàng này còn đang la cà ngồi uống cà phê hay ăn sáng ở những hàng quán gần đây.

Chú “lơ xe” đang giục chúng tôi lên xe thì chợt một chiếc “xe kéo” đỗ xích ngay chỗ không xa chúng tôi là mấy.

Thì chỉ tay về phía hai người từ chiếc xe kéo vừa bước xuống.

- Anh ơi! Hình như anh Hội và chị Mơ kia!

Tôi thấy Hội đang trả tiền xe còn Mơ thì đang nhìn quanh như muốn tìm ai. Chúng tôi dễ nhận ra Hội vì anh hay mặc quần áo tây màu trắng, đội mũ “cát-kết” hay mũ “phớt” màu xám tro. Còn Mơ, cô thật quen thuộc với cái váy thôn nữ màu đen.

Thì nhận ra Mơ. Nàng chạy tới và gọi lớn để Mơ nghe thấy. Tôi và Uyên cũng vội bước theo về hướng hai người. Ba cô gặp nhau vui mừng tíu tít.

Hội bắt tay tôi, nói nhanh:

- Các cậu cho tớ gửi Mơ đi chung với nhé. Mình bận chút việc nên sẽ đi chuyển xe sau hay chuyển chiều nay.

Hội quay nhìn về phía Mơ, nói tiếp:

- Mơ ở nhà mình mấy hôm nay rồi nên chắc cũng hơi tù túng. Tớ để Mơ đi chơi với các cậu trước

cho thoải mái hơn. Có thể tớ sẽ kéo thêm con em mình, con Thư ý mà, đi chơi chung chuyến này để hai chị em nó có dịp kết thân với nhau thêm. Có phiền gì các cậu không?

Tôi vui vẻ đáp:

- Không! Không! Có gì đâu mà phiền. Đi chơi càng đông càng vui chứ có sao đâu.

Hội bắt tay tôi lần nữa và dơ tay chào tạm biệt Uyên và Thi. Hội cúi xuống hôn lên má Mơ trước khi tắt tả bỏ đi. Hội nói với lại:

- Anh gửi Mơ cho hai cô săn sóc giùm nhé!

Cả Uyên và Thi cùng lên tiếng:

- Vâng ạ!

Uyên vui mừng nắm tay Mơ:

- Mấy tháng nay mới gặp lại chị, trông chị xinh hẳn lên.

Uyên nói tiếp:

- Hai người yêu nhau quá nhỉ! Chúng em chúc mừng chị!

Thi lại tò mò như trẻ con, hỏi thêm:

- Thế anh Hội có hay hôn chị như lúc nãy không?

Mơ vừa đi về phía xe, vừa cười nói:

- Ở nhà anh ấy, thỉnh thoảng cũng hôn lén. Nhưng ở nhà mình thì không dám “làm lộng” như

thế đâu vì còn sợ thầy u mình, nhiều lắm là chỉ dám nắm tay thôi.

Uyên và Thi cùng cười.

Tôi đã đến cửa xe, đứng giục:

- Các cô lên xe đi, tý nữa khỏi chen!

Chúng tôi tìm chỗ ngồi ở khoảng phía đầu xe cho khỏi xóc. Uyên và Mơ ngồi ở hàng ghế phía trước. Tôi và Thi ngồi ở hàng ghế ngay sát phía sau lưng hai cô, gần cửa sổ. Hành khách cũng đã lục tục kéo lên. Trước mặt chúng tôi, ngay phía trên đầu bác tài xế có một biển nhỏ cũ kỹ được treo toòng teng với hàng chữ to “Xe Con Vịt kính chào quý khách”. Tôi chỉ cho Thi cái bảng nhỏ đó:

- Xe “Con Vịt” thì chạy nhanh làm sao được hả?!

Thi mỉm cười, lườm yêu tôi:

- Anh thật lắm chuyện!

Khoảng gần nửa tiếng sau, xe mới bắt đầu chuyển bánh. Tôi và Thi cứ bám tay nhau, cố nín cười vì “con vịt” này ị ạch thật. Để khởi động, nó “rú” chạy lên một quãng ngắn rồi khựng lại khi “bác tài” sang “số xe” nghe đến “rột” một cái. Xe lại “rú” lên, từ từ lấy trớn rồi mới lăn bánh chạy đều. Khói đen từ gầm xe phun ra, bốc lên, tỏa mù mịt ở phía sau. Mùi khói xăng đưa lên cả chỗ chúng tôi ngồi. Vài người khách trên xe ho khục khặc mấy tiếng. Thi ngồi ngay bên cửa sổ phải đưa vôi vạt áo dài lên

mặt để che mùi khói. Thi nhìn tôi như cũng cùng biểu đồng tình về cái ị ạch của chiếc xe mang bảng hiệu “con vịt” cũ kỹ này.



Xe chạy theo quốc lộ “xuyên Việt” (quốc lộ 1) nhắm hướng nam thẳng tới. Thị xã Ninh Bình cách Hà Nội 93 cây số. Và tỉnh Ninh Bình nằm ở vị trí cực nam của đồng bằng tam giác sông Hồng và cũng là tỉnh tiếp giáp với Bắc Trung Việt tức tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây, có nhiều rừng núi đá vôi, sông ngòi và là vùng đất “trũng” nước nên thường được dùng làm hậu cứ an toàn. Nó đóng vai trò phòng thủ và tiếp vận quan trọng trong những công cuộc chiến đấu chống quân xâm lược phương Bắc. *Cố đô Hoa Lư* nằm cách thị xã Ninh Bình khoảng 5 cây số.

Cứ dựa vào sử liệu:

* Ninh Bình ngày xưa cùng với Thanh Hóa thuộc *bộ Quân Ninh* của nước Văn Lang.

* *Vào thời kỳ Bắc thuộc*, Đời Tần (thế kỷ thứ 3 trước công nguyên), Ninh Bình thuộc *Tượng quận*; Đời Hán, thuộc *Giao Chỉ*; Đời Ngô, Tấn thuộc *Giao Châu*; Cuối đời nhà Lương là *châu Trường Yên* thuộc *Giao Châu*.

* Vào thời kỳ tự chủ, Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn 12 sứ quân lập nên triều đại nhà Đinh, đóng đô ở Hoa Lư thì gọi đất này là *châu Đại Hoàng* thuộc nước Đại Cồ Việt. Đến đời nhà Tiền Lê thì gọi là *châu Trường Yên*, đời nhà Lý là *phủ Trường Yên*. Đầu đời nhà Trần là *trấn Trường Yên*. Thời kỳ thuộc Minh là *châu Trường Yên*. Nhà Lê, nhà Mạc là *Thanh Hoa*. Nhà Tây Sơn là *Thanh Hoa ngoại trấn* thuộc Bắc thành.



Bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình

* Đời nhà Nguyễn, thời vua Gia Long đổi “Thanh Hoa ngoại trấn” thành *đạo Thanh Bình*. Thời Minh Mạng năm thứ 10 (1829) đổi thành *trấn Ninh Bình*. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đổi thành

tỉnh Ninh Bình và giữ tên gọi ấy tới ngày nay. Lúc đó, Ninh Bình trở thành một trong số 13 tỉnh ở Bắc kỳ với 6 huyện Yên Khánh, Nho Quan, Kim Sơn, Gia Khánh, Gia Viễn và Yên Mô.



Bản đồ vị trí những di tích lịch sử và thắng cảnh của tỉnh Ninh Bình

Diện tích tỉnh Ninh Bình thay đổi, hoặc thêm vào hoặc cắt bớt đi theo mỗi thời kỳ tổ chức hành chính phù hợp với tên gọi của nó.

Ninh Bình là vùng thiên nhiên kỳ ảo, có nhiều thắng cảnh gắn với các di tích lịch sử và văn hóa nổi tiếng như: *Cổ đô Hoa Lư* với khu trung tâm với hai

đền thờ vua Đinh và vua Lê, khu Tam Cốc- Bích Động, khu sinh thái Tràng An, chùa Non Nước, đầm nước Vân Long, rừng Cúc Phương, Nhà thờ đá Phát Diệm, phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn.

Ninh Bình có nhiều tài nguyên thiên nhiên ưu đãi lại có nhiều làng nghề chuyên biệt truyền thống.

Chiếc xe khách mang hiệu “Con Vịt” đang chạy “ì ạch” trên Quốc lộ số 1. Mặc dù chúng tôi đã đến bến xe thật sớm để mong được đến Hoa Lư cho sớm hơn, nhưng với “con vịt” này thì không biết bao giờ nó mới “lết” được tới nơi đây! Sự bức bối của tôi lộ trên nét mặt. Thi nhìn tôi tùm tùm cười an ủi:

- Xe “Con Vịt” dù sao cũng còn khá hơn xe “Con Rùa” và cũng nhanh hơn là mình đi bộ anh ạ.

Nghe Thi nói thế, tôi chỉ còn biết cười trừ.

Tôi ngồi bên Thi, nhìn ra những cánh đồng ruộng đang ở giai đoạn chuẩn bị đất cho “vụ mùa” tới. Vài con trâu bì bõm kéo cày hay kéo bừa. Rải rác trên cánh đồng, những con cò trắng đang lò dò kiếm ăn. Có con, bất chợt vươn cánh bay sang thửa ruộng khác gần đó, ngẩng cao cổ nhìn trời đất, rồi lại cúi xuống tiếp tục lò dò kiếm ăn. Vài bác nông dân lam lũ đi trên bờ ruộng hẹp, vai vác cuốc xẻng.

Những hàng cây xanh hay quán nước bên đường như nối đuôi nhau chạy lùi lại phía sau. Đôi lúc xe chạy ngang qua một dãy phố nhỏ có chừng mười căn nhà lá nằm sát bên đường, thường là những quán ăn. Vài chiếc xe khách dừng lại đó cho khách

xuống nghỉ ngơi và ăn uống. Xe “Con Vịt” tuy chạy chậm hơn những xe khác, nhưng được cái nó chạy chậm rãi, ít khi ngừng đón khách dọc đường hay tạm nghỉ ở đâu quá lâu.

Thi ngồi bên cạnh tôi, ngay bên cửa sổ, cũng đang ngắm nhìn những cảnh vật bên ngoài. Tóc nàng bay bay theo gió, vài sợi tóc dài vắt sang bờ vai tôi. Thỉnh thoảng, Thi lấy tay vén tóc cho khỏi bị gió làm bay lòa xòa dù chúng đã được chiếc “bím tóc” cột chặt lại ở phía sau lưng. Má Thi ửng hồng dưới ánh nắng sớm đang nhen nhúm sáng tỏ của một ngày đẹp trời hắt vào làm khuôn mặt nàng càng thêm rạng rỡ. Tôi nắm bàn tay nàng để tìm cái cảm giác ấm áp và mềm mại của bàn tay ấy. Nhưng chỉ một thoáng, Thi lại khẽ rút tay về nhìn tôi mỉm cười, cái mỉm cười hồn nhiên trong sáng dưới cặp mắt thông minh.

Tôi mong chiếc xe sẽ tới Hoa Lư trước khi trời trở nên nóng hơn dù thời tiết mùa này còn đang dễ chịu. Với mấy ngày đẹp trời như hôm nay làm chúng tôi hy vọng, nếu thời tiết tiếp tục như thế sẽ làm cho cuộc đi thăm cố đô Hoa Lư này được tốt đẹp như mong đợi.

Uyên và Mơ đang rù rì nói chuyện. Hai người đồng lứa tuổi nên dễ kết thân. Mơ là cô lái đò mà chúng tôi có may mắn được làm quen khi đi chơi Chùa Hương mấy tháng trước. Cô đã trở thành người bạn của chúng tôi một cách mau chóng bởi cái tính thật thà, cởi mở và lòng hiếu khách của cô.

Tôi đã giới thiệu người bạn học cùng trường tên Hội với cô.



Tôi chợt nghe Uyên hỏi Mơ:

- Thế hôm anh Hội đến gặp chị lần đầu thì có chuyện gì xảy ra? Kể cho em nghe đi!

Mơ cứ ngồi tùm tùm cười. Đợi Uyên giục tới lần thứ hai, Mơ mới chịu nói:

- Chuyện thì dài lắm nhưng em kể vắn tắt thôi nhé.

Hôm đó, em ra bến đò Yên đón khách. Cũng may, mấy hôm trước em lại ở nhà quay tơ thuê. Nếu không, chắc em cũng chẳng gặp được anh Hội. Đúng là duyên số chị ạ!

Anh Hội kể lại, anh cứ đi ló ngó ở bến đò hỏi có ai biết cô Mơ không. Người ta chỉ cho nên anh ấy mới đến gặp em để thuê chở đò vào động Hương Tích. Dọc đường, anh cứ ngồi nhìn cảnh thì ít mà

thỉnh thoảng liếc mắt nhìn em tủm tỉm cười thì nhiều. Em thấy người lịch sự lại đẹp trai, sáng sủa nên em cũng hơi nghi là anh Hội. Nhưng sao anh ấy lại đến nhanh thế, mới có hai tuần lễ sau khi chia tay với các anh chị thôi mà. Em cứ tin là các anh chị sẽ đưa anh Hội tới cơ đấy chứ.

Anh ấy đi đâu cũng rủ em đi theo. Em đoán là anh Hội nên đi đứng sao như ríu cả chân. Mỗi lần đứng gần anh là mặt và tai em nóng bừng, tim đập thình thịch, đi bên cạnh thì em như người mất hồn. Anh Hội hay nhìn em tủm tỉm cười lại càng làm em cuống hơn.

Cùng nhau đi bộ vào thăm động Hương Tích. Dọc đường em cứ mãi mê nghe anh ấy kể chuyện làm em thấy con đường trở nên thật ngắn. Anh ấy, cũng giống như các anh chị, sẵn sàng cho em chu đáo lắm.

Đến chiều, khi em đang chèo thuyền về trên suối Yến, chợt anh tự giới thiệu tên mình là Hội. Nghe thấy thế, em đứng chèo mà cứ lặng cả người vì mừng dù là đã đoán được từ trước. Anh Hội đẹp trai này, cao lớn này, lại lịch sự nữa.

Một lần, anh Hội bảo em ngừng chèo để ngồi nói chuyện với nhau. Em đâu dám nói gì, cứ ngồi cúi gằm mặt xuống, lâu lâu mới dám ngừng lên nhìn, vừa vui lại vừa thẹn. Anh kể đủ thứ chuyện mà em có nhớ được chuyện nào đâu.

Uyên thấy Mơ ngừng lại, vội hỏi:

- Sao nữa hờ chị?

- Anh Hội lại hẹn gặp nhau ở bên đò ngày hôm sau để đưa anh đi chơi tiếp. Hôm đó em lấy cái váy mới ra mặc nên trông chẳng giống ai. Anh Hội cứ nhìn em từ đầu đến chân tùm tùm cười làm em đã ngượng lại càng ngượng thêm.

Sang hôm thứ hai, em cũng đã đã bạo dạn hơn nên bắt đầu nói chuyện, cười nói với anh ấy chứ không chỉ cúi gằm mặt xuống vì e thẹn như hôm trước nữa.

Anh Hội đòi học chèo thuyền. Ban đầu, vì không biết chèo nên thuyền cứ quay vòng vòng làm em buồn cười quá. Em phải dạy cả tiếng đồng hồ anh ấy mới làm cho thuyền đi thẳng được. Từ lúc đó, anh Hội chèo, em ngồi. Em cố tình đưa thuyền vào chỗ suối vắng vắng để chị em trong xóm không nhìn thấy cảnh này.

Suốt ngày hôm đó chúng em đi chơi thật vui. Anh Hội hát cho em nghe. Anh ấy hát cả tiếng Tây nên em chỉ hiểu lõm bõm. Anh nói đùa vì không biết hát xẩm nên không kiếm tiền được.

Đến buổi chiều chia tay, anh Hội lại hẹn gặp nhau ngày hôm sau nữa. Em mừng ới là mừng. Vô tình, và cứ theo thói quen, em nắm lấy tay anh ấy mà lắc lắc. Lúc biết mình đang đứng với một người đàn ông xa lạ nên em vội buông ra. Vừa buông ra thì anh ấy lại nắm tay em một cách thân mật làm em cứ run bắn cả người lên.

Mơ ngừng lại không nói nữa mà nhìn ra ngoài cửa xe mỉm cười một mình. Uyên lại giục:

- Rồi sao nữa hả chị?

Mơ nhìn Uyên mỉm cười rồi kể tiếp:

- Hôm thứ ba, chúng em lên Tuyết Sơn chơi. Đi lên đây em nhớ các anh chị quá. Anh Hội bảo em vào khấn Thánh Mẫu đi. Hai người cùng xin quẻ. Em cũng chẳng biết anh ấy xin gì mà chỉ cần xin một lần là thôi, chắc là xin được. Còn em thì chỉ dám cầu xin được làm quen với anh ấy lâu hơn thôi. Em xin cả ba lần đều không được. Em buồn lắm. Anh Hội đứng cạnh giục em cứ xin tiếp đi, xin cho tới khi nào được mới thôi. May quá, em xin thêm một lần nữa thì được. Anh Hội bảo khi trong lòng mình chưa có tự tin, chưa dứt khoát thì xin khó được lắm.

Mơ lại ngừng kể. Thi ngồi hàng ghế sau nghe lóm cũng chồm người lên hỏi:

- Rồi sao nữa hả chị?

- Từ lần đó trở đi, cứ hai tuần anh Hội đến thăm em một lần, có khi đến liền hai cuối tuần liên tiếp. Mẹ em và thằng Sơn, em của em, cũng quý anh ấy lắm. Có hôm thằng Sơn chở thuyền đưa anh Hội đi câu cá tới tối tối mới về làm em và mẹ em hơi lo.

Có một lần đi dạo chơi bên bờ suối, anh Hội chợt nắm tay em ngỏ lời yêu em. Chân em lúc ấy cứ như muốn khuỵu xuống. Em quê mùa lại nghèo hèn

làm sao dám mơ tới chuyện ấy được. Em cứ tưởng như em đang nằm chiêm bao, nhưng em biết anh ấy đã nói với em rất thật lòng.

Rồi anh Hội còn đưa em lên Hà Nội gặp bố mẹ anh ấy. Tối nhà, em mới biết nhà anh ấy giàu có, em đứng ngoài cổng mà không dám vào. Anh Hội phải nắm tay em kéo đi. Cũng may là cả nhà thương mến em, chỉ trừ mẹ anh ấy, hình như bà chưa thuận ý. Em ở lại chơi vài ngày, được cô em gái đưa đi xem thủ đô Hà Nội. Hà Nội đẹp quá chị nhỉ!

Mơ ngừng lại một chút, rồi lại nói tiếp:

- Anh Hội hứa hai năm nữa, khi ra trường, đi làm rồi sẽ xin cưới em. Anh ấy cũng ngỏ ý ấy với thầy u em. U em thì mừng lắm, thầy em vui nhưng trên nét mặt có thoáng nét lo. Lúc đó, em vừa ngượng lại vừa vui, chạy vào trong buồng đứng khóc. Thằng em em nó trông thấy, mách nhỏ cho cả nhà biết. Anh Hội vội chạy vào nắm tay em cho đến khi em nín được mới thôi.

Chiều hôm đó thằng Sơn lại rủ anh Hội đi câu cá đến tối mới về làm em nhớ anh ấy quá, cứ thỉnh thoảng lại chạy ra cổng đứng chờ. Mẹ em nhìn em cười, nói đùa cô con gái: “Mất đâu mà sợ! tý nữa nó về!”. Em ngượng nên không dám ra đứng chờ nữa. Anh Hội khéo lắm, lúc nào cũng khen em nấu cơm ngon.

Mơ lại ngừng nói, nhìn ra ngoài xe, với nét mặt hơi buồn, rồi quay lại nói với Uyên:

- Nếu chuyện duyên nợ của em với anh ấy xảy ra thì em cho là đúng có duyên số. Tình cờ, nhờ có các anh chị mà chúng em mới quen biết nhau. Em chỉ biết là em thương yêu anh ấy hết lòng và hình như anh ấy cũng thế. Mà sao em vẫn cứ thấy lo lo.

Mơ lại nhìn ra ngoài cửa sổ xe và yên lặng không nói gì thêm.

Tôi tôn trọng sự im lặng của Mơ nên không muốn hỏi gì thêm nữa. Tôi cứ thắc mắc trong lòng là trước khi Hội đi gặp Mơ, tôi có viết thư giới thiệu cơ mà. Đáng lẽ hôm đó tôi cùng đi với Hội, nhưng vì bận việc bất ngờ nên đành phải viết thư cầm tay đưa cho Hội mang tới. Thôi, để lúc khác tôi hỏi thêm Hội về những ngày đầu này vậy.

Mặt trời đã lên khá cao. “Bác tài” cho chúng tôi biết là xe đã đi vào địa phận thị xã Ninh Bình. Muốn đến Hoa Lư, nơi có hai ngôi đền thờ vua Đinh và vua Lê thuộc xã Trường Yên thì xe phải tiếp tục dùng hương lộ để tới đó. Cuối cùng, xe dừng và “đổ” chúng tôi xuống một bãi đất trống gần đền, chỉ cần đi một quãng ngắn là tới.

Cả bốn chúng tôi xuống xe, ai nấy đều cảm thấy thoải mái sau mấy giờ đồng hồ ngồi gò bó. Chúng tôi đi bộ một quãng rồi ghé vào một quán nước bên đường uống bát nước chè xanh, ăn vài cái bánh cái kẹo, nghỉ ngơi. Quán nước chỉ lưa thưa vài người khách địa phương. Bà hàng nước nhìn chúng tôi, tò mò hỏi:

- Chắc các cô cậu từ xa tới?

Tôi trả lời:

- Thưa bà vâng! Chúng tôi từ Hà Nội vào đây để thăm cố đô Hoa Lư. Hai ngôi đền đằng kia có phải là đền vua Đinh và đền vua Lê không ạ?

- Thế ra các cô cậu đến đây lần đầu tiên hả? Bà hàng hỏi ngược lại chúng tôi.

- Thưa vâng! Tôi trả lời.

Bà hàng chỉ sang một cụ già chạc tuổi độ chừng hơn 60 tuổi, nhưng trông còn khỏe mạnh và quắc thước lắm. Bà nói:

- Đây là cụ từ của hai ngôi đền ấy đấy!

Chúng tôi chào cụ. Cụ Từ (chúng tôi tự đặt tên cho cụ như



thế) còn đang mài châm lửa vào “viên” thuốc lão đã nằm sẵn trong “nõ” của chiếc “điều cày”. Cụ hít một hơi dài. Tiếng nước trong ống điều nghe “réo” sòng sọc rất giòn giã và vui tai, chứng tỏ cụ là một người hút thuốc lão sành điệu. Cụ “ém hơi” rồi nhả khói ra từ từ, lúc gần hết cụ mới “nhả” cho khói tỏa ủa ra khỏi miệng. Xong, cụ quay người sang phía khác, từ miệng điều, dùng hơi thổi nhẹ, cục “tàn thuốc” lão bắn ra khỏi “nõ”. Cụ đưa trả chiếc điều cho bà hàng rồi “chiêu” một ngụm nước chè tươi nóng. Lúc này cụ mới ngừng lên chào chúng tôi:

- Chào các cô cậu! Mới từ Hà Nội vào đây chơi đó hả?

Tôi trả lời:

- Thưa cụ, vâng ạ! Chúng cháu về đây để thăm những di tích lịch sử của cố đô Hoa Lư xưa.

Cụ Từ nhìn chúng tôi cười ra vẻ hả hê:

- Tốt! Tốt lắm! Thanh niên trẻ mà biết tìm tới “người xưa” như thế này là tốt lắm. Thế các cô cậu có muốn tôi giúp gì hay có câu hỏi nào không?

- Thưa cụ, xin cụ chỉ dạy cho. Chúng cháu là người phương xa mới tới lần đầu.

- Thôi được! Đã thế thì cứ ngồi uống nước, ăn bánh kẹo cho xong rồi đi theo tôi.

Chúng tôi ăn vội vàng rồi đứng dậy để cùng đi với cụ Từ, và không quên cảm ơn bà hàng nước. Cụ dẫn chúng tôi đến chân một ngọn núi không xa với đền là mấy. Cụ chỉ vào ngọn núi:

- Đây là núi Mã Yên, có tên gọi như thế là vì nếu nhìn từ xa, núi có chỗ trũng xuống giống như cái yên ngựa. Nếu chúng ta trèo lên núi này, tuy núi thấp thôi nhưng cũng đủ cao để có thể quan sát được những địa điểm quan trọng trong vùng, đặc biệt là thấy toàn bộ hai ngôi đền vua Đinh và vua Lê đằng kia.

Cụ theo đường bậc đá có sẵn để leo lên núi. Chúng tôi cùng lên theo. Tới địa điểm nơi núi lõm xuống, cụ chỉ vào một ngôi mộ cổ:

- Đây là lăng tẩm của vua Đinh Tiên Hoàng. Ngôi mộ nằm trên núi là để đề cao tinh thần thượng võ của ngài và ở ngay chỗ võng xuống của núi có hình dáng cái yên ngựa là tượng trưng cho nhà vua đang cưỡi ngựa đi đánh giặc như thời còn sinh tiền. Ở phía nam chân núi có lăng của vua Lê Đại Hành.

Chúng tôi thấy lăng của vua Đinh Tiên Hoàng là ngôi mộ xây bằng đá, kích thước cũng trung bình như những ngôi mộ mà chúng tôi thường gặp trong các nghĩa trang, không có gì gọi là đặc biệt dành cho một vị Hoàng đế nổi tiếng cả. Có lẽ đây là cái ưu việt của các vị vua nước ta từ thời lập quốc cho tới thời nhà Nguyễn. Hài cốt vua Đinh Tiên Hoàng được chôn sâu

vào lòng núi đá, bên trên mộ được xây thành hình chữ nhật. Bốn góc có 4 trụ. Chính giữa phía sau mộ có một “ngai vàng” bằng đá, lưng dựa của ngai mang hình dáng bông sen lớn, hai tay ngai là hai con rồng.



Lăng vua Đinh Tiên Hoàng

Cụ cũng cho biết là lăng vua Lê Đại Hành xây tương đối giản dị hơn, chỉ có hai bức tường thấp,

xây thành hai hình chữ U ráp ghép lại với nhau. Ở giữa là mộ, đắp cao lên một chút, trên mộ có bia lớn.



Núi Mã Yên

Cụ Từ lại tiếp tục đưa chúng tôi tới một miếng đất bằng phẳng. Từ đây, chúng tôi có thể phóng tầm mắt nhìn được một vùng khá rộng ở phía dưới chân núi. Ngay dưới chân núi Mã Yên có con sông chảy. Cụ cho biết đó là con sông *Sào Khê*, chi nhánh của sông *Hoàng Long*, nằm uốn lượn trong khu vực thành Ngoại Hoa Lư. Tương truyền, bên bên sông *Sào Khê* này là nơi vua Lý Công Uẩn đã hạ chiếu dời đô để xuống thuyền tiến về Thăng Long.

Xa xa là thị xã Ninh Bình với những ngôi nhà ngói rêu phong. Cũng ở xa xa, những rặng núi đá vôi gần như liên kết ôm lấy Hoa Lư cùng với con sông uốn lượn. Cảnh đồng rộng ngút tầm mắt. Nơi gần hơn là những ngọn núi nằm rải rác quanh khu vực hai ngôi đền.

Hai ngôi đền cổ kính nằm trên hai thửa đất rộng gần nhau, cây cối xanh tươi, um tùm với những cây cổ thụ. Cả hai đền đều nằm ở phía tay trái chúng tôi nếu đứng trên núi Mã Yên nhìn hướng về thị xã Ninh Bình.

Cụ Từ cắt nghĩa:

- Kinh đô Hoa Lư cổ xưa không còn nữa, nhưng những vẻ đẹp của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí... thì vẫn có thể

tìm thấy được ở khu đền thờ vua Đinh-Lê. Tương truyền khu đền này là hình ảnh thu nhỏ của hoàng thành kinh đô Hoa Lư xưa.



Hai đền nhìn từ núi Mã Yên



Toàn cảnh một phần cổ đô Hoa Lư

Các cháu nên biết Hoa Lư tồn tại như một kinh đô trong vòng 42 năm. Dù chỉ kéo dài ngót nửa thế kỷ thôi, với 6 vị vua của 3 triều đại, nhưng Hoa Lư lại là kinh đô có nền *cai trị thuộc trung ương tập quyền đầu tiên của đất nước*. Nơi đây đã từng vừa là kinh đô, vừa là một thành trì quân sự và cũng vừa là một trung tâm văn hóa lớn thời đó. Ngày nay nó là một khu di tích lịch sử quan trọng.

Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư, sử gia Ngô Sĩ Liên viết : “*Năm 968 đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt triều nghi ở Hoa Lư. Đinh Bộ Lĩnh chưa có điều kiện xây dựng kinh đô to lớn*”. Thời đó, Song Hào, một sứ thần Trung Hoa sang thăm Hoa Lư, đã viết về kinh thành này như sau: “*Trong vòng thành không có dân chúng, chỉ có vài nghìn nhà tranh dùng làm trại lính. Cung điện thì nhỏ. Cửa cung điện có đề chữ Thông Minh Điện. Trong thành có một tháp cao bằng gỗ để lo việc phòng thủ. Kiến trúc này giản dị và không đẹp mắt*”.

Đại Việt Sử ký Toàn thư cũng viết: “*Năm 982, Vua Lê thân chinh đi đánh Chiêm Thành, thắng được nước này... bắt được tù binh không biết bao nhiêu mà kể, bắt kỹ nữ trong cung cả trăm người, một người thầy tu người Thiên Trúc (Ấn Độ), lấy các đồ quý mang về, thu được vàng bạc, châu báu kể hàng vạn*”. Sau khi đi đánh Chiêm Thành về, vua Lê Đại Hành đã tiếp nối sự nghiệp xây dựng cho kinh đô Hoa Lư đẹp thêm lên. Năm 984 nhà vua đã cho dựng nhiều cung điện: “*Làm điện Bách bảo*

thiên tuế ở núi Đại Vân, cột điện dát vàng bạc làm nơi coi châu, bên đông là điện Phong Lưu, bên tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc, rồi làm lầu Đại Vân, rồi dựng điện Trường Xuân rồi lại dựng điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc”.

Nhờ trong số tù binh Chiêm Thành mang về, có cả những công nhân tạo tác và nghệ nhân nên dấu vết ảnh hưởng văn hóa Chiêm Thành của các kiến trúc và mỹ thuật điêu khắc trên những di tích tìm thấy được ngày nay ở kinh đô Hoa Lư xưa vẫn còn lưu dấu lại. Ngay cả việc dùng vàng bạc để *nam cột cung điện*, lợp mái bằng *ngói bạc* là chứng tích của ảnh hưởng mỹ thuật Chiêm Thành.

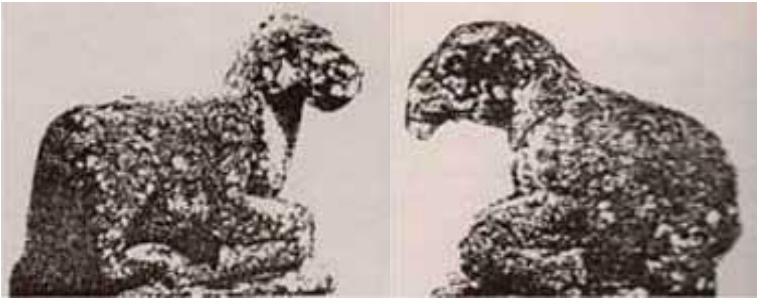
Cụ Từ cho biết thêm:

- Hoa Lư là nơi khởi nguồn sinh sản nhiều giá trị văn hóa thuần Việt. Tuy nhiên ở đây người ta cũng tìm được một số tác phẩm điêu khắc bằng đá rất đẹp mà chủ đề là những



Sur tử

linh vật như sư tử, voi, tê giác và bò thần. Những linh vật này khác hẳn với những linh vật thuộc văn hóa nghệ thuật Đại Việt là rồng, kỳ lân, rùa, phượng (long, ly, quy, phượng) ... nên có thể đây là những tác phẩm thuộc văn hóa Chăm do những nghệ nhân Chiêm Thành sáng tác, đặc biệt là những tượng *bò thần*.



Bò thần

Voi

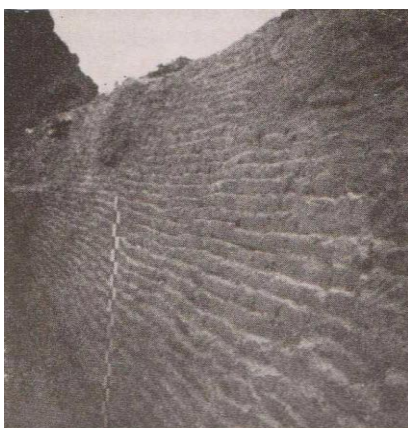
Cụ dẫn chúng tôi tới một chỗ có thể quan sát được rộng và xa hơn nữa. Cụ giảng giải:

- Kinh thành Hoa Lư nằm trên địa thế hiểm trở. Hệ thống núi đá vôi gần như bao quanh chỉ trừ *hướng bắc* và *đông bắc* là không có núi che kín, nhưng lại có hệ thống sông ngòi bao bọc. Hệ thống núi và hệ thống sông ngòi thiên nhiên được lợi dụng làm thành quách và chiến hào. Chúng tạo thành một “*quân thành*” phòng ngự rất kiên cố, vững chắc. Trong thời buổi đầu vừa thống nhất đất nước, sau cơn loạn lạc kéo dài hơn 20 năm (loạn Sứ quân), lại thêm nạn ngoại xâm luôn luôn dòm ngó nên Hoa Lư mang nặng về tính chất quân sự nhiều hơn là một kinh đô hành chính trong thời kỳ lập quốc. Thành dựa vào núi đá và đồng lầy nên không vương vức. Triều vua Đinh cho xây đắp thêm *10 đoạn tường thành*, hiện nay còn dấu vết. Chúng nối liền các khoảng cách giữa những núi đá lại với nhau để bao quanh một diện tích là 300 mẫu tây. Thành được chia làm hai khu riêng biệt:

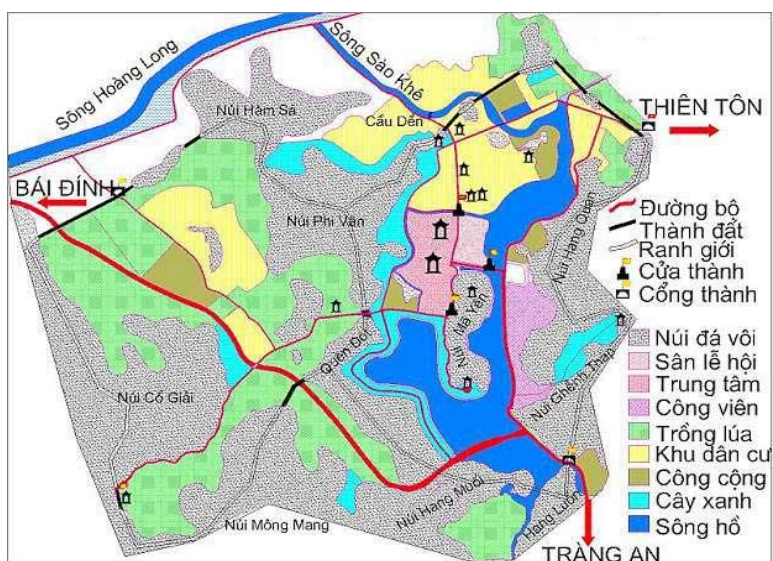
- Thành Nội hay thành Trong, vì ở phía tây nên còn gọi là thành Tây.

- Thành Ngoại hay thành Ngoài, vì ở phía đông nên còn gọi là thành Đông.

Ngoài ra ở phía nam kinh thành còn có thành Nam hay còn gọi là thành Trảng An.



Tường nhân tạo thành Hoa Lư



*Những đoạn tường nhân tạo (gạch đen)
(Bản đồ địa thế khu vực thành Hoa Lư)*

Chúng tôi nhìn theo hướng tay của cụ Từ chỉ về phía những ngọn núi và các tường thành đắp. Những

tường thành đắp này đa số đã đều sụp đổ, chỉ còn sót lại vài đoạn ngắn. Cụ giải thích tiếp:

- *Thành Ngoại* rộng khoảng 140 mẫu (ha) thuộc địa phận hai thôn Yên Thượng và Yên Hạ thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Thành này có 5 *đoạn tường thành* nối với các dãy núi để tạo nên một vòng thành khép kín. Đây là khu *cung điện chính* của nhà vua. Hai đền thờ Đinh, Lê hiện nay nằm ở trung tâm thành Ngoại.

- *Thành Nội* có diện tích tương đương với thành Ngoại, thuộc địa phận thôn Chi Phong, xã Trường Yên. Thành cũng có 5 *đoạn tường thành* đắp nối với các núi để tạo nên một đường cong khép kín, là nơi *nuôi trẻ em* và là nơi ở của những *người giúp việc* trong cung đình.

Hai thành tuy là hai khu riêng biệt nhưng kề bên nhau, được dễ dàng qua lại nhờ một ngách núi ăn thông với nhau gọi là *Quèn Vòng*.

Các nhà khảo cổ đã khảo sát một số công trình xây dựng. Thành được xây dựng rất độc đáo, công phu và vững chắc. Những bức tường thành nhân tạo thì móng được tăng cường “đóng cừ” bằng những cành cây, gỗ, đất sét đổ sâu xuống lòng đất để chống đất lún. Chân tường kê đá tảng, gạch bó và đóng cọc gỗ. Phía trong tường thành xây bằng gạch nung, *tường dày 0,45 mét, cao 8-10 mét*. Phía ngoài, tường được đắp đất rất dày. Chân tường thành rộng 15-20 mét, mặt tường thành rộng 8-10 mét.

Cả hai thành lợi dụng được con sông Hoàng Long và chi nhánh tức sông Sào Khê, chảy dọc theo tường thành để làm, vừa là *chiến hào* nước thiên nhiên, vừa là *đường thủy cho thủy quân* vận chuyển ra vào thành.

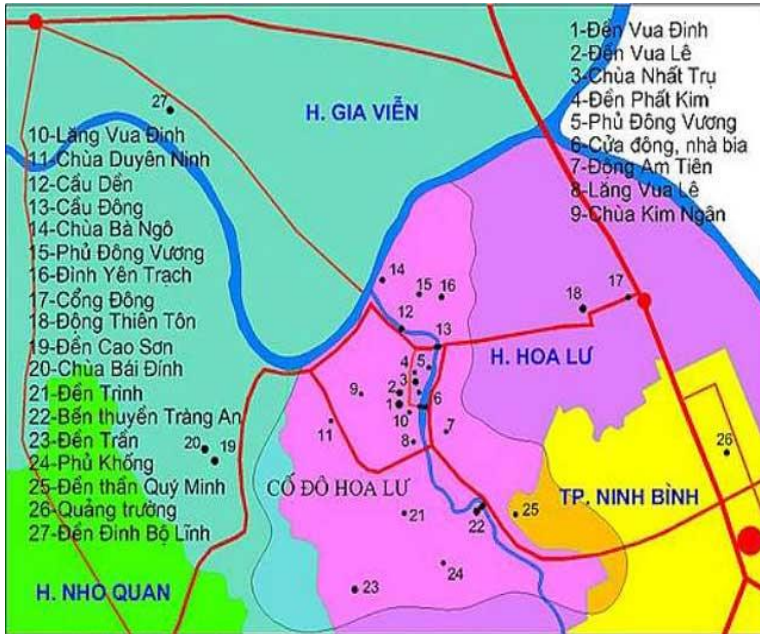
Cụ Từ chỉ tay về hướng Nam xa xa:

- Trong thế phòng ngự, *thành Nam* có núi cao bao bọc xung quanh để bảo vệ mặt sau kinh thành. Khu thành Nam còn được gọi là *Tràng An*, cách kinh đô Hoa Lư 3 cây số và cách thị xã Ninh Bình 7, 8 cây số. Tràng An có nhiều hồ và hang động gồm nhiều dòng “xuyên thủy” (nước chảy xuyên qua hang luôn dưới chân núi). Chúng tạo thành một hệ thống lạch-ngòi khép kín, luôn lách quanh co, ăn thông với nhau, được ví như một trận đồ bát quái hay thế trận liên hoàn trong quân sự. Từ đây, ta có thể nhanh chóng rút ra ngoài bằng đường thủy... Và từ đó ta mới thấy được cái tài dụng binh khéo léo, con mắt tinh tường của người cầm quân giỏi, mới thấy được cái ý nghĩa sâu xa của người xưa, những vị anh hùng dân tộc khi chọn nơi này làm thành lũy chống giặc ngoại xâm để xây dựng và gìn giữ bờ cõi.

Hiện nay phần *thiên tạo* (núi) của thành vẫn còn, nhưng những phần *nhân tạo* (tường xây) và *cung điện* thì chỉ còn lại những dấu tích.

Tôi quay lại sau lưng thì biết chỉ còn tôi và Uyên là còn theo sát cụ Từ. Thi và Mơ cùng đi bên nhau

nói chuyện và ngắm cảnh, cách chúng tôi một quãng ngắn.



Bản đồ thắng cảnh và di tích tại cố đô Hoa Lư



Cổng thành Đông (thành Ngoại)

Cụ lại chỉ tay cho biết thêm:

- Ở phía đông của thành có *cửa Đông, núi Cột Cờ*, nơi cắm cờ nước Đại Cồ Việt.

- Ở phía đông nam khu thành Ngoại có *Ghềnh Tháp*, một mỏm núi nhô ra trên con sông Sào Khê là nơi vua Đinh đứng duyệt thủy quân. Gần đó là động *Am Tiên*, một động lớn nằm ở sườn núi, nơi đó vua Đinh nuôi hổ, báo để trừng trị kẻ có tội.

- Ở phía bắc thành Ngoại có một ao lớn gọi là *ao Giải*, được nuôi giải (cá sấu?) cũng để làm những nơi trừng trị kẻ phạm tội. Thời kỳ vừa chấm dứt chiến tranh, nhà Đinh đặt ra nhiều luật nghiêm ngặt và tàn bạo, kể cả “vạc dầu” để răn đe.

- Ngoài ra còn có những hang động lớn như hang Muối, hang Tiên là nơi chứa muối, chứa tiền. Thung hang Quàn là nơi nhà Đinh luyện quân nên gọi là “*Đấu đông quân*”.

- Về đồn lũy canh gác bảo vệ kinh thành, ở phía đông thành Ngoại có một con đường bộ chính yếu là đường *Tiến Yết*.

**/ Trên con đường vào kinh đô này có nhiều trạm gác.*

- Tương truyền Quèn Ồi là cửa ngõ vào Hoa Lư.

- Cách Quèn Ồi khoảng một cây số thì có thôn *Áng Ngũ*, nơi các quan dừng chân để sửa soạn trước khi vào kinh đô. Ở đây có đền thờ tướng *Nguyễn Bặc* (xin xem ở những chương sau), một vị công

thần của nhà Đinh và cũng thờ vị tướng trấn giữ ở đây làm Thành hoàng là *Quang Lộc đại vương*.

- Cách đó cũng khoảng hơn một cây số là thôn *Quán Vinh*, cũng là trạm gác vào kinh đô.

- Cách Quán Vinh khoảng hai cây số là *động Thiên Tôn*, vừa là thắng cảnh vừa là tiền đồn. Trước động Thiên Tôn có *nhà Tiên tế* và *Kính thiên đài* để tế trời đất, cũng là nơi tiếp đón các sứ thần nước ngoài trước khi vào kinh đô.

- *Cầu Dền* là chiếc cầu đá bắc qua sông Hoàng Long cũng là cửa ngõ vào Hoa Lư.

- Núi *Dũng Dương*, núi *Nương Sơn* và núi *Côn Lĩnh* án ngữ con đường vào Hoa Lư. Trước đây ở *đền Hạ* dưới chân núi Côn Lĩnh có hai câu đối:

*Côn Lĩnh tiền đồn Đinh tiền thủy
Văn cú Quang Trung Quý sử tân*

(Núi Côn Lĩnh là tiền đồn của nhà Đinh
Năm Quý sử Quang Trung đặt tên là Văn cú).

- Bên sông *Đáy*, vua Đinh còn cho đặt đồn lũy trên *núi Non Nước*,

- Bên sông *Vạc* đặt dinh thủy quân ở *làng Treo*.



Đứng trên núi Mã Yên có thể nhìn bao quát được cả một vùng rộng lớn. Cụ Từ không quản trời nắng và mặt trời đã lên cao, cụ vẫn cố gắng giải cho chúng tôi những địa danh, di tích mà cụ có thể thấy được. Cụ cho biết thêm là những đền, chùa trong kinh đô Hoa Lư thì có rất nhiều. Đinh Tiên Hoàng Đế là người sùng đạo Phật vì khi còn nhỏ tuổi, vua đã cùng mẹ sinh sống ở gần đền thờ thần Cao Sơn (Thần núi). Khi lên ngôi ngài cho xây dựng ở trong kinh đô Hoa Lư rất nhiều *chùa, tháp* và nhiều *ngôi đền, phủ* để thờ các vị thần, thánh theo tín ngưỡng dân gian. Các triều vua kế tiếp cũng vẫn tiếp tục xây dựng nhiều thêm lên.

**/ Một số chùa, phủ, đền nằm ngay trong khu vực kinh thành như:*

- *Chùa Nhất trụ* ở thôn Yên Thành, được xây dựng từ thời Tiền Lê. Chùa có một cột kinh bằng đá hình bát giác, trên khắc bài kinh Lăng nghiêm. Cột kinh này được tạc vào năm Lê Đại Hành thứ 16 (995).

- *Phủ Bà Chúa* cũng ở thôn Yên Thành thờ công chúa Phất Kim, con gái vua Đinh. Ở gần đó có chùa Đìa.

- *Chùa Bà Ngô* thời Đinh từng là thắng cảnh. Cách chùa Bà Ngô không xa, người ta tìm được dưới sông Hoàng Long có nhiều di vật trong đó có cột kinh Phật, có dòng chữ cho ta biết được khắc vào năm 973. Đinh Liễn, người con trai cả của vua Đinh Tiên Hoàng đã cho thực hiện 100 cột kinh tặng

cho các chùa. Đặc biệt người ta tìm được xương và răng của giồng ngựa Mông Cổ.

- Ở ngay khu thành Ngoài, trước đây có nhiều phủ. Tương truyền, các phủ thờ các tướng nhà Đinh: *phủ Vật* thờ vị tuyển quân, *phủ Tùng* thờ vị xử tội cực hình, *phủ Thủ* thờ vị giữ thành, *phủ Làng Thong* thờ vị coi việc thủy quân là Vân Dàn đại vương, cứ đến ngày mừng hai tháng Chạp thì có *hội đua thuyền* để nhớ đến tài thủy chiến của ông.

**/ Bốn góc kinh thành có bốn đền thờ “Tứ trấn” trấn giữ, ba vị thần và một vị thánh gồm:*

- *Trấn Bắc*: thờ thánh Lý Quốc Sư, một chức vị cao nhất trong thiền sư, pháp sư của thời nhà Lý. Pháp danh ngài là *Nguyễn Minh Không*, tên thế tục là Nguyễn Chí Thành, người sinh ở Gia Viễn, cùng quê với Đinh Bộ Lĩnh, là một nhà sư tài danh lừng lẫy. Nguyễn Minh Không được dân gian coi là một trong bốn vị “tứ bất tử” của Việt Nam, còn được gọi là *thánh Nguyễn*. Ngài còn là “tổ” của nghề đúc đồng. (Gia Viễn là nơi vừa sinh ra vương tức vua Đinh Tiên Hoàng, vừa sinh ra *thánh* tức thánh Nguyễn Minh Không.)

- *Trấn Nam*: thờ thần hay thánh Quý Minh. Theo truyền thuyết thì thần là hậu duệ của Lạc Long Quân, em vua Hùng Vương thứ 18. thường được coi là vị thổ thần, thủy thần và thờ ở những nơi vùng trũng. Ngài được các triều vua phong sắc là “Thượng đẳng thần” (xin xem Chương 13, Đèn Trần, trang 201).

- *Trấn Đông*: thờ thần Thiên Tôn. Theo truyền thuyết và thần tích dân gian thì thần Thiên Tôn là người thiên thần từ phương Bắc. Lớn lên, ngài là người dũng mãnh hơn người, đi khắp thiên hạ, vào núi Dũng Dương (Ninh Bình) tu luyện, khi đắc đạo có thể bay lượn, biến hóa và trừ tà ma.

- *Trấn Tây* thờ thần Cao Sơn đại vương, con thứ 17 vua Lạc Long Quân, tức em vua Hùng Vương thứ nhất, tìm được loài thân cây có thể làm bột thay gạo, dân trong vùng gọi là cây “búng báng”. Thần dạy người dân làm ăn sinh sống.

Thần *Thiên Tôn, Quý Minh, Cao Sơn*, ba vị thần có nguồn gốc phát tích từ Hoa Lư.



Vị trí “Tứ trấn” giữ 4 góc thành Hoa Lư

Trước khi chúng tôi rời khỏi núi Mã Yên, cụ Từ cũng nán lại một chút để chỉ thêm cho một số địa

danh xếp vào loại thắng cảnh đẹp gần đây. Cụ đợi cho Thi và Mơ lại gần chúng tôi cụ mới nói tiếp.

Theo cụ cho biết, Hoa Lư không phải chỉ là nơi có nhiều *di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật* và *khảo cổ*, mà còn là nơi có nhiều *thắng cảnh* bao quanh trong vùng. Chỉ nguyên đứng về những hình dáng kỳ thú của những ngọn núi chung quanh không thôi ta cũng có nào là núi con Cá, núi Tôm, núi Rùa, núi Hổ, núi Phi Vân, núi Ngọc Đèn... lại có nhiều hang động như hang Quên, hang Muối, hang Lỗ, hang Lôi, hang Tối, động Am Tiên, hang Luồn hay Xuyên Thủy động, v.v...

Nếu ta đi thuyền vào hang Xuyên Thủy động hay *hang Luồn* (hang có nước chảy luồn qua núi), ta sẽ đọc được bài thơ chữ Hán của Trịnh Sâm khắc trên vách đá khi ông đi chơi ngang qua đây (xin xem Chương 13, Hang Luồn, trang 254).

Ta cứ xuôi thuyền sâu về phía nam để đến *Trường An - Tam Cốc*, ta sẽ tới động Liên Hoa, một động đẹp có thờ “tả, hữu thanh trù thái giám”. Xuôi xa hơn nữa thì ta sẽ thấy những ngọn núi con Cóc, con Bò, động Bàn Long nằm trong núi Voi Phục (núi có hình con rồng đang uốn lượn nên gọi là Bàn Long). Qua cửa động có mỏm đá nhô ra như con đại bàng đang xò cánh. Khu vực này người ta gọi là “*vịnh Hạ Long trên cạn*” vì có nhiều núi đá vôi mọc nổi lên trên một vùng ruộng chiêm, nước mênh mông.■

CHƯƠNG 11

Cố Đô Hoa Lư

Phần 11-2

ĐỀN VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG



Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng

Cụ Từ cùng chúng tôi xuống tới chân núi Mã Yên. Ánh nắng trưa đã trở nên gay gắt hơn. Lúc ở trên núi cao có nhiều gió nên không thấy nóng lắm, nhưng khi xuống vừa tới chân núi thì mọi người cảm

thấy oi bức hơn. Chúng tôi mời cụ Từ trở lại quán nước lúc này để cụ nghỉ mệt và dùng nước giải khát. Cụ nhận lời.

Vừa tới quán, bà hàng vội múc ngay cho chúng tôi mỗi người một bát nước chè tươi nóng. Lúc này được uống nước chè tươi thì thật sảng khoái biết bao. Bà hàng cũng không quên đưa cho cụ Từ cái “điếu cây” để hút thuốc Lào.

Tôi mời cụ ăn vài cái bánh, kẹo và không quên đứng lên đại diện để cảm ơn cụ đã dành thì giờ và sức lực để giảng giải về những di tích và thắng cảnh Hoa Lư.

Cụ Từ khoan thai nói:

- Thấy thanh niên như các cô, các cậu còn trẻ tuổi về đây thăm cố đô là chúng tôi mừng lắm! Tôi có mệt nhọc gì đâu. Lên xuống núi Mã Yên này, một ngày mấy lần cũng chẳng mệt. Hồi còn trẻ như các cô cậu, tôi trèo lên những quả núi cao chót vót ấy chứ, còn quả núi Mã Yên con con này thì ăn thua gì. Bây giờ dù tuổi có cao nhưng nhờ giờ (trời) sức lực tôi vẫn còn khỏe lắm.

Chúng tôi nhìn nhau cười. Cụ tiếp:

- Có sợ mệt chẳng là sợ cho các “cậu công tử” và các “cô tiểu thư” ở Hà Nội này thôi.

Cụ vừa nói vừa chỉ tay vào chúng tôi.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với cụ. Cụ cho biết cụ thường ở đền nhiều hơn ở nhà. Có khi tối đến, cụ

cũng ngủ ở đền cho rộng và thoáng mát hơn. Con cháu phải mang cơm ra đền cho cụ ăn. Chúng tôi cũng không quên mời cụ ra thị xã Ninh Bình cách đó không xa để ăn cơm tối. Cụ chần chừ, nhưng thấy chúng tôi khẩn khoản quá nên cuối cùng cụ cũng miễn cưỡng nhận lời. Tôi cũng không quên cảm ơn bà hàng nước đã giới thiệu cụ Từ cho chúng tôi.

Chúng tôi đang ngồi nói chuyện với cụ Từ thì bỗng Mơ đứng vụt lên, chỉ về phía đất trống, phía có hai người, một trai, một gái đang đeo “ba lô” như chúng tôi đi về phía đền. Chúng tôi nhận ra ngay là Hội và cô em gái tên Thư. Mơ chỉ nói lên được “Kìa anh Hội” thế là cô phóng chạy như bay về phía đó. Chiếc váy bị gió cuốn vào chân cô trông đến thật buồn cười. Cụ Từ và bà hàng nước cứ trở mắt nhìn theo Mơ mà không biết chuyện gì.

Hội cũng đã trông thấy Mơ nên vội bỏ cô em chạy phóng lại với Mơ. Hai người vừa gặp nhau, Hội xóc nách nhắc bổng Mơ lên khỏi mặt đất rồi hạ xuống. Tôi có cảm tưởng như họ đã xa nhau đến mấy năm trời bây giờ mới gặp lại chứ không phải mới có mấy tiếng đồng hồ. Hội trông thấy chúng tôi nên vẫy tay chào từ xa. Tôi vội nói với cụ Từ:

- Đây là hai anh em người bạn thân của chúng cháu cũng từ Hà Nội mới tới. Anh bạn cháu là chồng sắp cưới của cô Mơ đây ạ.

Cụ Từ nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên vì Hội ăn mặc đúng theo kiểu một công tử nhà giàu ở Hà Nội, còn

Mơ thì không thể che dấu được những nét quê mùa của mình. Tôi cũng phải giới thiệu Hội và Mơ như vậy để phòng khi “ông” Hội nổi hứng lại hôn lên má cô Mơ đến cái “chụt” một cách rất tự nhiên trước mặt cụ Từ thì thật phiền quá. Đã là vợ chồng sắp cưới thì có hôn nhau một chút giữa nơi công cộng cũng còn có thể tha thứ được.

Chỉ tội cô em gái của Hội lót lót theo sau, cũng vội bước nhanh cho kịp ông anh, nửa đi nửa chạy, làm chiếc ba-lô nhỏ trên lưng cô cũng nhảy lên theo bước chân đi vội vã. Rồi ba người, kẻ trước người sau, cũng tới chỗ chúng tôi ngồi. Tôi đứng dậy giới thiệu Hội với cụ Từ. Hội chấp tay trước ngực chào cụ. Tôi hú hồn vì tưởng “ông Tây con” này chìa tay ra bắt tay ông cụ. Tôi lần lượt giới thiệu mọi người với nhau.

Thư, cô em gái của Hội, ôm lấy vai Mơ hướng về cụ Từ giới thiệu:

- Đây là “chị dâu” tương lai của cháu ạ!

Cụ Từ nhìn Mơ, chỉ mỉm cười chứ không nói gì. Mơ thì ngượng đỏ cả mặt, nhưng vội về mặt lộ đầy sung sướng, cười đánh nhẹ vào tay Thư:

- Cái cô này...!

Thư quay sang Uyên và Thi:

- Em chào chị Uyên ạ! Bạn Thi đẹp quá! Anh Hội hay nói về bạn cho mình nghe lắm.

Thì lúng túng lí nhí trong miệng vài câu xã giao. Tôi biết Thì không quen với lối ăn nói tự nhiên và “rất Tây” này ở nơi công cộng. Chúng tôi đồng ngồi xuống uống nước và ăn bánh, kẹo. Thư tuy đồng trạc tuổi với Thì nhưng lúc nào cô cũng tỏ ra hoạt bát và đầy tự tin như ông anh của mình. Cô lại thẳng thắn, cởi mở, dễ lôi cuốn sự chú ý của những người chung quanh. Đó là vài nét về cá tính của Thư mà tôi vừa nhận xét được. Cụ Từ và bà hàng cứ nhìn chúng tôi tùm tùm cười bởi những câu chuyện “nhí nhố” của đám thanh niên thiếu nữ. Bỗng Thư nhìn Mơ nói nhỏ:

- Mẹ em sắp sửa đuổi em ra khỏi buồng của em rồi đó!

Mơ giật bắn mình hỏi Thư:

- Sao vậy? Có phải lỗi tại chị không?

Thư làm mặt giận:

- Phải rồi! Chẳng phải tại chị thì còn tại ai vào đây nữa!

Mơ lại càng sợ hơn, nhìn Hội như cầu cứu rồi hỏi Thư:

- Chết chưa! Sao vậy em?

Thư vẫn còn làm mặt nghiêm nói với Mơ:

- Mẹ bảo em chuẩn bị dọn sang buồng khác vì khi nào chị và anh Hội làm đám cưới thì anh chị sẽ ở buồng rộng của em. Thế là chẳng còn bao lâu nữa em phải dọn về ở căn buồng nhỏ hơn của anh Hội,

(Thư vờ phụng phịu) lại ở gần buồng hai thằng em trai nữa. Tiện gần ngay đây, chắc chúng nó sẽ lên sang lục lợi buồng em suốt ngày.

Mơ một tay để lên ngực thở phào, một tay nắm chặt lấy tay Thư. Hội chồm lên hỏi:

- Cô nói thật không đấy! Hay cô bịa chuyện để chạy tội hôi sáng?

Thư vênh lên mặt hỏi Hội:

- Anh nói em có tội gì mà phải chạy?

- Tội sáng nay! Anh đã bảo cô soạn trước quần áo để đi chơi, tới lúc anh về đón mà cô còn chưa làm gì. Làm trễ hết cả!

Thư nguyệt ông anh một cái dài, cười:

- Em cứ tưởng anh “mời rơi” thôi! Hai người đi chơi riêng với nhau chắc thích hơn nhiều. Em nghĩ hai anh chị còn trốn em để đi chơi một mình nữa cơ chứ! Ai dè đâu anh rủ em đi thật.

Nghe đến đây, cả bọn cùng cười.

Thư nói với Mơ:

- Em thấy anh Hội và chị cứ lo mẹ không ưng thuận. Anh Hội cứ thở ngán than dài với em là chưa biết ý mẹ ra sao. Mấy người lo làm em cứ cười thâm. Này nhé, nào mẹ đưa chị Mơ đi chợ này, nào rồi hai mẹ con cùng vào bếp nấu ăn này, thế mà anh Hội vẫn không thấy.

Thư nhìn Hội:

- Kề cũng lạ nhỉ! Em cứ tưởng anh có con mắt tinh tế lắm chứ! Bây giờ, em chỉ tức là sắp bị mất cái buồng rộng của em.

Hội búng nhẹ vào má cô em, cười:

- Thôi được rồi, để anh nói với mẹ là để anh chị ở buồng của anh! Mới gặp người lạ mà cô cứ ào ào. Chẳng trách mẹ hay mắng cô về cái tật này cũng phải. Muốn nói là nói.

Thư lại vênh mặt nói với ông anh:

- Anh cũng như thế chứ bộ! Mẹ đâu có mắng một mình em như thế đâu!

Hội không trả lời lại cốc vào đầu Thư một cái nhẹ rồi nắm tay Mơ cười sung sướng:

- Thoát rồi! Thế là thoát rồi! Tối nay tụi mình sẽ khao mọi người một bữa cơm tối thật sang.

Mơ nhìn liếc về phía cụ Từ, lén bấm nhẹ vào tay Hội như ra dấu. Hội hiểu ý, quay sang cụ Từ mời:

- Chúng cháu xin mời cụ nữa ạ. Mong cụ nhận lời!

Cụ Từ nhìn chúng tôi cười:

- Vui thế này thì tôi phải nhận lời thôi. Từ chối sao được.

Cả bọn chúng tôi cùng vỗ tay hoan hô. Mơ cứ đứng ôm chặt lấy cánh tay Hội, mắt rơm rớm nước mắt vì cảm động trước cái tin vui và sự chân tình của Hội.

Sau khi mọi người lại ngồi nói chuyện thân mật và vui vẻ hồi lâu, cụ Từ mới nhắc:

- Các cháu nói chuyện xong chưa? Thôi chúng ta vào thăm đèn đi chứ!

Chúng tôi vội đứng lên:

- Thừa vâng ạ!

Cụ đứng lên đi trước. Tôi vợ vội bốn xâu bánh gai vị chỉ là hai chục cái bỏ vào ba lô để chút nữa ai đói thì ăn tạm. Thi giật lại hai xâu bánh:

- Để em mang hai xâu này cho anh đỡ nặng!

Tôi giựt lại một xâu, chỉ cho Thi mang một xâu thôi và nói đùa:

- Giữ nhiều thế, em ăn hết của anh thì sao!

Thi “véo” nhẹ tôi một cái rồi lẳng lặng cho xâu bánh vào ba lô của mình.

Chúng tôi trả tiền và chào bà hàng nước rồi cùng bước nhanh cho kịp cụ Từ. Bắt kịp đám đông, tôi và Hội đi song song và ngang hàng với cụ. Các cô nói chuyện lao xao ở phía đằng sau, cô nào cũng vui với những câu chuyện của nhau. Tôi biết riêng Mơ có lẽ là người vui nhất trong bọn ngày hôm nay. Tôi cũng cho là Thư đã khá khôn khéo báo tin vui này cho Hội và Mơ thật đúng lúc, và tôi cũng đoán thêm Thư làm như thế là muốn ngầm cảm ơn “ông” anh đã bắt chọt rủ mình đi chơi xa.

Khi tới gần cổng đền, Uyên vội tiến lên gần cụ Từ đề nghe cho rõ hơn. Cụ đứng lại đợi mọi người quây quanh rồi cụ mới nói:

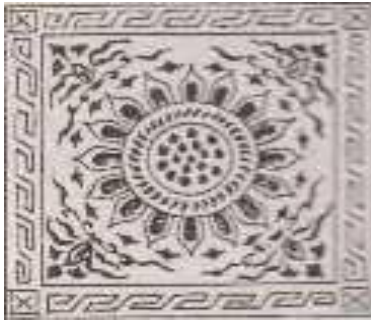
- Trong những di tích còn lại ở Hoa Lư thì hai ngôi đền, đền vua Đinh Tiên Hoàng và đền vua Lê Đại Hành là quan trọng, có nhiều ý nghĩa hơn cả.

Đây là đền vua Đinh. Cách đây hơn 500 mét, phía đằng kia, là đền vua Lê. Theo các nhà khảo cổ thì hai ngôi đền này được xây trên móng của điện *Đại Vân*, cung điện chính được dùng để vua cùng các vị quan trong triều bàn bạc việc nước.

Dưới đất sâu khoảng từ 1 đến 2 mét người ta đào lên được các phế tích của đời Đinh, Lê nghĩa là tầng văn hóa Đinh, Lê này đã nằm sâu dưới lòng đất với độ sâu như vậy. Ở dưới độ sâu ấy, người ta đã tìm được những viên gạch thuộc thời nhà Đinh, Lê có khắc chữ trên gạch là “*Đại Việt quốc quân thành chuyên*”, nghĩa là gạch dùng xây quân thành của Đại Việt. Và gạch có khắc chữ “*Giang Tây quân*” mang hình hoa sen hay đôi chim phượng vờn nhau được dùng để xây cất trong triều đình. Có thêm hai kiểu gạch in chữ dấu “Quốc”. Việc ghi quốc hiệu trên gạch chỉ gặp ở Hoa Lư vào thế kỷ X. Các thời trước và sau đó đều không có hiện tượng này. Ngói có rất nhiều loại, ngói lợp mái, ngói ống, ngói mũi lá, ngói mũi sen...

Các nền kiến trúc được xây dựng cao thấp khác nhau, có nền chỉ cách mặt đất hiện tại 45 cm, có nền

ở độ sâu 1 mét, 2 mét. Nhiều kiến trúc, nhiều kiểu gạch ngói chứng tỏ có rất nhiều công trình xây dựng khác nhau trong thành Hoa Lư.



Gạch đời nhà Đinh

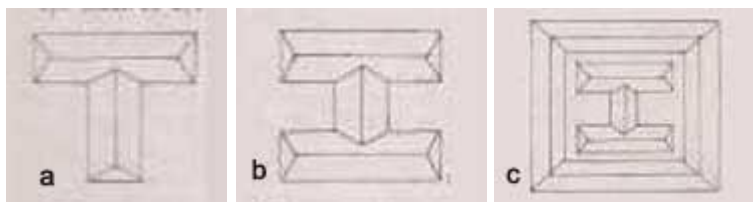
Chúng tôi tiếp tục đi thêm một quãng, cụ Từ nói tiếp:

- Chúng ta biết, *khi vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long* thì dân chúng đã xây hai đền thờ hai vị anh hùng dân tộc là Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành để tưởng nhớ đến công ơn hai ngài, tức là đền đã có từ đời nhà Lý.

Trải qua bao triều vua khác nhau, hai ngôi đền được trùng tu, tân tạo theo từng thời kỳ. Hai ngôi đền này, *đầu tiên quay về hướng bắc* theo hướng núi Cột Cờ, nơi cắm cờ của thành Hoa Lư, như có ý phục tùng Bắc triều vì nước ta là nước nhỏ.

Qua đến đầu thế kỷ 17, tức năm 1600, Phong quận công *Bùi Thời Trung* vào đời nhà Hậu Lê, cho tân tạo lại hai ngôi đền cũ. Lúc này dân tộc ta đã độc lập, tự chủ, tự cường mạnh mẽ nên hai ngôi đền được *xoay lại về hướng đông* như ngày nay.

Năm 1606 khắc bia lưu lại. Năm Bính Thìn (1676) dân Trường Yên lại trùng tu lớn hai ngôi đền. Đến năm Thành Thái thứ 10 (1898), cụ *Dương Đức Vĩnh* đã cùng dân Trường Yên Thượng sửa đền vua Đinh, nâng cao đền lên.



Hình kiến trúc: (a) chữ Đinh - (b) chữ Công
(c) chữ Công ở trong, bao ngoài bởi chữ Quốc

Đền được xây trên đất bằng phẳng, theo kiểu “*nội công, ngoại quốc*” (theo hình dạng chữ “công” và chữ “quốc” của Hán tự), nghĩa là bên trong là chữ công, bên ngoài chữ quốc, đường ra lối vào lát gạch theo chữ “vương” (hình dạng chữ “vương” của Hán tự). Các công trình xây dựng mang tính chất đối xứng và mang tên của những cung điện xưa.

Cụ Từ chỉ lên cổng đền vua Đinh:

- Ngoài cùng đây là *Ngọ môn quan* (cổng ngoài), quay về hướng bắc, bên trên cổng có bốn chữ đại tự “*Bắc Môn Tỏa Thước*”, Bắc



Cổng đền vua Đinh

là hướng bắc,
Môn là cửa,
Tỏa là chia
khoá, Thước là
ổ khoá, ý nói là
dùng chìa khoá
và ổ khoá khoá
chặt phía bắc
lại. Như vậy có
phải chẳng



Đền vua Đinh Tiên Hoàng

kinh nghiệm chống phương Bắc cả nghìn năm mà
ông cha ta đúc kết lại, ghi lên đó để răn con cháu
mai sau phải cảnh giác, đề phòng giặc phương Bắc.

Cụ vừa đi tới đâu cụ vừa giảng giải cho chúng
tôi đến đây.

Phía bên trong *Ngọ môn quan*, bên trên có 4 đại
tự “*Tiên Triều Phụng Khuyết*” (cửa Phụng triều
trước). Qua cửa *Ngọ môn*, ngay ở giữa lối vào có
một *sập bằng đá*, hai bên có “*nghe*” châu cũng được



“Nghe môn ngoại” và con “nghe”

tạc bằng đá xanh nguyên khối khá đẹp. Vào sâu thêm là *Nghi môn ngoại* (cửa ngoài), đi sâu thêm vào chút nữa là *Nghi môn nội* (cửa trong).

Tiếp tục đi sâu thêm vào bên trong nữa, phía bên tay phải đền là *nhà Khải thánh*, xưa kia thờ Vương phụ và Vương mẫu tức cha mẹ vua Đinh; bên tay trái, đối diện với nhà Khải thánh là căn nhà 5 gian gọi là *nhà Vọng* để các cụ họp bàn việc tế lễ thời trước. Trước cửa nhà Khải thánh có *vườn hoa*, ở giữa vườn hoa có *hòn non bộ* có dáng “Cửu Long” (hình thù 9 đầu con rồng); trước cửa nhà Vọng có vườn hoa tương tự, chính giữa có hòn non bộ có dáng “hình nhân bái tướng”.

Rồi qua hai cột *đồng trụ* là tới *sân rồng*. Giữa sân rồng có *sập long sàng* bằng đá, hình khối hộp chữ nhật *dài 1,8 mét, rộng 1,4 mét, cao 0,95 mét* kê cả bệ. Long sàng tượng trưng cho *bệ rồng* khi vua ra ngự triều. Hai bên long sàng có hai hàng lỗ để cắm cờ, bát biểu, vũ khí... trong những ngày lễ hội. Trong đó phải kể đến *mười thanh đao* tượng trưng mười đạo quân (thập đạo) của vua Đinh. Bên *cắm đao* tượng trưng cho quan võ, bên *cắm bát biểu* tượng trưng cho quan văn.

Sự giải thích của cụ hết sức tỷ mỉ nên chúng tôi lĩnh hội được ngay một cách dễ dàng. Uyên thì lắng nghe và bận rộn với việc ghi ghi chép chép. Cô giáo mà. Cụ dừng lại tại *sập long sàng*. Cụ gọi chúng tôi

lại đông đủ mới giăng giải một cách chi tiết những hình khắc và tượng tạc trên *long sàng*⁽¹⁾.



Long sàng đền vua Đinh

Cụ đưa chúng tôi vào trong đền, vừa chỉ dẫn vừa giải thích tiếp.

Đền vua Đinh có ba tòa, kể từ ngoài vào trong: *Bái đường, Thiên hương và Chính cung*. Đặc

(¹) Trích đoạn trong “Di tích và thắng cảnh Hoa Lư” của Nguyễn Văn Trò và Dương Thanh Lam :

Long sàng là một kiến trúc tạc đá, là một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp. Con rồng tạc ngay trên mặt long sàng là con rồng thân mập mập, đuôi thẳng, phủ vảy đơn, đầu ngẩng cao, hai cụm tóc bay ngược lên, hai dải râu dài để lỏng phía dưới, má có hai hàng râu chải đều như cánh phượng. Con rồng đang uốn lượn mà khí thế hết sức dũng mãnh. Rìềm chung quanh long sàng còn tạc cả tôm cá, cả chuột chỉ là những con vật bình thường. Hai bên long sàng có hai con rồng tạc toàn thân kiểu yên ngựa được tạo vào thế kỷ 17 khi mới xây lại đền. Đó là hai con rồng bằng đá xanh nguyên khối. Thế rồng trông như đang lao về phía trước. Cạnh đó có hai con “nghe” tạc bằng đá khối được tạo hình rất khỏe, đầu ngẩng cao, mồm há, mũi héch, tóc xoắn, bụng thắt lại, từng thớ thịt hóng nổi rõ, trông rất dũng mãnh.

điểm của các ngôi đền, chùa hay nơi thờ bái của Việt Nam thường đề khá tối. Đền vua Đinh cũng thế, kiến trúc bên trong đền được bao kín nên ít ánh sáng. Cái mờ ảo tạo nên sự linh thiêng như có một sức mạnh huyền bí.

* Ngoài cùng là *tòa Bái đường* thờ các quan, công đồng. Ở giữa có bốn đại tự “*Chính Thống Thủy*” tức “mở nền chính thống”. Hai cột giữa có hai câu đối:

*Cờ Việt đương Tống Khai Bảo
Hoa Lư đô thị Hán Tràn An*

(Nghĩa là:

*Nước Đại Cờ Việt sánh ngang niên hiệu
Khai Bảo của nhà Tống*

*Kinh đô Hoa Lư như kinh đô Tràn An của
nhà Hán)*

* Tòa giữa là *Thiên hương* thờ “Tứ trụ” và các quan khai quốc công thần của nhà Đinh. Nơi đây có một hương án khá đẹp. Trên hương án có mũ “*Bình thiên*”, tượng trưng cho vương miện, biểu tượng *đế quyền* của vua Đinh.

* Trong cùng là *tòa Chính cung* thờ vua Đinh và ba người con. Ở đây có hai câu đối ca ngợi sự thống nhất đất nước của nhà vua:

*Ngã Nam đế thống đệ nhất kỷ
Trường Yên miếu mạo vạn niên thu*

(Nghĩa là:

*Nước Nam thống nhất kỳ thứ nhất
Trường Yên đền miếu muôn nghìn năm.)*



Vua Đinh



Đinh Hạng Lang

Chính giữa Chính cung có *tượng vua Đinh Tiên Hoàng* bằng đồng, đội mũ bình thiên, mặc áo long bào. Vua Đinh ở ngôi được 12 năm, thọ 56 tuổi, việc làm của ngài là người anh hùng dân tộc, có công dẹp loạn, thống nhất đất nước, qui về một mối. Với cái công đức lớn lao của ngài, cả hai ngôi đền vua Đinh và vua Lê, *chỉ có pho tượng của ngài được làm bằng đồng*, còn các pho tượng khác đều làm bằng gỗ cả. Hai bên bệ thờ vua có hai rồng châu bằng đá rất đẹp, nét điêu khắc rất mềm mại khác với những nét rất uy dũng của hai con rồng ở hai bên sập long sàng ở ngoài sân.

Tương truyền, ngày xưa dưới tượng vua Đinh còn có tượng Đỗ Thích. Hàng năm cứ tới ngày tế vua Đinh thì lại đem tượng Đỗ Thích ra đánh 3 roi hay khảo 3 vò. Ngày tế lễ vua Đinh thì *không được cúng lòng lợn và tiết canh* với ý nghĩa là Đỗ Thích đã cho thuốc độc vào đó để giết hại hai cha con ngài.

Phía bên trái vua Đinh (nhìn từ cửa đền vào) là tượng của *Nam việt vương Đinh Liễn*, người con trai cả. Đinh Liễn là người có tài, xông pha trận mạc, từng theo cha đi diệt giặc, thống nhất đất nước với vua. Qua các đợt khảo cổ học, người ta tìm được hàng loạt các cột đá ở chùa Bà Ngô, xã Trường Yên. Các cột đó là kinh lăng nghiêm viết bằng chữ Phạn (chữ Ấn Độ) và đã có nói về đạo Phật ở nước mình. Có cột còn ghi năm Quý dậu (973). Đinh Liễn đã cúng dường hàng trăm cột kinh phật vào các chùa đền ở kinh thành.

Phía bên phải của vua là tượng *Đinh Hạng Lang* và *Đinh Toàn* là hai con trai thứ. Đinh Hạng Lang được vua yêu mến hơn cả, được phong làm Hoàng thái tử, nghĩa là khi vua mất, Đinh Hạng Lang sẽ được nối ngôi chứ không phải con trưởng là Nam việt vương Đinh Liễn. Vì quyền lợi và ngại vàng sau này, Đinh Liễn đã cho thủ hạ thân tín giết chết người em của mình để tiếp lại ngôi. Tượng thứ ba là Đinh Toàn, còn được gọi là Ấu chúa lên ngôi mới 6 tuổi.

Theo sử thì vua Đinh và Đinh Liễn sau một bữa tiệc *rằm tháng 8 năm 979*, hai cha con bị ngộ độc chết cả, do tên Nội chi hầu nhân Đỗ Thích là người trông nom về bếp núc. Theo cái điềm y nằm mơ thấy một ngôi sao rơi vào miệng, tưởng cái điềm ấy sẽ làm vua, cộng thêm *các phe phái bên ngoài khích động* nên khởi động giết vua. Như vậy, *trong một năm 979, vua và con cả, con thứ đều mất*.

Tương truyền, *trước đây* trong tòa Chính cung có tượng thờ bà Dương Vân Nga, tức vợ vua Đinh, nhưng sau đó được chuyển sang đền thờ vua Lê Đại Hành. Theo sử liệu, năm 979, sau khi vua Đinh và hai người con trai mất, lúc đó nhà Đinh chỉ còn Đinh Toàn mới 6 tuổi lên làm vua. Theo tục lệ thời phong kiến xưa, cha truyền con nối, con vua thì lại làm vua. Nhưng một ông vua mới 6 tuổi thì không thể đảm trách được công việc đất nước. Ngoài ra, vào cuối đời nhà Đinh, quan quân tranh dành ngôi báu. Lại thêm, lợi dụng ở trong nước ta tình hình lúc đó rối loạn, giặc Tống chia quân làm ba ngả, Bạch Đằng, Chi Lăng và Tây Kết tiến vào xâm lược. Trước nguy cơ của đất nước như nghìn cân treo trên sợi chỉ. Lúc đó bà mẹ của vua Đinh Toàn là bà Thái hậu Dương Vân Nga đứng lên tuyên bố thay con, sẽ nhường ngôi cho người nào có tài đánh giặc để giữ đất nước. Toàn bộ triều đình lúc đó tiến cử *Thập đạo tướng quân Lê Hoàn* lên làm vua tức vua Lê Đại Hành. Để hợp lòng quân, lòng dân, bà Dương Vân Nga chạy vào cung lấy áo long bào khoác lên Lê Hoàn và trao kiếm báu. Trong bối cảnh lịch sử đó, triều đại nhà Đinh đã chấm dứt, chuyển sang nhà Lê. Bà Dương Vân Nga sau ba năm đoạn tang chồng, tức vua Đinh Tiên Hoàng, tái giá với vua Lê Đại Hành.

Theo nho giáo phong kiến nước ta thì xuất giá phải tòng phu, *đi lấy chồng phải theo chồng*. Theo truyền thuyết, một lần do ông An phủ sứ *Lê Thúc Hiền* đến thăm đền, thấy thờ Bà Dương Vân Nga bên đền thờ vua Đinh, như vậy không hợp với lễ

giáo phong kiến Việt Nam nên ông lập tức về trình với quan trên và rước tượng bà lên kiệu chuyển sang thờ bên đền vua Lê Đại Hành, tức người chồng thứ hai của bà.

Theo tương truyền, khi đưa tượng bà Dương Vân Nga ra ngoài, tượng bà sợ toát mồ hôi (có lẽ trời nóng, nước sơn chảy rịn ra). Và để tỏ lòng còn nhớ nhung tới nhà Đinh như lúc sinh thời, tượng bà Dương Vân Nga chịu thiệt hơn con, không được thờ bên trái vua Lê Đại Hành mà phải thờ bên phải để hướng mặt về đền Đinh chứ không quay lưng lại (nhìn từ cửa đền vào).

Cũng có truyền thuyết nói là bà Dương Vân Nga sinh ra đã *khóc dạ* đề ba tháng liền đến khi có một ông đạo sĩ đi qua cho một lá bùa làm thuốc, trong bùa đó có hai câu thơ:

Nín đi thôi! Nín đi thôi!

Một thân gánh vác hai vai sơn hà.

Tức là hai chồng đều làm vua cả, bà đã gánh vác giang sơn của cả hai triều đại Đinh, Lê.

Cụ Từ đã giảng giải cho chúng tôi thật cặn kẽ, chậm rãi và mạch lạc để chúng tôi có thể hình dung ra được những sự kiện liên kết giữa những tài liệu lịch sử với những hiện vật trước mắt làm chúng tôi *cảm thấy những nhân vật lịch sử ở nơi đây như thật gần gũi*. Uyên vẫn bám sát cụ ghi chép không ngừng. Thỉnh thoảng Uyên lại hỏi cụ vài câu và được cụ giảng giải rộng thêm cho. Tôi thấy Uyên

như một nhà sử học đi nghiên cứu nhiều hơn là chỉ đến đây du ngoạn. Điều này làm tôi rất hài lòng.

Cụ Từ cũng không quên giới thiệu cho chúng tôi những nét đặc thù của *kiến trúc* và những tác phẩm nghệ thuật *điều khắc* tạo hình trên gỗ, trên đá trong đền vua Đinh ở thế kỷ thứ XVII tức thời Hậu Lê.

Ở riềm bên trái cửa đền có tạc hai cô tiên đang cười rông, một tay giang ra như múa, cánh xòe như cánh chim, thắt lưng bay theo gió. Rất đẹp. Bên trái “Nghỉ môn nội” lại có bức tạc người săn thú, tay phải nắm lấy con thú như con nai, tay trái cầm con dao bầu đâm mạnh vào con thú. Con thú quay đầu lại sợ hãi cố vùng vẫy để chạy trốn. Bức tạc nói lên sức mạnh của con người.

Đề tài thể hiện nhiều nhất là rông. Có khi rông được thể hiện chỉ chút. Có con chạm lõng (chìm), có con chạm nổi. Nào là rông mẹ, rông con, rông đàn, rông ồ v.v... Có rông bơi lượn trong mây, đầu nhô ra khỏi bức tranh tạc, theo sau là những con rông con đang nô đùa. Ngoài ra lại còn có lưỡng long châu lá đề, lưỡng long châu nguyệt, trong nguyệt có chữ “vạn”... rồi phượng, lân. Có những bức thể hiện “*tứ linh*” như long, ly, quy, phượng và “*tứ quý*” như *thông, mai, cúc, trúc* hay *mai, lan (sen), cúc, trúc*. Lại có cả những bức điều khắc tạc phong cảnh.

Nghệ thuật tạc trên gỗ và trên đá cách nay 400 năm cũng đã tinh vi lắm rồi và người nghệ sĩ dân gian đã thể hiện công trình nghệ thuật của mình thật

linh động và mang nhiều ý nghĩa của đời sống dân gian.

Sau đền vua Đinh là dãy núi *Phi Vân*, hình dáng như một đám mây bay.■

Vài hình ảnh do người viết chụp:

Đền Vua Đinh



CHƯƠNG 11

Cố Đô Hoa Lư

Phần 11-3

ĐỀN VUA LÊ ĐẠI HÀNH VÀ QUẦN THỂ CHÙA, ĐỀN TẠI TRUNG TÂM CỐ ĐÔ



Đền vua Lê

Sau khi nghe cụ Từ giảng giải xong những nét chính về đền vua Đinh Tiên Hoàng. Cụ và chúng tôi ra sân đền tạm nghỉ trước khi sang thăm thú đền vua Lê Đại Hành gần đây.

Tôi và Hội đứng nói chuyện với cụ còn các cô thì túm tụm nói chuyện với nhau ở góc sân đền, nói cười thoải mái. Người nói cười to và nhiều nhất vẫn là Thư, em của Hội. Tôi thấy đi đâu Thi cũng bám lấy Thư nói chuyện ra điều tâm đắc lắm.

Cụ Từ xin lỗi phải ra sau một chút rồi sẽ trở lại ngay. Lợi dụng thời gian này, tôi và Hội đến nhập bọn với mấy cô đang nói chuyện, cười đùa. Khi tới nơi thì mấy cô ngừng nói chuyện, ngừng lên nhìn hai chúng tôi.

Tôi hỏi Thi:

- Hôm nay em học được nhiều không?

Thi trả lời tôi tỉnh bơ:

- Anh học rồi, em khỏi phải học. Anh nói với em là cái gì của anh cũng là của em mà. Một mình anh biết là đủ rồi!

Thư cười hỏi Thi:

- Thế cái gì của bạn có phải là của anh ấy không?

- Không!

- Sao bạn khôn thế?

- Vì anh ấy lớn hơn mình mà!

Câu trả lời “ngon ơ” của Thi làm mọi người cười lớn. Thi lẳng lẳng bỏ đi về phía hàng rào, ngắt một bông hoa “bông bụt” màu đỏ tươi rồi quay lại đưa cho tôi:

- Tặng anh này!

Tôi vừa cầm lấy bông hoa đỏ thì Thi quay bỏ đi. Tôi kéo tay Thi lại và cài hoa “bông bụt” đó lên vành tai nàng. Thi quay lại nhìn mọi người. Mọi người “ồ” lên một tiếng khen đẹp. Thư oang oang:

- Thi ơi, bạn đẹp quá! Mình ghen với bạn đó! Bạn có “người anh” thật đáng yêu!

Thi lúng túng:

- Bạn đẹp mà cứ khen mình mãi!

Thư cười:

- Mình cũng có người bạn trai, trên mình hai lớp, chẳng biết “ga-lăng” là gì cả. Rủ mình đi ăn thì toàn đưa đi ăn “phở gánh” ở vỉa hè, lấy cơm là ăn phở gánh mới ngon. Mình ngồi ăn mà chỉ sợ bạn bè trông thấy. Chỉ tới ngày sinh nhật của mình, anh ấy mới chịu mua quà đắt tiền để tặng. Nói cho ngay thì anh ta cũng đẹp trai lại học giỏi. Khi nào mình học có chỗ “bí” thì có người giúp. Mặt anh ta thì lúc nào cũng bơ bơ như chẳng cần ai, đến lúc mình giận thì lại năn nỉ. Nghĩ tới mà mình thấy... ghét.

Chữ “ghét” cuối cùng Thư kéo dài ra làm mọi người lại cười. Hội “biển” ra sân sau đền từ lúc nào, hái được ba bông hoa “bông bụt” mang về, một đưa

ra cho Uyên, một đưa cho Thư còn một bông dích thân cài lên vành tai cho Mơ. Thư cầm bông hoa trên tay trợn mắt nhìn ông anh đang đứng chống nạnh nhìn cô cười cười. Mơ biết ý, vội chạy lại chỗ Thư cài hoa lên vành tai cho cô em. Thư ôm lấy Mơ tươi cười rồi hôn lên má “bà chị dâu” tương lai để thay lời cảm ơn. Còn Thi thì chạy lại cài hoa cho Uyên.

Hội quay sang Uyên:

- Uyên này! Mình định giới thiệu cho Uyên một anh bạn thân. Anh ta là kỹ sư công chính, chuyên làm cầu đường. Anh ấy người Nam kỳ, thuộc loại con nhà có chức phận, ruộng thẳng cánh cò bay, học từ Pháp mới về và hiện nay đang làm việc cho nhà nước ở Hà Nội. Nếu Uyên muốn mở rộng đường giao thiệp thì để tôi giới thiệu cho. Hè này anh ấy rủ tụi này về miền Nam thăm quê cho biết. Tôi muốn rủ Uyên và mọi người ở đây đi chơi luôn cho vui, chịu không?

Uyên chưa trả lời thì Thi đã nhanh nhẩu:

- Em chịu!

Tôi đùa Thi:

- Em chịu anh ấy, còn anh thì sao đây?

Thi “véo” tôi một cái mạnh, rồi phụng phịu:

- Em nói là chịu đi chơi Nam kỳ mà!

Tôi kéo vai Thi sát vào mình:

- Anh cũng chỉ nói đùa em thôi!

Từ trong đền vua Đinh Tiên Hoàng, cụ Từ bước ra sân đi tới chỗ chúng tôi:

- Các cô, các cậu nói chuyện vui vẻ quá nhỉ! Thôi chúng ta qua thăm đền vua Lê Đại Hành nhé!

Chúng tôi đồng thanh “Vâng ạ!” rồi cùng đi theo cụ.

Tôi chợt nhớ tới mấy xâu bánh gai, tôi vội “phân phát” cho mỗi người hai cái bánh để ăn cho “đỡ bụng” (đỡ đói). Tôi cũng mời đưa cụ Từ hai cái:

- Xin mời cụ ạ!

Cụ Từ nhận bánh gai từ tay tôi:

- Cám ơn cháu! Thôi, chúng ta ăn trước đi đã rồi hãy sang đền bên ấy vậy.

Sau khi chúng tôi ăn xong và dọn dẹp cho sạch rồi cùng đi theo cụ.

Cụ đi trước, chúng tôi đi theo sau. Chỉ cần đi một quãng ngắn độ vài trăm mét là đã tới cửa đền vua Lê. Đền vua Lê cũng tương tự như đền vua Đinh, nhưng trông bề ngoài có vẻ đơn giản hơn.

Như bên đền vua Đinh, cụ Từ cũng vừa đi, vừa chỉ và vừa giải thích cho chúng tôi. Uyên lại bận rộn với việc ghi ghi chép chép.

Đền vua Lê không có Ngọ môn quan (cổng ngoài). Ngoài cùng là một *sập đá* rồi đến *Nghi môn ngoại* (cửa ngoài). Qua Nghi môn ngoại để vào bên trong, phía *bên phải đền* là *điện Từ Vũ* của làng Yên

Hạ thờ đức Không Tử. Ngay trước cửa điện Từ Vũ có *hòn non bộ* bằng khối đá xanh rất đẹp, có tên “Phượng vũ”, lúc có dáng phượng múa, lúc có dáng như sư tử tùy theo góc độ đứng nhìn. Chân *hòn non bộ* được tạo dáng tứ linh: long, ly, quy, phượng. Bên *trái đền*, đối diện với điện Từ Vũ là ao.



Đền vua Lê Đại Hành Hòn núi non bộ “Phượng Vũ”

Đi thêm vào phía trong là *Nghi môn nội*, hai bên là *hai nhà Vọng*, nơi xưa kia các cụ họp bàn về việc tế lễ. Trước hai nhà Vọng cũng có *hai hòn non bộ* bằng đá khối xanh rất đẹp có tên là “Phượng vũ” và “Phượng ấp”. Giáp với hai nhà Vọng là *hai nhà bia*.

Qua hai cột *đồng trụ* là *sân rồng*. Giữa sân rồng có *sập long sàng* tượng trưng cho nơi vua ngự triều. Hai bên long sàng có hai hàng lỗ để cắm cờ, đao, bát biểu (bửu) trong ngày lễ hội tượng trưng thứ bậc của các quan văn, võ.

Đền có ba tòa : *Bái đường*, *Thiên hương* và *Chính cung*. Đền cũng được xây theo kiến trúc tương đối kín nên bên trong đền tối, ánh sáng lại lờ

mờ huyền ảo tạo nên không khí trang nghiêm và huyền bí.

* Ngoài cùng là *tòa Bái đường* để thờ các quan và công đồng. Giữa có bốn đại tự khắc trên một bảng sơn son thiếp vàng “*Trường Xuân Linh Tích*” (dấu tích điện Trường Xuân). Tấm biển gian bên trái đền có ba đại tự “*Xuất Thánh Minh*” (xuất hiện bậc thánh minh). Tấm biển gian bên phải đền có ba đại tự “*Dương Thần Vũ*” (biểu dương thần vũ). Ở đây cũng có hàng câu đối ca ngợi những chiến công kháng Tống bình Chiêm của vua Lê Đại Hành.



Long sàng

*Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh Tống cường
Chiêm thử nhật*

*Tinh linh tôn thiên cổ, Long giang Mã trực
chi gian.*

(Thần vũ động lớn bên trong lúc Chiêm
cường Tống thịnh

Thiên liêng còn muôn thuở trong vùng núi
Mã sông Long.)

* Giữa là *tòa Thiên hương*, nơi thờ các quan tứ trụ và các khai quốc công thần. Có hương án khá đẹp.



Tượng người Chiêm

* Trong cùng là *tòa Chính cung*. Ở đây thờ nhà vua, hoàng hậu và các con. Ở giữa là tượng thờ vua Lê Đại Hành, đầu đội mũ Bình thiên có chữ “Vương”. Vua Lê đi đánh trận thường dùng voi nên ngay cửa đền tượng trưng bằng hai cái *ngà voi*. Dưới hạ ban thờ ngài có ông thần tài và *tượng nhỏ* tượng trưng cho người Chiêm Thành bị ngài bắt về làm tù binh phục dịch. Vì ngài theo đạo Phật nên tượng ngài cũng có những nét biểu tượng như đức Phật với mặt to, tai lớn, môi mỏng.

Phía bên tay phải của nhà vua là tượng vua Lê Ngọa Triều, bên tay trái của nhà vua là hoàng hậu Dương Vân Nga trong thế ngồi nhìn hướng mặt về đền vua Đinh. Chính ra hoàng hậu phải được ngồi bên tay trái của vua, nhưng bà lại phải bị chịu thiệt hơn con là phải *ngồi bên tay phải của vua*, vì ngồi bên phải như thế, bà hướng mặt về đền vua Đinh, có ý nghĩa là bà vẫn tỏ lòng hướng về người chồng cũ là vua Đinh Tiên Hoàng ở đền bên, mà bà *không quay lưng lại với nhà Đinh*.



Vua Lê Đại Hành



Thái hậu Dương Vân Nga

Bà Dương Vân Nga là bà Hoàng hậu duy nhất được tạc tượng thờ dù là vua Đinh có 5 vợ và vua Lê cũng có 5 vợ. Như thế chứng tỏ dân ta đã đánh giá cao vai trò của bà trong lịch sử hai triều đại Đinh, Lê. Thái hậu Dương Vân Nga là người biết đặt quyền lợi của đất nước trên quyền lợi của dòng họ. Tượng của bà được tạc rất đẹp, khuôn mặt nhân hậu, nước da hồng, đôi mắt bồ câu, xiêm y là lượt, cái đẹp của một mẫu nghi thiên hạ.

Cụ Từ giảng giải thêm cho chúng tôi về những nét đặc thù đầy nghệ thuật và tinh xảo trong điêu khắc áp dụng vào các xà ngang, kèo, mẩu chông giường, một cách hết sức khéo léo trong kiến trúc đền Đinh cũng như đền Lê ở thế kỷ 17.

Cũng tương tự như bên đền vua Đinh, đền vua Lê cũng có nhiều *tác phẩm nghệ thuật* tạc trên đá và trên gỗ mang nhiều ý nghĩa thần linh, kể cả ý nghĩa mang màu sắc đời sống dân gian. Điêu khắc nổi, cũng như điêu khắc lõng (chìm) phối hợp với nhau rất linh động. Cũng có khi tạc xuyên qua cả tấm gỗ.

Những hình tượng nghệ thuật ở đây rất phong phú như bức tạc hai cô tiên cuỗi rồng, búi tóc ngược, một tay ôm cổ rồng, một tay dang ra như múa. Có những con rồng đang há mồm, râu tóc, đao mác bay ngược lên trông rất dũng mãnh. Trong những tác phẩm điêu khắc ở đền này phải kể đến *hố, ao sen* và *tre trúc* phù hợp với truyền thuyết khi Lê Hoàn mới sinh ra đời.

Truyền thuyết kể rằng bà mẹ nằm mơ thấy hoa sen mà sinh ra Lê Hoàn. Bà sinh trong lúc đi cấy ở bên cạnh ao sen và đã đặt Lê Hoàn trong khóm trúc và được con hổ tới ấp ủ. Sau lời cầu xin của bà mẹ, hổ lững thững bỏ đi. Nghệ nhân điêu khắc đã thực hiện những tác phẩm dựa trên truyền thuyết này. Những ao sen có búp hoa sen, hoa sen đã nở và lá sen được khắc hết sức tỉ mỉ. Có những lá sen ta thấy được những nét tinh vi của cả những gân lá. Trong ao sen có những con cá rô bơi lội, có con thò đầu ra (khắc nổi) có con nhảy lên đớp lá sen, có con lơ lững, thong dong bơi. Có những con cá hóa long,



Hình minh họa (Internet)

đầu đã thành rồng mà đuôi vẫn là con cá rô thay vì đuôi con cá chép như truyền thuyết “cá hóa long”. Cá rô là một đặc sản của Hoa Lư. Cây trúc hay rừng trúc cũng được thể hiện qua hình ảnh *đốt tre hóa rồng*.

Truyền thuyết đó đã được ghi trên bức hoành phi treo trước cửa đền:

*Nhất mộng liên hoa sinh
Vạn cổ lưu hương Tràng Xuân điện
Bán dạ Hoàng Long ứng
Ức niên di ảnh Đại Vân lâu*

(Nhân mơ thấy hoa sen mà sinh ra Lê
Hoàn.-

Từ vạn cổ tiếng thơm còn lưu mãi trên điện
Trường Xuân.-

Nửa đêm rồng vàng xuất hiện.-

Ngàn năm hình ảnh cũ còn lưu lại ở trên lầu
Đại Vân).

Cụ Từ bước ra khỏi đền, chúng tôi cùng lót lót theo sau. Cụ dừng chân và ngồi trên một bệ đá, chúng tôi đứng xung quanh để chờ cụ nói gì thêm. Cụ hỏi:

- Có cô cậu nào có câu hỏi gì không, để tôi trả lời nào?

Chúng tôi nhìn nhau, không thấy ai hỏi gì. Cụ lại lên tiếng hỏi thêm:

- Thế các cô cậu định ở đây mấy ngày nào?

Tôi nhìn mọi người như để hỏi ý kiến. Mỗi người một ý, có người muốn về ngày mai, có người có thể ở tới ngày kia (ngày mốt). Cuối cùng chúng tôi cùng chấp nhận giải pháp đi chơi luôn 3 ngày vì còn dự trù đi thăm nhà thờ đá Phát Diệm nữa. Chúng

tôi quyết định như thế vì mấy khi có ngày nghỉ dài để có dịp đi chơi chung đông đủ và gặp được người hướng dẫn như cụ Từ thế này. Cụ Từ nói:

- Thôi được rồi, ngày mai tôi sẽ đưa các cô cậu vào Tam Cốc - Tràng An. Đã tới thăm Hoa Lư thì phải ghé qua đây. Trong ấy cảnh đẹp lắm lại có nhiều di tích lịch sử, nhưng chúng ta phải đi thật sớm. Đi ba ngày cũng vừa phải. Để đi hết những nơi chính yếu của Hoa Lư và vùng phụ cận thì cứ gọi là cả tuần hay nhiều hơn. Nhưng thôi, ta đi được tới đâu hay tới đó. Những phần còn lại ta để kỳ tới vậy nhé.

Chúng tôi cùng vỗ tay hoan hô và cảm ơn cụ. Thư chạy lại đấm lưng và đấm vai cho cụ. Cụ cứ cười ha ha:

- Lão đâu có mệt. Các cô, các cậu mới mệt thôi. Trên sáu mươi chưa thể gọi là già!

Hội lại trên Thư:

- Em cháu nó lại toan tính “vòi vĩnh” gì cụ đây! Hôm nào muốn xin tiền mẹ là chẳng cần ai sai nó cũng đến đấm bóp. Nó khôn lắm đấy ạ!

Thư bỏ cụ Từ, dơ nắm tay lên cao chạy về phía “ông” anh. Hội vội bỏ chạy đến sau lưng ôm lấy vai Mơ. Thư đuổi theo, đấm vào lưng anh một cái thật đau rồi mới chịu thôi. Mọi người lại có dịp cười vui vẻ. Uyên cứ nhìn Thư chum chim cười mãi.

Chúng tôi thấy cụ vui tính lại nhiệt tình nên ai cũng quý cụ. Trước khi đến thị xã Ninh Bình để ngủ đêm nay, cụ ngỏ ý muốn dẫn chúng tôi tới thăm một vài ngôi đền, chùa không xa hai đền vua Đinh và vua Lê là bao.

Nhờ đó mà chúng tôi đã được cụ đưa đến thăm:

**/ Chùa Nhất Trụ còn gọi là chùa Một Cột.*



Chùa Nhất Trụ

Ngôi chùa cổ kính và rất khang trang. Đặc biệt là trước sân chùa có một cột đá hình bát giác, cao 4.16 mét. Đó là “*thạch kinh*” lâu đời nhất nước ta có khắc bài kinh Lăng Nghiêm trên cột đá do vua Lê Đại Hành dựng năm



Thạch kinh

995. Ngoài ra chùa còn lưu giữ một số *cổ vật* có liên quan tới lịch sử hình thành Hoa Lư. Chùa cũng là nơi họp bàn việc nước của những vị tăng nổi tiếng thời đó như *Pháp Thuận, Khuông Việt* và *Vạn Hạnh*.

Chùa tọa lạc trên khoảng đất rộng hơn 3.000 mét vuông, quay về hướng Tây với kiến trúc: chùa chính xây theo kiểu chữ “Đình” gồm Tiền đường và Thượng điện, nhà Tổ, nhà Khách, khu vườn tháp và các công trình phụ. *Tòa Tiền đường* gồm 5 gian, *tòa Thượng điện* gồm 3 gian nối liền với gian giữa Tiền đường. Đây chính là đặt tượng Phật trong chùa với các lớp tượng: Tam Thế, Di Đà Tam Tôn, Quan Âm chuần đề, Quan Âm tọa sơn, Thích Ca sơ sinh. . . Ngoài ra còn có tượng Tổ, tượng Thị giả được bày ở nhà Tổ.

Trong việc tìm hiểu kiến trúc chùa Nhất Trụ người ta đã tìm thấy móng trụ vuông (1-1,3 mét), cao 1,75 mét được làm bằng đá và gỗ, cho thấy móng trụ kiến trúc thời Đinh-Lê ở Hoa Lư lớn như các kiến trúc thời Lý ở Kinh đô Thăng Long... Di vật ở chùa khá phong phú nhưng nổi bật là *quả chuông đồng* đúc vào năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799) với những lời răn dạy mang đậm chất nhân văn của Phật giáo.

Cột *thạch kinh* chùa Nhất Trụ có hình bát giác cao 4,16 mét, gồm 6 bộ phận gá lắp với nhau bởi “ngõng” (nỗ và mộng), bao gồm: tầng đế vuông, đế tròn, thân bát giác, bông hoa sen đá tám cánh và đỉnh hồ lô. Tất cả các bộ phận gắn với nhau



hoàn toàn không sử dụng chất kết dính nhưng rất vững chãi dù đã trải qua nghìn năm. Thân cột bát giác có số đo qua tâm hai mặt đối diện là 61 phân tây (cm) ở phía dưới và 65 phân tây ở phía trên, như vậy cột có dáng trên to dưới nhỏ.

Kinh thạch này có kiểu dáng tương tự như những cột thạch kinh của Đình Liễn tìm thấy ở ven bờ sông Hoàng Long, nhưng lớn hơn. Trên tám mặt của thân cột khắc đây chữ Hán, nhưng nửa dưới và ba mặt nửa trên cột đã bị mờ hoàn toàn. Nếu còn nguyên vẹn, ước khoảng 2.500 chữ, giờ đây số chữ có thể đọc được hoặc nhận dạng là 1.200 chữ. Nội dung văn tự là kinh Thủ Lăng Nghiêm, ca ngợi Đức Phật.

**/ Đền Phất Kim còn gọi là đền Thục Tiết công chúa.*

Tương truyền đền được cất trên nền của cung Vọng Nguyệt, nơi công chúa ở. Đền Phất Kim là một ngôi đền cổ, nhỏ và chỉ cách đền vua Lê khoảng 300 mét, thuộc khu dân cư.

Công chúa Phất Kim là người con gái út của vua Đinh Tiên Hoàng. Vua Đinh gả Phất Kim cho một sứ quân xin quy hàng là *Ngô Nhật Khánh*. Năm 979, vua cha và anh là Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết. Lại thêm, khi vua Lê Đại Hành lên ngôi, phò mã Ngô Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Công chúa Phất Kim còn ở lại, buồn khổ nên vào tu ở chùa phía bắc kinh thành. Ngô Nhật Khánh cùng vua Chiêm

đem 1000 chiến thuyền về đánh Hoa Lư. Nhưng đoàn chiến thuyền mới tới cửa biển Thần Phù thì bị bão đánh chìm toàn bộ. Ngô Nhật Khánh bị chết. Được tin chồng chết, bà quá đau khổ nên nhảy xuống giếng tự tử. Cái giếng hiện nay vẫn còn nằm trước cửa đền. Thương thay cho một công chúa phải chịu nhiều bất hạnh vì thời cuộc nên dân chúng lập đền thờ bà.

**/ Phủ Vườn Thiên còn gọi là phủ Kinh Thiên Vương.*

Phủ này cách đền vua Đinh, Lê khoảng 600 mét và cách đền Phát Kim độ 300 mét. Đây là một kiến trúc cổ, bề thế.



Phủ được xây như đền, gồm 3 tòa nhà cùng quay mặt vào sân giữa. Phủ Vườn Thiên, nay thực chất là đền thờ hoàng tử *Lê Long Thâu*, người con cả của vua Lê Đại Hành. Năm 989 được phong là Kinh Thiên đại vương, người cai quản tháp Tư Thiên. Tháp Tư Thiên là tháp nhiều tầng, bằng gỗ, thô sơ, được đặt tại Ghềnh Tháp để quan sát và dự đoán thời tiết hàng ngày. Tháp đài này có được nhắc kể tới trong bản số của sứ thần nhà Tống dâng lên vua Tống năm 991.

Cụ cho biết thêm là chung quanh đây có hai địa điểm có thể đi xem thêm là *chùa Kim Ngân* và *động Am Tiên*. Chúng tôi nhận thấy trời đã ngả chiều, mặt trời đã xuống sâu và bị che khuất bởi dãy núi xa. Chúng tôi hẹn cụ khi khác sẽ trở lại xem tiếp. Tuy nhiên cụ cũng đứng giải thích cho chúng tôi thêm về hai địa điểm này.

**/ Chùa Kim Ngân*

Là một ngôi chùa cổ, thờ Phật, được xây cất vào đời Tiền Lê.

Tương truyền vì chùa được xây trên nền kho của vua Đinh nên còn gọi là chùa Vàng, và cũng vì chùa ở địa phận xứ Đồng Ngân nên cũng



còn được gọi là chùa Ngân. Chùa nằm trên một khoảng đất rộng, giáp núi Quên Vông, trên đường thông nhau giữa thành Ngoại và thành Nội. Đây là một ngôi chùa đẹp thuộc loại bề thế có giá trị cao về kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, lịch sử và văn hóa. Tuy là chùa cổ thời Tiền Lê nhưng các pho tượng thờ và một số đồ thờ lại mang nhiều phong cách của thời nhà Nguyễn.

**/ Động Am Tiên*

Động An Tiên chỉ cách đền vua Đinh có 400 mét, theo hướng phía nam. Khu vực động Am Tiên phần lớn là những thung lũng ngập nước. Tuy gần ngay khu di tích hai đền Đinh, Lê nhưng muốn lên tới cổng hang động đó thì ta phải leo lên tới 200 bậc đá vì động nằm ngay lưng chừng núi. Động còn gọi là *Hang Rồng* vì miệng động giống miệng con rồng đang há. Trong động có nhiều thạch nhũ với nhiều hình thù rất đẹp. Ngày xưa vua Đinh nuôi hổ ở đây để trị kẻ có tội. Dưới chân núi là *Ao Giải*, nơi vua Đinh nuôi giải (cá sấu?) để vớt kẻ có tội xuống đó cho giải ăn thịt.



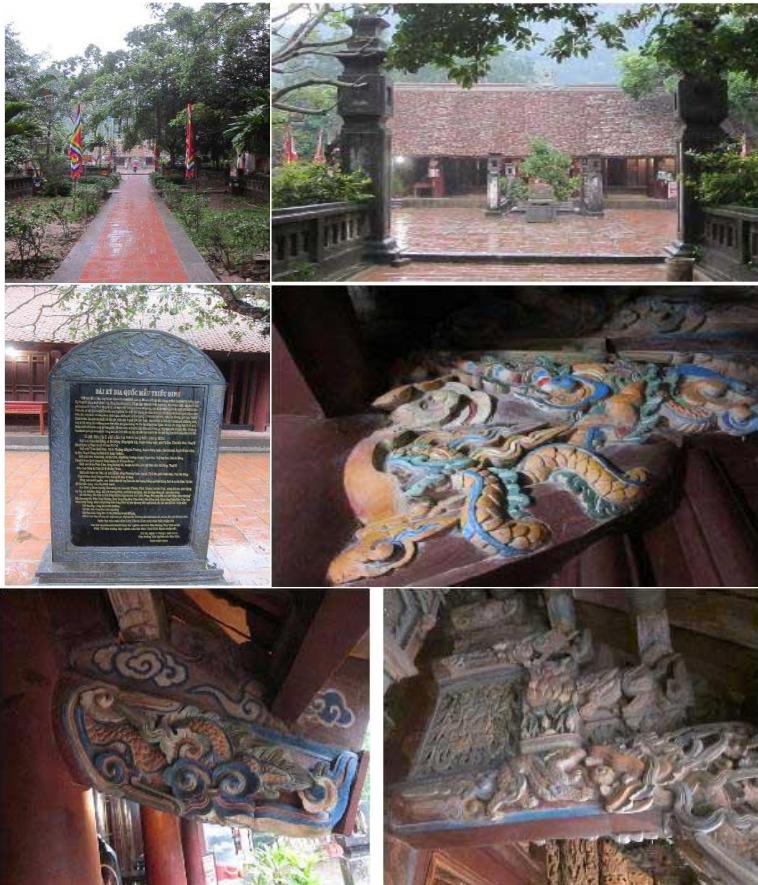
Chùa Am Tiên nằm trong khu động Am Tiên là nơi an tĩnh. Vào cuối đời, Thái hậu Dương Vân Nga cũng xuất gia vào chùa này tu. Một bài thơ truyền tụng trong dân gian về Thái hậu:

*Hai vai gồng gánh hai Vua
Hai triều hoàng hậu, tu chùa Am Tiên
Theo chồng đánh Tống bình Chiêm
Có công với nước, vô duyên với đời.*

Lý quốc sư Nguyễn Minh Không (một trong tứ trứ) đã từng vào hang thuyết pháp, xây thêm các

sập đá thờ Phật. Khu hang chính của động Am Tiên nay có thờ Phật, thờ Lý quốc sư Nguyễn Minh Không, Thái hậu Dương Vân Nga và các quan thi hành án lệnh thời Đinh, Lê.■

Vài hình ảnh do người viết chụp Đền Vua Lê:



CHƯƠNG 11

Cố Đô Hoa Lư

Phần 11-4

ÂM THỰC HOA LƯ

Một chiếc xe chở khách nhỏ chọt trời tới bãi đất trống để đỗ người xuống Hoa Lư, chúng tôi vội ngoắc xe ngừng lại để nhờ chở chúng tôi ra tỉnh. Cụ Từ gặp một cháu độ 10 tuổi đang đi gần đó, cụ nhắn:

- Mày chạy về nói với bà là ông đi chơi đôi ngày mới về! Nhắn với cậu Tư ra trông coi đền cho ông nghe chưa!

Thằng bé “vâng ạ” một tiếng thật to, đứng nhìn chúng tôi một cách tò mò, rồi cắm đầu chạy đi. Cụ Từ theo chúng tôi lên xe để ra tỉnh cách đó có vài cây số, đi bộ cũng được nhưng chúng tôi không có nhiều thì giờ vì còn phải đi thuê phòng ngủ qua đêm nay.

Vừa tới bến, cụ Từ xuống xe và đưa chúng tôi tới một “nhà trọ” tương đối tươm tất, sạch sẽ và khang trang. Nhà trọ có hai tầng, lại có sân thượng phía trên.

Một phần tầng dưới là cửa hàng ăn khá rộng rãi, một phần là nhà bếp và nhà ở của chủ nhà. Tầng trên là những phòng ngủ dành cho khách. Chúng tôi thuê 4 phòng ngủ, một dành cho cụ Từ, nhưng cụ từ chối vì cụ muốn về nhà người quen gần đó ngủ qua đêm nay.

Cụ Từ đi theo chúng tôi vì cụ muốn sáng mai vào Tam Cốc thật sớm để có thêm thì giờ đi xem những cảnh đẹp, đền, chùa và những di tích lịch sử trong đó. Từ thị xã Ninh Bình vào Tam Cốc không xa, chỉ có 12 cây số. Tuy vậy từ bến xe Ninh Bình vào bến đò Tam Cốc, xe chạy cũng phải mất hơn nửa tiếng đồng hồ.

Chúng tôi thuê ba phòng ngủ, một cho tôi và Hội, một cho Mơ và Thư, một cho Uyên và Thi. Và Hội, như đã hứa khao mọi người lúc trưa nay nên nhờ nhà hàng chuẩn bị cho một bữa ăn ngon cho bảy người ăn với những món ăn đặc biệt của nhà hàng. Trước khi cụ Từ lại thăm người quen trong khu phố gần đó, cụ dặn thêm ông bà chủ nhà hàng:

- Khách quen của tôi, ông bà tiếp đãi cho đặc biệt nhé. Cho chúng tôi ăn cơm trên sân thượng, vừa ăn cơm, vừa nói chuyện lại vừa được ngắm trăng nữa. Nhớ đem cho tôi một chai rượu ngon để đãi khách phương xa. Quãng một tiếng nữa tôi trở lại.

Ông bà chủ vội đáp:

- Thưa cụ vâng ạ!

Hai ông bà chủ nhà hàng cùng chúng tôi đưa cụ

ra tới cửa. Chúng tôi lên phòng tắm rửa để chuẩn bị ăn bữa cơm chiều. Cả ngày đi chơi, chỉ ăn lật vật cho qua loa nên ai cũng cảm thấy đói. Thư cứ ôm bụng nhăn nhó. Chẳng biết cô ấy đói thật hay đói vờ nên chúng tôi chỉ cười và bà chủ nhà hàng cũng cười theo.

Một giờ sau, mọi người đã sẵn sàng, chỉ còn đợi cụ Từ tới. Chúng tôi không phải chờ đợi lâu, đúng giờ hẹn, cụ Từ vừa mở cửa bước vào. Trên sáu mươi tuổi mà trông cụ còn quắc thước và nhanh nhẹn lắm, nhất là đôi mắt cụ rất sáng.

Chúng tôi được ông bà chủ hướng dẫn lên sân thượng để ăn cơm. Một chiếc đèn “măng-sông” được treo gần đó. Cụ Từ nói ông chủ nhà hàng cho ánh sáng nhỏ bớt vì trời chưa tối hẳn và để không khí bữa ăn có vẻ ấm cúng và thân mật hơn. Hai người phụ bếp đem thức ăn lên.

Chúng tôi đã an tọa. Tôi ngồi đối diện với cụ. Hội đứng lên đại diện để cảm ơn cụ đã dành thì giờ quý báu để đi theo và giải thích những di tích lịch sử của Hoa Lư cho chúng tôi có dịp học hỏi. Hội là tay ăn nói giỏi nên cụ Từ cứ ngồi gật đầu và tỏ ra rất hài lòng.

Sau đó tôi cũng đứng lên để cảm ơn tiếp theo, tôi không quên cảm ơn ông bà chủ nhà hàng đứng gần đó. Sau những tràng pháo tay của chúng tôi, cụ Từ cũng đứng lên để cảm ơn về việc mời cụ dự bữa cơm thịnh soạn tối nay và tỏ lời vui mừng vì được hướng dẫn cho những thanh niên như chúng tôi về

thăm cố đô. Cụ cũng chúc mừng cặp Hội và Mơ sẽ luôn luôn hạnh phúc bên nhau. Chúng tôi lại được dịp vỗ tay thật to.

Cụ cũng cho biết chương trình ngày mai sẽ có nhiều điều thú vị hơn vì có nhiều cảnh đẹp của một vùng được mệnh danh là “vịnh Hạ Long trên cạn”.

Thấy ông chủ nhà hàng đứng xớ rớ gần đó nhìn chúng tôi tùm tùm cười. Tôi vội mời ông cùng ngồi dự bữa cơm với chúng tôi. Ông tới ngồi với chúng tôi nhưng từ chối việc ăn uống mà chỉ nhâm nhi uống tý rượu thôi. Hội khui chai rượu “ngọt” rót mời các cô. Cụ Từ mở chai rượu mà cụ đã đặt nhà hàng từ trước, chai rượu Kim Sơn, đặc sản của Ninh Bình. Cụ rót ra cho mấy người đàn ông. Hội lại đứng lên trình trọng:

- Thừa cụ Từ, thưa ông chủ và các bạn hôm nay là ngày thật vui của hai chúng tôi. (Hội ngừng nói, hướng mắt nhìn Mơ.) Xin mời mọi người cùng nâng ly rượu này.

Mọi người vỗ tay, cười nói ồn ào với những lời chúc tụng. Thư đưa cốc rượu nhỏ lên mời Mơ:

- Em chúc mừng người “chị dâu” tương lai của em! Em yêu cầu chị Mơ đứng lên để mọi người “xem mặt”.

Mơ cứ ngồi yên một chỗ, mặt ngượng ngùng nhưng trên nét mặt lộ đầy vẻ sung sướng và hạnh phúc. Cô cứ cúi gầm mặt xuống, hai bàn tay xoắn lại vào nhau. Hội đến sau lưng đỡ Mơ đứng dậy, mặt

cô vẫn cứ cúi gằm xuống, hai bàn tay nắm chặt lấy mép bàn. Mơ vừa đứng dậy thì một tràng pháo tay lại nổi lên. Mọi người có dịp trêu đùa Mơ. Không khí thực vui nhộn. Mơ cứ cuống cả lên, mấp máy được mấy tiếng cảm ơn rồi ngồi xuống. Hội đề hai tay lên vai Mơ nói vài lời cảm ơn mọi người lần nữa rồi cúi xuống hôn nhẹ lên mái tóc cô. Chúng tôi lại vỗ tay. Thư bao giờ cũng là người vỗ tay to nhất. Thư đến chỗ Mơ dơ hai tay Mơ lên cao hô to:

- “Chị dâu” em muôn năm! Muôn năm!

Khi Thư vừa buông tay Mơ ra, Mơ vội nắm lấy bàn tay Thư, cảm động như muốn khóc, mếu máo:

- Chị cảm ơn Thư!

Thư lại đùa:

- Chị phải cười chứ không được khóc đấy!

Mơ gượng cười, gạt vội hạt nước mắt đang lăn xuống má, đánh vào cánh tay Thư:

- Cái cô này... !

Mọi người lại cười. Cụ Từ và ông chủ cứ ngồi nhìn chúng tôi cười góp. Uyên và Thi thì hớn hờ vui với cái vui chung. Tôi ngồi bên Thi thỉnh thoảng lại tìm tay nàng siết nhẹ như ngằm nói với nàng rằng chúng ta cũng thế. Uyên là người cuối cùng, nhỏ nhẹ chúc mừng:

- Em xin chúc mừng hai anh chị Hội Mơ yêu nhau trọn đời!

Cụ Từ nhìn Uyên gật gù:

- “Hội Mo”, cặp chữ này có ý nghĩa lắm! Hay lắm!

Mọi người, ai nấy bắt đầu cầm đũa lên ăn sau những lời mời. Bây giờ mọi người mới nhìn tới những món ăn đã được bày sẵn trên bàn ăn. Ông chủ nhà hàng ngồi uống rượu chung với chúng tôi, giới thiệu từng món ăn. Cụ Từ khen ông chủ:

- Khéo lắm! Khéo lắm!

Rồi cụ quay sang nói với chúng tôi:

- Đây toàn là những món ăn đặc biệt và nổi tiếng của Hoa Lư nói riêng, và của cả tỉnh Ninh Bình chúng tôi nói chung. Ông bà chủ nhà hàng thật biết “đãi khách” phương xa.

Chúng tôi thưởng thức những món ăn thật ngon, nhất là lúc đang đói bụng, cái ngon ấy tất nhiên phải tăng lên gấp bội. Trong khi ăn ông chủ không quên tiếp rượu cho cụ Từ và cho chúng tôi. Vì không biết uống rượu mạnh nên các cô chỉ “nhâm nhi” chút rượu ngọt, nhưng cũng đủ làm má các cô ửng hồng. Cụ Từ thì cứ khề khà uống rượu với thức “nhắm”. Cụ uống nhiều hơn ăn. Và cụ luôn mồm khen thức ăn ngon làm ông chủ nhà hàng hớn hờ, vui ra mặt.

Dưới ánh đèn “măng-sông”, dù đã vắn nhỏ xuống nhưng tôi cũng đã nhận ra má Thi có chút đỏ hồng phơn phớt. Tôi gấp thức ăn tiếp cho Thi. Ngồi ăn như thế này làm tôi lại nhớ tới ngày tôi và Thi thường cùng rủ nhau đi ăn bún ốc ở chợ Hôm trên phố Huế. Vì không ăn được ớt cay nên Thi cứ vừa

ăn vừa lấy tay quạt quạt lên miệng trông thật buồn cười nhưng đó cũng lại là những kỷ niệm thật đáng nhớ và đáng yêu. Thời gian trôi đi cũng hơn cả năm rồi đấy.

Uyên là người nấu ăn giỏi chắc thế nào nàng cũng cố nhớ những hương vị của các món ăn để tập nấu khi về nhà. Mơ cũng cho biết là loại cá rô mà chúng tôi đang ăn cũng có ở các hang động Hương Sơn nhưng thịt không được dai và ngọt thịt như ở đây.

Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện và cụ Từ cũng không quên nhắc lại vài chi tiết thú vị về lịch sử của hai đền Đỉnh, Lê trong những ngày lễ hội. Trong ngày tế vua Đỉnh, những thức ăn cúng không được có tiết canh và lòng lợn vì Đỗ Thích đã cho thuốc độc vào hai món ăn này để hãm hại hai cha con vua Đỉnh. Cụ hứa sau bữa ăn, cụ sẽ kể cho chúng tôi nghe về những truyền thuyết dân gian về Đỉnh Bộ Lĩnh khi ngài còn ở tuổi thiếu niên.

Tôi cố ép ông chủ nhà ăn với chúng tôi, và chắc cũng vì thế mà ông có cảm tình và chiều cố đến tôi nhiều hơn. Thỉnh thoảng lắm ông mới chịu gấp một miếng thức ăn cho vào bát để khỏi phụ lòng mời tiếp của chúng tôi. Bỗng ông chỉ tôi và Thi ngồi ăn bên cạnh nhau:

- Chắc hai cô cậu đây cũng là... ?

Ông chủ ngập ngừng trong câu hỏi, nhưng với con mắt của ông liếc qua Hội và Mơ. Tôi hiểu ý ông

nên trả lời ngay để ông khỏi lúng túng vì không biết nói sao cho tiện.

- Thừa ông vâng! Chúng tôi là bạn thân của nhau và ở trọ học cùng nhà trên Hà Nội. Chúng tôi cũng thân nhau như anh Hội và cô Mơ đây.

Tôi đã khôn khéo dùng câu hỏi của ông để xác nhận một điều mà cả hai đều biết “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”. Ông chủ lại hỏi thêm:

- Thế... ?

- Vâng, chúng tôi cũng đợi tới ngày tôi ra trường ạ!

Một câu trả lời bất ngờ và nhanh của tôi làm Thi ngồi bên cạnh cảm động và vội cúi mặt xuống. Câu trả lời của tôi là một sự xác định thật quá rõ ràng, một thông điệp quan trọng mà tôi muốn gửi cho nàng, một thông điệp không thể nào còn có thể rõ ràng hơn được, nhất là lại ở trước mặt Uyên, chị nàng, và với tất cả đám bạn bè thân. Đây cũng là một cơ hội bằng vàng, tôi không thể bỏ qua.

Mọi người nhìn tôi yên lặng và ngạc nhiên như vừa nhận được một tin mới lạ, dù là tất cả mọi người đã đều biết điều này từ lâu. Uyên có lẽ còn xúc động hơn cả chính Thi vì lúc này Thi còn đang bối rối vì ngượng. Uyên nhìn tôi rồi lại nhìn Thi:

- Em xin chúc mừng hai người! Một câu nói mà em đã từng chờ đợi nó từ lâu. Hôm rày em về quê sẽ kể lại cho thầy mẹ em nghe. Chắc thầy mẹ em

cũng vui vì đã biết được ý kiến từ chính anh mà không phải chỉ đến từ những người lớn với nhau.

Thấy Uyên xúc động làm tôi cũng xúc động theo. Tôi chỉ đủ sức nén sự xúc động ấy của mình bằng một lời mời:

- Xin mọi người cùng cạn ly!

Thế là bàn ăn lại vỗ tay, ồn ào với những lời trêu Thi. Thi vừa ngượng vừa vui, úp mặt vào vai tôi để che mặt như trẻ con chơi trò chạy trốn. Tôi cũng bắt chước Hội hôn nhẹ lên tóc nàng, cả bàn lại có dịp hoan hô. Thi ngừng lên cứ vừa đánh tôi, vừa cười nũng nịu:

- Em ghét anh lắm! ... Em ghét anh lắm!

Mọi người lại cười ồ. Thư thì vỗ tay xuống bàn cười vang. Nghe thấy tiếng cười lớn của Thư, cụ Từ nói đùa:

- Cháu cũng lớn rồi đó nghe. Lần sau về Hoa Lư chơi, cả hai cô này (cụ chỉ Thư và Uyên) cũng cho tôi ăn một châu khao như ngày hôm nay đây nhé.

Uyên tươi cười:

- Thế cụ “làm mối” cho cháu đi!

Hội vội đưa tay ra khua khua:

- Không được! Không được! Xin cụ đừng giới thiệu ai đấy ạ. Cháu không cho ai nhảy vào tranh với anh bạn của cháu đâu!

Uyên thì cứ ngồi cười. Thư đứng vụt lên nhìn Hội, chống nạnh, lớn tiếng hỏi:

- Thế còn của em đâu?

Hội trêu cô em gái:

- Cô có rồi, cái thằng học trường Tây, đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu hay cho cô đi ăn phở gánh ở vỉa hè Hà Nội đó!

Thư cười, ngồi phịch xuống, buông thông một câu ngắn gọn:

- Ừ nhỉ! Em quên!

Tất cả mọi người lại cười với câu nói của Thư.

Bữa ăn đã dần tàn. Cụ Từ đề nghị ông chủ nhà hàng nói sơ qua về những món ăn đặc sản của Ninh Bình cho chúng tôi biết. Lúc này ông chủ mới chậm rãi giải thích vài món ăn mà chúng tôi vừa thưởng thức.

Ông chỉ vào đĩa cá rô rán và bát canh chua cá:



- Cá rô là một đặc sản về ẩm thực của Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, ngày xưa gọi là tổng Trường Yên nên loại cá này mang tên cá tổng Trường. Cá tổng Trường sống trong môi trường hang động ngập nước ở vùng này. Loại cá này dễ nuôi và cũng dễ sinh sản. Thịt nó thì béo, thơm, dai. Cá rô được chế

biến thành nhiều món ăn lắm, nhưng thông thường thì gồm các món sau: Cá rô rán như đĩa cá này, cá thì cần rán kỹ cháy cạnh, ăn lúc còn nóng, chấm với nước mắm gừng, ớt, cho thêm chút chanh thì thật ngon. Còn cá rô rang thì dùng niêu đất rang cháy cạnh, thịt chín mất nước dần, thịt cá trở nên dòn, bùi, ngậy. Canh cá rô thì nấu cá với rau cải xanh, thêm gừng. Canh có vị ngọt và thơm nhưng nấu mất nhiều thì giờ và cầu kỳ hơn vì cá phải làm hơi đặc biệt. Có câu thơ:



*Cá rô, rau cải nấu gừng
Ăn còn để lại, xin đừng bỏ đi.*

Nấu canh chua cá như bát canh này đây (ông lại chỉ vào bát canh trên bàn), canh được nấu với nước dưa chua (nước dưa muối). Canh chua không được chua lắm, có cái ngọt mát của cà chua, đậu phụ, lại thêm cái bùi, dòn, thơm của cá rô, tất cả hợp thành cái hấp dẫn của món ăn này.

Cụ Từ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng:

- Cá rô tổng Trường đã đi vào văn học và đi vào truyền thuyết của Hoa Lư rồi đấy. Đây là bài thơ dân gian:

*Dập dìu cánh hạc chơi vơi
Tiễn thuyền Vua Lý đang rời kinh đô
Khi đi nhớ cậu cùng cô
Khi về lại nhớ cá rô tổng Trường*

Các cháu còn nhớ trong đền vua Lê, tôi đã chỉ cho mọi người xem một bức phù điêu khắc trên gỗ có hình con “cá hóa long”, cái đầu là đầu rồng, cái đuôi thì vẫn còn là đuôi con cá rô, đây là đuôi con cá rô tổng Trường này đây, chứ không phải là đuôi con cá chép như truyền thuyết dân gian về “cá hóa long” đâu. Bức điêu khắc ấy nói lên tính đặc thù dân gian của vùng này.

Chỉ có Uyên là người dám lên tiếng:

- Thưa cụ, cháu nhớ ạ!

Đợi chúng tôi xăm xỉ với nhau xong về câu chuyện cụ Từ vừa kể, ông chủ nhà hàng lại chậm rãi giới thiệu về món ăn có tính đặc sản khác. Ông chỉ vào đĩa thịt dê còn dư mấy miếng trên đĩa. Món này cụ Từ và mấy “ông” đàn ông ăn gần hết, các cô chỉ ăn món này như “lấy hương lấy hoa” một hai gắp rồi thôi.

Ông chủ:

- Đây là món thịt dê núi, cũng là món ăn đặc sản của vùng này đây. Loại dê này sinh sống ở trên núi, người ta lên đó bắt về làm thịt bán. Thịt dê núi thì săn chắc, ít mỡ và có mùi thơm. Ở đây có nhiều gia đình làm thịt dê có tính cách “gia truyền”, cha truyền con nối cứ theo đuôi làm nghề nấu nướng,

chế biến thịt dê. Ăn thịt dê thì phải uống với rượu Kim Sơn như chai rượu đây mới tăng lên hương vị của thịt. Thịt dê được chế biến thành nhiều món ăn lắm: thịt dê tái, dê hấp, dê áp chảo... phải nói là nhiều và nhiều món lắm. Tái dê thì phải ăn kèm với chuối chát, khế, rau thơm và với vài loại lá khác nữa như lá sung, lá mơ. Kẹp thịt dê tái với những thứ rau trên vào trong bánh đa, bánh tráng nem, quấn lại chấm với nước tương gừng thì ngon lắm.

Cụ Từ nói thêm vào:

- Vì là dê sống trên núi, rất khó bắt. Cũng có thể là dê người ta nuôi thả trên núi cho nó tự kiếm sống. Muốn bắt thì phải vào hang của nó, thường ở trên núi cao.

Để có con dê thịt ngon thì con dê đó phải là dê đực, còn tơ, chưa thay răng, béo, lông mượt. Khi đem về người ta “nướng thui” cho da vàng



Dê núi

đều. Riêng hai đùi dê thường để ăn tái nướng, còn phần còn lại thì để chế biến thành các món ăn khác. Đùi dê nướng chín, không ướp gia vị gì cả để giữ mùi thơm tự nhiên của thịt. Loại thịt dê nướng như thế người ta gọi là thịt dê “mọi”. Người “mọi” ăn thịt rừng, nướng không ướp gia vị như thế mà.

Mơ cũng góp tiếng nói vào câu chuyện:

- Thịt dê, đứng về Đông y học thì chữa được nhiều bệnh lắm ạ. Cao dê chữa bệnh đau lưng, mỏi gối, hoa mắt, ù tai. Dạ dày dê chữa bệnh tiêu



Thịt dê tái



Thịt dê tái chanh

hóa kém, buồn nôn sau bữa ăn. Cật dê có tác dụng chữa bệnh suy nhược, lãng tai, đổ mồ hôi. Tiết dê pha với rượu trắng thì bổ huyết, chữa bệnh đau đầu, chóng mặt⁽¹⁾.

Cụ Từ và ông chủ cùng chúng tôi đều trợn mắt nhìn Mơ. Cụ Từ hỏi Mơ:

- Cô biết về “thuốc” à?

- Thưa, thân sinh cháu là thầy thuốc Nam, không sống được bằng nghề này nên bỏ. Thầy cháu dạy cháu được chút ít để phòng thân thôi ạ.

⁽¹⁾ Những câu chuyện liên quan tới vấn đề y học trong loạt bài này chỉ nhằm trong phạm vi câu chuyện mà thôi. Người viết không chịu trách nhiệm về sự ứng dụng trong thực tế.

Cụ Từ gật gù cái đầu rồi lại hỏi Mơ:

- Thế cháu và Hội gặp nhau trong trường hợp nào mà hai người thương yêu nhau thế?

Mơ nhìn Hội như hỏi ý, rồi mới trả lời cụ Từ:

- Cháu làm nghề chèo đò trên suối Yên đưa đón khách hành hương hay đi thăm chùa Hương ạ. May mắn được nhờ các anh chị đây giới thiệu cháu với anh Hội cháu. Chắc anh Hội cháu thấy cháu nghèo nên thương mà kết thân.

Hội nghe Mơ nói thế liền xua tay phản đối:

- Anh vừa gặp em lần đầu là anh thấy yêu em ngay. Như gặp lại người xưa, anh tự nhủ lòng mình lúc đó là đích thực anh vừa gặp lại người vợ tiền kiếp của mình rồi. Anh yêu em chứ không phải vì em nghèo mà thương hại đâu. Có lẽ là duyên số trời đã định cho chúng ta như thế. Chúng ta sẽ là vợ chồng hạnh phúc, con cái đầy đàn và thương yêu nhau mãi mãi!

Trước lời nói quá chân tình của Hội, Mơ chỉ còn biết đưa hai bàn tay lên mặt để che dấu sự xúc động của mình. Hội để tay lên vai Mơ:

- Em đừng bao giờ nghĩ như thế nữa nhé! Em có biết là em đẹp lắm không? Anh không muốn em đứng gần anh trai làng nào đấy. Anh hay ghen lắm đó!

Mơ buông tay xuống, mắt còn chút hoen lệ, gượng gạo cười, đánh nhẹ vào người Hội:

- Anh lại ... sắp trêu em nữa rồi đấy!

Mọi người yên lặng như lây cái cảm động của câu chuyện vừa xảy ra. Thư lên tiếng:

- Thừa cụ Từ, thừa ông chủ, chị Mơ cháu là người có học hành đấy ạ. Trước đây nhà cũng khá giả. Cháu có về thăm nhà chị ấy nên biết. Chẳng may gia cảnh sa sút nên chị cháu phải bỏ học để giúp gia đình từ khi còn nhỏ. Lúc đầu thì cũng cố theo học thêm, nhưng được ít lâu thì cuối cùng cũng phải bỏ, tôi về tự học thêm. Mới 14, 15 tuổi đã phải vào rừng kiếm củi, hái mớ. Khi lớn hơn phải quay tơ, dệt vải, làm thuê làm mướn cho người ta. Lại phải chèo đò dọc chở hàng trên sông Đáy và đưa đón khách hành hương trên suối Yên ở chùa Hương. Tính chị cháu thì cứ thật thà như đêm. Một người xinh đẹp, đảm đang, tháo vát và nặng lòng với gia đình như thế thì anh Hội cháu không mê sao được. Anh cháu đã chọn đúng người rồi đấy ạ!

Thư nói một mạch. Cô bước lại chỗ Mơ hỏi nhỏ:

- Chị Mơ! Em nói như thế có đúng không? Mẹ yêu thích chị cũng là ở những đức tính đó đây. Mẹ cứ nhắc bảo với em như thế.

Mơ cứ nắm tay Thư mà mếu máo:

- Cám ơn em! Em làm chị cảm động quá! Chị cũng quý bố mẹ và các em lắm!

Thư trở lại chỗ ngồi. Tôi nhìn Thi, nàng vội đưa mấy ngón tay gạt nhẹ giọt nước mắt đang lăn trên

má, nhìn tôi gương gạo cười. Tôi quàng tay qua vai Thi bóp nhẹ trên cánh tay nàng.

Tôi rất ngạc nhiên về cách cư xử của Thư. Tôi cứ tưởng Thư chỉ là một cô con gái nhà giàu, được chiều chuộng và thích nghịch ngợm, bông đùa. Nhưng không, Thư quả thật là một cô gái có ý nghĩ rất trưởng thành và biết cư xử tế nhị khi cần. Những nhận xét của Thư, ấy cũng chính là nhận xét của chúng tôi về Mơ trong chuyến đi chơi chùa Hương mấy tháng trước đây.

Thấy không khí của câu chuyện tình “Hội Mơ” đã lắng xuống, ông chủ nhà hàng lại xin phép giới thiệu thêm vài món đặc sản ẩm thực của Ninh Bình. Tôi đang có cảm tưởng ông ta đang bị méo mó nghề nghiệp, thích nói về những món ăn.

Cụ Từ cũng tủm tỉm cười nhưng không cản ông. Thấy ông nhiệt tình và cũng vì muốn hiểu biết thêm về nơi cố đô này về mặt văn hóa ẩm thực nên chúng tôi cùng lắng nghe ông nói một cách hết sức thành khẩn.

- Các cô cậu đã thưởng thức món cơm cháy Ninh Bình chưa?

Không đợi chúng tôi trả lời, ông nói tiếp:



- Thị xã Ninh Bình còn có cơm cháy vốn đã nổi tiếng nhiều năm. “Rượu ngon, cơm cháy, thịt dê” là những đặc sản nơi đây. Tương truyền, cơm cháy Ninh Bình đã có từ lâu, vào cuối thế kỷ thứ 19 thì phải, do một thanh niên người Ninh Bình học được của người Hoa, nhưng anh ta biết chế biến, làm đa dạng hương vị, phẩm chất và phát triển nó đến khắp mọi nơi từ Bắc chí Nam.

Cơm cháy Ninh Bình vốn nổi tiếng hơn những nơi khác nhờ “nước xốt” chan cơm cũng sử dụng thịt dê núi. Thịt dê núi ít béo nên ăn không ngán. Gạo làm cơm cháy phải là gạo tám thơm, gạo dẹt, nếp hương... Cơm cháy ngon phải có màu vàng



Rượu Kim Sơn



Rượu Kim Sơn với thịt dê

nhạt, đều hạt, dòn mà vẫn dẻo, có mùi thơm. Để tạo “xém”, người ta phải dùng nồi gang để nấu sao cho bề dày cháy mỏng và tự bóc. Hương vị đặc biệt của nó là sự kết hợp giữa miếng cơm cháy và các loại thức ăn đi kèm. “Nước xốt” ăn kèm phải có vị cay, thơm, đủ độ sánh để ngấm vào miếng cháy. Cơm

cháy được người dân bán quanh năm, bất kể mùa đông hay mùa hè.

Ông chỉ ngừng một chút, rồi ông cho biết Ninh Bình còn nổi tiếng nhờ những món khác nữa, ông kể tiếp:

- Nem Yên Mạc, rượu Yên Lâm, bánh đa chợ Lồng xuất xứ từ huyện Yên Mô đã được truyền tụng.



Nem chua Yên Mạc

*Nem Yên Mạc nínu chân người
Rượu bầu thơ túi một đời tìm nhau.*

- Mắm tép Gia Viễn, bún mọc Quang Thiện, rượu Kim Sơn, rượu cần Nho Quan cũng là những đặc sản ẩm thực của Ninh Bình.

- Ốc núi được chế biến thành nhiều món: hấp gừng, xào sả ớt, trộn gỏi... Thịt ốc núi thì dai, giòn, ngọt. Ăn ốc núi thì ăn cả con không nên bỏ ruột. Ốc có nhiều ở xã Tam Điệp, Yên Mô, Nho Quan. Ốc có nhiều vào mùa mưa.



Ông nói xong, chúng tôi đều vỗ tay tán thưởng và ngỏ ý mong ngày mai tái ngộ sẽ được thưởng thức những món ăn mà ông vừa giới thiệu.

Quả thật Hoa Lư nói riêng và Ninh Bình nói chung, nền văn hóa ẩm thực ở đây rất phong phú, đa dạng và có một sắc thái hết sức đặc biệt, đặc biệt nhất vì là những sản phẩm đến từ những rừng núi đá và cánh đồng chiêm nước mênh mông.

Ông chủ nhà hàng gọi người lên dọn dẹp và đem trái cây lên để ăn tráng miệng. Những phong bánh đậu xanh và bánh khảo Hải Dương nổi tiếng cũng được đem lên với những bình trà mạn sen để mọi người cùng thưởng thức dưới ánh trăng đã bắt đầu nhô lên khỏi “cây sào”. Ông chủ nhà hàng cũng xin phép rút lui.

Những câu chuyện vẫn tiếp tục nổ ran. Từ trên sân thượng của ngôi nhà hai tầng, chúng tôi có thể nhìn thấy một khoảng lớn của thị xã Ninh Bình. Thành phố được xây dựng từ lâu đời và ở gần khu cổ đô xưa nên thường là những ngôi nhà một tầng cổ kính.

Cụ Từ yêu cầu cho điều chỉnh ánh sáng đèn “măng-sông” nhỏ thêm nữa, càng nhỏ càng tốt để mọi người cùng được thưởng thức ánh sáng trăng. Cụ nói làm như thế, chúng tôi dễ có thể mừng tượng và dễ “trở về” với thời thanh bình của những năm xưa chưa có nền văn minh cơ giới xâm nhập Hoa Lư.■

CHƯƠNG 11

Cố Đô Hoa Lư

Phần 11-5

TRUYỀN THUYẾT VÀ GIAI THOẠI



Câu chuyện của chúng tôi cứ lan man hết chuyện này sang chuyện khác, nhưng dần dần lại vô tình đưa đầy những câu chuyện ấy xoay quanh trở lại đề tài lịch sử.

Nhân cơ hội này, cụ Từ lại kể cho chúng tôi nghe vài *truyền thuyết về ngài Đinh Bộ Lĩnh* trong thời niên thiếu về sống ở quê mẹ, tức huyện Gia Viễn bây giờ. Huyện Gia Viễn nằm sát cạnh huyện Hoa Lư và rất gần cố đô Hoa Lư. Cụ nhắc lại đôi dòng lịch sử khi cha ngài là Thứ sử Đinh Công Trứ mất thì Bộ Lĩnh còn nhỏ, theo mẹ về ở cạnh đền thần Núi, trong động Hoa Lư:

*/- Vì nhà nghèo nên Đinh Bộ Lĩnh phải chăn trâu cho người chủ.

Có giai thoại kể về ngài như sau: khi đi chăn trâu ngoài đồng ruộng, Bộ Lĩnh thường được trẻ chăn trâu tôn lên làm thủ lãnh và hay bày trò chơi vua tôi. Bộ Lĩnh bắt chúng khoanh tay làm kiệu cưỡi, lấy hoa lau làm cờ đi phía trước, hai bên có tả hữu tướng quân và theo sau là quân lính theo nghi lễ triều đình. Một hôm Bộ Lĩnh tự ý giết trâu của chủ đem khao bọn trẻ. Còn lại cái đuôi, Bộ Lĩnh đút chặt vào lỗ đất nẻ rồi giả vờ hốt hải chạy về nhà chú báo tin trâu đã chui xuống lỗ nẻ mất rồi. Chú theo Bộ Lĩnh chạy ra đồng, thấy cái đuôi trâu còn ở trên mặt đất, dùng hết sức kéo lên. Đuôi bật ra, ông chú ngã bổ chông, cả lũ chăn trâu phá lên cười. Ông chú biết bị lừa nên đuổi theo Bộ Lĩnh để đánh. Bộ Lĩnh chạy ra bờ sông nhảy ùm xuống nước. Bỗng con

rồng vàng hiện ra cổng Bộ Lĩnh qua sông. Ông chú sợ quá vội quỳ xuống, phủ phục lạy Bộ Lĩnh. Sông *Hoàng Long* là con sông gắn với những truyền thuyết này.

Thấy chúng tôi thích thú nghe cụ kể, Thư cười phá lên khi nghe cụ kể tới đoạn ông chú bị ngã bổ chổng. Cao hứng cụ kể thêm một truyền thuyết về ngài Đinh Bộ Lĩnh cho chúng tôi nghe:

*/- Cứ theo liệt truyện kể của ông *Phan Kế Bính* về ngài Đinh Tiên Hoàng thì tục truyền ở động Hoa Lư xưa có con rái cá cực to, vợ ông Công Trứ một hôm tắm ở dưới suối, bị con rái cá hiếp, về mới có mang. Khi con rái cá bị người ta ăn thịt, quảng xương đi, bà nhặt về mà gác lên gác bếp.

Về sau, chồng bà là Đinh Công Trứ mất, bà sinh ra Đinh Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh lớn lên, thông minh, nhanh nhẹn và có tài lội nước. Vì nhà nghèo nên ông phải ở với chú. Một hôm có một thầy địa lý người Tàu đi ngang qua vùng ấy, thấy dưới dòng sông có chỗ luồng nước xoáy mạnh. Ngờ ở đáy có huyệt đế vương nên thầy Tàu mới gọi đám trẻ chần trâu nhò lặn xuống xem.

Bộ Lĩnh vốn bơi lặn giỏi nên nhận lời. Khi lặn xuống thì thấy có con ngựa bằng đá đứng ở dưới đáy sông, Bộ Lĩnh trồi lên bảo cho thầy Tàu biết. Ông ta đưa cho nắm cỏ để Bộ Lĩnh lặn xuống cho ngựa ăn. Khi dữ nắm cỏ thì ngựa há miệng ra đón ngay. Bộ

Lĩnh kể lại cho thầy Tàu nghe. Ông ta thường tiền cho Bộ Lĩnh rồi bỏ đi.

Bộ Lĩnh là người thông minh, biết ngay chỗ đó là đại huyết, về kể chuyện đó cho mẹ, xem mả ở đâu để táng vào nơi đó. Bà mẹ trèo lên gác bếp, lấy bộ xương con rái cá đưa cho Bộ Lĩnh. Ngài bọc nắm xương ấy vào nắm cỏ, lại lặn xuống sông dử cho ngựa ăn, ngựa đớp nắm cỏ và nuốt vào bụng.

Từ ngày đó ngài trở nên bạo tợn và can trường. Hay làm thủ lãnh đám trẻ làng mình sang đánh nhau với trẻ làng khác. Khi lớn lên, hào kiệt trong vùng về theo, dựng nên nghiệp lớn. Thầy địa lý Tàu trở lại mang theo mả tổ của mình mong được táng vào chỗ đại huyết đó, nhưng khi sang đến nơi thì thấy ngài đã nổi lên hùng dũng, biết ngài đã được huyết ấy. Để phá ngài, thầy Tàu vào thưa với ngài rằng ngựa phải có kiếm mới tung hoành bốn bể. Ngài nghe theo, cho treo một thanh kiếm vào cổ ngựa. Không ngờ, kiếm có sát khí, có kiếm tuy được lũng lẫy nhưng không được lâu dài. Cũng có bản được kẻ là treo kiếm vào tai ngựa, nước xoáy mạnh khiến kiếm cửa đứt cổ ngựa.

Cụ ngưng nói, uống ngụm nước trà rồi nói tiếp:

- Truyền thuyết về các vị vua tiếng tăm lừng lẫy hay những bậc thánh nhân ở nước ta thì nhiều lắm. Như ngài Lê Hoàn tức vua *Lê Đại Hành* mà chúng ta vừa biết thì mẹ ngài nằm mơ thấy hoa sen mà sinh

ra ngài, khi ngài mới sinh ra, mẹ đi làm đồng, đặt ngài nằm trong khóm trúc thì được hổ ủ.

Còn ngài *Lý Thái Tổ* thì tục truyền, cha ngài nghèo khó, làm ruộng thuê ở chùa Tiêu Sơn, phải lòng tiểu nữ trong chùa có mang, nhà chùa thấy thế đuổi đi. Hai vợ chồng đi đến rừng Báng, mỗi một ngồi nghỉ trong bóng mát. Người chồng tìm giếng lấy nước cho vợ uống. Chẳng may sẩy chân, người chồng ngã xuống giếng chết. Người vợ chờ lâu, đi đến giếng tìm chồng thì thấy đất đã đùn lấp giếng rồi. Người vợ than khóc rồi về chùa Ứng Tâm xin ở nhờ ngoài tam quan chờ ngày sinh đẻ. Được vài tháng, có một đêm, hương thơm tỏa nức cả chùa. Nhà sư tỉnh dậy, nhìn ra tam quan thấy sáng rực lên. Nhà sư sai bà hộ ra thăm thì thấy người đàn bà ấy đã sinh con. Bà hộ đem đứa bé vào trong chùa, lật bàn tay ra xem, có bốn chữ “*Son hà xã tắc*”. Nhà sư nuôi trong chùa. Sau ngài là đệ tử của sư Vạn Hạnh, nhà sư nổi tiếng thời đó.

Uyên hỏi cụ:

- Thừa cụ, tại sao chúng ta lại phải tạo dựng nhiều truyền thuyết như thế?

Cụ nhìn Uyên rồi giải thích:

- Truyền thuyết dính liền với đời sống tâm linh, suy tưởng của người xưa. Truyền thuyết có nhiều mục đích khác nhau, hoặc để *ca tụng*, hoặc để *đả phá* những sự kiện có liên quan đến lịch sử, tôn giáo, đức tin thần linh, nghệ thuật, văn hóa. *Truyền*

thuyết cũng là những giàn giáo chống đỡ cho lịch sử (xin đọc Cuốn 1, Đi Thăm Thành Cổ Loa, trang 112).

Thí dụ, ta phải kể một số truyền thuyết của ông cha ta đã được dựng lên để *phản bác* lại những truyền thuyết ngụy tạo của Cao Biền, một tên thái thú thời nhà Đường cai trị nước ta. Hắn có dụng ý phá vỡ lòng yêu nước và sự tin tưởng vào một nền độc lập, tự chủ của dân ta. Cao Biền phao tin y là tên phù thủy, thầy địa lý, biết “cuối điều bay” đi yểm hết “long mạch đế vương” trên đất Nam để người nước Nam không thể còn có vua được nữa phải chấp nhận sự cai trị vĩnh viễn của nhà Đường.

Trong số những truyền thuyết do ông cha ta dựng nên để chống lại manh tâm của Cao Biền ta có thể kể đến như:

**/Có một truyện do ông cha ta đặt ra để chống lại việc Cao Biền tự cho có khả năng điều khiển âm binh:*

Biền nuôi âm binh, đủ trăm ngày sẽ dậy và dùng được. Biền đưa cho một bà bán hàng bên đường, gần nơi nuôi âm binh của Cao Biền 100 cây nhang. Biền dặn là mỗi ngày bà hàng đốt một cây, đốt đủ trăm cây nhang thì quán hàng của bà sẽ được phát đạt. Bà lão theo lời dặn được ít ngày, đem cả bó nhang ra đốt một lượt. Quân của Cao Biền “dậy” thật nhưng còn yếu ớt, chưa đủ ngày tháng nên “dậy non”, run lẩy bẩy rồi biến thành đất cả.

**/Lại một truyện nữa do ông cha ta đặt ra để chống lại việc Cao Biền tự cho có khả năng pháp thuật để tiêu diệt các thần linh nước ta:*

Biền dựng hình nộm bằng cô gái trinh nữ 17 tuổi, mổ bụng, nhét rom vào và đặt lên bàn thờ, rồi tế lễ bằng thịt trâu, bò. Khi hình nộm người con gái nhúc nhích cử động, tức thần linh đã nhập vào hình nộm thì chém mất đầu, thần linh sẽ không còn linh thiêng nữa. Biền cũng áp dụng như thế đối với thần Tản Viên, đệ nhất trong “tứ bất tử” thần linh của nước ta để chặt đầu ngài đi. Hôm đó ngài Tản Viên đi vắng, khi trở về, ở trên cao nhìn xuống, thấy Cao Biền đang làm phù phép phía dưới, ngài Tản Viên liền nhổ vào bàn thờ rồi bay đi. Cao Biền than rằng: *”Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Ôi! cái vợ ông khí ở nước này sao mà hết được.”*

**/Lại một truyện nữa do ông cha ta đặt ra để chống khả năng “yểm trừ” của Cao Biền:*

Cao Biền đắp thành Đại La để “yểm” thần Long Đỗ của người Việt. Đắp xong thành, một hôm Biền nằm mơ, vào một buổi sáng dạo chơi ngoài cửa Đông thành, bỗng trời nổi mưa to gió lớn. Trong mộng mị thần Long Đỗ hiện ra trong ánh sáng chói lòa giữa đám mây ngũ sắc. Sáng hôm sau Biền tỉnh dậy, họp quần thần hỏi ý: “Ta không sao khuất phục được người phương nam sao?” Có kẻ khuyên lập đàn và đúc một tượng hình dạng thần nhân nặng nghìn cân sắt để “yểm”. Cao Biền theo kế ấy. Nhưng khi Biền đọc thần chú thì tượng sắt đó vỡ tan

làm trăm mảnh bay lên không trung. Cao Biền sợ hãi mà than rằng: *"Xứ này có thần linh kinh dị, ở lâu chắc chuốc lấy tai vạ. Ta phải về Bắc mất thôi!"*

Đấy các cháu xem, Cao Biền đem ra truyền thuyết nào để làm suy yếu tinh thần muốn độc lập của chúng ta thì ông cha ta có ngay những truyền thuyết khác để chống chọi lại. Khi các cháu đọc những truyền thuyết thì phải hiểu được cái dụng ý trong mỗi trường hợp, trong mỗi thời kỳ để hiểu được cái thâm ý của người xưa. Chỉ qua có câu chuyện của Cao Biền không thôi, sơ sơ ta đã có ba câu chuyện ấy và chắc hẳn còn có nhiều hơn nữa. *Nếu chúng ta đọc truyền thuyết mà cho là chuyện hoang đường, là mê tín, ấy là chưa hiểu được dụng ý của truyền thuyết.*

Cụ quay sang nói với Uyên:

- Cháu làm cô giáo, cháu phải lưu tâm điều này với học trò nhé. Dạy sử hay đọc sử phải cẩn thận lắm, khó chứ không phải dễ đâu, cứ hiểu sai một ly nó sẽ đi xa một dặm đấy. *Những sai lầm, xuyên tạc hay ngụy tạo lịch sử có thể làm di hại đến đời đời kiếp kiếp cho con cháu sau này.* Nhớ đấy các cháu nhé!

Chúng tôi đồng thanh:

- Thừa cụ vâng ạ!

Uyên lại hỏi thêm:

- Thừa cụ, việc hoàng hậu Dương Vân Nga tái giá với Lê Hoàn, một cựu tướng của chồng mình, các nhà sử học có phê phán gì không ạ?

- Một câu hỏi khá lý thú đấy! Theo vài nhà sử học có phê phán Lê Hoàn thì nhiều chứ ít có ai phê phán hành động của bà Dương Vân Nga. Có nhà sử bệnh vực Lê Hoàn và Dương Vân Nga là trong thời kỳ đó Nho giáo chưa thịnh hành ở nước ta, nên đứng trên cương vị của một nhà Nho để phê phán thì có hơi khắt khe.

Lê Hoàn là tướng tài ba, văn võ song toàn. Trong lúc đất nước lâm nguy, hai người đã tạo nên được sự nghiệp vĩ đại: phá Tống, bình Chiêm, làm rạng rỡ giống nòi thì chúng ta cũng *không nên lấy cái nhỏ nhặt mà đem ra phê phán mớ xể làm gì*. Trai tài gái sắc gặp nhau, âu cũng không thể tránh được việc yêu đương của con người. Dù sao thì bà Dương Vân Nga cũng chờ ba năm, đoạn tang chồng cũ rồi mới lấy Lê Hoàn cơ mà. Theo ý tôi thì *sự chuyển giao quyền lực từ nhà Đinh sang nhà Lê cũng không êm thấm lắm đâu*.

Có lẽ cụ Từ cũng biết là cụ nói hơi nhiều nên sợ chúng tôi “ngán” chẳng nên vội hỏi:

- Các cháu còn muốn nghe lão nói nữa không? Tôi vừa nhớ tới hai giai thoại có liên quan tới vua Lê Đại Hành *trong vấn đề đối ngoại với nhà Tống*.

Chúng tôi đồng thanh thưa:

- Xin cụ nói cho chúng cháu biết ạ!

Thư đứng lên, vặn mình mấy cái cho giãn gân cốt, rồi nói:

- Cháu cứ tưởng học sử thì dễ lắm nên cháu ít lưu tâm đến, không ngờ lại có nhiều điều thú vị như thế!

Cụ Từ gật đầu khen phải:

- Học sử là phải học cả cái cách nhìn lịch sử sao cho chính xác, nhiều suy luận, cân nhắc cặn kẽ, để hiểu được tiến trình dựng nước và giữ nước của tổ tiên mình. Học sử là học cách “luận cổ tri kim”, và còn *biết vận dụng nó vào trong đời sống hàng ngày nữa. Mọi thứ có thể ra đi nhưng lịch sử luôn tồn tại.*

Uyên tiếp lời cụ:

- Hồi nhỏ cháu cũng lơ là với môn sử lắm. Học cho có, học cho đủ điểm lên lớp thôi. Ai ngờ càng lớn lên, càng thấy sử nó thật gần gũi với mình, nó giúp cho ta rất nhiều trong cuộc sống.

Cụ Từ sửa lại thế ngồi cho đỡ mỏi rồi kể *hai giai thoại về vua Lê Đại Hành*:

* / Giai thoại thứ nhất kể rằng: Khoảng năm 987 vua nhà Tống sai *Lý Giác* sang sứ nước ta. Vua Lê Đại Hành nhờ một nhà sư tên *Đỗ Thuận* là người hay chữ, giả làm lái đò đi đón và quan sát hành vi của sứ Tống.

Lý Giác là một tay sành thơ. Thuyền đi đến sông Kinh Thầy (thuộc Hưng Yên bây giờ), nhân thấy hai

con ngỗng bơi trên mặt nước, Lý Giác ngâm hai câu thơ (dịch)

*Ngỗng kia, ngỗng một đôi
Nghênh cổ nhìn chân trời.*

Nguyên tác là của Lạc Tân Vương, người đời Đường (thế kỷ 7), làm lúc 10 tuổi.

Sư Đỗ Thuận đang chèo thuyền, ứng khẩu đọc tiếp (dịch):

*Nước xanh lông trắng phủ
Sóng bước chân hồng bơi.*

Lý Giác thấy người lái đò nước ta mà đã giỏi như thế nên phục lắm. Lý Giác tặng người lái đò một bài thơ, trong đó có hai câu (dịch):

*Ngoài trời lại có trời soi sáng
Sóng lặng khe đầm rọi mảnh thu.*

Sư Đỗ Thuận mang về cho vua xem. Vua Lê lại đưa cho nhà sư Khuông Việt - là người cầm đầu Phật giáo lúc ấy- Sư Khuông Việt nói: ”Đây là sứ Tống tỏ ý tôn trọng bề hạ cũng ngang như vua của họ vậy.”

*/ Giai thoại thứ hai kể rằng: Năm 990, Tống triều sai Tống Cảo sang sứ nước ta. Lê Hoàn sai *Đinh Thừa Chính* đem chiến thuyền sang tận bờ biển Liêm Châu (Quảng Đông) đón sứ. Sứ xuống thuyền, mọi cửa trong thuyền bít kín mít chỉ thấp nển. Thuyền đi loanh quanh đến nửa tháng mới tới sông Bạch Đằng, sứ tưởng nước ta đất rộng, biển

dài. Đi loanh quanh cả tháng nữa, chiến thuyền mới tới Ninh Bình. Gần Hoa Lư, vua Lê cho diễu thủy quân để phô trương thanh thế, lấy dân giả làm lính cho đông, trâu bò của dân tỵ lại ăn cỏ bên bờ sông, không đầy nghìn con, nói ngoa lên là mười vạn. Tất cả đều để uy hiếp tinh thần sứ Tống.

Vua Lê cho sứ Tống ở riêng, thường xuyên đem trăn vài trượng, hổ dữ đem tặng sứ. Sứ khiếp sợ vì thú dữ. Nhiều nhà sư giỏi chữ đến tiếp sứ Tống để chứng tỏ nước ta có văn hiến.

Nhận chiếu thư của vua Tống, lần nào Lê Hoàn cũng cuời ngựa không chịu quỳ lạy có đau chân. Sứ Tống cũng phải chịu. Vua Lê Đại Hành đề nghị với vua nhà Tống là sẽ cử người tới biên giới nhận chiếu lệnh, sứ thần không phải đến kinh đô Hoa Lư nữa vì đường xa xôi. Vua Tống cũng phải chịu nhận đề nghị đó.

Vua Lê Đại Hành dùng chính sách vừa kiên quyết vừa mềm dẻo để bảo vệ chủ quyền của nước ta.

Chợt Uyên dơ tay lên để xin hỏi cụ thêm một câu cuối cùng:

- Thừa cụ hàng năm dân Hoa Lư mở *lễ hội* ở hai đền Đinh-Lê như thế nào ạ?

Cụ Từ cười ha hả:

- May quá có người nhắc tôi! Vấn đề quan trọng như thế mà tôi quên khuấy đi mất. Lúc nầy tôi có nhắc tới, mãi ăn nên lại quên.

Cụ Từ cho biết:

Lễ hội tại hai đền vua Đinh và vua Lê được gọi là hội *Trường Yên* cùng diễn ra như nhau. Ngày lễ được tổ chức vào ngày mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, đây cũng là ngày vua Đinh tức vị Hoàng Đế. Trước đây ngày này được tổ chức như ngày quốc lễ nhưng sau thì trở thành hội làng. Ngày 10 tháng 3 âm lịch cũng là ngày giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức ở đền Hùng tại Phong Châu, Phú Thọ.

Cũng như những ngày lễ hội khác, chương trình được chia làm hai phần *phần lễ* gồm rước nước và cúng tế, *phần hội* có hội cờ lau tập trận và những sinh hoạt nghệ thuật khác.

Phần tế lễ thì làng *Yên Thượng* lo việc tế lễ ở đền vua Đinh, còn làng *Yên Hạ* thì lo việc cúng tế ở đền vua Lê. Về phần lễ vật ngoài hoa quả còn có lợn và xôi. Lợn phải nuôi trước cả năm. Ba tháng sau cùng phải nuôi lợn bằng thức ăn tinh khiết. Mổ lợn cũng phải chọn giờ trong ngày lễ. Cúng lợn chứ không được cúng lòng lợn và tiết canh như tôi đã nói khi chúng ta đi thăm đền vua Đinh hồi trưa nay.

Rước được khởi hành từ đền vua Đinh. Đi đầu là cờ quạt và phường “bát âm” (8 người dùng nhạc khí). Sau đó là kiệu rồng, trên đựng nước Thánh lấy từ sông Hoàng Long. Lấy nước cũng phải coi giờ

tốt. Người trong đám rước ăn mặc giống nhau, nam mặc áo the thâm, đầu khăn chụp, lưng đeo giải xanh đỏ. Theo sau kiệu là già làng mặc áo thụng tể màu lam cùng với một vị chức sắc trong làng hay một vị sư cao niên. Trống chiêng nổi lên, đám rước chậm rãi xuất hành.

Phần tế lễ là trọng điểm của ngày hội. *Tế vào ban đêm*. Hai cây “đình liệu” chiếu sáng rực từ 6 giờ chiều tới nửa đêm. Theo nghi lễ có phần xướng đọc 9 khúc văn tế (cửu khúc) bằng tiếng Hán, ca ngợi công đức của nhà vua qua điệu hát xướng. Sau mỗi khúc bằng tiếng Hán lại được phường trò diễn dịch, nam đàn, nữ xướng theo điệu châu văn. Cuộc tế lễ kéo dài từ 4 tới 5 giờ đồng hồ.

Lễ hội kéo dài 3 ngày. Có nhiều trò chơi vui. Các nơi đổ về dự cũng đông đảo lắm. Những ngày đó thì tôi bận cả tháng trước.

Cụ Từ hỏi chúng tôi ai có câu hỏi gì nữa không. Thư nhìn Uyên rồi lén dợ tay khua khua ra dấu cho Uyên đừng hỏi gì thêm nữa. Cụ Từ trông thấy nhưng chỉ mỉm cười:

- Câu chuyện hôm nay đến đây kể như tạm đủ. Các cháu đi ngủ để ngày mai còn dậy sớm đi trường ngoan tiếp nữa chứ.

Cụ chỉ vào Thư nói:

- Thư nó đang ngồi ngáp kìa!

Mọi người nhìn Thư cười. Cô xấu hổ vội đưa hai tay che mặt, chạy nấp sau lưng Mơ.

Tôi và Hội đưa cụ về tới tận nhà người quen của cụ, cũng chỉ cách một con đường rồi chúng tôi mới quay về nhà trọ.

Tôi rủ Thi lên sân thượng đứng ngắm trăng. Rặng núi đá vôi lơ mờ ẩn hiện dưới ánh trăng thanh. Chúng tôi chỉ cần đứng yên lặng bên nhau thôi cũng đã thấy hạnh phúc lắm rồi. Chẳng biết đến thời gian.

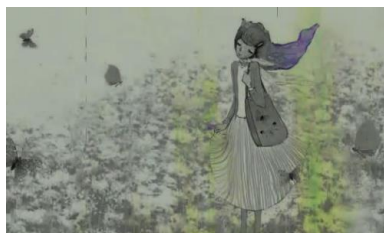
Tôi vừa nhìn Thi vừa se sẽ hát một đoạn trong một bài hát mang âm điệu dân ca quan họ:

“... Em còn son, anh cũng còn son. Anh về thưa với mẹ cha để đôi ta được làm con một nhà. . . để đôi ta được làm con một nhà.”

Thi ôm nhẹ lấy cánh tay tôi một cách trìu mến.

Đứng bên nhau một hồi lâu. Gió thổi đã trở nên lành lạnh, tôi đưa Thi về phòng. Đứng trước cửa phòng Thi, chúng tôi bịn rịn như chưa muốn chia tay.

Trở về phòng mình, tôi nằm thao thức, trần trọc với bao hình ảnh của Thi. Cuối cùng tôi cũng ngủ thiếp đi.■

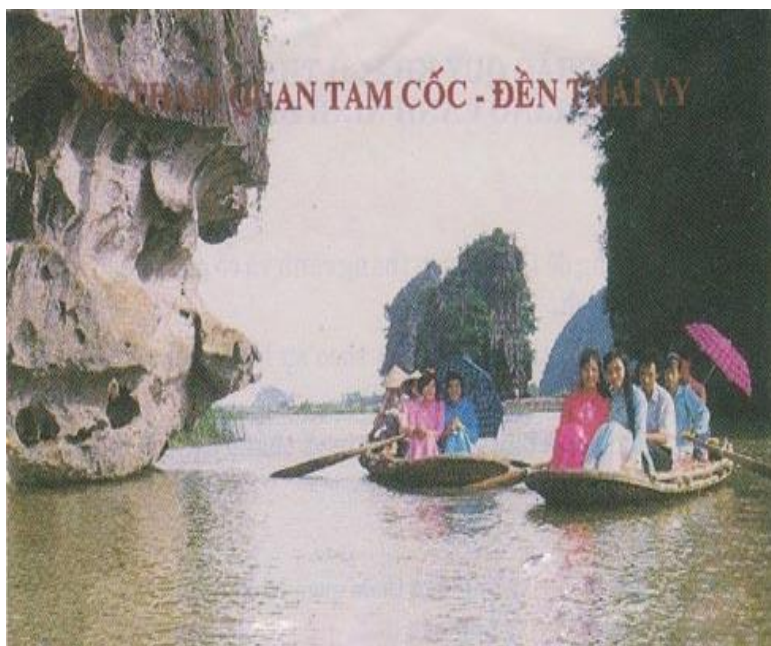


CHƯƠNG 12

Tam Cốc Bích Động

Phần 12-1

TAM CỐC



Vé vào thăm khu Tam Cốc và Đền Thái Vi

Sáng sớm hôm nay, trời còn chưa sáng rõ, chúng tôi đã sẵn sàng rời nhà trọ để lên đường vào thăm khu Tam Cốc-Bích Động của Hoa Lư.

Khi chúng tôi xuống nhà dưới thì gặp ông bà chủ nhà trọ đã có mặt ở phòng ăn đang chuẩn bị sẵn cho chúng tôi những phần ăn đựng trong hộp, mỗi người một phần và một chai nước nhỏ dùng cho trưa nay. Ông chủ cũng cho biết là xe khách sẽ ghé đón chúng tôi thay vì phải ra bến ngồi chờ đợi. Chúng tôi ngỏ lời hết sức cảm ơn về sự chu đáo này và cũng không quên đề nghị ông bà cho thưởng thức những món ăn đặc sản của Hoa Lư trong bữa cơm chiều nay sau khi đi chơi về.

Tôi cho phần ăn của Thi và của tôi vào ba lô mình. Uyên nhìn tôi tủm tỉm cười.

Hội cũng nhìn tôi rồi lại nhìn Thi, bô bô nói:

- Có chồng như thằng này kể ra cũng sướng thật!

Thi đưa mắt nhìn chị. Uyên cũng chỉ tủm tỉm cười không nói. Thư “nặng” ông anh ngay:

- Anh này! Muốn nói gì là nói thôi!

Tôi vội lên tiếng ngay:

- Không sao! Anh cô nói đúng đấy! Âu cũng là tại tôi chỉ sợ “mất” Thi đó thôi!

Thư nguýt tôi một cái dài rồi quay sang Thi:

- Khiếp quá! Ông đàn ông nào cũng khéo nói cả. Trừ ông anh mình.

Thi chỉ bẽn lễn tùm tùm cười. Uyên nghiêng người nhìn vào mặt cô em mình, ý muốn nói “Cô em thích nhé!” Như hiểu ý chị, Thi đánh nhẹ vào tay Uyên rồi lảng ra chỗ khác.

Trong khi chờ cụ Từ tới, chúng tôi đứng nói chuyện vãn với nhau. Mơ ngồi một mình bên góc bàn bên kia tùm tùm “cười góp” với những câu chuyện của mọi người. Thấy thế, Hội bước lại ngồi bên cạnh thủ thủ nói chuyện với Mơ. Một lúc sau cả hai cùng đứng dậy tới góp chuyện chung. Tôi nhìn Mơ, tự nghĩ, cô có cặp mắt hơi xếch, sáng, đa tình, lại có cặp môi đầy mộng trên khuôn mặt xinh xắn với nước da ”nâu ròn” đồng quê khỏe mạnh, ăn nói duyên dáng như thế kia thì hỏi làm sao anh chàng Hội này không mê cho được. Mê gái đẹp mà lại cứ chống chế đổ lỗi cho tại cái “duyên tiền kiếp”. Nghĩ thế nên tôi tùm tùm cười. Thi hỏi tôi:

- Anh đang cười tùm tùm cái gì vậy?

Tôi đánh lảng sang chuyện khác:

- Không! Anh đang nghĩ chút nữa cô Mơ có chèo thuyền cho anh Hội ngồi ngắm cảnh không đây!

Mơ nghe nói thế vội dấy nẩy lên:

- Ai lại làm thế được! Đàn ông phải chèo chứ! Anh Hội biết chèo thuyền rồi mà!

Hội dơ cả hai tay lên cao:

- Thôi! Thôi! Được rồi, để tôi chèo! Chìm thuyền thì rán mà bơi đó. Mặc váy thế kia mà bơi thì trông cũng buồn cười đấy chứ nhỉ?

Mơ nghe thế, cứ hồn nhiên cười làm chúng tôi nhìn nhau rồi mới dám cười theo. Tôi lại nghĩ bụng, cái anh chàng này đúng là loại người “muốn nói gì thì nói”. Có lẽ vì cái tính này nên Hội được bạn bè trong trường thương mến và thích gần gũi chẳng? Được cái anh dễ tính, ai đả kích sao cũng được, chỉ cười trừ. Bà mẹ ở nhà gọi anh là “Tây con” quả cũng không sai. Mặc dù tôi không biết “Tây con” nó có như thế hay không? Thư thì chẳng khác ông anh là mấy, chỉ khác một tý vì cô là con gái. Và cũng có điều, ở nhà chẳng ai gọi cô là “đằm con” cả.

Ngồi nói chuyện vãn với nhau một chút thì cụ Từ tới. Chúng tôi khen cụ đã trên sáu mươi tuổi rồi mà vẫn còn khỏe mạnh và nhanh nhẹn lắm. Mỗi lần được khen như thế, cụ lại tươi cười với bộ mặt đầy hài lòng, sung sướng. Tôi tự nghĩ bốn mươi năm sau, mình có được như cụ hay không?

Tôi xin bà chủ cốc nước trà nóng cho cụ trong khi chờ đợi xe tới. Cụ xoa tay:

- Khỏi lấy nước trà, bà cho tôi chút rượu Kim Sơn uống cho tỉnh người!

Tôi mua thêm 2 cái bánh khúc mời cụ. Cụ bỏ vào túi áo không ăn. Tôi cho cụ biết là chúng tôi đã chuẩn bị thức ăn trưa và nước uống cho cụ trưa nay.

Hội nhìn cụ Từ nhâm nhi cốc rượu, quay sang hỏi Thi:

- Thi! Cô em có cho thằng này (Hội chỉ vào tôi) uống rượu nữa không?

Thi vội khua khua hai tay:

- Không được! Không được! Anh ý say thêm lần nữa là em “nghỉ chơi” liền!

Hội nhắc lại với Thi:

- Hôm đó nó say, anh khuân nó vào giường, thấy cô em cứ cuống cả lên, đứng khóc như là nó sắp chết đến nơi ấy. Trông đến thật buồn cười.

Thi nhìn tôi:

- Hôm đó anh làm em sợ quá!

Tôi nhanh miệng:

- Cho anh xin lỗi!

Hội cười rồi nói tiếp với Thi:

- Anh đã nói là nó không có sao đâu, tý nữa nó tỉnh lại. Cô em không nghe cứ đứng bên cạnh mà vừa khóc sụt sùi vừa bóp tay bóp chân cho hấn làm anh sốt cả ruột. Hôm đó, anh nghe nói bài thi khó mà nó đạt điểm cao, lại được thầy khen nên anh em đãi nó một chiều.

Thi chỉ đứng cười gượng. Tôi lảng ra chỗ khác nói chuyện với Uyên. Thư “net” ông anh:

- Làm “người đẹp” xấu hổ rồi kia kìa! Anh có xin lỗi không!

Mọi người cười. Hội đến vỗ tay nhẹ vào lưng tôi trước khi bỏ ra ngoài cửa ngóng xe đến.

Cụ Từ thấy chúng tôi cười đùa vui vẻ, cũng xen tiếng phân bua:

- Tôi quen rồi. Cứ sáng ngày ra phải uống một cốc rượu nhỏ, người mới tỉnh ra được. Chiều một cử nữa thì thôi, chứ tôi không say sưa gì đâu. Tối hôm qua vui nên tôi mới uống hơi nhiều đấy thôi!

Chúng tôi chỉ dám mỉm cười với những lời phân bua của cụ.

Xe đã tới. Tôi và Thi ra thanh toán tiền nong với bà chủ cho buổi sáng nay. Tôi chào và cảm ơn ông chủ đang từ trong bếp chạy ra. Bà chủ khen Thi:

- Cô xinh gái quá!

Ông chủ nhà lại nói thêm:

- Hai người sẽ kết hôn khi cậu ấy ra trường đấy!

Chúng tôi vội quay đi nhanh ra cửa. Tôi và Thi còn nghe thấy tiếng bà chủ nói với chồng ở sau lưng.

- Cặp này trông đẹp đôi nhỉ!

Tôi nhìn Thi mỉm cười. Nàng cúi xuống tránh cặp mắt của tôi nhưng cũng bẽn lễn mỉm cười với nét mặt thật hân hoan rạng rỡ. Còn tôi thì hớn hờ khi nghe những lời khen như thế trước mặt nàng.

Vì là chiếc xe ô tô nhỏ cỡ trung bình nên ngoài số khách đã có sẵn, xe chỉ còn vừa đủ chỗ ngồi dành riêng cho nhóm chúng tôi. Cụ Từ ngồi ghế trên với anh tài xế trẻ tuổi. Chúng tôi ngồi phía sau, tất nhiên là Hội ngồi cạnh Mơ và tôi ngồi cạnh Thi. Chiếc xe chạy phom phom trên đường. Hội khoác vai Mơ cứ như sợ ai cướp cô đi mất.

Tam Cốc chỉ cách thị xã Ninh Bình có 12 cây số nên chẳng bao lâu xe đã đến bến đò Tam Cốc. Chúng tôi vừa xuống xe thì xe lại vội vã tiếp tục hành trình.

Trên bến đò có cây đa cổ thụ, tàn lá che cả một khu đất rộng. Bên dưới tàn cây là một quán nước nhỏ với ngọn đèn dầu leo lét, vài ba thứ còn bày lủng chông trên chiếc chõng tre vì quán hàng còn mới đang được dọn ra. Dưới bến, dăm ba chiếc thuyền nan được cột vào cọc nằm im lìm chờ khách. Chưa thấy bóng ai.



Chúng tôi còn đang ngơ ngác ngó quanh thì bất chợt, ba cô thiếu nữ từ trong căn lều lá gần đó bước

ra. Khi đến gần, các cô nhận ra cụ Từ, vội cúi đầu chào:

- Lậy cụ ạ! Sao cụ đến sớm thế ạ! Chắc cụ đưa các anh chị đây đi chơi Tam Cốc? Đã lâu lắm chúng cháu mới lại gặp cụ ghé đây!

- Đúng rồi! Mấy người này từ Hà Nội về thăm Hoa Lư, tôi rảnh nên đưa đi chơi.

Một cô hỏi:

- Thế, thưa cụ cần mấy thuyền ạ?

- Cho tôi hai thuyền được không. Một thuyền chở ba người, một thuyền chở bốn người. Được chứ các cô? Chúng tôi muốn ngồi chung để dễ nói chuyện.

Ba cô đồng thanh trả lời:

- Thưa cụ vâng ạ! Xin mời cụ và các anh chị xuống thuyền.

Một cô quay trở lại chòì tranh, nói với theo hai cô kia:

- Hai chị đi chuyến này đi! Em đi chuyến sau cũng được. Ngày mai chúng mình gặp lại nhau kể tiếp chuyện ấy nhé...!

Hai cô lái đò còn lại tắt tươi bước nhanh ra thuyền.

Trước khi xuống bến, cụ Từ tập trung chúng tôi lại để giảng giải vài lời về khu Tam Cốc này.

Cụ cho biết Tam Cốc có diện tích khoảng 350 mẫu (ha), cách thị xã Ninh Bình khoảng 12 cây số.

Sở dĩ có tên Tam Cốc vì dòng sông Ngô Đồng trước mặt chúng tôi đây chảy xuyên qua chân một dãy núi đá vôi đã tạo thành ba hang động, còn gọi là “xuyên thủy động”. Lần lượt kể từ ngoài này đi thuyền vào phía bên trong, chúng tôi sẽ phải đi ngang qua ba hang “xuyên thủy động” như thế, gồm *hang Cả*, *hang Hai* và *hang Ba*.

Hang Cả có chiều dài 127 mét, xuyên qua một quả núi lớn, cửa hang rộng trên 20 mét. Trong hang khí hậu khá mát và có nhiều thạch nhũ rủ xuống. Hang Hai, cách hang Cả gần một cây số, có chiều dài 60 mét, trần hang cũng có nhiều nhũ thạch rủ xuống. Hang Ba, gần hang Hai, có chiều dài 50 mét, trần hang như một vòm đá, thấp hơn so với hai hang kia.

Cụ Từ còn hứa sáng nay sẽ đưa chúng tôi đi chơi *Tam Cốc* rồi vào thăm *chùa Bích Động*.

Tên ghép Tam Cốc - Bích Động là vì khu Tam Cốc có *chùa Bích Động* nổi tiếng. Chùa nằm trong *động Bích Động*, nó thuộc loại “chùa động” (chùa xây ở trong hang động). Động Bích Động được mệnh danh là “*Nam thiên đệ nhị động*”, đẹp đứng hàng thứ nhì sau động Hương Tích.

Chúng tôi lần lượt xuống thuyền. Mới còn tờ mờ sáng nên sương mù còn phủ là là trên mặt nước sông Ngô Đồng. Hai cô lái đò cho biết hôm nay trời có nhiều sương mù hơn mọi hôm.

Sau khi mọi người đã an vị trên thuyền, chúng tôi lần lượt giới thiệu từng người để hai cô lái đò dễ

gọi. Được biết, cô lái đò thuyền bên tôi tên Phấn, cô lái đò thuyền bên kia tên Lan. Hai cô trạc tuổi trên dưới hai mươi, người khỏe mạnh và nhanh nhẩu, tính tình lại vui vẻ. Nhìn hai cô tôi lại liên tưởng tới hình ảnh của Mơ mà chúng tôi gặp trên suối Yên ở chùa Hương. Tôi tự nghĩ đùa một mình, không biết có anh chàng Hội thứ hai, thứ ba nào sẽ tới với hai cô lái đò này không đây. Trên thuyền tôi, Uyên và cụ Từ ngồi hàng ghế đầu, phía trước mũi, tôi và Thi ngồi bên nhau ở hàng ghế giữa rồi đến cô lái đò ngồi chèo lái ở phía sau. Thuyền bên kia thì Hội và Mơ ngồi hàng đầu, Thư hàng giữa và cuối cùng là cô lái đò.

Ngồi trên thuyền, chúng tôi cố giữ yên lặng, không ai nói một lời nào để tận hưởng cảnh đẹp thiên nhiên, cái không gian tĩnh mịch chỉ còn nghe tiếng mái chèo khua nước.

Tôi đặt tay nhẹ lên vai Thi nói nhỏ chỉ đủ nàng nghe:

- Thích quá em nhỉ! Cứ như ở trên tiên cảnh ấy!



Thi ngừng lên nhìn tôi mỉm cười rồi quay mặt đi ngắm cảnh. Mỗi khi nàng xúc động trước cảnh đẹp nàng lại siết nhẹ tay tôi khen nhỏ: “Đẹp quá!”



Những rặng núi cao còn lẫn trong sương mờ. Mọi cảnh vật như lúc ẩn lúc hiện. Thuyền nhẹ lướt trong không gian huyền ảo, trong cái yên tĩnh nên thơ mà không buồn tẻ, trầm mặc. Xen lẫn trong tiếng chèo khua nước, trong tiếng sóng vỗ nhẹ trên mũi thuyền, thỉnh thoảng vài tiếng chim kêu rì rạc trên không trung hay tiếng vượn hú từ trong rừng núi vang ra.

Trời sáng tỏ dần. Những ngọn núi màu xám đậm đã chuyển sang màu xám nhạt. Màu xanh tươi mát của cây rừng cũng dần hiện ra. Và cũng chẳng bao lâu sau, ánh sáng ban mai đã lần lần lộ dạng làm cảnh vật trở nên lung linh trong vùng nước ruộng chiêm menh mông. Từ những rừng cây chung



quanh, xào xạc với những đàn vạc trắng tung cánh bay đi kiếm ăn. Lác đác ở đây đó vài ốc đảo nhỏ với những cây si cổ thụ mọc chen chúc nhau. Hàng trăm rễ phụ mọc chằng chịt, cành lá phủ che một khoảng mặt đất khá rộng. Có những cành đưa ra xa khỏi ốc đảo soi mình xuống mặt nước gợn sóng lăn tăn thơ mộng.



Thuyền có khi đi sát vào chân núi để chúng tôi nhận ra những khoảng chân núi bị xoi mòn, những hang nhỏ ẩn sâu vào trong vách núi hay những chòm đá nhô ra với muôn hình thể, đẹp đến đến trở nên kỳ diệu dưới bàn tay tạo hóa. Những hiện tượng trên đã chứng tỏ vùng đất này đã một thời bị ngập trong biển cả hàng nhiều ngàn năm. Rồi mực nước biển rút xuống thấp như ngày nay để còn lưu lại khu đồng chiêm, với con sông Ngô Đồng uốn khúc. Khi nước biển rút đi như thế, người ta ví vùng núi non trùng điệp này như một “*vịnh Hạ Long trên cạn*”, một thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú, có một không hai, không



phải chỉ của riêng Hoa Lư, mà là của cả tỉnh Ninh Bình, của cả đất nước ta.

Đàn vịt bơi lờ lững, nhàn tản bên nhau. Có khi chúng bơi băng qua trước mũi thuyền mà vẫn thanh thản như bơi ở chỗ không người. Thỉnh thoảng vang lên vài ba tiếng “cạp! cạp!” như để gọi nhau, rồi chúng lại nhón nhờ bơi lội. Cụ Từ cho biết những đàn vịt này được những gia đình sống quanh đây nuôi để lấy trứng.



Hai bên dòng sông Ngô Đồng là đồng lúa chiêm mênh mông, len lỏi cả vào vùng chân núi chung quanh. Cỏ nước mọc chồi cao bên hai bờ sông, và cũng nhờ đó mà chúng tôi mới phân biệt được ranh giới của dòng sông, dù là ranh giới ấy



cũng thật mơ hồ. Có những vách núi đá với những đường cắt ngang dọc khá đều đặn. Chúng mang hình ảnh những vách tường của đền đài hay ngôi tháp khổng lồ được xây dựng bởi những khối đá lớn vuông vức chồng chất ngay ngắn lên nhau. Và nó cũng làm tôi liên tưởng tới khu đền Đế Thiên Đế Thích bên xứ Cao Miên hay những ngôi “kim tự tháp” ở Ai Cập mà tôi được đọc, được nhìn thấy trong sách vở. Cụ Từ cũng cho biết vào mùa lúa chín, cả khu vực này trở nên rực rỡ trong màu vàng óng ả như những tấm lụa vàng bông bênh theo từng cơn gió thổi.

Hang Cả đã thấp thoáng hiện ra xa xa. Tôi có cảm tưởng là hang thấp quá khiến thuyền của chúng tôi khó



mà qua lọt. Nhưng khi tới gần thì tôi thấy miệng hang cũng không đến nỗi thấp lắm như tôi tưởng. Thuyền vào bên trong, ánh sáng trở nên tối hơn.



Chúng tôi vẫn phải cúi khom người xuống vì cảm giác sợ đụng đầu vào những thạch nhũ từ trên nóc hang rủ xuống. Thuyền đi từ từ, tiếng mái chèo khua nước lẫn với tiếng tí tách của những giọt nước trên trần nhỏ xuống mặt sông. Bóng mờ tối và những giọt nước mát lạnh rơi vào người Thi làm nàng cứ bám chặt lấy cánh tay tôi như muốn đu lên. Tôi biết Thi chưa quen với sự âm u và ẩm thấp này.

Khi thuyền ra gần tới cửa hang bên kia, một khoảng ánh sáng hắt vào làm chúng tôi nhận rõ những nét đẹp của thạch nhũ hơn. Những tia nắng nhẹ ban mai phản chiếu từ mặt nước sông, loang loáng hắt lên nóc cửa hang tạo thành những mảng “hoa nắng” lung linh. Trước cảnh đẹp thiên nhiên, tôi và Thi cùng tay trong tay, nhìn nhau mỉm cười trong niềm vui hạnh phúc vô biên.

Không gian chợt mở rộng ra khi thuyền vừa ló ra khỏi cửa hang.

Qua hang Cả, thuyền chúng tôi lại tiếp tục lướt nhẹ trên sông Ngô Đồng để đến hang Hai. Cảnh vật chung quanh, cũng với núi, với sông với cảnh thiên nhiên hoang dã, nhưng không phải vì thế mà nó trở nên buồn tẻ. Chúng tôi vẫn được hưởng những cảnh đẹp làm mê mẩn lòng người vì sự thay đổi cảnh trí liên tục của chúng. Dòng sông Ngô



Đồng uốn khúc, lúc thẳng lúc cong, lúc thu nhỏ lại, lúc lại nở phình ra được bao quanh bởi những dãy núi lúc gần, lúc xa, lúc sát gần ngay bên cạnh. Đôi khi, chúng tôi phải giật mình vì đàn chim trắng thấy tiếng động vội bay vụt lên từ những cây cổ thụ gần bên.

Dăm ba nhóm ngư dân, đàn ông có, đàn bà cũng có, thả lưới bắt cá trên cánh đồng chiêm. Bên cạnh mỗi nhóm là chiếc thuyền nan nho nhỏ. Vùng này có nhiều cá rô sống trong đồng và trong những hốc đá.

Chúng tôi đã tới hang Hai, hang này chỉ dài bằng nửa hang Cả nên cũng ít tối hơn. Thi đã quen với khung cảnh bên trong hang nên không còn ôm chặt cứng lấy cánh tay tôi như trước nữa. Tôi nhẹ vuốt tóc Thi nói nhỏ:

- Cảnh đẹp quá em nhỉ!

Tôi và Thi ngồi bên nhau. Tuy không nói với nhau nhiều, nhưng cả hai chúng tôi đều hiểu sự im lặng ấy là để cùng tận hưởng trọn vẹn cảnh đẹp thiên nhiên thơ mộng và những niềm vui hạnh phúc trong lòng. Đôi lúc, tôi siết nhẹ bàn tay nhỏ bé, mềm mại và ấm áp của Thi. Cái siết nhẹ ấy đã nói lên tất cả, hơn cả những lời yêu thương nhất mà tôi muốn nói với nàng. Tôi biết Thi cũng hiểu như thế. Nàng thường đáp lại tôi bằng một nụ cười rất nhẹ, nhẹ nhàng trong sự e ấp dịu dàng, trong ánh mắt dạt dào yêu thương.

Ra khỏi hang Hai, tôi cao hứng khẽ hát đủ để Thi nghe:

Anh còn son, em cũng còn son! Anh về thưa với mẹ cha để đôi ta được làm con một nhà... Để đôi ta được làm con một nhà ...

Thi biết tôi trêu nàng nên cứ ngoảnh mặt đi chỗ khác mỉm cười. Không ngờ dù tôi chỉ hát đủ nhỏ cho Thi nghe thôi nhưng mọi người trong thuyền cũng đều nghe thấy cả. Uyên quay lại nhìn tôi và Thi, cười nói:

- Anh hát hay quá! Hai người đang du dương quá nhỉ!

Cô lái đò ngồi phía sau tôi cũng lên tiếng:

- Anh hát thêm nữa đi! Anh hát hay quá! Tôi quay lại nhìn cô lái đò:

- Không dám nhận lời khen của cô. Cô Phấn hát cho chúng tôi nghe đi!

Không đợi tôi mời lần thứ hai, cô đề nghị:

- Để em hát tặng anh chị bài hát quê mùa này nhé. Em hát bài dân ca điệu “cò lả”. Vùng này có nhiều cò trắng lắm.



Nói xong cô cất tiếng hát.

Con cò cò bay lả lả bay la. Bay từ từ cửa phủ, bay ra là ra cánh đồng. Tình tính tang là tang tính tình.

Anh chàng rằng ới anh chàng ới, rằng có biết là biết hay không? Rằng có nhớ là nhớ hay không? ... Rằng có nhớ là nhớ em chẳng?

Giọng cô thật trong trẻo làm sao. Tiếng hát của cô vang xa, vang trong vách núi, vang trong không gian tĩnh mịch, lẫn trong tiếng nước vỗ mạn thuyền cùng với tiếng chèo khua nước, hòa quyện với cảnh thiên nhiên thơ mộng của buổi sớm mai. Tiếng hát ấy trở nên như vừa quyen rũ, vừa màu nhiệm làm ngơ ngẩn lòng người. *Lời hát chỉ mộc mạc thế thôi, như tiếng nói của đời thường, nhưng sao nó vẫn tình tứ và đi sâu vào lòng người đến thế.* Cái hay của dân ca có lẽ là ở từ chỗ ấy chẳng, để nó sống mãi trong cái đậm đà văn hóa dân tộc đã tự bao đời.

Cô vừa hát xong, chúng tôi vỗ tay tán thưởng. Mọi người bên thuyền của Hội đi sát phía sau cũng góp tiếng vỗ tay khen làm cô lái đò phải cúi rạp người xuống cảm ơn đôi lần và cô tỏ ra sung sướng, hớn hởi với những tràng pháo tay rất nhiệt tình dành cho cô.

Thuyền lại tiếp tục qua hang Ba. Hang này thấp hơn hai hang trước nên chúng tôi phải rạp cúi đầu xuống nhiều hơn. Thật ra thì trần hang cũng đủ cao để chúng tôi không cần phải làm như thế. Chúng tôi

cúi xuống âu cũng chỉ là phản ứng tự nhiên gây ra bởi cái cảm giác thâm thấp của trần hang.

Thuyền chúng tôi vừa qua khỏi hang Ba, đi thêm một quãng ngắn nữa thì cụ Từ đề nghị “đổ bến” lên một khoảnh đất cao, có ngôi hàng nước nho nhỏ ở đó. Chúng tôi theo cụ lên bờ. Hai cô lái đò cũng cột thuyền rồi cùng bước lên theo sau. Cảnh trí ở đây thật yên tĩnh làm sao. Cánh đồng chiêm như mở rộng ra hơn ở trước mặt chúng tôi. Tôi hơi ngạc nhiên vì ở nơi vắng vẻ này sao lại có cái quán nước nho nhỏ như thế. Bán cho ai nhỉ?

Chúng tôi tạm ngồi uống bát chè nóng và ăn vài ba chiếc kẹo vùng. Hai cô lái đò, vừa uống nước vừa ăn kẹo do chúng tôi mời, vừa nhìn Mơ ra vẻ ngạc nhiên vì cách ăn mặc của cô không giống ai trong bọn. Mơ bước tới nói chuyện. Chẳng mấy câu xã giao qua lại, cả ba đã có vẻ thân thiện và cởi mở với nhau lắm.

Sau khi mọi người đã cạn bát nước chè xanh, cụ Từ gọi chúng tôi tới gần mới nói:

- Đây là khu Tam Cốc, hay còn gọi là khu “ba hang” mà chúng ta vừa đi qua. Nay chúng ta sẽ nhờ hai cô đưa chúng ta đi thăm *chùa Bích Động* nhé.

Cụ quay lại hỏi hai cô lái đò:

- Hai cô còn có thì giờ và nhớ đường để đưa chúng tôi tới thăm chùa Bích Động chứ?

Hai cô chèo đò vui vẻ đáp:

- Thừa nhớ ạ! Chúng cháu sinh đẻ ở đây mà!

Cụ Từ ra lệnh:

- Thế thì tốt quá! Chúng ta lên đường đi cho kịp sáng nay. Ta sẽ còn phải đi vài nơi nữa vào chiều nay.■

Hình ảnh Khu Tam Cốc do người viết chụp:



CHƯƠNG 12

Tam Cốc Bích Động

Phần 12-2

BÍCH ĐỘNG

Chúng tôi rời Tam Cốc để đi thăm *chùa Bích Động* trong khu vực này.

Hai chiếc thuyền nan đi song song bên nhau nên chúng tôi vừa được ngồi nhìn phong cảnh hữu tình lại vừa được nói chuyện với nhau như ở trên bờ. Nghe tiếng sóng vỗ mạn thuyền và tiếng chèo khua nước thật vui tai. Tiếng gió thổi, tiếng rừng cây xào xạc, tiếng vượn hú xa xa, tiếng chim kêu rì rạc của đàn chim trắng bay ngang qua trên nền trời trong xanh, tiếng vịt bơi lội trên đồng gọi nhau. Tất cả những hình ảnh ấy, những âm thanh ấy hòa quyện lại với nhau để tạo nơi đây như cảnh “lạc lối đảo nguyên” của hai chàng Lưu, Nguyễn.

Bồng Thi sợ hãi ôm cứng lấy tay tôi khi nàng nhìn thấy một con rắn đang trườn mình trên mặt nước trước mũi thuyền. Cô lái đò trấn an:

- Các anh chị đừng sợ! Đây chỉ là con rắn nước đó thôi, không có nọc độc đâu. Chúng em gặp hàng ngày ấy mà.

Thuyền cứ ngược dòng nước mà đi. Mỗi lần đi qua hang, nay chúng tôi đã quen nên không còn có cảm giác sợ đùng đầu như trước nữa nên an tâm ngắm nhìn những thạch nhũ đẹp đẽ, một kỳ công của tạo hóa đã tồn hàng nghìn năm, hàng vạn năm hay nhiều hơn thế nữa để tạo ra nó.

Có lẽ Hội thích thú với những cảnh thiên nhiên kỳ thú này nên lớn tiếng từ thuyền bên kia:

- Các cậu có đi chơi đâu nữa thì nhớ cho “vợ” tớ đi theo với nhé!

Uyên hỏi:

- Thế anh không đi à?

Hội cười:

- “Vợ” đâu thì “chồng” phải đi theo đây chứ!

Cả bọn cùng cười. Mơ đánh vào tay Hội:

- Anh làm em sợ hết cả hồn.

Mơ nhìn Thư rồi nói thêm:

- Nhưng phải có Thư cùng đi thì em mới đi!

Thư đứng lên, chống nạnh, vênh mặt:

- Em không đi!

Mơ thật thà nhìn Thư năn nỉ:

- Thư cùng đi chơi với anh chị đi mà!

Thư vẫn đứng chống nạnh, vênh mặt nhìn Hội:

- Em không đi!

Hội nhìn Mơ:

- Thư nó muốn anh năn nỉ đó thôi!

Hội quay sang Thư, dơ hai tay lên trời:

- Thôi được rồi! Anh rủ cô đấy! Chịu chưa?

Thư vẫn vênh mặt nhìn ông anh:

- Rủ thì không đi, mời mới đi!

Mơ vội cướp lời Hội:

- Ủ, ừ! Anh chị mời! Anh chị mời mà!

Thư cười cười ngồi xuống ôm lấy lưng Mơ đang ngồi đằng trước với Hội:

- Cám ơn chị Mơ! Em đi theo để bảo vệ chị, không cho anh ấy bắt nạt. Ở nhà anh ấy sợ em lắm vì em hay mách mẹ.

Câu nói của Thư làm mọi người cùng cười. Hai cô lái đồ bao giờ cũng là người cười to nhất.

Bỗng Thư lại đứng lên hỏi tôi:

- Sao anh nhớ sử Việt Nam thế?

Tôi vội trả lời ngay:

- Tại cô học trò bé nhỏ này của anh đây (tôi chỉ vào Thi) “lười” học sử Việt Nam nên anh phải học giùm để kể cho nghe.

Thư nói với Thi:

- Mình ganh tỵ với bạn đấy! Mình chẳng có ai học giúp cả. Anh bạn của mình thì chỉ thích rủ mình đi ăn quà thôi.

Thì cứ ngồi cười cười nhìn tôi, nắm chặt bàn tay tôi mà không nói gì. Tôi biết Thì rất cảm động trước lời nói nửa đùa nửa thật của tôi. Uyên thì nhìn tôi cười tủm tỉm ra chiều đắc ý lắm.

Cụ Từ từ nãy đến giờ ngồi nghe chúng tôi đùa nghịch, bây giờ mới lên tiếng:

- Các cháu làm tôi nhớ tới thời còn trẻ quá!

Chúng tôi cùng nói:

- Cụ kể cho chúng cháu nghe đi ạ!

Cụ lắc đầu:

- Thời chúng tôi, trai gái không được tự do vui chơi, đùa nghịch hồn nhiên như các cháu bây giờ đâu. Phần lớn là yêu thầm cả đẽ rồi có khi dang dở, nuối tiếc. Thời buổi nào thì có cái biểu lộ tình yêu của thời đó. Các cháu cởi mở như thế rất tốt.

Uyên quay lại nhìn tôi rồi lại nhìn Thì:

- May quá! Chẳng bao lâu nữa, anh cũng sẽ là người cùng nhà và em có nhiều dịp để học hỏi ở anh.

Tôi nói đùa với Uyên:

- Thừa “chị” Uyên, thật rất hân hạnh!

Thì ngồi bên cạnh “véo” một cái vào đùi tôi rồi nhìn bà chị mỉm cười.

Uyên nhìn tôi cười:

- Anh lại trêu em nữa rồi! Em không muốn anh gọi em bằng “chị” đâu, lúc đó anh cứ gọi em là “Uyen” cho tiện. Lúc nào em cũng kính trọng và coi anh là người anh của em từ lúc chúng em còn nhỏ mà.

Tôi nhìn Thi hỏi:

- Ý em thì sao?

Thi cúi mặt xuống, mỉm cười bẽn lễn, nhẹ lắc đầu phụng phịu:

- Em không biết!

Tôi biết đây là cách trả lời duy nhất của Thi mỗi khi nàng gặp phải câu hỏi khó trả lời.

Bỗng thuyền bên kia, Mơ chọt lên tiếng:

- Chị Lan ơi (tên cô lái đò)! Lúc nãy chị Phấn bên thuyền kia hát rồi, nay chúng em mời chị hát đại diện cho thuyền bên đây đi.

Cô Lan cứ nhìn cô Phấn bên thuyền bên tôi như hỏi ý. Cô Phấn vui vẻ giục:

- Chị Lan hát đi! Chị Lan hát hay lắm đấy ạ!

Cô Lan, đứng suy nghĩ một chút rồi nói:

- Em mời cụ và các anh chị nghe một bài hát dân ca mang điệu “Hát ru” của miền Bắc nhé.

Chúng tôi vỗ tay hoan hô để cổ vũ. Thư đứng lên vỗ tay to nhất. Mơ phải kéo tay Thư xuống cô mới chịu ngồi yên.

À... à... ời! À ... à... ời!

*Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi một xâu cá mè*

À... à... ời! À... à... ời!

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi*

À... à... ời! À... à... ời!

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi năm xôi.
Bờm cười!*

Khi Lan vừa hát xong chúng tôi lại vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Thư lại đứng lên khua chân múa tay ra điệu thích thú lắm. Mơ khen:

- Chị Lan hát hay quá!

Cụ Từ:

- Bài hát “ru em” hay “ru con” này, tuy lời hát thật dung dị nhưng bên trong lại ẩn chứa nhiều triết lý dân gian lắm đó.

Uyên nghe cụ Từ nói thế vội quay lại nhìn tôi như hỏi ý. Tôi đưa tay lên môi ra dấu để Uyên đừng hỏi nữa. Tôi nói nhỏ chỉ đủ để Uyên nghe:

- Về nhà anh nói cho nghe!

Uyên cũng đưa tay lên môi nhìn tôi mỉm cười như vừa để đùa nghịch vừa như có ý nói rằng em đã hiểu ý anh rồi. Tôi tự mỉm cười vì tôi biết Uyên đã cho tôi là người có thể giải đáp cho nàng mọi vấn đề mà nàng cần biết. Sự thật thì lại không phải là như thế.

Thuyền lại tiếp tục đi trên dòng sông Ngô Đồng.



Một lúc sau, cụ Từ cho biết là đã tới nơi. Dời bến thuyền, chúng tôi phải đi một đoạn đường bộ khá dài để đến *chùa Bích Động*. Trên đường đi, cảnh trí cũng thật tươi mát, yên tĩnh và thanh bình làm sao dù là trời đã gần trưa. Được cụ cho biết vào mùa lúa mọc, cả một vùng xanh ngát một màu và đến mùa lúa chín nó trở nên rực rỡ như được trải thảm vàng.

Cũng như đến những nơi khác, tới Bích Động cũng vậy, cụ Từ luôn luôn là người dẫn đường và

sẵn lòng giải thích cho chúng tôi căn kẽ về những điều mà chúng tôi được nhìn, được nghe thấy trong chuyến đi. Nhìn bề ngoài, với dáng vẻ nông dân mộc mạc của cụ, người ta thật khó mà có thể đánh giá cho đúng mức sự hiểu biết về Hoa Lư của cụ.



Cổng chùa Bích Động

Từ xa xa chúng tôi đã thấy thấp thoáng một *quần thể* ba ngôi chùa cổ màu rêu phong mang hình dáng chữ “Tam” theo Hán tự. Chúng không liên lạc nhau tạo thành tam cấp nằm dọc theo sườn núi, dựa vào thể núi từ thấp lên cao thành ba ngôi chùa riêng biệt: Hạ, Trung và Thượng. Núi với cây cối xanh um, động và chùa cùng ẩn hiện giữa những cây đại thụ xanh biếc làm cho chùa hòa nhập với cảnh trí thiên nhiên. Nhìn toàn cảnh trông như một bức tranh tuyệt mỹ của núi rừng. Có chi nhánh của sông Hoàng Long chảy uốn khúc quanh 5 ngọn núi Ngũ Nhạc vây quần với nhau. Được biết dưới gầm chùa lại có “động xuyên thủy”. Càng đến gần, cảnh trí càng thấy đẹp đẽ và kỳ thú hơn lên.

Cụ Từ cho biết:

Về vị trí. Chùa được xây dựng trên sườn núi Bích Động, nằm trong dãy núi đá Ngũ Nhạc thuộc thôn Đàm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Bích Động là một trong những thắng cảnh nổi tiếng nhất của tỉnh Ninh Bình được chúa Trịnh Sâm ban tặng cho danh hiệu là "*Nam Thiên đệ nhị động*", có nghĩa là động đẹp thứ nhì của trời Nam, chỉ sau động Hương Tích ở Hà Đông.

Về lai lịch của chùa. Chùa được trùng tu và mở rộng theo quy mô lớn vào thời Hậu Lê. Năm 1705, có hai vị sư, pháp danh là *Trí Kiên* và *Trí Thế*, một người quê ở Đông Xuyên, thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định gặp nhau kết nghĩa làm anh em. Hai nhà sư muốn đi nhiều nơi để truyền bá đạo Phật và xây dựng chùa chiền. Đến đây, thấy núi Bích Động có địa thế tuyệt đẹp và đã có chùa sẵn nên hai nhà sư quyết định dừng chân, sửa sang chùa cũ, xây dựng lại thành ba ngôi chùa: *chùa Hạ*, *chùa Trung* và *chùa Thượng* để tu hành. Đây là di tích thuộc loại “chùa động” (chùa trong hang động) được khởi dựng năm 1705 với nhiều lần trùng tu, khoét sâu vào hang để cải tạo làm nơi thờ Phật. Tại chùa Trung người nhà chùa đục các tảng “trầm tích” trong lòng hang làm nơi thờ tự. Các tảng trầm tích màu vàng, kết cấu rắn chắc, đôi chỗ tìm thấy vỏ hàu biển chứng tỏ hang này đã từng là nơi trú ẩn và sinh sống của người tiền sử, có thể là trong *thời kỳ biến tiến* (Xin đọc Tập 3 “Đi Chơi Chùa Hương”).

Về tên chùa. Chùa Bích Động nguyên có tên "*Bạch Ngọc Thanh Sơn Động*", mang ý nghĩa một ngôi chùa bằng đá đẹp như ngọc trắng ở trong động nơi chốn núi xanh. Khoảng năm Giáp Ngọ (1774), Tỉnh Đô Vương *Trịnh Sâm* đã đến thăm chùa và đặt tên cho chùa là *Bích Động*. Bích Động có nghĩa là động màu xanh, có lẽ khi chúa Trịnh Sâm đến đây, nhằm mùa lúa xanh tốt, nhìn toàn cảnh đều một màu xanh tươi.

Về kiến trúc. Chùa Bích Động là một công trình *kiến trúc cổ* được xây dựng bằng gỗ lim, mái lợp bằng ngói, các góc của mái đều có đầu đao cong vút lên làm cho mái có hình dáng uốn lượn uyển chuyển. Ngoài gỗ lim chùa còn được xây dựng bằng những đá tảng nguyên khối trạm trổ công phu.

Khi vào chùa, vừa đi cụ Từ vừa giảng giải cho chúng tôi nghe về một số chi tiết cần biết.

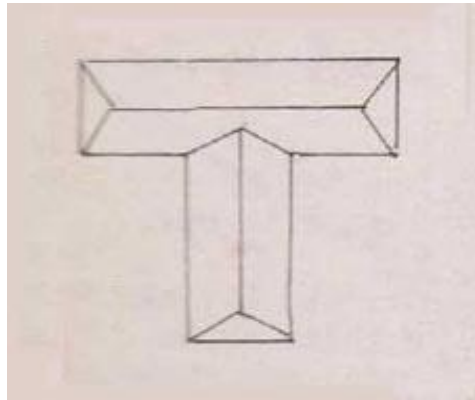
* *Chùa Hạ.* Chúng tôi vào thăm chùa Hạ phải qua một cầu đá 3 nhịp. Chùa được xây trên một nền

kè đá cao khoảng 2 mét, ngay dưới chân núi. Kiến trúc chùa theo kiểu chữ “Đình” trong Hán tự. Hai bên



Chùa Hạ

chùa là hai tòa “giải vũ” và phía trước chùa là sân rộng và phương đình. Chùa có 5 gian, nóc chùa hai tầng, gồm 8 mái lợp bằng ngói mũi hài to bản. Các cột thềm đều làm bằng đá liền



Chữ "Đình"

nguyên khối, liền lạc, cao hơn 4 mét. Vì kèo, xà ngang, xà dọc đều bằng gỗ lim.

Ngay giữa chính điện là bức đại tự bốn chữ Hán “Mạo Cổ Thần Thanh” (Tiếng vang thanh bạch và cổ kính từ xưa tới nay). Trong chùa thờ Tam bảo, thờ Phật và các vị La Hán như ba vị cai quản tầng Trời, tầng Đất và tầng Âm; Phật Di Đà, Quán Âm, Đại Thế Trí, Phật Bà nghìn mắt nghìn tay tức bà chúa Ba, Phật Thích Ca Mâu Ni đứng tay chỉ lên



trời tay chỉ xuống đất; Bát Đại Kim Cương mặc võ phục và Tứ Trục Công Tào coi việc chính sự trong nhà Phật. Ngoài ra còn

tượng thờ ba vị sư *Trí Kiên, Trí Thê, Trí Tâm* có công xây dựng chùa Bích Động.

Bên ngoài chùa có tượng đá Nam Tào - Bắc Đẩu coi sổ sinh tử. Và một tấm bia ghi công đức những người đóng góp xây dựng chùa.

* *Chùa Trung*. Chúng tôi ra khỏi chùa Hạ, trở ra sân, leo men theo sườn núi để lên chùa Trung. Trên

đường đi có nhiều cây thị cổ thụ rợp bóng mát. Tới

lưng chừng núi là tới chùa. Chùa có một kiến

trúc thật đặc biệt,

một nửa

phía ngoài

gắn vào

hang động,

một nửa

phía trong

lộ thiên. Chùa có 3

gian, thờ

Phật Như Lai và 3 vị Bồ Tát gồm: Phổ Hiền, Văn Thù và Thánh Hiền.



Chùa Trung



Chuong treo ở chùa Trung

Từ trong Thượng điện chùa Trung, leo thêm khoảng 20 bậc đá là tới động. Đây là động khô rất đẹp, gọi là *động Tối*. Trước cửa động có treo một quả chuông lớn với nét chạm khắc tinh vi. Chuông này được hai nhà sư Trí Kiên và Trí Thể cho đúc vào năm 1707. Trong động, thạch nhũ tạo nhiều hình thù mà ta dễ có thể tưởng tượng ra, nào ông tiên, cô tiên, tiểu đồng, nào là rồng, rùa, voi, hổ... lại có 3 tượng Phật đứng uy nghi gồm đức Phật A Di Đà, Quan Âm Thị Kính, Văn Thù Bồ Tát, hình tượng Lão Thọ bằng đá. Nhìn ra phía ngoài là cầu Giải Oan. Người ta cho rằng khi đánh 3 tiếng chuông thì mình như được qua cầu Giải Oan để cho tâm hồn thanh thản.

* *Chùa Thượng*. Từ chùa Trung, chúng tôi đi thêm khoảng 40 bậc đá nữa thì tới chùa Thượng.

Chùa còn có tên là *chùa Đông*. Đây là chùa trên cùng, gần đỉnh núi Bích Động. Đứng từ chùa này chúng tôi có thể quan sát cả một vùng



Chùa Thượng

rộng lớn thật đẹp đẽ, hùng tráng, thơ mộng với núi, với sông, với cánh đồng Ngũ Môn bát ngát. Hai bên chùa có hai miếu, miếu Thổ Địa và miếu Sơn Thần.

Cạnh chùa có bể nước “Cam Lò” của Phật Bà Quán Âm. Trong chùa thờ Phật Quán Thế Âm.

Chúng tôi đứng hưởng gió mát ở chùa Thượng. Tôi hít thở những hơi thật dài như cố nén vào buồng phổi mình không khí trong lành. Chợt Hội cúi xuống hôn nhẹ vào gáy Mơ rồi dùng hai tay tạo thành cái loa, hét to:

- Mơ ơi!

Tiếng “Mơ ơi” vang đập vào vách đá tạo thành nhiều tiếng vang tiếp nhau “Mơ ơi!... Mơ ơi!... Mơ ơi!...” Tiếng vang dội nhỏ dần rồi tỏa tan vào không gian yên tĩnh. Mơ giật mình quay lại trở mắt nhìn Hội.

Hội lại hét to:

- Anh yêu em!

Tiếng hét lại vang vào vách núi từng chập, vang xa rồi tan đi. Mơ cảm động trước hành động của Hội, nhưng xấu hổ vì có chúng tôi đứng chung quanh nên cứ đánh vào tay Hội nói:

- Cái anh này...!

Hội bất ngờ bé bỏng Mơ lên hỏi:

- Em có yêu anh không? Nếu không, anh sẽ vút em xuống chân núi!

Mơ không trả lời mà hai tay cứ ôm cứng lấy cổ Hội mà cười. Hội buông Mơ đứng xuống đất cười nói:

- “Vợ” tôi cũng nặng đáo đề!

Mơ xấu hổ chạy lại cứ ôm bám vào cánh tay Thư. Chúng tôi được một trận cười thoải mái. Thư ôm ngang lưng Mơ nói:

- Em bảo vệ chị, đừng có lo!

Tôi cũng bắt chước Hội dùng tay làm loa hét lớn:

- Thi ơi!... Thi ơi!... Thi ơi!...

Một chuỗi tiếng “Thi ơi” lại đập vào vách đá thành chuỗi âm thanh vang dài trong không trung. Thi kéo vợi Uyên đi xuống bậc thang, không kịp để “véo” tôi. Uyên tiếp hơi tôi cũng hét to:

- Anh yêu em!... Anh yêu em!... Anh yêu em!...

Thi vợi đưa bàn tay bịt miệng chị lại. Chúng tôi lại được dịp để cười đùa thêm lần nữa trước khi cùng lần theo đường cũ trở xuống dưới chân núi. Cụ Từ cũng vui lây với cái vui của chúng tôi. Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi thấy Uyên đùa nghịch.

Tôi nghe văng vẳng phía sau lưng, Mơ thủ thỉ với Hội:

- Sau chuyến đi chơi này, khi trở về Hương Sơn, chắc đêm nằm em phải khóc nhiều lắm vì nhớ anh!

Hội an ủi:

- Anh cũng nhớ em nhiều lắm! Anh hứa sẽ về thăm em luôn! Chịu không?

- Thật hả? Anh về, em sẽ nấu cơm thật ngon cho anh ăn!

- Em hứa đấy nhé!

- Em hứa mà!

Tiếng hai người cười khúc khích tình tứ nho nhỏ với nhau.



Sao nhớ quá !

Rời Bích Động, chúng tôi trở lại thuyền. Cùng nhau ăn trưa với cụ Từ và hai cô lái đò. Sau bữa ăn, chúng tôi sẽ lại tiếp tục lên đường để đi thăm khu Tràng An cho kịp chiều nay.

* *Chùa Linh Cốc*. Trong lúc ăn trưa, cụ Từ nói cho chúng tôi nghe về *chùa Linh Cốc*, một ngôi chùa chỉ cách chùa Bích Động khoảng 500 m về hướng đông-nam, thuộc thôn Gôi Khê, xã Ninh Hải



này. Chùa nằm trong động núi Móc (Linh Cốc), thuộc loại “*chùa động*” (chùa xây trong động núi). Trước mặt chùa là cánh đồng nước. Chùa có từ năm Mậu ngọ (1258) đời vua Trần Thánh Tôn. Chùa được tôn tạo lại vào năm 1356 đời vua Trần Anh Tông.

Sân chùa rộng ở ngay chân núi, hai bên sân có nhà thờ tổ. Một bên 3 gian thờ đức A Nan Đà người Ấn Độ, một bên 5 gian là nhà trai. Điện Mẫu 5 gian quay lưng vào sườn núi. Hậu cung thờ Tam Toà Thánh Mẫu tức Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải và Mẫu Liễu Hạnh.

Chùa Linh Cốc nằm ở trong hang động, trên lưng chừng núi. Muốn lên chùa, khách hành hương phải leo 83 bậc thang kể từ Đền Mẫu. Chùa ở cao hơn mặt sân khoảng 30 mét. *Động ngoài* cao đến 20 mét, nền bằng phẳng và rộng, dùng làm Tiền đường của chùa, có đặt hai tượng Hộ Pháp. Vách đá bên tay phải có treo một quả chuông. *Động trong* thấp là một động nhỏ ăn sâu vào núi ôm lấy thượng điện của chùa.

Cơm nước xong, chúng tôi vội lên thuyền để tiếp tục cuộc hành trình vào Tràng An.■



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-1

PHỦ ĐỘT - ĐỀN TRẦN - PHỦ KHỔNG





Rời khỏi Bích Động, trời đã hơi ngả sang chiều, chúng tôi tắt tả theo cù Tù để tới Trảng An. Gió đồng nội thổi nhẹ nhè mát. Những cây cổ thụ chen vai mọc hai bên đường, có chỗ tạo thành những cụm rừng thưa nho nhỏ. Lá cây reo xào xạc vui tai. Thanh bình quá và nên thơ quá.

Trên đường tới Trảng An cù Tù cho chúng tôi biết:

Trảng An nằm cách cố đô Hoa Lư khoảng 3 cây số theo hướng nam, hay cách thị xã Ninh Bình 6 cây số theo hướng tây, hay cách thị xã Tam Điệp 16 cây số theo hướng bắc, hay cách Hà Nội 96 cây số theo hướng nam.

Đứng về mặt thiên nhiên, Vùng trung tâm hay “lõi” của Trảng An có diện tích hơn 2.000 mẫu tây (ha). Nơi đây có những dãy núi đá vôi. Tương tự

như vùng Tam Cốc, núi cao từ 70 mét tới hơn 100 mét. Lại có tới hàng chục hồ (khoảng trên 30), đầm nước, được nối thông với nhau bởi hàng chục hang động (khoảng trên 50). Trong đó có những hang “xuyên thủy động” dài ngắn khác nhau, từ vài chục mét, vài trăm mét, có khi lên tới cả hơn cây số như hang Địa Linh, hang Sinh Dược, hang Mây. Tổng cộng chiều dài các hang “xuyên thủy động” ở Tràng An có thể lên tới cả chục cây số (13 cây số). Những hang, động này có dòng nước đổi lưu chảy thông qua nhau từ khe núi này đến khe núi kia.

Đứng về mặt quân sự, Tràng An là thành lũy bảo vệ phía nam cho kinh thành Hoa Lư nên còn được gọi là thành Nam. Đó là một quần thể gồm những dãy núi cao, hồ, lạch, hang động “xuyên thủy” và những đường thủy quanh co, khép kín. Chúng ăn thông chằng chịt với nhau thành một thể trận liên hoàn, có đường vào nhưng khó tìm được đường thoát ra. Do đó, nó được ví như một “trận đồ bát quái.”

Về mặt tài nguyên thiên nhiên, Đây là vùng có môi trường sinh thái khá sinh động gồm nhiều tài nguyên thiên nhiên rất đa dạng và phong phú. Những rừng hoang chưa được khai thác. Nhiều sinh, thực vật sinh sống trong những môi trường thích hợp của chúng như rừng, núi, hang động, thủy vực... Mỗi thứ phải kể có hàng trăm loại khác nhau, trong đó có hàng chục loại thuộc hiếm quý. Thảo mộc, có nhiều loại quý như dược thảo, cây cảnh... Gỗ có

đình, sến, lát... Động vật sống dưới nước có nhiều loại cá, kể cả rùa cổ sọc ... Động vật sống trên bờ có dê núi, khỉ, rái cá, mèo rừng, trăn, rắn... Chim muông có sáo, chim cu, cò... và đặc biệt là phượng hoàng đất, một loại chim quý còn sống thành từng đàn.

Về mặt địa chất, Các nhà địa chất khẳng định khu Tràng An nói riêng, vùng Hoa Lư nói chung, xưa là một “*vùng biển cổ*.” Dưới chân các núi đá vôi, nhiều nơi còn có các dấu tích của biển. Sự có mặt của các ngấn nước của biển cổ, nhiều nơi ở độ cao từ năm tới mười mét so với mực nước biển hiện tại, đã chứng tỏ trong quá khứ, biển đã từng xâm nhập sâu vào các thung trũng giữa những rặng núi đá vôi này. Mực ngấn biển được hình thành từ *đợt biển tiến* cách đây khoảng 7.000 - 4.000 năm.

Nguyên nhân làm cho “vịnh biển cổ Hoa Lư” của Ninh Bình trở thành một “*vịnh Hạ Long trên cạn*” xuất phát từ sự tuần tự thành hình và phát triển đồng bằng châu thổ sông Hồng như đắp đê, ngăn lũ, lấn biển của người Việt liên tục từ cả hàng chục thế kỷ nay. Trong *đợt biển lùi* (biển rút), các con đê tiếp tục ngăn cản không cho phù sa tràn vào bồi đắp cho các vùng trũng này mà trôi thẳng ra biển. Phù sa mới cứ tiếp tục bồi đắp thành đất liền và mở rộng ra phía biển để vùng Tràng An-Tam Cốc càng ngày càng *bị đẩy lùi sâu vào trong lục địa*, và lâu dần, trở thành vùng đất trũng trên cạn như ta thấy ngày nay.

Thế nhưng, mặc dù biển đã trở nên “xa” vùng Tràng An hàng nghìn năm nay, song, hình ảnh biển xâm lấn và biển cải vẫn được giữ nguyên gồm các núi và đảo. Chúng vẫn mang nhiều dấu tích của biển như các mòm đá, các ngấn sóng vỗ, có hào hà bám, các thềm mài mòn, các hang luồn,... và những thắng cảnh đẹp tương tự không thua kém các thắng cảnh của một “Vịnh Hạ Long” nằm trên cạn.

Về mặt khảo cổ, Các nhà khảo cổ đã tìm được nhiều di vật, và dấu tích chứng minh sự có mặt của người tiền sử từ 5.000-30.000 năm. Đặc biệt là ở những di chỉ khảo cổ ở hang Bói, hang Trống, hang Chợ và hang núi Thung Bình. Việc sử dụng các công cụ đá vôi, săn bắn, kỹ thuật mài, cưa, đồ gốm và trồng trọt trong những rừng núi đá vôi và đồng ruộng, đồng lầy có nét độc đáo riêng tạo nên nền văn hóa hết sức đặc thù được phát triển một cách liên tục và bền vững trong thời kỳ đó.

Về mặt thắng cảnh, mỗi nơi như mỗi bức tranh thủy mặc khác nhau vì thế núi, dáng núi và hồ nước. Mây trời, non xanh nước biếc hòa quyện với nhau, lúc ẩn lúc hiện. Núi bao bọc quanh hồ nước, giữa hồ có đảo nổi lên với rừng cây mọc bao phủ xanh tươi. Bên cạnh những thắng cảnh đó là những khu di tích lịch sử, văn hóa và tâm linh như các đền, chùa, phủ, miếu của hai triều đại Đinh, Tiền Lê xưa và triều đại nhà Trần.

Đến Tràng An, chúng tôi thuê hai chiếc thuyền, ngay *bến đò trung tâm* Tràng An thuộc thung Áng

Muông. Ngồi trên thuyền, chúng tôi lại được hưởng những giờ phút thanh bình trên “sông nước” và được ngắm nhìn cảnh vật nên thơ chung quanh. Mỗi nơi, mỗi góc cạnh, cảnh vật đều đẹp như những bức tranh vẽ hay ở nơi bồng đảo trên tiên cảnh.

Tôi thấy Tràng An khác với Tam Cốc. Ở Tam Cốc cảnh đẹp nhờ vào thế núi, thế sông với những cánh đồng chiêm hay đồng lầy *mở rộng tỏa ra*. Còn ở Tràng An,

cũng núi non trùng điệp, cũng rừng hoang vu xanh ngát một màu như ở Tam Cốc, nhưng lại có thêm nhiều hồ



Thắng cảnh Tràng An

nước trong xanh, suối ngòi uốn khúc luôn lách quanh co với nhiều hang “xuyên thủy”, đặc biệt chúng như được *thu gọn lại* gần nhau. Mọi cảnh vật ở đây, vì như gần gũi với chúng tôi nên ai cũng có cảm giác như có thể tiếp xúc được với thiên nhiên một cách gần bó và dễ dàng hơn.

Cụ Từ còn cho biết, ngoài việc thuyền chúng tôi sẽ có dịp luôn lách trong những hang động “xuyên thủy”, còn được lần theo những con lạch nhỏ để vào

những hồ nước lớn trong xanh của một vùng sinh thái thiên nhiên chưa được khai phá. Và, chúng tôi sẽ lần lượt được đi thăm vài nơi di tích mang đầy tính chất lịch sử lẫn văn hóa của cố đô Hoa Lư không nên bỏ qua như *Đền Trần, phủ Khống, phủ Đột* (hay *đền Trình*), *phủ Bắc* (hay *phủ Đạo*). Thuyền sẽ qua *hang Luồn*, rồi tiện hướng *đi trở về khu Hoa Lư*, nơi có hai đền Đinh-Lê mà chúng tôi đã đi thăm ngày hôm qua.

Theo đề nghị của cụ Từ vừa đưa ra, quả thật, đây là một chương trình đi chơi vô cùng hứng thú mà cụ Từ đã ưu ái dành cho chúng tôi.

Địa điểm đầu tiên cụ đưa chúng tôi đến là *Phủ Đột* và *đền Trần*.

Cụ Từ cho biết thêm, từ khu trung tâm Tràng An vào đền Trần, chúng tôi có thể đi bằng hai ngã, hoặc đường bộ, hoặc đường thủy.

Theo đường bộ

Nếu đi bằng đường bộ thì chúng tôi có thể bắt đầu từ một hòn núi gần bến đò Tràng An này, qua hai “thung” dài gần hai cây số thì tới (“thung” được hình thành gồm núi đá vôi và vùng nước chung quanh).

Với đường bộ, chúng tôi sẽ được thưởng ngoạn một môi trường tự nhiên của núi rừng, nào với hàng trăm loại thực vật tốt tươi, nào với những cây si hàng trăm tuổi, rễ phụ mọc chằng chịt, nào được nghe, được thấy đủ loại chim hót. Những con chim

sáo bay chuyễn cánh, chim “phượng hoàng đất” còn sống thành từng đàn ở đây. Bên cạnh loài chim người ta còn thấy, nào sơn dương (dê núi), nào vượn, nào sóc chuyễn cánh... Thật là một cảnh thiên nhiên hoang sơ kỳ thú như đang đi trên một vùng đất chưa có ai đặt chân tới, đang được cụ vẽ ra trước mắt chúng tôi.

Trước khi tới đền Trần chúng tôi phải đi bằng qua ba thung, thung *Cây* rồi qua thung *Nấu Rượu* rồi tới thung *Trần*. Đường bộ, qua cảnh núi rừng tuy đẹp và được tiếp xúc gần gũi với thiên nhiên, nhưng đường đi đôi khi lại cheo leo trên sườn núi cao, nguy hiểm.



Thung và hang Nấu Rượu



Thung đền Trần

Và, từ những đường mòn quanh co trên sườn núi cao, chúng tôi còn có thể quan sát bao quát cả một vùng thung lũng rộng chung quanh phía dưới như thung *Nấu Rượu*. Ở thung này có *hang Nấu Rượu* dài 250 mét ăn thông sang với *hang Tối Trong*. *Hang Nấu Rượu* và *hang Cơm* với truyền

thuyết ông không lò nấu rượu ở đây, mang rượu và cơm ra núi ngồi ăn. Trong hang có mạch nước ngầm, trong, sâu hơn 10 mét. Khu hang núi còn có dòng nước trong, người xưa lấy nước ở đây để cất rượu thì rượu rất ngon không đâu sánh bằng, thường được tiến vua. Ngày nay, người ta tìm thấy được ở chung quanh đây những mảnh vại, hũ, bình bằng sành, dụng cụ để chưng cất rượu ngày xưa.

Từ thung Nấu Rượu, theo đường núi và rừng vào thung Trần để tới *đền Trần*.

Vì đi theo đường bộ thì vất vả cho các cô “tiểu thư” nên cụ Từ khuyên chúng tôi nên dùng đường thủy.

Theo đường thủy

Trước tiên cũng từ bến đò Trảng An, chúng tôi dùng thuyền đi trong hồ độ 800 mét thì đến *hang Tối Ngoài*. Qua hang này, đổ vào quần thể hang động trong *thung hang Tối Ngoài*. Thung hang Tối Ngoài có diện tích khoảng 140 mẫu tây (ha), có ba cửa hang, đó là cửa *hang Đột*, cửa *hang Địa Linh* và cửa *hang Tối Ngoài*. Hang Tối Ngoài, đúng với cái tên “Tối”



Bến đò

của nó, vừa tối, vừa dài, vừa ngoắt ngoéo quanh co. Hang Tối Ngoài có chiều dài 315 mét là *lối thủy đi duy nhất* để vào các hang động và các thung bên trong.

Thung Tối Ngoài có một *dòng lịch sử* trôi chảy theo dòng nước qua đây đã kéo dài cả nghìn năm nay.



Cửa hang Tối Ngoài

PHỦ ĐỘT hay ĐỀN TRÌNH

Tương truyền, vào thời vua Đinh, có hai vị tướng được vua Đinh rất tin dùng, phong cho là “Tả Thanh Trù” và “Hữu Thanh Trù”. Đương triều, họ là hai *Giám sát Đại tướng quân* giúp vua trong việc nội chính trong cung, lại cai quản kho vàng, kho bạc của vua. Nhưng hai người đã không lường được hành động của tên đầu bếp Đỗ Thích đã hãm hại hai cha con vua Đinh. Do đó, sau khi vua Đinh băng hà, hai người đã đau buồn đến tột độ, xin từ quan vào ở

ẩn trong thung hang này. Và cũng theo tương truyền hai vị tướng này đã dấu ấu chúa Đinh Toàn vào thung hang Tối để tránh sự truy bắt của Lê Hoàn ⁽¹⁾.



Phủ Đột (cũ)

Khi hai ông chết đi, dân Cổ đô lập đền thờ hai ông ở đây được gọi là *phủ Đột*. Nhưng với thời gian và sự tàn phá của thiên nhiên, ngôi đền này

không còn nữa mà chỉ còn lưu lại vài dấu vết khắc trên những phiến đá. Sau này, để tiện việc thờ cúng, dân chúng đã chuyển đền thờ



“Nhật Quán Nguyệt”

⁽¹⁾ Theo chính sử thì Đinh Toàn được Lê Đại Hành phong là Vệ Vương (theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim) và vào năm 1000 vùng Cự Long (Thanh Hóa) có loạn. Vua Lê Đại Hành thân chinh đi dẹp, Vệ Vương đi theo và Vương bị giết trong trận này (theo Nhìn Lại Sử Việt của GS Lê Mạnh Hùng).

đến vị trí mới ở ngay cửa *hang Đột* năm Ất Sửu, tức năm 1825.

(Ngày nay, kiến trúc *Đền Trình* đã được trùng tu và tân tạo lại. Trong đền thờ 4 vị quan “tứ trụ triều đình” nhà *Đinh* gồm *Nguyễn Bặc*, *Đinh Điền*, *Trịnh Tú*, *Lưu Cơ*)⁽²⁾



Bia “tứ trụ” nhà *Đinh*

Phủ Đột, còn gọi là *Đền Trình* là phủ thờ hai vị quan này ở đây để tưởng nhớ, ghi công trung nghĩa. Chính giữa phủ có ghi đại tự “*Nhật Quán Nguyệt*.”



Phủ Đột (mới ngày nay)

Người xưa có câu “*Trung trinh nhật quán nguyệt*” biểu thị cho những bậc trung quân. Ngay trước cửa phủ có mấy câu đối:

Thái Bình danh tướng truyền thiên tải
Ất Sửu linh từ hoán nhật tân.

(2) Xin đọc tiểu sử 4 vị quan “Tứ trụ triều đình” nhà *Đinh* trong *PHỤ BẢN*, chương 14, phần 14-6

Chữ Thái Bình ở đây là niên hiệu của vua Đinh Tiên Hoàng và cũng là tên của đồng tiền Thái Bình thời vua Đinh.

Chúng tôi đi qua *thung hang Tối Ngoài* thì tới *thung hang Sáng* có diện tích 15.4 mẫu tây. *Thung hang Sáng* có bốn hang phân đều ra bốn góc đông, tây, nam, bắc. *Hang Sáng* long lanh với những nhũ đá óng ánh kỳ lạ, có chiều dài 112 mét và cách hang *Tối Ngoài* chưa đầy 40 mét.

Chúng tôi cứ tiếp tục đi thuyền trên lạch nước của một vùng sinh thái xanh tươi, hoang sơ, trong lành thì đến *thung hang Tối Trong*. Thung này có diện tích 135 mẫu tây, có 5 cửa hang đi ra 5 hướng. Nếu đi rẽ về *hướng bên trái* thì sẽ thấy *hang Nấu Rượu*, dài 250 mét để thông qua thung *Nấu Rượu* (như đã nói trước đây) để đưa đến đền Trần.



Cửa vào hang Sáng



Cửa ra hang Sáng

Thuyền tiếp tục đi quanh co trên lạch nước một lúc nữa để đưa chúng tôi đến được đền Trần.

ĐỀN TRẦN



Đền Trần với bốn cột đá



*Đường lên
đền Trần*

Chúng tôi xuống thuyền, lần theo những bậc thang đá để vào đền. Những bậc đá từ bên đò lên tới sân đền cũng khá cao.



Sân đền Trần

Thư uể oải theo sau mọi người. Chúng tôi đứng lại chờ Thư ở một chỗ ngoặt gần đó. Hội cùng với cụ Từ dẫn đầu, vừa đi vừa nói chuyện, hăm hở lần

theo bậc đá bước lên. Tôi thấy Thư nói với Mơ với giọng tỉnh nghịch:

- Đề em trả thù cho chị nhé!

Mơ vừa định lên tiếng hỏi nhưng Thư ra dấu cho Mơ không được nói hay hỏi gì thêm nữa. Bỗng Thư ngồi bệt xuống bậc đá, lớn tiếng gọi Hội:

- Anh Hội ơi! Em đau chân quá!

Hội nghe thấy tiếng Thư vội xin phép cụ Từ để quay lại với Thư. Chúng tôi cũng vội bước đến. Thư đề nghị:

- Chân em đau quá! Anh Hội cõng em lên đèn đi!

Hội khoanh tay nhìn cô em hỏi:

- Cô lại dở trò gì đây?

- Em đau chân!

Hội ngập ngừng nhưng rồi cũng cúi xuống cõng cô em. Cũng may, anh ta khá cao lớn và khỏe. Hội tiếp tục bước lên phía trước với cô em trên lưng. Thư cứ tiếp tục rên rỉ và thỉnh thoảng quay lại nháy mắt với Mơ và cười với chúng tôi. Hội cứ tiếp tục leo lên cao. Mơ bước theo sau, riu riu với bộ mặt đầy ái ngại và thương cho Hội.

Vừa đến sân đèn, Hội thả Thư xuống đất:

- Cô còn dở trò gì thêm nữa không?

Thư không trả lời câu hỏi của Hội mà hỏi lại:

- Anh có mệt không?

Hội trả lời cụt ngủn:

- Không! Sao?

Thư nhìn Hội, nhìn Mơ rồi nhìn chúng tôi với bộ mặt đầy thất vọng. Cô hỏi lại Hội:

- Anh không mệt thật hả?

Hội trả lời cô em với sự chán nản:

- Ừ thì mệt! Nhưng sao?

Thư tỏ vẻ hờn hờ, hỏi thêm:

- Anh mệt thật hả?

- Ừ! Sao?

Thư dơ hai tay lên trời múa múa như reo mừng:

- Có thể chứ! Em trả thù được cho chị Mơ rồi!

Mọi người ngạc nhiên nhìn Thư. Thư cười nói tiếp:

- Sáng nay, ở chùa Bích Động, anh dọa vút chị Mơ xuống núi mà!

Hội cười to:

- À, thế ra hai chị em cô hòa nhau “trả thù” anh phải không?

Mơ cứ đứng nhìn Hội, một tay bịt miệng, một tay đưa lên khua khua như muốn nói không phải, không phải thế. Hội quàng tay lên vai Mơ kéo đi, vừa đi vừa nói:

- Anh biết không phải là em! Thư nó đòi cống, anh đã đoán ngay là nó có ý định dờ trò gì đây rồi.

Lúc này mọi người mới cười ồ vui vẻ. Cụ Từ nhìn chúng tôi, cũng cười theo.

Mơ bỏ Hội để đi lùi xuống phía sau với Thư. Hai chị em cứ bám nhau cười khúc khích.

Vừa vào cổng đền, chúng tôi may mắn gặp ngay ông từ đền Trần đang quét lá ngoài sân. Ông từ đền Trần tuổi tác không cao như cụ Từ nên vóc dáng có vẻ lực lưỡng và tiếng nói còn sang sảng. Cụ Từ và ông từ đền Trần có lẽ khá thân nhau nên hai người tỏ vẻ thân mật lắm. Chúng tôi được mời vào “nhà khách” uống nước trà. Nhân câu chuyện thăm hỏi, cụ Từ giới thiệu chúng tôi và ngỏ ý nhờ ông từ đền Trần giảng giải cho chúng tôi nghe đôi điều về ngôi đền này. Ông từ vui vẻ nhận lời. Chúng tôi cùng đứng dậy cảm ơn ông.

Ông từ đền Trần dẫn chúng tôi đi thăm đền, đi tới đâu ông giải thích tới đó. Sự hiểu biết của ông từ đền Trần làm chúng tôi không khỏi ngạc nhiên. Ông luôn tỏ ra hết sức năng động, hoạt bát và thu hút người nghe, với giọng nói chắc nịch, tự tin và nhất là những lời giảng giải thật mạch lạc đầy thuyết phục.

Đền Trần nằm tại *thung Trần*. Thung Trần có diện tích khoảng 240 mẫu tây và thung này có thể đại diện cho nhóm rừng nguyên sinh, đồng lầy. Chúng tôi cũng phải lấy làm lạ vì nơi thâm sâu cùng

cốc này sao lại có một ngôi đền với kiến trúc đá uy nghi và những bức phù điêu chạm khắc thật tinh xảo. Và đặc biệt, nghe nói nơi đây, dân Cổ đô thường lui tới khấn lễ đông đảo, khói hương nghi ngút quanh năm.

Ông từ đền Trần đã giảng giải cho chúng tôi một cách thật cặn kẽ:

Cứ dựa vào văn bia, ngôi đền trước kia ở dưới thung, cách vị trí hiện nay độ 800 thước. Ta quay lại lịch sử vào thế kỷ thứ X (10), khi Đinh Tiên Hoàng Đế dẹp xong loạn 12 sứ quân, ngài lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Hoa Lư, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt, niên hiệu Thái Bình. Ngài cho xây những ngôi đền như thế này ở những *góc thành* gọi là *Tứ trấn*, để nhờ thần linh trấn giữ bảo vệ kinh thành. *Ngôi đền Trần này thuộc về trấn phía nam thờ thần Quý Minh.*

Ngôi đền cũ bằng gỗ do Đinh Tiên Hoàng Đế xây dựng đã đổ nát. Năm 1258, vua Trần Thái Tông cho xây dựng lại và từ đó được nhân dân quen gọi là *đền Trần*. Vua Trần còn cho xây dựng thêm bên cạnh đền một ngôi *chùa thờ Phật* và thờ *Mẫu Hiền Thiên công chúa* tức tiền thân của chúa *Liễu Hạnh* đang được thờ ở phủ Tây Hồ, Hà Nội và ở “Tam tòa Thánh mẫu” ở Nam Định. Nhưng sau gần 600 năm, ngôi chùa này không còn nữa, chỉ còn bệ thờ Mẫu. Vào tháng 8 năm Mậu Thân (1909), các vị chức sắc trong *Nội Lâm* đã hưng công sửa chữa và di chuyển đền về vị trí hiện nay nên còn được gọi

là *đền Nội Lâm*. Đền trước thì được xây dựng bằng gỗ, nhưng khi di chuyển vào vị trí mới thì được xây



dựng lại bằng đá với kiến trúc chạm đá rất công phu và tinh xảo như ngày nay.

Ông từ đền Trần cho biết thêm:

Đền Trần thờ một vị tướng quân dưới thời vua Hùng Duệ Vương, vị *Hùng Vương thứ 18*. Vị tướng này là *Thánh Quý Minh Đại Vương*. Điều đó được khẳng định một cách rõ ràng bởi những câu đối trong đền.

“Khuông phù hùng quý Trung Hưng Tướng”
“Tĩnh trấn Nam Thiên Thượng Đẳng Thần”

(Ý nói: Khi phò vua Hùng thì ngài mới chỉ là Trung Hưng Tướng, nhưng khi giao cho trông coi trời Nam ở Ninh Bình thì ngài được phong là Thượng Đẳng Thần.)

Vì vậy tượng ngài, tay phải cầm “Bảo trượng” như cầm “Thượng phương bảo kiếm” biểu tượng

quyền lực
thay vua
ngoài biên
ải. Tay trái
đặt trên đầu
gối biểu
tượng sự
mạnh mẽ,
ngay thẳng.
Khăn đai mũ
áo biểu
tượng cho



*Thánh Quý Minh Đại Vương
và phu nhân*

văn võ song toàn. Bên cạnh là đức phu nhân, tay phải cầm quạt, tuy đã khép nhưng biểu tượng cho nhà tham mưu cho Quý Minh Đại Vương. Hai tượng tuy không to nhưng hoàn mỹ về dáng vẻ.

Hai câu đối hai bên trong hương án thờ, bên phải:

*Kính chiêu xã tắc trung tâm tại
Văn địa sơn hà chính khí lưu*

(Ý nói: Giúp yên đất nước, hồn thiêng lưu lại cho con cháu muôn đời.)

Hai câu đối bên trong hương án thờ, bên trái:

*Địa tiếp cổ đô thiên cổ thắng
Cát lâm cương xứng nhất hoàng thanh*

(Ý nói: Đền này được xây sát với thành nhà Đinh. Các cụ muốn lấy trời xanh, non xanh bao bọc

lấy ngôi đền, vì ngôi đền này được xây trên lưng chừng núi.)

Phía trước đền là ngôi rừng nguyên sinh rộng 54 mẫu được gọi là “thung nhà Trần” hay “thung Trần”, nghĩa là triều đại nhà Trần đã có lần từng lưu trú ở vùng đây.

Cụ từ đền Trần cho biết tiếp:

** Thân thế của Thánh Quý Minh Đại Vương⁽³⁾*

Tiền thân của ngài có từ đời vua Hùng Duệ Vương. (Hùng Duệ Vương có 20 hoàng tử và hai công chúa. Một công chúa là *Tiên Dung* gả cho *Chử Đồng Tử*, tình yêu nảy nở trên bãi cát. *Chử Đồng*

(³) *Bắt đầu từ cụ Nguyễn Hạnh, sinh ra hai người con trai, con cả tên Nguyễn Xương, con thứ tên Nguyễn Cao. Đến 50 tuổi mà hai người chưa có con. Vào mùa xuân năm ấy, hai người lên núi, nay gọi là núi Tản Viên để du ngoạn. Dọc đường gặp được tiên ông chỉ cho chỗ có địa lý tốt để mồ mả ông cha. Sau đó hai anh em đều có con.*

- *Người anh, tức Nguyễn Xương, sinh được con trai tên Nguyễn Tuấn. Nguyễn Tuấn sau này trở thành Tản Viên Sơn Thánh Quốc Chủ Thượng Đẳng Thần, được thờ ở đền Thượng tại chân núi Tản Viên, tỉnh Sơn Tây. Đó là Sơn Tinh mà ta thường nghe, và cũng là con rể của vua Hùng Duệ Vương. Tản Viên là một trong “Tứ bất tử” thần của Việt nam.*

- *Người em, tức Nguyễn Cao, sinh được hai người con sinh đôi. Người anh tên là Nguyễn Sùng, tức là Thánh Cao Sơn Đại Vương hiện nay được thờ ở đền Và, tỉnh Sơn Tây. Người em song sinh với Nguyễn Sùng là Nguyễn Hiền tức là Quý Minh Đại Vương đang được thờ ở đền này. Bên cạnh là Nương Nương phu nhân. Nước ta lúc đó theo chế độ mẫu hệ nên bà được thờ, ngồi song song với ngài.*

Tử cũng là một trong “tứ bất tử” thần. Còn công chúa *My Nương* thì được gả cho Nguyễn Tuấn tức thánh *Tản Viên*.)

* *Kiến trúc của đền*. Đền làm bằng đá, mái lợp bằng ngói, bên trong có cuốn “vòm” bằng vật liệu vôi, mật mía và giấy bản. Đền có 12 cột đá, trong đó, đặc biệt có 4 cột ngay mặt tiền bằng đá xanh nguyên khối, chạm trổ hoa văn đẹp, tinh vi, sắc sảo và rất công phu. Đá xanh nguyên khối này lấy từ núi Nhồi, Thanh Hóa. Trên 4 cột trụ đá có khắc bộ “tứ linh” gồm *long*, *ly*, *quy*, *phượng*. Loại phượng này còn sống từng đàn ở đây. Những nét hoa văn được khắc rất mềm mại và sống động.



Hình rồng chạm khắc trên bốn cột đá trước đền

Con phượng đang dang hai cánh rộng, mỏ to, mắt sáng, bay cao, bay xa, nhìn chếch về phía dưới. Đây là biểu tượng cho thế “thượng võ.” Mỏ phượng ngậm dải lụa đào và cuốn thư ở phía dưới biểu tượng cho thế “thượng văn”, tượng trưng cho văn võ song toàn. Long (rồng) ở đây biểu tượng cho “quyền lực”, ly đại diện cho “sức mạnh” và quy (rùa) đại

diện cho sự “trường tồn.”
Trên tác phẩm này tả thế rồng đang hút nước, nước được cuốn lên. Rùa từ trong đầm sen ló ra. Con cá chép cũng muốn mình được hóa long (rồng) vì vậy cũng lao theo dòng nước để ngoi lên.



*Vài hình khắc trên cột đá:
phượng, rồng hút nước, cá rô ngoi lên*

Cổ nhân có để lại đây một câu thơ:

*Mòng năm cá đi ăn thê,
Mòng tám cá về, cá vượt Vũ môn.*

Và đặc biệt ở đây là con cá lao lên theo dòng nước rút lên của rồng để hóa long thì lại là con cá rô, con cá mang tính chất địa phương.

*Khi đi nhớ cậu cùng cô,
Khi về lại nhớ cá rô Tổng Trường.*

(Tổng Trường đây là Tổng Trường Yên –
Hoa Lư)

Lễ hội đền Trần diễn ra vào ngày 18 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Sau khi giảng giải xong về 4 cây cột đá trước cửa đền, ông đưa chúng tôi trở lại phòng tiếp khách. Chúng tôi ngỏ lời cảm ơn ông từ đền Trần và xin phép được từ giã ông để còn tiếp tục cuộc hành trình. Ông đưa cụ Từ và chúng tôi tới cổng đền rồi mới quay trở lại.

Trên đường xuống bến đò, tôi giả vờ đau chân bắt Thi công. Thi nhìn tôi :

- Em không bắt anh công là may cho anh lắm rồi đó!

Thi nắm tay Uyên dẫn đi. Uyên quay lại chỉ Hội đang bá vai Mơ đi phía trước, nói vội với tôi:

- Em đoán cặp này thể nào họ cũng sẽ lấy nhau trước dự định. Họ yêu nhau quá anh nhỉ!

- Ủ, anh cũng đoán thế!

Uyên, Thi và tôi cùng sánh bước tới bến đò. Hai cô lái đò còn đang chờ đợi ở đó.

PHỦ KHÔNG

Sau khi thăm đền Trần, chúng tôi lại xuống thuyền. Cách đền Trần độ 100 mét, ẩn chứa dưới rừng cây một hang cao, rộng, có 4 cửa đi ra bốn hướng ăn thông sang nhau với những tên khác nhau.

Hang thứ nhất này có tên *hang Địa Linh*, dài 1500 mét, xuyên từ tây sang đông.

Hang thứ hai từ phía bắc, dài 300 mét, thông với hang Địa Linh.



Cửa hang Địa Linh

Hang thứ ba, có cửa phía nam, phía thung Mây nên gọi là *hang Mây*, dài 1200 mét.

Hang thứ tư, có cửa cách bến đò khu trung tâm Trảng An 200 mét gọi là *hang Đột* (như đã nói ở trên). Hang dài 70 mét.

Cứ dựa trên sự việc các hang động ăn thông với nhau như thế, thuyền chúng tôi có thể di chuyển bằng cách luồn lách trong lòng núi, với chiều dài khoảng 3 cây số, để đi qua các thung Cậy, thung Nấu Rượu và thung Trần. Nếu không biết đường đi hoặc thiếu người hướng dẫn chắc chắn chúng tôi sẽ cứ loanh



Thạch nhũ trong hang

quanh rồi lại trở về nơi cũ. Những ai có dịp vào thăm những hang động này thì sẽ phải hết sức kinh ngạc và thích thú về sự tạo hình và màu sắc của những thạch nhũ trong hang.

Thiên nhiên đã kiên nhẫn tạo dựng liên tục từ những giọt nước nhỏ giọt trong động hàng chục ngàn năm tới hàng triệu năm để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật này của tạo hóa.

Thuyền chúng tôi lại theo đường cũ trở lại *thung Tối Trong*.

Nếu tiếp tục đi theo lộ trình trong thung hang Tối Trong ta sẽ gặp hang Sính dài 80 mét, hang Si dài 200 mét. Hai hang này đều đưa ta tới *thung Láng*. Thung Láng có diện tích 165 mẫu tây, có 4 cửa hang, *hang Sính*, *hang Si*, *hang Thuốc* (Sinh Dược) và *hang Ao Trai*. Giữa hang Ao Trai, lòng hang phình ra khoảng 30m.

Từ *hang Thuốc* người ta có thể tới *hang Trường Sinh*, dài 500 mét, tới *hang Long Ẩn* và vùng thắng cảnh của *hồ Đàm Vị*.

Thuyền chúng tôi tiếp tục tới *hang Ba Giọt*, dài 156 mét. Vì hang có một dòng nước thứ ba từ trong vực chảy ra, nước nóng ấm nên trong mùa đông tháng giá, cá về



Cửa hang Ba Giọt

đây trú ẩn để tránh rét. Nhũ đá trong hang này thì thật đẹp. Có một điều làm ta thú vị và ngạc nhiên là qua *hang Ba Giọt* lại có thể đưa ta về *thung hang Sáng*.



Thạch nhũ trong hang

Chúng tôi tiếp tục tới *hang Xeo*, dài 98 mét. Trần hang cao rộng, đường đi thuyền trong hang, khi sang phải, khi sang trái, ngoắt ngoéo, quanh co. Qua *hang Xeo* thì vào *thung Sao Bé*, có diện tích hơn 16 mẫu tây. Ở cuối thung có một chiếc hang dài 80 mét, xuyên sang *thung Xeo Lớn*. Phía bên trái là *hang Sơn Dương*, dài 210 mét, thông sang *thung Khổng*.



Cửa hang Xeo



Cửa hang Sơn Dương

Thung Khổng có diện tích 85.5 mẫu tây, có hai hang tập trung về đây là hang Sơn Dương mà chúng ta vừa đi qua. Còn đây là cửa *hang Khổng*. Ngay cửa hang *Khổng* có ngôi phủ thờ một vị quan trấn ải triều *Đinh* gọi là *phủ Khổng*.



Cửa hang Khổng



Cầu cửa hang Khổng

Tục truyền rằng khi vua *Đinh* băng hà, có 7 vị quan trung thần đã trực tiếp khâm niệm và tự tay chuyển 100 bộ quan tài bằng đồng, trong đó chỉ có một quan tài có thi hài của vua *Đinh*, để đem đi mai táng. Sau đó 7 vị quan này cùng uống thuốc độc tự tử để đem đi tất cả những bí mật về những chiếc quan tài này. Vị quan trấn ải ở thung *Khổng* vô cùng thương tiếc đã đem bát hương thờ của 7 vị quan trên đặt trên một hòn đá và trồng cạnh bên một cây thị. Hàng ngày, tới mỗi bữa ăn, ông ngồi bên bát hương, mỗi miếng ăn ngon, ông đều gấp vào bát cơm để bên cạnh bát hương để mời các vị trung thần kia. Mỗi chén rượu ông uống, ông lại chia một nửa rót vào gốc cây thị và cầu khẩn cây thị mau lớn và sớm ra hoa kết trái để cúng giỗ vua *Đinh* vào dịp *rằm tháng Tám*. Khi ông chết đi, dân cố đô lập một phủ

thờ bên gốc cây thị mà ngày nay gọi là *phủ Khổng*.
Cây thị này nay vẫn còn, cây thị nghìn tuổi, cho hai
loại trái, một
tròn, một dẹt.
Đã từ lâu lắm,
không biết từ
bao giờ, dân cổ
đô mỗi khi đem
đồ tế lễ tới phủ
Khổng xong thì
sau đó lại bung
đồ tế lễ ấy ra
cúng tại bát



Phủ Khổng

hương trên tảng đá để cúng tế 7 vị quan trung thần
rồi mới hạ lễ. Do thời gian trôi đi hơn ngàn năm nên
rễ cây thị đã nâng hòn đá và bình hương lên hơn một
mét.

Ngôi phủ đã được tôn tạo uy nghi với những
dòng câu đối ghi rõ công đức của vị quan trấn ải:



Bát hương ở gốc cây thị



Gốc cây thị

*Trợ tá nhân gian cao nhật nguyệt
Quảng thông thiên hạ mãi càn khôn*

Và:

*Khai quốc vạn niên công đức đại
Thái Bình thiên cổ hiển phương danh*

Chữ Thái Bình ở đây là niên hiệu của vua Đinh.

Thuyền chúng tôi rời phủ Khổng để tiến vào con lạch nhỏ để đi tới sông Sào Khê theo hướng làng Tràng An và hang Luồn trở về hai đền Đinh, Lê của cố đô Hoa Lư.■



(Bến đò Tràng An)



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-2

ĐỀN THÁI VI

Chúng tôi lại có dịp được nhìn một vùng núi non, sông nước thanh bình. Cụ Từ yêu cầu hai cô lái đò cho thuyền bơi gần kề nhau để khi cụ nói mọi người trong cả hai thuyền đều có thể nghe rõ lời cụ.

Trước khi cụ vào đề để nói về đền Thái Vi, Uyên ngồi bên cạnh cụ lấy vở ra để ghi chép. Đúng là tác phong của một cô giáo tập sự sắp ra trường. Tôi nghĩ thật may mắn cho những em học sinh nào được ngồi trong lớp của Uyên sau này.

Cụ cho biết:

Đền Thái Vi là nơi di tích lịch sử thờ ba vị vua đầu tiên của nhà Trần gồm Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Đền được xây trên nền *cung Thái Vi* hay còn gọi là *am Thái Vi* ngày xưa. Am Thái Vi là nơi vua nhà Trần tu hành và cũng là nơi các quan từ triều đình về đây cùng lập

kế sách chuẩn bị chống lại quân Mông Cổ lần thứ hai (1285).

Theo “*Thái Vi quốc tế ngọc ký*” cho chúng ta biết sau cuộc chiến thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất năm 1258, vua Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên của nhà Trần ở tuổi 40 đã nhường ngôi cho con là vua Trần Thánh Tông để đi tìm nơi thắng cảnh và yên tĩnh tu hành. Một hôm, ngài du hành đến vùng núi non này đã vào qua hang Cả, hang Hai và hang Ba. Sau cùng, ngài quyết định dựng một am nhỏ ngay sau hang Cả, gọi là *Vườn Am*. Di tích ngày nay của Vườn Am chỉ còn là một miếng đất khoảng một sào không bao giờ bị ngập lụt.

Muốn vào Vườn Am thì chỉ có một con đường duy nhất là đi trên sông Ngô Đồng và qua hang Cả. Vua Trần Thái Tông nhận thấy tuy ở đây địa thế vững chãi nhưng lại chật hẹp, lầy lội, không tiện cho việc giao thông nên ngài chuyển ra ngoài *động Vũ Lâm*⁽¹⁾ lập *am Thái Vi* hay còn gọi là *cung Thái Vi* (“cung” vì dùng cho nhà vua)

Ngày nay động Vũ Lâm nằm ở phía tây thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, là một thung nằm trong dãy núi đá vôi Trường Yên, cách thị xã Ninh Bình 12 cây số. Ba mặt *bắc, nam, tây* của động Vũ Lâm được bao bọc bởi những rặng núi đá vôi, phía đông

(1) “Động” đây không có nghĩa là hang động, mà là một khu vực mang tính cách địa dư. Như Hoa Lư ngày xưa, trước khi trở thành kinh đô cũng được gọi là “động Hoa Lư”.

không có núi nhưng có sông Ngô Đồng bao quanh và rừng rậm che chắn như một bức tường thành thiên nhiên bảo vệ am Thái Vi nằm gần như ở trung tâm.

Trong khi giảng giải cho chúng tôi, cụ Từ không quên chỉ về những hướng có địa danh đó để chúng tôi có thể hình dung ra được.

Cụ cho biết tiếp:

Ở phía *bắc* am Thái Vi có *bến Sính* hay *bến Thánh* là một bến được vua Trần Thái Tông mở ra để vào am Thái Vi bằng đường thủy.

Để vào Thái Vi ta có thể dùng cả hai đường thủy, bộ:

- *Đường thủy*, có thể từ sông Đáy vào sông Vân Sàng đến ngã ba cầu Yên, nơi gặp nhau giữa sông Vân Sàng và sông Thiện Dưỡng, theo sông Thiện Dưỡng vào sông Ngô Đồng rồi đến thẳng bến Sính.

- *Đường bộ*, vua Trần Thái Tông còn cho mở đường nối thẳng từ thôn Hành Cung vào đình Các của thôn Văn Lâm rồi vào am Thái Vi.

Để canh phòng, vua Thái Tông đã cho xây dựng nhiều trạm gác. Cách am Thái Vi 300 mét có trạm gác thứ nhất gọi là *cửa Quan* hay Tam Quan, cách xa thêm 300 mét có trạm ở miếu *Gò Mung*, cách xa thêm 300 mét nữa có một trạm gọi là *cửa Quèn*. Tương truyền cách xa thêm 200 mét nữa là *đình Các* nơi các quan tập trung sửa mũ áo để chuẩn bị

vào am Thái Vi. Cách đình Các khoảng 2 cây số là làng *Tuân Cáo*, các quan muốn vào Thái Vi phải “báo cáo” ở đây. Cách *Tuân Cáo* xa khoảng 1 cây số nữa là *thôn Hành Cung*.

Tương truyền, sau khi vua *Trần Thái Tông* dời từ Vườn Am ở hang Cả ra *thôn Hành Cung* lập cung *Vũ Lâm (lần thứ nhất)* trước, rồi sau mới lại di chuyển (*lần thứ hai*) vào *thôn Ô Lâm* (tên mới *Văn Lâm*) lập *am Thái Vi* tức vị trí *đền Thái Vi* ngày nay mà chúng ta sắp đến thăm. Cũng tương truyền, *thôn Vũ Lâm* dành cho quan võ ở, *thôn Văn Lâm* dành cho quan văn ở.

Ta cũng nên biết thêm, vua *Trần Nhân Tông*, con vua *Trần Thánh Tông*, tức cháu nội vua *Trần Thái Tông*, có bài thơ trong “*Vũ Lâm thu vãn*” (Chiều thu ở *Vũ Lâm*). Sau khi thắng quân *Mông Cổ* lần thứ hai (1285) và thứ ba (1288) vua *Trần Nhân Tông* vào tu ở cung *Vũ Lâm*.

*Lòng khe in ngược bóng cầu treo
Hắt sáng bờ khe, vệt nắng tà
Lặng lẽ nghìn non, rơi lá đỏ
Mây giăng như mộng tiếng chuông xa*

(Thơ dịch của *Băng Thanh*)

Trong cuộc kháng chiến chống quân *Mông Cổ* lần thứ hai (1285) của vua *Trần Nhân Tông*, có thể *cung Vũ Lâm* đã đóng một vai trò hậu cứ bảo toàn lực lượng rất quan trọng.

Theo “Thái Vi quốc tế ngọc ký” thì vua Trần Nhân Tông tuy vào tu hành ở cung Vũ Lâm nhưng cũng thường vào am Thái Vi.

Ta trở lại với vua Trần Thái Tông.

Khởi thủy, khi vua Trần Thái Tông đặt chân đến vùng *động Vũ Lâm* thì dân cư còn thưa thớt, ở rải rác trong các thôn xóm hẻo lánh bên khu rừng quanh đây gọi là *Ô Lâm* (rừng quạ). Theo “Thái vi quốc tế ngọc ký” thì vua Trần Thái Tông đã chiêu dân lập ấp và khuyến dân tích cực khai khẩn rừng hoang. Dân nghe theo khai khẩn các khu được 160 mẫu. Dân chúng còn lưu truyền:

*Chiêu dân lập ấp từ đây
Hành Cung các sở đặt bấy tuần du
Chi tộc cho ở các khu
Đặt làm bốn giáp khiến cho trị điền.*

Khi xóm làng đã ổn định, vua Trần Thái Tông còn cho dựng ngôi chùa gọi là chùa Sở (Thiền Lâm tự). Dân chúng địa phương vẫn còn lưu truyền:

*Địa đầu mở một ngôi chiền
Mẽ lâm chùa Sở còn truyền đến nay
Non sông may khéo là may
Nên dân Nghiêu Thuân vui ngày Đường
Ngu⁽²⁾.*

Chúng tôi thấy cụ Từ thuộc nhiều thơ quá nên khen:

(2) Đường, Ngu là hai triều đại thịnh trị ở bên Tàu.

- Cụ biết rõ chi tiết lịch sử nơi này quá, lại còn thuộc nhiều thơ văn về nó nữa!

Cụ cười đáp:

- Tôi sinh trưởng ở đây, sống mấy chục năm quanh quẩn trên vùng đất này, sự hiểu biết như thế sao gọi là nhiều được. Ngoài ra tôi làm ông từ thì phải biết chứ, cứ phải trao đổi với các ông từ của các đền khác để học hỏi lẫn nhau. Âu, đó cũng là cái thú vui của tôi nữa. Đưa các cháu đi chơi như thế này, tôi thích lắm. Tôi đang làm một việc có ích cho thế hệ con cháu sau tôi.

Chúng tôi lại có dịp hết sức cảm ơn cụ đã hướng dẫn tận tình cho chúng tôi trong chuyến đi thăm cô đô Hoa Lư này.

Cụ nói tiếp:

- Từ lúc này tới giờ tôi mới nói về *địa thế* và *lịch sử hình thành* của am Thái Vi hay cung Thái Vi mà thôi. *Vấn đề then chốt* của nó lại nằm ở chỗ *quân sự*. Vua Trần Thái Tông đã cho xây dựng am Thái Vi để tu hành nhưng thực chất ngài đã tìm thấy ở nơi đây có một địa thế hiểm trở, núi non trùng điệp, sông ngòi chằng chịt rất thích hợp cho một hậu cứ phòng bị cho cuộc kháng chiến với quân Mông Cổ sau này (lần thứ hai và thứ ba). Căn cứ quân sự này vừa có *thế thủ* lại vừa có cả *thế công*. Từ đây, quân ta có thể xuất phát dễ dàng ra hai ngả: bắc, nam.

- *Đường bộ*. Từ động Vũ Lâm có thể tiến nhanh chóng ra đường Xuyên Việt (Quốc lộ 1 bây giờ)

theo hướng bắc tiến thẳng về tới Thăng Long. Hay lui theo hướng nam, qua Tam Điệp vào Thanh Hóa.

- *Đường thủy*. Từ sông Ngô Đồng tiến qua sông Thiện Dưỡng đến cầu Yên, ra sông Vân Sàng vào sông Đáy, ngược sông Hồng lên Thăng Long. Hay lui theo ngã sông Trinh Nữ ra gần cửa biển Thần Phù rồi vào Thanh Hóa.

Các sử liệu trước đây đều cho biết, trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ hai (1285), *nhà Trần đã rút lui về Trường Yên để làm căn cứ và đã tập hợp, bảo toàn được lực lượng*. Có thể căn cứ ấy có liên quan đến vùng cung Vũ Lâm này.

Trong thời kỳ vua *Quang Trung* tiến quân ra Bắc đánh quân nhà Thanh, vùng *Tam Điệp* và *Hoa Lư* cũng giữ vai trò quan trọng lắm, vừa là hậu cứ an toàn, vừa là nơi xuất phát tiến ra Thăng Long.

Cần ghi nhận một điều ở đây, cùng với mục đích tương tự, sau khi vua Trần Nhân Tông đuổi xong giặc Mông Cổ lần thứ ba (1288), ngài đã về tu hành ở *núi Yên Tử* vào năm 1299. *Ngô Thời Nhiệm*, một nhà mưu sĩ của thế kỷ 18 đã từng nhận xét về Yên Tử là một vị trí chiến lược quan trọng. Đứng từ núi Yên Tử có thể quan sát được một vùng rộng lớn ở phía bắc. Vua Trần Nhân Tông về tu ở Yên Tử, nhưng bên cạnh đó, ngài cũng có thể quan sát được động tĩnh ở nơi quan ải phía bắc. Tuy nhiên nhận định này cũng có nhiều tranh cãi về sự xác thực của nó.

Nghe cụ Từ nói đến đây chúng tôi ai nấy đều sùng sốt vì chúng tôi chưa bao giờ hiểu tới được điều đó và vô cùng cảm phục sự sáng suốt và tài thao lược của người xưa, nếu đó là sự thật.

Cụ Từ nhìn chúng tôi hỏi ai có câu hỏi gì không? Không thấy ai trả lời cụ lại nói tiếp:

- Thế là tôi nói tóm tắt được một số vấn đề lịch sử về *cung Vũ Lâm* và *am Thái Vi* rồi. Nay tôi nói thêm một chút về *đền Thái Vi* (tức vị trí am Thái Vi xưa) trước khi chúng ta xuống thuyền để vào thăm đền nhé.

Theo cụ, đề mô tả về am Thái Vi, bia Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) đã ghi phong cảnh “*tựa thiên đình*”. Tại đây các quan văn võ đi lại tấp nập. Trong đền Thái Vi nay còn lưu hai câu đối chứng tỏ việc này:

*Nhất thống sơn hà Thiên trường phủ vương
hầu đệ trạch
Thiên thu hương tỏa Thái Vi cung văn vũ y
quan*

(Nước non một mối, các vương hầu dựng
phủ đệ ở phủ Thiên trường/
Ngàn năm hương khói áo mũ quan văn quan
võ ở cung Thái Vi)

Di tích còn lại của am Thái Vi là một mảnh đất nằm theo hướng bắc-nam rộng 6 sào. Xung quanh có thành đất, cao 1 mét, mặt rộng 4 mét. Nay kiến trúc của am Thái Vi không còn nữa.

Để tưởng nhớ các vị vua Trần, dân thôn Văn Lâm đã xây dựng đền Thái Vi trên nền đất của am Thái Vi xưa, tên là "*Thái Vi Từ*". Đền Thái Vi thờ các vị vua đầu nhà Trần như *Trần Thái Tông* và vợ là bà *Hiển Từ Hoàng Thái Hậu*, *Trần Thánh Tông*, *Trần Nhân Tông* và thêm bên cạnh đó hai vị tướng quân nhà Trần là Trần Quang Khải (con vua Trần Thái Tông), *Trần Hưng Đạo* (con Trần Liễu).

Việc trùng tu đền được trải qua nhiều thời kỳ.

- Đến thời *Hậu Lê* ngôi đền đã bị hư hỏng nhiều.

Thời vua Lê Quang Hưng, năm Kỷ Sửu (1589) bị lụt to nên dân xã Ô Lâm (sau là Văn Lâm) đã xây dựng lại.

Năm Hoàng Định thứ 5 (1604) đời vua Lê Kính Tông dân thôn Văn Lâm lại cho sửa đường và cầu. Công việc này đã được khắc vào vách núi: "*Đền Thái Vi chốn Bồng lai Tiên cảnh. Nơi đây có giếng vàng chứa bạch ngọc nên nước giếng bốn mùa trong vắt như gương. Ngó giang nước biếc, cầu đá sóng vờn. Làm con đường này, bắc con cầu này để đưa mặc khách tao nhân vào thăm tiên cảnh, để các quan tiện việc tế lễ, để nông phu tiện cấy cấy canh tác*".

- Sang thời Nguyễn,

Năm Thành Thái thứ 5 (1893) đền Thái Vi được trùng tu với quy mô khang trang hơn. Năm 1925 đền Thái Vi lại được tu sửa thành 3 tòa: tòa thứ nhất 5 gian, tòa thứ hai 3 gian, tòa thứ ba 5 gian. Tất cả đều

làm bằng gỗ lim và cột đá có chạm khắc, tường xây gạch. Phía ngoài đền xây thêm *ngũ môn* bằng những cột đá để tăng thêm phần trang nghiêm của đền. Từ năm 1926 đền nay đền Thái Vi cũng được tu sửa một số lần nữa và hoàn chỉnh như hiện nay.

Cụ Từ vừa giải thích tới đây thì thuyền cũng vừa cập *bến Sinh* còn gọi là *bến Thánh*. Chúng tôi theo cụ lên bờ. Hai cô lái đò cột thuyền rồi ngồi nghỉ mát bên gốc cây cổ thụ gần đó.



Quần thể đền Thái Vi

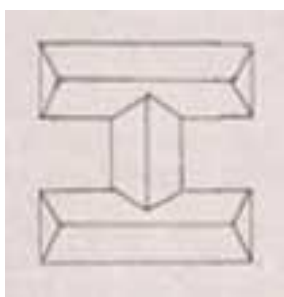


Đền và tháp chuông



Cổng đền với 2 con ngựa đá

Chúng tôi lên bộ, đi khoảng 100 mét thì đến đền Thái Vi. Cụ Từ cho biết đền được xây dựng theo kiểu “nội công ngoại quốc” và có lối kiến trúc rất riêng biệt, toàn bộ kiến trúc chính của đền xây bằng đá và gỗ lim. Ngay cả những ban thờ, đồ thờ, bát nhang đều được làm từ đá xanh nguyên khối. Nhờ đó đã tạo cho ngôi đền dáng vẻ nguy nga, kiên cố, vững chãi.



Chữ “Công”



Chữ “Nội công ngoại quốc”

Trước đền có “giếng ngọc” xây bằng đá xanh, suốt bốn mùa, nước giếng lúc nào cũng trong suốt. Sau đền là dãy núi đá *Cắm Sơn*. Phía ngoài cửa



Gác chuông
nhìn từ trong đền



Tháp bia

Nghi môn, hai bên có đặt hai con ngựa bằng đá xanh nguyên khối được khắc với những đường nét tinh xảo.

Qua *Nghi môn* một đoạn, bên tay phải thấy *gác chuông* hai tầng, tám mái song song. Gác chuông làm toàn bằng gỗ lim, các mái lợp ngói mũi hài, các góc là các đầu đao cong vút như hình đuôi con chim phượng. Ở đây treo một *quả chuông* đúc từ năm Chính Hòa thứ 19 (1689).

Đối diện với gác chuông theo *đường chính đạo* là *tháp bia* và ba tấm bia dựng hai bên. Tháp bia bốn mặt, dựng năm 1926. Nội dung các tấm bia đều ghi lại những năm trùng tu và tu sửa đền Thái Vi, ghi công đức những người có công cúng tiền xây dựng đền.



Sân rồng và đường chính đạo



Rồng châu chính điện

Đường chính đạo và *sân rồng* đều lát đá xanh. Sân rồng rộng khoảng 40 mét vuông, hai bên sân

ròng là hai dãy *nhà Vọng*, nơi xưa kia các cụ bàn việc tế lễ.

Từ sân ròng bước lên theo các bậc đá khá cao là đến *Ngũ đại môn* (năm cửa lớn) có 6 hàng cột đá tròn song



Ngũ đại môn

song đều được chạm khắc nổi *long vương* châu vào chính diện. Mặt ngoài các cột đá đều chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán. Các xà hiên cũng làm bằng đá, chạm khắc *lưỡng long châu nguyệt* (hai con rồng châu mặt trăng).

Trong đền được chia làm 3 tòa kê từ ngoài vào trong: *Bái đường*, *Trung đường* và *Tẩm cung*.

- Gian giữa của *Bái đường*, trên cao treo bức hoành phi sơn son thếp vàng có bốn chữ Hán lớn “*Long đức chính trung*” (Đức lớn chính trung). Tiếp theo, ngay chính cửa Tiền tế là ban thờ, thờ văn quan, võ quan, Nam tào, Bắc đẩu và công đồng các quan.

- Tiếp theo là ba gian *Trung đường* với hai hàng cột đá tròn, mỗi hàng bốn cột, đều được chạm khắc nổi rồng, mây. Tại đây có ban thờ đức *Đệ nhất Tam*

tổ Trúc Lâm Quốc sư Đại Tam Môn tức vua Trần Nhân Tông. Phía trước ban thờ ngài, hai bên có đôi hạc gỗ cao 2.50 mét và hai bộ bát bửu chập kích sơn son thếp vàng.

- Qua Trung đường vào năm gian *Chính tẩm* (Tẩm cung) có 8 cột đá tròn được chạm khắc nổi: cầm, kỳ, thi, họa. Trong Chính tẩm hậu cung có 3 ban thờ bằng đá.

** Ban thờ chính giữa.*



- Tầng trên cùng có 3 chiếc ngai vàng có *bài vị* của 3 ngài và *bài vị* của đức Thái tổ Trần Thừa (cha đẻ của vua Trần Thái Tông) cùng các thế hệ vua Trần.

- Tầng hai có 3 tượng đồng:

Chính giữa là ngài Thái Thượng Hoàng Trần Thái Tông.

Bên trái ngài là Thần Thánh Tông.

Bên phải ngài là đức Hiền Từ Hoàng Thái Hậu Thuận Thiên, vợ vua Trần Thái Tông.

Cả 3 ngài đều ngự trên tòa sen.

- Tầng dưới cùng đặt bát hương thờ đức Thái tổ Trần Thừa và 14 vị vua Trần.

Hai bên ban thờ có kim đồng, ngọc nữ đứng hầu.

* *Ban thờ bên trái vua Trần Thái Tông*

- Tầng trên cùng đặt chiếc ngai vàng và bài vị.

- Tầng hai đặt tượng ngài Trần Hưng Đạo Trần Quốc Tuấn.

- Tầng cuối cùng đặt bát hương thờ ngài.

* *Ban thờ bên phải vua Trần Thái Tông*

- Tầng trên cùng đặt chiếc ngai vàng và bài vị.

- Tầng hai đặt tượng ngài Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải.

- Tầng cuối cùng đặt bát hương thờ ngài.

Điểm độc đáo ở Thái Vi là tất cả cột, ban thờ, đồ thờ tự và kể cả 12 bát hương do dân địa phương tạc đều mang một *kiểu mẫu thời nhà Trần* và đều làm bằng đá xanh nguyên khối chạm trổ rất công phu, tỉ mỉ. Từ cây đàn, bầu rượu, ngòi bút, túi thơ, rỗng, hạc đều được tạc với những nét chạm trổ rất tinh vi, uyển chuyển, tao nhã như trên gỗ, mang tính nghệ thuật cao.

Phía sau đền Thái Vi là hai “*mắt rồng*”, tức hai bên có hai hồ sâu, cứ đổ đất đầy, sau một thời gian

lại bị trũng xuống không bao giờ bằng mặt đất. Ở giữa hai “mắt rồng” là miếu thờ vua Trần Thái Tông. Tương truyền sau khi ngài băng hà, thi hài của ngài được giữ ở đây.

Sau ba lần chiến thắng oanh liệt quân Mông Cổ, vương triều nhà Trần đã lấy *ngày 15 tháng 3 âm lịch* làm ngày vua tâu tạ tập về *Phủ Thiên Trường*, cơ ngơi nhà Trần, để tổ chức đại lễ báo công với tiên



Ban thờ ở đền Thái Vi

đế và mừng đại thắng quân Mông Cổ. Từ đó, cứ vào ngày này, dân địa phương ở đây cũng tổ chức long trọng lễ hội rước vua và đức thánh Trần ở đền Thái Vi để tưởng nhớ và tạ ơn những chiến công oanh liệt của tổ tiên xưa. *Lễ hội được tổ chức đến hết tháng 3 âm lịch.*

Cụ Từ và chúng tôi đốt hương nhang lễ vái các vị tiên nhân. Sau đó chúng tôi được tự do đi thăm

đền hoặc trò chuyện với nhau ngoài *sân rồng*. Cụ vào nhà ngang gặp cụ từ đền Thái Vi. Cụ từ đền Thái Vi là người nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn và hoạt bát. Cụ mời chúng tôi vào “nhà khách” để uống trà. Hai cụ từ ngồi nói chuyện với nhau thân mật lắm. Sau tuần nước trà chúng tôi xin phép ra ngoài ngắm cảnh đền.

Cảnh đền nằm ở địa thế thật đẹp, trên thì núi, dưới thì sông. Chẳng thế, vua Trần Thái Tông đã chọn nơi này làm nơi tu hành và lập *cung Thái Vi*. Cảnh đẹp ở đây đã được người xưa ghi lại qua mấy vần thơ:

*Gió khe lành lạnh nước menh mông
Hai núi hai bên giữa một dòng
Đường trời thăm thẳm ba hang tối
Cửa đất chênh vênh dãy núi cùng
Xóc áo lên cao coi vạn dặm
Chèo thuyền xuống thấp hiểm muôn trùng
Bồng lai nào phải đâu xa nữa
Ngày tháng thung dung thú vậy vùng.*

(người dịch: Dương văn Vượng)

Vua Trần Thái Tông đã ví nơi đây với chốn non tiên:

*Thủy thức Bồng Lai nguyên bất viễn
Thung dung tuế nguyệt độn phàm trần*
(Đến đây mới biết cảnh tiên chốn Bồng Lai
đâu có xa
Ngày tháng thông dong xa lánh cõi phàm trần)

Uyên đến gần tôi hỏi:

- Trong đền Thái Vi có bát hương thờ Thái tổ Trần Thừa. Sao lại như thế hả anh?

Tôi trả lời Uyên:

- Câu hỏi rất hay! Theo anh hiểu, thật sự ra thì ngài Trần Thừa không làm vua ngày nào. Vua Trần Thái Tông là vua đầu tiên của nhà Trần. Nhưng Uyên nên nhớ khi vua Trần Thái Tông lên ngôi vua thì còn bé lắm, 8 hay 9 tuổi gì đó thôi. Trong triều đình đề nghị Trần Thủ Độ lên làm nhiếp chính để phò vua trong việc trị nước. Trần Thủ Độ vì không biết chữ (gia đình đánh cá) nên đề nghị cha của vua Trần Thái Tông là Trần Thừa lên làm nhiếp chính vì ông biết chữ để cùng vua điều hành việc triều chính. Có lẽ vì thế mà trong đền Thái Vi ta thấy có bài vị ông với tước vị là Thái tổ Trần Thừa.

Uyên nói:

- Em hiểu rồi! Cảm ơn anh nhiều!

Uyên như muốn hỏi tôi điều gì thêm nhưng còn ngại ngùng. Tôi hỏi Uyên:

- Anh thấy như Uyên còn muốn hỏi anh điều gì nữa phải không?

Uyên nhìn tôi với con mắt đầy biết ơn:

- Vâng ạ! Anh cho em hỏi thêm một câu. Trong sử có nói tới đoạn vua Trần Thái Tông bỏ ngôi vua trốn lên Yên Tử tu thiền năm ngài mới 20 tuổi và

muốn trở thành thiên sư hơn là làm vua. Xin anh nói rõ hơn được không?

Tôi giải thích cho Uyên:

- Hay lắm! Cứ nghe mãi về vua Trần Thái Tông từ sáng đến giờ, chúng ta cũng nên biết riêng về ngài một chút thì tốt hơn. Anh chỉ nói qua một tý thôi nhé. Câu chuyện là thế này. Uyên biết là khi vua Trần Thái Tông lên ngôi thì ngài còn nhỏ, nên cha của ngài là Trần Thừa lên làm Nhiếp chính. *Trần Thủ Độ* sắp xếp để anh của vua Trần Thái Tông là Trần Liễu lấy chị của Chiêu Thánh là công chúa Thuận Thiên. Tới năm 1237 thì một biến cố lớn xảy ra trong nội tộc họ Trần. Hoàng hậu Chiêu Thánh đã 19 hay 20 tuổi, chưa có con trai. Để dòng vua họ Trần được tiếp nối, Trần Thủ Độ chê Chiêu Thánh đã già quá mà chưa có con nên ép vua Trần Thái Tông phải bỏ vợ mình, tức Chiêu Thánh, giáng xuống làm công chúa để lấy vợ của Trần Liễu là công chúa Thuận Thiên, phong làm Hoàng hậu. Thuận Thiên lúc đó đã có thai 3 tháng với Trần Liễu. Trần Thái Tông uất ức quá, cảm thấy nhục nhã và đau xót vì phải bỏ người vợ yêu quý của mình để lấy chị dâu. Trong khi đó, Trần Liễu nổi loạn chống lại triều đình nhưng không thành. Trần Thủ Độ muốn giết Trần Liễu đi nhưng được Trần Thái Tông hết sức che chở và xin tha cho người anh ruột của mình. Sau đó, đang đêm ngài bỏ trốn lên núi Yên Tử để đi tu và không muốn làm vua nữa. Đây là lý do tại sao vua Trần Thái Tông bỏ lên Yên Tử.

Uyên ngỏ lời cảm ơn tôi:

- Em cảm ơn anh!

Tôi thấy Uyên có vẻ thích thú về câu chuyện của vua Trần Thái Tông nên tôi tiếp:

- Để anh nói thêm một tý nữa về giai đoạn tiếp theo nhé. Khi vua Trần Thái Tông trốn lên Yên Tử thì gặp Thầy của mình là Đại sư Trúc Lâm. Sư Trúc Lâm hỏi nhà vua vì lý do nào mà lại lên đây. Nhà vua dấu chuyện riêng của mình nên nói trớ ra là có ý định lên Yên Tử để tu hành và muốn đi tìm Phật. Sư Trúc Lâm trả lời, Phật ở trong “tâm” chứ Phật đâu có ở trên núi mà đi tìm. Đêm đó vua ở lại chùa cùng Đại sư đàm đạo. Vua Thái Tông cảm thấy rất hạnh phúc và thanh thản khi được sống ở trên núi Yên Tử. Vài ngày sau, Trần Thủ Độ cũng tìm ra được nơi vua trốn bèn mang một số triều thần và quân sĩ nài nỉ vua trở lại cung. Vua nhất định không chịu về. Trần Thủ Độ tuyên bố: “*vua ở đâu thì triều đình ở đó*”. Rồi ra lệnh chuẩn bị xây cất cung điện ngay trên núi Yên Tử. Lúc này nhà vua mới nói hết sự thật cho Đại sư Trúc Lâm nghe. Tiếp theo đó, Đại sư khuyên nhà vua: *Khi mình đã là vua rồi thì đâu còn theo được ý thích riêng của mình nữa, mà phải lấy ý thích của thiên hạ làm ý thích của mình. Nay dân muốn vua về thì vua phải về kinh sư. Tuy nhiên trong khi làm vua bề hạ vẫn có thể tu học được như thường. Vì vậy sự nghiên cứu về kinh điển và sự tu tập hàng ngày bề hạ đừng có bao giờ xao lãng.*

Trần Thái Tông nghe lời Đại sư Trúc Lâm trở về kinh đô.

Câu nói của Đại sư Trúc Lâm đã in sâu vào tâm não của nhà vua. Và cũng từ đó vua Trần Thái Tông tiếp tục tu học rất tinh tấn. Đến năm 31 tuổi nhà vua viết cuốn “*Thiền Tông chỉ nam*”, cuốn sách đầu tay của nhà vua. Trong bài tựa của cuốn sách này vua có kể lại việc phải gian truân dọc đường để đến được Yên Tử và những mâu thuẫn giữa vua với Đại sư Trúc Lâm. Về sau, cuốn sách này được Đại sư khuyên vua nên phổ biến cho mọi người cùng được đọc và tu tập. Sau đó nhà vua lại viết thêm cuốn kinh “*Kim Cương Tam Muội Kinh Tự*”. Trong cuốn kinh này, ngài có viết trong bài tựa: *Trẫm lo việc chăn dân, nhiều lúc gian nan, lẫn lộn trong công việc quên cả sớm chiều. Công việc thì có hàng vạn thứ và thời giờ nhàn rỗi không được bao nhiêu, siêng công việc, tiếc ngày giờ, cố gắng học hành thêm. Chữ nghĩa thì chưa học được bao lắm, cho nên ban đêm, đến giờ khuya vẫn còn thức để đọc sách. Đọc sách Nho xong còn phải đọc sách Phật. Trong những cuốn sách còn lưu truyền tới ngày nay và được các giới Phật tử thực tập nhiều có cuốn “*Lục Thời Sám Hối*”, trong này có những bài kệ với lời văn thật hay, nhà vua dùng nó để sám hối, chia đều sáu lần một ngày, mỗi thời sám hối kéo dài 15 phút. Sáu lần là đại diện cho 6 căn, mỗi lần tụng niệm là sám hối cho một căn. Và cứ như thế ngài tụng niệm trong suốt cả cuộc đời của ngài.*

Tư tưởng của ngài về *thiền học* đã ảnh hưởng hay là *cái nhân* của thiền phái Trúc Lâm mà cháu nội của ngài tức vua Trần Nhân Tông phát triển và được người đời coi như là Tổ sư thiền phái này ở Yên Tử.

Bên cạnh việc tu hành, nhà vua còn phải đích thân đi đánh giặc nơi biên thùy, chống cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ. Như ta đã biết sau khi thắng quân Mông Cổ (lần thứ nhất) thì ngài đã 40 tuổi. Ngài nhường ngôi cho con tức vua Trần Thánh Tông để vào am Thái Vi tu hành và cũng để *tạo hậu cứ* cho công cuộc chống quân Mông Cổ lần thứ hai (1285). Cứ xem như thế, tiền nhân ta giỏi biết là chừng nào.

- Vâng ạ! Như thế là lúc 20 tuổi, ngài đã am tường đạo Phật lắm rồi nên mới có ý tưởng bỏ ngôi vua để trở thành thiền sư. Và chỉ có 10 năm sau, ở tuổi 31, ngài đã trở thành *đại thiền sư* lưu danh muôn thuở.

Tôi chưa kịp lên tiếng thì Mơ chợt hỏi:

- Thế rồi sao nữa hả anh?

Tôi hỏi lại:

- Ý cô muốn biết những diễn tiến sau đó trong cuộc đời của vua Trần Thái Tông?

- Thưa anh, vâng ạ!

Tôi đáp:

- Thế này nhé:

Năm 1237, vua Trần Thái Tông có *Thái tử Hoãng*, tức con đầu của vua với bà Thuận Thiên, sau này là vua Trần Thánh Tông. Trần Thái Tông có 8 người con trai - kể cả Trần Quốc Khang tức là *Tĩnh Quốc Vương*, thực tế là con của Trần Liễu và Thuận Thiên - Trong số 8 người con của ngài có những danh tướng như *Trần Quang Khải* (1241), *Trần Nhật Duật*.

Năm 1248, Hoàng hậu Thuận Thiên mất, hưởng thọ 33 tuổi.

Năm 1258, vua Thái Tông gả công chúa Chiêu Thánh, tức vừa là người yêu, vừa là vợ cũ của mình cho tướng *Lê Phụ Trần*. Lê Phụ Trần là một tướng giỏi, là người phụ tá rất thân tín của vua, lúc nào cũng ở sát với vua như người tri kỷ, một người bạn thân thiết nhất của vua. Sau này Lê Phụ Trần được đưa vào cung giữ chức Ngự sử Đại phu dạy học cho các Hoàng tử.

Nói đến Lê Phụ Trần, cô Mơ cũng nên biết là ông ta đã cứu vua Trần Thái Tông trong gang tấc tại trận đánh với quân Mông Cổ ở sông Cà Lồ. Ngày 12 tháng Chạp năm Đinh Tỵ (17-1-1258) quân Mông Cổ đem 3 vạn quân theo đường bộ từ Vân Nam tiến vào nước ta, thế giặc mạnh như chẻ tre. Quân Đại Việt phải lui dần và chận chúng lại ở phía bắc sông Cà Lồ. Vua Trần Thái Tông đích thân cầm quân trong trận này.

Thế trận đã định sẵn, chủ tướng Mông Cổ ra lệnh cho một viên tướng là Triệt Triệt Đô tìm cách

đánh bọc hậu quân Đại Việt để diệt hết chiến thuyền của ta ở phía sau lưng *không cho quân ta rút lui* khi đại quân Mông Cổ tràn tới tiêu diệt. Triệt Triệt Đô háo thắng đã quên nhiệm vụ của mình nên xông vào trận chiến. Dần dần chiến thắng nghiêng về phía quân Mông Cổ. Tướng Lê Phụ Trần tả xung hữu đột để phá vòng vây. Vua lui quân phía trước, Lê Phụ Trần chặn hậu phía sau cho vua. Vua vừa lên thuyền cùng quân sĩ, rời bến an toàn thì đại quân Mông Cổ cũng vừa xông tới. Tướng Triệt Triệt Đô biết mình có lỗi nên tự sát. Sau này, khi quân Đại Việt đuổi được quân Mông Cổ về nước, Vua Trần Thái Tông đổi tên tướng *Lê Tản* thành *Lê Phụ Trần*. Về sau, Chiêu Thánh và Lê Phụ Trần có hai người con, một trai là tướng *Trần Bình Trọng*, một gái là *Ngọc Khuê*, sau được phong là Ứng Thụy công chúa. Ta thấy Trần Thủ Độ đã quá hấp tấp vì tưởng hoàng hậu Chiêu Thánh không thể có con, dù lúc đó Chiêu Thánh chỉ mới có 19 hay 20 tuổi đầu, nên đã bắt vua Trần Thái Tông phải lấy vợ của anh mình (Trần Liễu) đang mang thai. Nội loạn giữa anh em dòng họ Trần xảy ra, chút nữa Trần Thủ Độ đã làm hỏng việc lớn vì sự hấp tấp này. Tuy nhiên vua Trần Thái Tông cũng bị vài sử gia gia phê phán về hai việc làm của ngài là lấy vợ của anh và gả vợ cũ cho Lê Phụ Trần để đền ơn cứu tử.

(Sau này Trần Bình Trọng lấy em gái tướng Trần Nhật Duật là Thụy Bảo (do Chiêu Thánh sắp xếp), sinh ra người con gái là Chiêu Hiền lấy vua *Trần Anh Tông*. Chiêu Hiền trở thành Thái hậu

vì là mẹ của vua *Trần Minh Tông*, vị vua thứ 5 của nhà Trần).

Năm 1264, Trần Thủ Độ mất.

Năm 1277, vua Trần Thái Tông băng hà.

Năm 1278, công chúa Chiêu Thánh mất, thọ 61 tuổi.

Đây là tóm tắt những nét chính về cuộc đời vua Trần Thái Tông và những người có liên hệ trực tiếp tới ngài.

Mơ ngộ lời cảm ơn tôi.

Chẳng mấy chốc cụ Từ bước ra sân để gọi chúng tôi ra thuyền để đi nơi khác nữa. Chúng tôi không quên vào chào cụ từ đền Thái Vi trước khi theo chân cụ Từ ra cổng. Ra khỏi đền Thái Vi độ 50 mét, tức nửa đường tới bến đò Sính, chợt cụ Từ “ồ” lên một tiếng như cụ quên một điều gì quan trọng. Cụ quay lại nhìn chúng tôi, tay chỉ lên một ngọn núi gần đó:

- Mãi nói chuyện về đền Thái Vi nên tôi quên chỉ cho các cháu cái *động Thiên Hương* nằm trên triền núi Đông Võ kia kìa. Động Thiên Hương thường được người dân nơi đây hiểu theo nghĩa là “*động trời tỏa ngát hương*”. Đó là một động khô, cao cách chân núi khoảng 15 mét. Động có chiều cao khoảng 60 mét, sâu 40 mét, rộng 20 mét. Vòm động trông tựa như một quả chuông lớn, đỉnh động rộng nên động còn có tên là *động Trời*. Nằm gọn trong động là miếu thờ bà *Trần Thị Dung*. Vào động, có điện thờ, chính giữa là 4 đại tự “*Quốc Sắc*

Thiên Hương”. Trong động được bài trí bằng những bức phù điêu chạm khắc rồng, phượng rất công phu và nghệ thuật. Phía sau động có con đường thẳng đứng lên tới đỉnh núi.

Bà Trần Thị Dung được dân Ninh Hải (Hoa Lư) thờ ở đây vì bà đã từng về nơi này cùng vua quan nhà Trần lập căn cứ chống quân Mông Cổ và dạy người dân xã Ninh Hải *nghề thêu ren*, nay trở thành nghề truyền thống của xã này. Bà cũng có công *ổn định nội trị triều Trần* và *tổ chức hậu phương* vững chãi trong cuộc chống quân xâm lược Mông Cổ. Bà được vua Trần Thái Tông phong chức *Linh Từ Quốc Mẫu*.

Sau khi cụng Tùr giảng giải xong. Tôi hỏi Uyên:

- Uyên còn nhớ câu chuyện của bà Trần Thị Dung như thế nào không?

- Thừa anh em nhớ! Anh đã có giảng cho em, bà Trần Thị Dung ấy là người con gái xinh đẹp trong nhà đánh cá ven biển được Thái tử nhà Lý, mới 16 tuổi, đi chơi qua đó lấy về làm vợ. Khi Thái Tử lên ngôi, tức vua Lý Huệ Tông, thì cô gái đẹp này trở thành Hoàng hậu. Sau đó hai người sinh ra hai người con gái, đó là công chúa Thuận Thiên (1216), công chúa Chiêu Thánh (1217) và không có con trai. Cũng nhờ vào bà Trần Thị Dung này mà nhà họ Trần mới có dịp vào cung và để từ đây mà nhà Lý mất vào tay nhà Trần. Có phải như thế không ạ?

Tôi trả lời Uyên :

- Uyên nhớ như thế là đúng rồi!

Tôi xin phép cụ Từ để được giải thích thêm cho Uyên. Được cụ Từ gật đầu cho phép, tôi nói:

- Anh muốn vẽ lại *bối cảnh lịch sử* trong thời kỳ chuyển giao quyền hành, hay nói đúng hơn là giai đoạn nhà Trần đoạt ngôi nhà Lý với những hệ lụy của nó, để em thấy rõ vai trò của bà Trần Thị Dung nhiều hơn.

Bắt đầu từ nhân vật Trần Thủ Độ, một trong số những người nhà Trần được tiến cử vào triều đình họ Lý qua bà Trần Thị Dung. Trần Thủ Độ, tuy không phải là nhà trí thức nhưng lại là một nhà mưu lược tài trí hơn người. Ông được cử coi việc an ninh trong triều, giữ chức Điện Tiền chỉ huy sứ. Khi Trần Thủ Độ đã thao túng được triều đình nhà Lý, ông liền *tiến hành kế hoạch đoạt ngôi nhà Lý*. Vì vua Lý Huệ Tông *bị cho là mắc bệnh tâm thần* nên buộc phải nhường ngôi cho người con gái là công chúa Chiêu Thánh năm 1224, lúc đó công chúa Chiêu Thánh mới lên 8 tuổi. Chiêu Thánh lên ngôi vua lấy hiệu là *Lý Chiêu Hoàng*. Lý Huệ Tông vào tu ở chùa *Chân Giáo* ở kinh thành Thăng Long, *pháp hiệu là Huệ Quang*. Năm 1225, Trần Thủ Độ cho cháu ruột là *Trần Cảnh*, cũng mới 8 tuổi vào cung hầu hạ Lý Chiêu Hoàng. Khi Trần Cảnh vào cung thì có người anh ruột là *Trần Liễu* cũng đi theo. Trần Cảnh và Trần Liễu đều là con của Trần Thừa. Trần Thừa là anh ruột của Trần Thủ Độ. *Trần Cảnh thì đức độ hơn Trần Liễu rất nhiều*. Trần Cảnh có

nhệm vụ hầu hạ cho Lý Chiêu Hoàng. Vì được gần gũi, cả hai đứa trẻ Trần Cảnh và Chiêu Hoàng rất thích nhau. Năm 1226, người ta sắp đặt một đám cưới cho hai đứa trẻ ấy. Sau đó Chiêu Hoàng đọc tờ chiếu trước triều đình chính thức nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, Chiêu Hoàng xuống làm Hoàng hậu. Tất nhiên tờ chiếu này do người lớn viết. Trần Cảnh lên ngôi tức là vua Trần Thái Tông.

Khi nhà Trần lên thay nhà Lý thì loạn nổi lên khắp nơi trong nước. Trần Thủ Độ phải vất vả đi đánh dẹp. Một hôm, sau khi đi trận trở về kinh đô, ông đi ngang qua chùa Chân Giáo ở Thăng Long tức là nơi vua Lý Huệ Tông đang tu. Trần Thủ Độ gặp vua Lý Huệ Tông đang nhỏ cỏ ở sân, ông nói :”*Nhỏ cỏ phải nhớ tận gốc*”. Vua Lý Huệ Tông trả lời :”*Ta hiểu ý của nhà ngươi rồi*”. Sau đó 2 giờ, nhà vua vào trong chùa thất cổ tự tử. Sau này, vợ của vua Lý Huệ Tông tức là bà *Trần Thị Dung* xinh đẹp ngày xưa *trở thành vợ của Trần Thủ Độ*.

Mơ hỏi:

- Giết chồng rồi lấy vợ người ta như thế là ác quá! Bà ấy rồi sau ra sao hở anh?

Tôi nhìn cụ Từ như hỏi ý. Cụ biết tôi muốn cụ trả lời câu hỏi đó cho Mơ, nhưng cụ lại nhường cho tôi:

- Cháu cứ trả lời đi!

Tôi xin phép cụ lần nữa rồi mới trả lời Mơ:

- Ác thì có ác thật đấy, nhưng Trần Thủ Độ lại là người cột trụ triều đình nhà Trần, tài mưu lược hơn người. Trai tài gái sắc gặp nhau mà. Nhưng cứ chiếu theo sử chép thì bà rất có công lao trong việc xây dựng và đóng góp cho nhà Trần. Khi bà mất vào mùa Xuân năm 1259, tức sau khi chiến thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất được một năm. Bà được vua Trần phong cho bà là Linh Từ Quốc Mẫu. Tiếng tăm của bà được sử sách lưu thơm. Nhà sử Ngô sĩ Liên khen rằng "*Giúp đỡ nội trị cho nhà Trần, Linh Từ có nhiều công to. . . Thế mới biết trời sinh ra Linh Từ cốt để mở nhà Trần. . .*"

Tôi vừa nói đến đây, tôi đoán ngay Uyên không thể không tò mò mà hỏi tiếp:

- Anh nói rõ hơn về nhận xét của nhà sử học Ngô sĩ Liên được không?

Tôi nhìn cụ Từ, cụ lại dục:

- Cháu cứ nói tiếp đi!

Tôi nói tiếp:

- Có những điểm chúng ta cần biết,

* Nhờ bà lấy vua Lý Huệ Tông nên người của nhà Trần mới có cơ hội được *tiến cử* dễ dàng hơn vào triều đình.

* Cũng nhờ bà *giảng hòa* hai người con rể là Trần Cảnh (Trần Thái Tông lấy Chiêu Thánh) và Trần Liễu (Trần Liễu lấy Thuận Thiên) để hai anh em nhà Trần không sinh ra nội biến thêm. Trong khi

đó thì Trần Thủ Độ muốn giết Trần Liễu đi. Vì không sinh ra nội biến nên con của Trần Liễu là đức *Trần Hưng Đạo* và con của vua Trần Thái Tông là *Trần Quang Khải* đã cùng vua Trần Nhân Tông hợp sức đánh đuổi quân Mông Cổ xâm chiếm nước ta lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1288.

* Khi quân Mông Cổ tiến đến gần Thăng Long, vua tôi nhà Trần phải ra trận nên bà là người đích thân cầm đầu cuộc “*di tản*” hoàng gia, gia đình “*binh sĩ*” và dân chúng ra khỏi Thăng Long theo kế hoạch “*vườn không nhà trống*”. Bà đã bảo toàn được tài sản của kinh đô. Khi quân Mông Cổ vào chiếm thành Thăng Long thì chỉ còn là một thành phố trống không làm chúng lâm vào tình trạng thiếu lương thực. Bà còn thu nhặt được khí giới để gửi ra chiến trường, góp phần chiến thắng ở Đông Bộ Đầu.

Tôi ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Nhà Lý được ngôi vua cũng khởi đầu bởi vua Lê Long Đĩnh của nhà Tiền Lê có con còn nhỏ. Hơn hai trăm năm sau, nhà Lý bị chấm dứt bởi vì không có con trai nối ngôi (Lý Huệ Tông không có con trai). Trần Thủ Độ biết như thế nên trong chuyện chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần, ông muốn bảo vệ cho dòng họ nhà Trần nên đã làm nhiều chuyện *trái luân lý trong chính dòng họ Trần và tàn bạo với dòng họ nhà Lý*. Tuy nhiên ông là người đã tạo dựng nên cơ nghiệp nhà Trần kéo dài 175 năm thịnh trị, và đã ba lần chiến thắng quân Mông Cổ và mở rộng bờ cõi sâu về phía nam. Một

câu nói lừng danh của Trần Thủ Độ nói với vua Trần Thái Tông khi quân Mông Cổ tiến đánh nước ta lần thứ nhất (1258): "*Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo*".

Câu chuyện về bà Trần Thị Dung cũng tạm chấm dứt ở đây.

Chúng tôi quay đầu lại nhìn về hướng đền Thái Vi vẫy tay chào thay lời tạm biệt.■



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-3

LÀNG TRÀNG AN – PHỦ BẠC



LÀNG TRÀNG AN

Thuyền tiếp tục đi trong vùng sinh thái Tràng An. Cảnh vật nơi đây thật hoang vu chắc chỉ có người địa phương mới đặt chân tới mà thôi.

Thuyền vào sông Sào Khê thì Cụ Từ cho biết là thuyền đang đi dọc *làng Tràng An*. Làng Tràng An nằm hai bên bờ sông Sào Khê. Những thôn xóm lúc đông đúc nhà cửa san sát, lúc thưa thớt tùy theo thế đất rộng hẹp hai bên bờ sông.

Cụ Từ cũng cho biết thêm, sông Sào Khê có thượng nguồn từ sông Hoàng Long. Sào Khê có chiều dài 14 cây số chảy dọc theo cố đô Hoa Lư theo hướng tây bắc-đông nam, chảy qua “xuyên thủy động” hang Luồn, lách mình qua những dãy núi đá có cây xanh và những thung lũng rồi gặp sông Vân Sàng đổ vào sông Đáy chảy ra biển cả.



Làng Tràng An với dòng sông Sào Khê uốn khúc

Cụ Từ đề nghị thuyền cập vào *bến Đá Bàn* để hưởng cảnh đẹp thiên nhiên và tìm hiểu những di tích lịch sử ở đây. Cụ cho biết vào triều Đinh, nơi đây vừa là điểm trấn giữ đài kiểm soát, vừa là nơi truyền tin hai chiều, vừa là nơi hội họp của 31 tướng trấn giữ các thung lũng ở khu Tràng An. Ngày xưa thông tin bằng cách dùng người, cách nhau một khoảng, rồi dùng tay làm loa gọi to để truyền tin đi

khắp nơi hay nhận tin từ các nơi truyền về. Do đó có một người đứng ở hòn Đá Bàn này dùng loa truyền tin đi bốn hướng đông, tây, nam, bắc, để có thể truyền đi mệnh lệnh của triều đình hay nhận tin từ các thung chuyển về. *Vua Đinh đã cử hai viên tướng trấn giữ ngày đêm.* Khi cần thông tin khẩn cấp thì đốt lửa hiệu trên đỉnh núi cao kề bên khu Đá Bàn. Núi ấy nay mang tên *núi Lửa Hồng*. Vạt núi khu Đá Bàn nay còn mang tên *Bát Quái*, dân thường đọc treo ra là Bát Khoái.

Sau khi hai tướng và binh sĩ ở đây chết đi theo biến cố lịch sử của vua Đinh, người dân Tràng An lập một phủ thờ hai vị tướng quân và binh sĩ dưới quyền ở chân núi Bát Quái.



Khu vực hòn Đá Bàn



Núi Lửa Hồng



Miếu thờ ông Phạm văn Nghị

Cũng ở nơi khu Đá bàn này đây, có một nhà chí sĩ chống quân Pháp về đây ẩn dật, đó là ông *Phạm Văn Nghị*. Ông sinh ngày 24 tháng 12

năm 1805 tại làng Tam Đăng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông đã thi đậu Hoàng giáp nên gọi ông là ông Hoàng Tam Đăng. Năm 1858, khi quân Pháp nổ phát súng xâm lược đầu tiên vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, ông tuyển 365 nghĩa quân đem vào phía nam chống giặc Pháp. Sau ông không đồng ý với vua Tự Đức về việc chuyển nhượng đất cho nước Pháp nên ông đã từ quan về đây ẩn dật tại Đá Bàn này vào năm 1874. Ông đã cùng dân chúng ở đây trùng tu lại ngôi phủ thờ hai vị tướng quân và đặt lại tên phủ là *phủ Liên Hoa*.



Phủ Liên Hoa



Miếu thờ hai vị tướng quân



Bia tạc trên vách đá

Ông Phạm Văn Nghị đã lập miếu trên hòn Đá Bàn và cùng bạn tâm giao ngồi uống rượu hay câu cá, làm thơ. Ông đã mở trường dạy cho dân chúng Tràng An. Sau khi sống ở đây 7 năm, tức từ năm 1874 đến năm 1881, do ông bị ốm nặng phải đưa ông về quê dưỡng bệnh. Ông mất vào ngày 11 tháng Giêng năm 1881, thọ 76 tuổi.

Ông để lại hai thi tập “*Tùng văn biên tập*” và “*Nghĩa trai thi tập*.” Có nhiều bài thơ nổi tiếng làm tại Đá Bàn. Trong số đó có bài Nhân, thơ tứ tuyệt.

*Một chiếc cần câu bến Thạch Bàn
Cá câu chẳng được vẫn ngồi gan
Có ai ngó giỏ cười không nói
Không cá nhưng ta được chữ nhân.*

Chúng tôi trở lại thuyền để tiếp tục cuộc hành trình trên sông nước Tràng An.



*Sông Sào Khê dưới chân núi
Ông Trạng*



Núi ông Trạng

Ở đây có *núi Ông Trạng* và quả núi khác bên kia sông hình hòm sách vì được cấu tạo bởi các lớp đá phẳng xếp thành tầng gọi là *núi Hòm Sách* là cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng bên ven bờ sông Sào Khê. Tục truyền rằng, giặc Ngô (giặc Minh) ở phương Bắc, nghe nói nước Nam có một ông Trạng nguyên bằng đá ngồi uy nghi, đường bệ bên một hòm sách lớn từ khai thiên lập địa. Chúng tức tối vô cùng, đem quân, đem thừng chảo mong kéo đổ ông Trạng để

nước Nam không còn người tài giỏi nữa. Nhưng kết quả, ông Trạng không đỗ mà chèo lại đứt tung. Do mất đà, quân Ngô bị ngã lăn ra phía trước nên giải đất



*Núi Hòm Sách,
đổi diện núi Ông Trạng*

ấy gọi là ruộng Ngô Ngã. Chèo đứt văng sang cánh đồng bên trái nên gọi là ruộng Vững Chèo. Còn hai vạt đất dân ta đứng reo hò khi thấy chèo đứt nay gọi là cánh đồng Reo Lớn và cánh đồng Reo Con.

Qua khỏi núi ông Trạng và núi Hòm sách, nay thuyền chúng tôi đang theo dòng sông Sào Khê để tới *hang Luôn* hay “Xuyên thủy động.”

HANG LUÔN

Từ bến thuyền cửa phía nam của “xuyên thủy động” hang Luôn, chúng tôi lại xuống thuyền để thực hiện cuộc du ngoạn, ngắm cảnh thiên nhiên hòa quyện với di tích lịch sử của triều Đinh. Và hơn nữa, để chúng tôi hiểu thêm sự sâu sắc về quân sự của



Hang Luôn

buổi đầu khai quốc cùng bao di tích lịch sử dân tộc chống ngoại xâm và những giá trị nhân văn truyền thống đậm đà, khởi sắc của kinh thành cổ đô Hoa Lư được lưu truyền từ xưa tới nay.



Bên trong hang

Chúng tôi được cụ Từ cắt nghĩa thật tỉ mỉ về hang Luồn như sau:

Dãy núi đá trùng điệp ẩn chứa hang Luồn là tường lũy gắn liền bảo vệ hoàng cung. Hang Luồn dài 100 mét, và là *gạch nối*, là *huyết mạch giao thông duy nhất* bằng đường thủy giữa hoàng cung và căn cứ Tràng An phía nam.

Tục truyền rằng Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp nghĩa quân xung Vương với tôn hiệu là Vạn Thắng Vương tại cửa hang Luồn này rồi cất binh dẹp loạn 12 sứ quân. Trước khi xuất binh, binh đội triều Đinh bao giờ cũng tập hợp làm *lễ tế cờ ở cửa phía nam hang Luồn*. Khi thắng trận trở về, đích thân vua cũng đến tế lễ, tạ ơn trời đất tại đây. Khi xuất binh bao giờ cũng xuất binh ở nơi phía nam này để bảo đảm bí mật .

Khi đất nước đã thu về một mối, năm 968, sau khi lập đàn tế trời, Đinh Bộ Lĩnh bố cáo thiên hạ lên ngôi vua, xưng hiệu *Đinh Tiên Hoàng Hoàng Đế*, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, niên hiệu là Thái Bình cũng tại nơi đây. Vua Đinh vinh danh người có công, khao thưởng binh sĩ rồi cho những thiền sư, cao tăng lập đàn tràng lớn *cầu siêu* ba ngày ba đêm cho những linh hồn tướng sĩ, những người vì nước mà vong thân. Vì vậy nên trên vách đá cửa hang Luồn còn lưu giữ rõ nét những hình họa chạm khắc những con thú làm vật hiến tế cho thánh thần, những con chim, con cá dùng để phóng sinh khi hành lễ cầu siêu.



Người chân quỳ chân chống

Hai tay nâng lư hương

Cũng tục truyền rằng “xuyên thủy động” hang Luồn là một *linh huyết thiêng liêng của kinh đô Hoa Lư* nên nhà vua đã cử nhiều vị cao tăng, những đạo sĩ giỏi và lập một đàn trấn yểm. Truyền xưa kể rằng một đàn trấn yểm, người xưa phải dùng mộc, nhân, tượng, mã, xà, ngũ sắc, ngũ cốc và “*linh phù*” mà ta còn thấy rất rõ một số chi tiết khắc trên đá. Đã hơn một nghìn năm, thế mà những đường nét chạm khắc vẫn còn rất rõ nét như thách thức với thời gian.

Qua hang Luồn, ngược hướng tây-bắc khoảng 300 mét, vua Đinh Tiên Hoàng đã cho xây dựng hoàng cung từ phía nam chân núi Đại Vân ra phía bắc tức là khu đền thờ vua Đinh và vua Lê hiện nay.

Tràng An giữ trọng trách là một căn cứ quân sự bất khả xâm phạm liền kề cung điện để bảo vệ hoàng thành.

Khu vực hang Luồn này còn gọi là khu “Cái Hạ” (Cái là chính, Hạ là dựa trên hình thể của những dãy núi chung



Núi Tràng An trùng điệp

quanh tạo thành chữ Hạ), là nơi an toàn, cơ mật để vua cùng các quan hội họp, luận bàn việc nước.



Thung Cái Hạ



*Thung Cái Hạ
nhìn từ phủ Bắc*

Sau này và cũng nơi này, biết bao nhiêu tao nhân, mặc khách cùng về nơi đây để du sơn ngoạn thủy. Các vua, chúa cũng về đây để cầu trời đất,

thánh thần và anh linh của vua Đinh Tiên Hoàng Đế cùng các trung thần, nghĩa sĩ tại nơi thiêng liêng đặc địa này.

Năm 1770 chúa Trịnh Sâm tới đây như trăm trở, bộc bạch nỗi niềm tâm sự với núi sông, với anh linh của các bậc tiền nhân nên đã làm một bài thơ chữ Hán, cho khắc trên vách núi thành một bia lớn ngoài cửa hang Luồn, được dịch:

*Quay thuyền về đến bến Tràng An
Nhác thấy Hoa Lư cũng thuận miền
Như tắm lụa trắng hang dội nước
Có từng núi mọc, cửa trông then
Cố đô đã mấy lần thay đổi
Thiên phủ còn nguyên dấu vũng bên
Hưng phế xưa nay bao chuyện cũ
Lòng dân đáng sợ chó nên quên*
(Thơ dịch của Đinh Gia Thuyết)



*Quay thuyền về đến bến Tràng An
Đường dạo Hoa Lư cũng thuận miền
Sông như giải lụa hang nhỏ nước
Điệp trùng núi mọc cửa cài then*

*Cố đô dời đổi đâu dấu tích
Chỉ thấy quanh co núi nước liền
Hưng phế người xưa coi đã rõ
Lòng dân đáng sợ chớ nên quên.*
(Không biết tên dịch giả)

PHỦ BẠC

Cụ Từ đưa chúng tôi đi thăm phủ thờ ngài Nguyễn Bặc gọi là phủ Bặc. Cụ cho biết:



Ngôi phủ nằm trên sườn núi như một viên ngọc quý lọt giữa hàm rồng. Phía dưới là “xuyên thủy động” hang Luồn có dòng sông Sào Khê uốn lượn qua, thật là “sơn thủy hữu tình”, một tuyệt tác của thiên nhiên. Phủ “*thờ vọng*” vua *Đinh Tiên Hoàng* và thờ *khai quốc công thần Thái Tổ Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc* và công đồng tướng sĩ triều *Đinh* do con cháu, hậu duệ của Nguyễn Bặc dựng nên. Tên phủ còn gọi là *Phủ Đại*.

Nguyễn Bặc là người *cùng làng, cùng sinh* năm 924 với vua Đinh. Thuở nhỏ cùng là *bạn chẵn trâu*, kề cận với Đinh Bộ Lĩnh như hình với bóng. Sau này cùng Đinh Bộ Lĩnh đi dẹp loạn 12 sứ quân. Tương truyền rằng Nguyễn Bặc là người thao lược, văn võ song toàn. Nguyễn Bặc đích thân cầm quân đi đánh sứ quân nào thì sẽ thắng sứ quân ấy. Khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong 12 sứ quân, Nguyễn Bặc là *người tham mưu* cho Đinh Bộ Lĩnh phải xưng đế và chọn Hoa Lư để đóng đô. Ông đưa kế sách nào, vua Đinh Tiên Hoàng cũng theo kế sách đó. Vua Đinh phong cho ông vào bậc khai quốc công thần, tứ trụ triều đình. Lịch sử coi *Nguyễn Bặc là đệ nhất công thần dưới triều Đinh*.

Sau 12 năm trên ngôi, vào đêm rằm tháng 8 năm 979 vua Đinh Tiên Hoàng bị kẻ nghịch thần, nội nhân Đỗ Thích sát hại. Nguyễn Bặc cùng các bậc khai quốc công thần như Đinh Điền, Phạm Hạp, Lưu Cơ (“Tứ trụ triều đình” của nhà Đinh là Đinh quốc công *Nguyễn Bặc*, Thái sư *Trịnh Tú*, Đại tư đồ *Đinh Điền*, Đô hộ phủ sĩ sư *Lưu Cơ*) và các tướng trung thành bảo vệ ấu chúa Đinh Toàn, đưa ấu chúa vào Tràng An ẩn dấu để tránh sự truy sát của Lê Hoàn và quyết phục hưng triều Đinh. Nguyễn Bặc bị Lê Hoàn bắt và bị giết vào rằm tháng 10 cùng năm đó bên dòng sông Chanh.

Lịch sử đã coi Đinh Bộ Lĩnh và Nguyễn Bặc như tam đồng: *đồng sinh, đồng hương* và *đồng chí hướng*.

Chúng tôi vào thăm khu Phủ Đại.



Phủ Đại



Nghi môn

Qua Nghi môn rồi qua hệ thống bậc thang chúng tôi tới trước sân Phủ. Hai cột trụ vươn cao với đôi câu đối trên thân cột:



Sân phủ hang Luồn

*Vạn cổ anh linh chiêu Việt địa
Thiên thu hiển hách đối Nam sơn*

(Muôn đời hồn thiêng nước Việt hội tụ nơi đây/
Ngàn năm hiển hách trường tồn cùng núi
Nam.)

Qua sân chúng tôi thấy có bốn cột đá khắc những câu đối trên mỗi cột. Phía trên hàng hiên có hàng đại tự : *Khai Môn Kiến Hỉ* (mở cửa gặp may).

Vào trong Phủ, ngay phía trên *chính điện* có bức hoành phi đề: *Trung Nghĩa Tác Sơn Hà* (Lòng trung nghĩa được dựng xây và trường tồn cùng xã tắc).

Tiếp theo là tới nhà nhà tiên đường gồm 5 gian được phân bố:

- Ba gian giữa dùng để tế lễ.



- Hai ban thờ ở *Trung Nghĩa Tác Sơn Hà* hai gian hai bên: Ban thờ bên phải thờ các đấng tôn thần hậu duệ dòng dõi Nguyễn Bặc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng và các vị vua triều Nguyễn v.v... Ban thờ bên trái thờ các tôn thần liệt nữ hậu duệ của dòng dõi Nguyễn Bặc.

Hai bên cột giáp tường có đôi câu đối:

*Nguyễn tộc tiết liệt tôn kim cổ
Như vũ lâu đài kỷ hậu lai*

(Khí tiết họ Nguyễn truyền mãi xưa nay/
Đền miếu uy nghi rạng danh muôn thuở.)

Hai bên của *nhà tiên đường* còn lưu giữ những cổ vật do hậu duệ dòng họ Nguyễn Bặc sưu tầm được và được lưu trữ ở đây. Trong số cổ vật có những đồng tiền đủ loại, đại diện cho tất cả triều đại của nước ta, trong đó có đồng tiền Thái Bình của triều Đinh. Đây là đồng tiền đầu tiên của nước ta, đúc năm 970 sau hai năm lên ngôi, với bốn chữ “*Thái Bình Hưng Bảo*” ở mặt trước và chữ *Đinh* in nổi ở mặt sau và *kết thúc lưu hành vào năm 980* sau khi vua Đinh Tiên Hoàng băng hà. Đồng tiền này

được thay thế bằng đồng tiền của nhà Tiền Lê sau đó.

Bên cạnh những đồng tiền, nơi đây còn lưu trữ những cổ vật khác của thời Đinh, Lê, Lý, Trần được các nhà khảo cổ tìm thấy trong khu vực cổ đô Hoa Lư, Tràng An.

Tiếp theo, Ban thờ phía ngoài *hậu cung* có một lư hương lớn thờ công đồng và tướng sĩ triều Đinh.



Ban thờ công đồng

Tiếp theo, Ban thờ chính giữa *hậu cung* là nơi thờ Khai Quốc Công Thần Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc.



Kiểm lệnh

Trong cùng là *cung tâm*, điện trong cùng là cung “vọng đế” thờ vua Đinh. Bài vị thờ trên ngai vàng đề: “*Khai cơ sáng nghiệp Đinh Tiên Hoàng Đế, hựu Bộ Lĩnh bệ hạ.*” Trên tường, ngay sau ngai vàng có gắn một chiếc quạt bằng đồng đúc nổi hình “lưỡng long châu nguyệt”, tượng trưng như quạt dâng cho Hoàng đế mỗi khi xa giá vi hành về ngự tại đây.



Ban thờ chính giữa



Bát bửu



Chiếc quạt bằng đồng đúc

Ra khỏi sân Phủ, rẽ trái khoảng 15 mét thì chúng ta sẽ tới một hang nhỏ khô ráo. Trong hang này là *một kho tàng cổ vật* thời triều Đinh lưu giữ ở đây như đồ sứ, đồ sành, đồ đá. Những hòn đá mài đủ cỡ lớn nhỏ và đa dạng để mài binh khí. Bên cạnh đó lại có vại, chum, vò tìm được ở khu vực này.



Những hòn đá mài lớn, nhỏ



Lưỡi giáo, tên



Cối đá



Đồ sứ



Đồ sành

Chúng tôi ra khỏi hang, tiếp tục leo những bậc thang đá để leo lên cao hơn, gặp một *ban thờ bạch hổ*. Cạnh ban thờ là một giếng nước sâu vào lòng núi, sâu tới tận mặt nước của con sông phía dưới chân núi.



Ban thờ thần Bạch hổ



Giếng “giải oan”



Long thần

Chúng tôi tiếp tục leo thêm, rẽ bên trái, gặp thêm một di tích lịch sử. Xưa có một *đài quan sát*, truyền tin để bảo vệ cho kinh thành Hoa Lư và để bảo vệ cho những cuộc hội họp của vua Đinh cùng các quần thần ở khu vực hang Luồn. Sau dân Tràng An lập một đền thờ nhỏ để thờ vua Đinh và tướng sĩ của ngài trong một hang khô ráo rất đẹp gọi là *động Đại*. Cửa động thờ “*long thần*” và bên cạnh là giếng “*giải oan*”, không ai biết giếng sâu tới đâu trong lòng núi.

Đứng từ nơi cao này, chúng tôi có thể quan sát được một cảnh rộng với thế núi thế sông tạo nên thế

phong thủy của chữ Hạ. Do đó ta gọi thung này là *thung Cái Hạ*.

Bề mặt đất phẳng ở phía dưới Phủ có *đền thờ Nguyễn Trãi*, hậu duệ của Nguyễn Bặc. Người lập đền thờ này là người đến từ Côn Sơn.



Đền thờ Nguyễn Trãi



Sân đền

Hàng chục ngọn núi bao bọc và châu về thung Cái Hạ. Có giải núi trông như con rồng uốn khúc, hổ quỹ, voi phục. Ngọn núi đối diện với Phủ Đại, bên cạnh sông Sào Khê còn lưu rõ nét *khắc một con rồng*. Tương truyền rồng khắc này tượng trưng *như một vị giám quan trấn giữ* khu trước cửa ngõ thung Cái Hạ.

ĐƯỜNG TRỞ LẠI HOA LƯ

Rời phủ Bặc, chúng tôi lại xuống thuyền đi qua hang Luồn, hướng về phía tây-bắc tức về *phía hoàng cung*. Cửa hang phía này rộng tới 35 mét. Qua cửa hang, một không gian mở rộng, tương truyền rằng *đây là nơi hội họp của vua Đinh Tiên Hoàng và các trọng thần ở trên thuyền*.

Thuyền tiếp tục đi thì gặp *phủ Mộc*, một vị trí canh phòng của quân lính triều Đinh. Sau đó là *Ghênh Tháp*, còn nguyên di tích nơi vua Đinh đứng duyệt thủy binh và đứng xem bơi chải trong những ngày hội Cờ Lau vào mỗi *tháng 3 âm lịch*. Đây cũng là thắng cảnh nổi tiếng. Ven sông có hòn *núi Mã Yên*. Tới đây, thuyền đã vào địa phận cổ đô Hoa Lư.



Cửa ra hang Luồn



“Ghênh tháp”

Qua hang Luồn khoảng 300 mét là trở về hai ngôi đền Đinh và Lê.



Một điểm có thể lưu tâm là từ *phủ Khổng* đi xuôi về

Cổng đền vua Đinh

đền vua Đinh, Lê có khoảng cách là 1,5 cây số. Và đi ngược lại từ *phủ Khổng* trở lại *bến đò trung tâm Tràng An* của thung Áng Mương cũng có khoảng cách là 1,5 cây số. Nghĩa là phủ Khổng nằm ngay chính giữa của hai đền Đinh, Lê tới bên đò trung tâm Tràng An. Bến đò Tràng An cách đền Đinh, Lê khoảng 3 cây số về hướng nam.

Tôi thấy Thi hơi lạnh vì nước trong hang Luôn nhỏ từ trần xuống làm ướt đầu và hai vai nàng. Tôi vội lấy áo trong “ba lô” của tôi khoác lên vai Thi. Thi nhìn tôi với đôi mắt cảm ơn và đầy triu mến. Tôi nhẹ ghì nàng vào người tôi như muốn truyền cho nàng thêm chút hơi ấm. Thi cầm bàn tay tôi bóp nhẹ, những ngón tay nàng đan vào những ngón tay tôi. Thi ghé miệng vào tai tôi nói nhẹ “Anh ...” như muốn nói thầm điều gì với tôi. Tôi ghé sát tai gần vào miệng nàng hơn như để lắng nghe. Bất chợt Thi cắn nhẹ vào vành tai tôi rồi vội nhả ra ngay, hai tay bịt miệng cười. Tôi tròn mắt nhìn, mím môi, dơ tay lên như như như muốn “cốc” nàng. Thi vội lấy hai tay ôm đầu kêu nhỏ:

- Không được đánh em!

Uyên ngồi phía trên quay đầu xuống nhìn hai chúng tôi. Uyên hỏi ngay:

- Thi nó lại trêu gì anh phải không?

Tôi chỉ cười mà không nói. Thi vẫn lấy hai tay bịt miệng vừa cười vừa trả lời chị:

- Không ạ!

Uyên vừa quay đầu đi, thỉnh linh tôi thổi mạnh vào lỗ tai Thi. Thi giật mình, cười lên khanh khách:

- Em không đùa nữa đâu!

Uyên quay vội lại thấy Thi cứ che tai mà cười. Uyên cũng mím cười dù nàng chẳng biết chúng tôi vừa làm gì ở phía sau lưng.

Cô lái đồ chọt hỏi:

- Anh vui tính quá! Anh có cháu nào chưa?

Tôi vội trả lời ngay một cách rất nghiêm trang:

- Tôi có hai cháu, một đứa lên 5 và một đứa lên 3.

Cô lái đồ trợn mắt nhìn Thi. Thi cũng trợn mắt nhìn tôi. Cô lái đồ chỉ Thi ngập ngừng:

- Chị đây ... còn... trẻ ... !?

Thi tỏ ra lúng túng định nói thì tôi lại lên tiếng:

- Một trai, một gái.

Cô lái đồ hết nhìn tôi rồi lại nhìn Thi, không nói gì. Tôi đoán cô không hỏi thêm vì ngờ là tôi đang trêu cô nên cô chỉ tùm tùm cười một mình. Thi vẫn trợn mắt nhìn tôi. Tôi cười nói với cô lái đồ:

- Tôi nói thật đấy! Hai đứa cháu tôi, con của bà chị, chúng nó ngoan lắm!

Tôi vừa nói xong câu ấy, mọi người trong thuyền đều cười. Cụ Từ cũng cười theo. Thi được thể, hai tay đâm vào cánh tay tôi nhõng nhẽo:

- Em ghét anh lắm! Chị Thìn chưa có chồng mà anh dám nói chị ấy có con. Em về mách chị ấy cho anh bị đòn luôn.

Uyên thấy thế nói với Thi:

- Chẳng mấy năm nữa có chồng, với tính nhõng nhẽo này, không biết cô có ăn tranh của con không đây!

Tôi cười:

- Uyên, anh không sợ “cô ấy” ăn tranh của con, mà anh chỉ sợ “cô ấy” ăn tranh của chồng thôi.

Mọi người lại cười. Thi chồm tới cắn vào cánh tay tôi mà không chịu nhả ra cho tới khi tôi cù vào cổ nàng. Chợt cô lái đồ than:

- Hai năm nay, vợ chồng chúng em “cố” mãi mà chưa được đũa con nào!

Chúng tôi im lặng để tôn trọng lời than vãn của cô.

Tôi an ủi:

- Cô còn trẻ mà!

Cô lái đồ lại nói:

- Vâng, năm nay em 20 tuổi rồi. Chồng em là con một nên mẹ chồng em muốn có cháu trai sớm để nối dõi tông đường. Bà sốt ruột, cứ nhắc chúng em suốt thôi. Em chỉ sợ vài năm nữa không sinh đẻ được, mẹ chồng em lại đi cưới vợ khác cho anh ấy. Em cũng lo lắm!

Chúng tôi yên lặng không nói gì thêm trước sự lo âu của cô.

Tôi ghé vào tai Thi nói thật nhỏ chỉ đủ nàng nghe:

- Anh cũng là con trai một đấy!

Thi ngừng lên nhìn tôi mỉm cười rồi bẽn lễn cúi xuống, lấy ngón chân cái bấm mạnh vào bàn chân

tôi. Nhìn đôi mắt long lanh của Thi khiến tôi muốn hôn lên má nàng.

Thuyền tiếp tục đi trên dòng sông Sào Khê. Tiếng mái chèo khua nước, tiếng sóng vỗ mạn thuyền nghe êm ả làm sao. Tôi nhìn ngắm Thi ngồi thu mình, hai tay chống cằm nhìn cảnh vật bên bờ sông. Tôi để tay lên bờ vai nàng bóp nhẹ. Thi quay lại nhìn tôi mỉm cười rồi lại quay đi lơ đãng ngắm cảnh. Tôi biết trong lòng Thi đang vui với cái hạnh phúc mà tôi đang mang đến cho nàng. Tôi mỉm cười một mình với ý nghĩ ấy.

Tôi quay lại nhìn sang thuyền Hội đang đi ở phía sau. Thư đang khua chân múa tay nói gì mà Mơ cứ bịt miệng cười ngặt nghẽo. Thỉnh thoảng Mơ lại đánh vào tay Thư. Hội thì lúc nào cũng trong tư thế như chỉ sợ ai cướp giật mất Mơ, nghĩa là cứ ôm cô chăm chặt. Tôi ra dấu cho cô lái đò đi chậm lại chờ thuyền Hội tới gần để nói chuyện cho vui.

Khi thuyền Hội tiến gần đến thuyền chúng tôi, tôi hỏi vọng sang:

- Hai cô nói chuyện gì mà cứ cười như “nắc nẻ” vậy? Kể cho chúng tôi nghe với!

Vừa nghe tôi nói thế, Thư đứng ngay dậy, nói sang:

- Em đang tả cảnh chị Mơ vác cái “bầu” to tướng trước bụng trong ngày ra trường của anh Hội. Một tay ôm bụng, một tay khoác lên vai em để được dìu đi, nắc nẻ theo chồng. Đúng lúc chồng lãnh bằng thì

chị ấy đau đẻ. Các anh chị thấy cảnh đó có vui không?

Vừa nói Thư vừa làm điệu bộ ôm bụng đau đẻ làm mọi người cùng cười. Thư giả vờ đau quần quai, kêu lên:

- Đưa em đi đẻ! Anh Hội ơi, đưa em đi đẻ! Mau lên! Mau lên!

Mọi người trên hai thuyền đều cười trước sự pha trò có duyên của Thư. Mơ cứ cười rũ ra với cái bản tính hồn nhiên của cô. Mơ vừa cười vừa đánh vào tay Thư:

- Cái cô này...!

Hội cười nói với cô em:

- Còn cái thân cô đấy! Cứ chế giễu người ta đi!

Thư nhún nhảy, hai tay làm như chim bay, trả lời ông anh;

- Ai bảo anh nói sẽ lấy chị Mơ sang năm. Lấy sớm thì phải có “bầu” sớm chứ, chị Mơ nhỉ?

Mơ nhìn Hội cười nũng nịu:

- Em không muốn có “bầu” sớm đâu!

Hội véo vào má Mơ:

- Cứ lấy nhau đi đã rồi hãy tính! Không lấy em ngay, nhớ có anh trai làng nào “cuỗm” mắt của anh thì sao!

Mơ sung sướng, thật thà nói lại:

- Em đã hứa lấy anh rồi mà!

Hội lại véo má Mơ:

- Em hứa thật rồi đấy nhé!

Vừa nói Hội vừa đưa ngón tay ra cho Mơ “móc ngoéo”. Mơ cười và cũng đưa ngón tay ra “móc ngoéo” lại với Hội:

- Nếu em có chết thì em cũng chỉ là vợ của anh thôi mà!

Hội cười:

- Nhớ đấy nhé! Không được nuốt lời đấy!

Mơ nhìn Hội đầy thương yêu, dơ tay phải lên:

- Em thề!

Thư vỗ tay to:

- Em làm chứng cho hai người! Mai về Hà Nội phải đưa em đi ăn kem Cẩm Bình đấy!

Mơ nhìn Thư:

- Anh chị mời, mời cả cậu bạn của em nữa! Xin mời các anh chị ở đây luôn!

Thư cười vang:

- Anh bạn của em chỉ thích ăn phở gánh ở vỉa hè thôi. Anh ta ăn mấy bát phở lớn lận, anh chị không có tiền trả đâu.

Nghe Thư nói thế lại làm mọi người cùng cười.

Hội đứng lên tuyên bố:

- Xin mời tất cả mọi người đi ăn kem cốc Cẩm Bình.

Mọi người vỗ tay hoan hô. Tôi nói nhỏ với Uyên:

- Anh em mình đoán đúng đây chứ nhỉ! Thế nào cặp này cũng cưới nhau sớm mà.

Uyen nhìn tôi mỉm cười gật đầu.

Thuyền đi thêm một đôi nữa thì cặp bốn. Chúng tôi lên bờ và hết lời cảm ơn hai cô lái đò cùng với một số tiền đò hậu hĩnh. Cụ Từ và chúng tôi thuê xe về nhà trọ ở thị xã Ninh Bình và cũng không quên mời cụ cùng ăn cơm tối với chúng tôi ở nhà hàng nơi chúng tôi ở trọ như tối hôm qua. Chúng tôi đưa cụ tới nhà người quen của cụ rồi mới quay về nhà trọ. Trên đường về chúng tôi rảo quanh thành phố mua một vài món quà cho mọi người ở nhà. Uyên và Thi mua cho bố mẹ tôi một chiếc khăn trải bàn thêu rua, một đặc sản của Ninh Bình. Mơ và Thu cũng thế, mỗi người đều mua quà mang về. Tôi không quên mua quà biếu cụ Từ.■



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-4

NGHỆ THUẬT HÁT CHÈO

Chúng tôi vừa về tới nhà trọ, ông bà chủ chạy ra chào đón. Chúng tôi biếu ông bà một ít trái cây để ăn “lấy thảo”. Ai về phòng này, tắm rửa và thay quần áo, chuẩn bị cho buổi ăn tối hôm nay cùng với cụ Từ.

Một giờ sau, chúng tôi lục tục kéo lên sân thượng để ăn tối như hôm qua. Mọi người cùng quay quần nói chuyện với nhau để chờ đợi cụ Từ sang. Trong những câu chuyện vãn, Thư luôn luôn là người có nhiều đề tài nhất, biết xoay xở câu chuyện để mọi người cùng tham gia và thích thú. Người bị đem ra trêu chọc nhiều nhất vẫn là cặp Hội, Mơ. Thi và Uyên tham gia câu chuyện bằng những tràng cười rất vui.

Một lúc sau, tôi và Hội tách ra đứng nói chuyện riêng với nhau ở góc sân thượng, vừa nhìn mặt trời

lặn vừa trao đổi vài câu chuyện để giết thì giờ trong khi chờ đợi nhà hàng chuẩn bị thức ăn. Tôi hỏi Hội:

- Cậu định cưới Mơ sớm hơn dự định đấy à?

Hội không nhìn tôi, mắt vẫn lơ đãng nhìn ra xa:

- Mình định thế!

Tôi hỏi thêm:

- Cậu yêu Mơ lắm phải không?

Hội quay nhìn tôi ra vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

- Sao cậu lại hỏi tớ thế? (Hội ngừng lại một chút rồi mới nói tiếp.) Tất nhiên là mình yêu cô ấy, nhưng mình phải cố gắng sao để “cô ta” gột bỏ được cái mặc cảm về sự thua kém thân phận của mình. Làm được chuyện đó xong, mình sẽ làm đám cưới. Lấy được Mơ, mình tin là sẽ có nhiều hạnh phúc. Mình đang rất tỉnh táo.

Tôi nắm cánh tay Hội vừa nói vừa dẫn Hội đi tới nhập bọn với đám đông:

- Chúc mừng cậu!

Hội nói thêm:

- Cậu chuẩn bị làm phù rể cho tớ đó.

Tôi cười:

- Sẵn lòng!

Khi chúng tôi vừa trở lại chỗ mấy cô, Thu lên tiếng hỏi:

- Hai anh nói chuyện gì mà rù rì với nhau ở đằng kia thế? Nói xấu tụi em hả?

Hội nghiêm trang:

- Anh nhờ “ông bạn” đây làm phù rể cho anh. Năn nỉ mãi đấy!

Vừa nói Hội vừa đi ra sau lưng Mơ, vòng tay ra trước ôm lấy vai cô, cúi xuống ghé tai hỏi:

- Thế em đã có ai làm phù dâu chưa?

Mơ nhìn Uyên, Thi và Thư:

- Em có mấy chị em chúng em đây rồi.

Mơ ngược mặt lên nhìn Hội:

- Nhưng sao anh tính sớm thế. Em đợi được mà. Anh phải học xong đã chứ!

Hội cười:

- *Lấy vợ phải lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha.* Đợi cũng được, nhưng phải xin làm đám hỏi sớm để thầy u em không còn lo cho cô con gái của mình. Vả lại, cũng để tránh hàng xóm láng giềng trong làng dị nghị, nhất là anh với em lại quá thân nhau nữa. Có lẽ nghi chính thức của hai bên người lớn với nhau thì phải lễ hơn. Các bạn nghĩ sao?

Tôi lên tiếng ngay:

- Anh Hội nghĩ thế cũng phải. Chuyện này cần cho rõ ràng minh bạch, có lễ nghi trước sau cho

đúng, không thể buông thả mà tự vượt ra ngoài vòng lễ giáo được. Xong phần của hai người thì cũng sẽ tới phần chúng tôi.

Tôi quay sang Thi cười hỏi:

- Phải không em?

Thi ôm lấy cánh tay chị e thẹn:

- Em không biết!

Uyên nhìn Thi, mỉm cười:

- Em không biết nhưng chị biết. Để chị trả lời dùm em nhé, “*Thưa anh, phải ạ*”.

Thi lại nhõng nhẽo đánh vào tay chị:

- Chị này!

Thư vỗ tay:

- Hoan hô! Em làm chứng cho hai người. Hai người cũng phải đưa em đi ăn kem Cẩm Bình nữa đây.

Hội cười, nạt ngay cô em:

- Ăn lắm kem thế! Không sợ đau bụng à?

Thư vênh mặt lên:

- Em không sợ đau bụng mà chỉ sợ “sún” răng thôi!

Mọi người cùng cười vui vẻ trước lời nói đùa của Thư. Chúng tôi đang cười to thì cụ Từ xuất hiện. Chúng tôi cùng đến vây quanh chào cụ.

- Chào cụ ạ!

Cụ Từ nhìn chúng tôi rồi hỏi:

- Các cháu đang nói chuyện gì mà vui thế?

Hội nhanh nhẩu đáp:

- Chúng cháu đang bàn là hôm nay làm sao phải mời cụ uống rượu thật say đây ạ.

Cụ Từ khua tay:

- Không được say! Sáng mai chúng ta nên đi thêm một hai nơi nữa gần đây thôi. Gần trưa các cháu đi Phát Diệm, “lão” này xin đi theo, nhân thể đi thăm người bạn già ở đó. Ông bạn của “lão” sẽ hướng dẫn các cháu đi thăm nhà thờ Phát Diệm. Ở đó cũng có lắm điều hay. Sau đó các cháu lên xe về Hà Nội cũng vẫn còn kịp chán.

Nghe cụ Từ nói thế, chúng tôi đồng vỗ tay hoan hô và cảm ơn cụ. Thư lại đỡ trò cũ, chạy lại đám lưng, đám vai và bóp tay cho cụ. Cụ Từ cứ cười ha hả, vui với đám thanh niên.

Chúng tôi cùng cụ tới bàn ăn và ngồi theo vị trí đã định sẵn. Nhà hàng cũng đã bắt đầu mang thức ăn lên. Chiếc đèn “măng xông” vụn nhỏ cũng đã được treo lên. Tôi cũng yêu cầu nhà hàng cho kê thêm một chiếc ghế sẵn để dành cho ông chủ nhà hàng nếu ông có dịp ghé bàn ăn chúng tôi.

Chúng tôi nhờ Hội đại diện đứng lên cảm ơn cụ Từ và gửi cụ ít quà mà tôi đã chuẩn bị mua từ buổi chiều gồm một gói trà mạn, một lạng trà Tàu và một

hộp trà sâm. Ngoài những món quà kể trên chúng tôi cũng gửi cụ một phong bì tiền để cụ chi dùng. Cụ Từ nhất định từ chối món tiền gửi cụ. Chúng tôi cố nói thế nào cụ cũng vẫn không chịu nhận, cuối cùng phải nhờ tới Uyên là người gần gũi với cụ nhiều nhất trong suốt chuyến đi. Cụ Từ cảm động đứng lên cảm ơn chúng tôi:

- Cảm ơn các cháu! Các cháu cho tôi được mấy ngày vui. Tôi phải cảm ơn các cháu mới đứng cơ đây. Có dịp nào các cháu về đây lần nữa, nhớ tới Đèn thăm tôi nhé.

Chúng tôi lại vỗ tay sau lời cảm ơn của cụ.

Thức ăn và thức uống đã sẵn sàng. Chúng tôi chúc mừng sức khỏe cụ Từ rồi cùng nâng ly. Tôi vừa thoáng trông thấy ông chủ nhà, vội chạy lại mời ông tới bàn ăn để cùng cụ Từ nhấp chút rượu Kim Sơn. Ông hoan hỉ nhận lời và hứa sẽ trở lại với chúng tôi sau.

Thức ăn nấu rất ngon, cụ Từ cứ khen nhà hàng chọn món ăn thật khéo dành cho người phương xa. Cụ Từ nhìn Mơ hỏi:

- Thức ăn thì ngon rồi nhưng có bỏ không cháu?

Mơ tủm tỉm cười thưa:

- Nhà hàng nấu khéo lắm ạ, có món ăn bỏ cho đàn ông hơn, có món ăn bỏ cho đàn bà hơn, có món bỏ cho cả đàn ông lẫn đàn bà. Thầy mẹ cháu dạy cháu là đàn bà nên phải học làm những món ăn ngon

cho chồng con, vừa bổ cho sức khỏe, vừa phòng ngừa hay chữa được bệnh tật và vừa tiết kiệm được tiền bạc.

Mơ liếc nhẹ sang Hội rồi nói tiếp:

- Cả nhà khỏe mạnh thì gia đình mới có hạnh phúc. Cháu chỉ học y học trong các món thức ăn, nước uống và cây quả thay đổi theo bốn mùa “xuân hạ thu đông”. Mỗi mùa có cách ăn uống khác nhau. Cháu cũng chỉ biết một chút ít thuốc bắc dùng để nấu chung với các món ăn để tăng cường dinh dưỡng hay phòng, chữa vài thứ bệnh thông thường trong gia đình thôi ạ.

Hội trợn mắt hỏi Mơ:

- Sao em giỏi thế! Trên bàn này có món ăn nào bổ cho đàn ông đâu, em chỉ cho anh nào?

Mơ, một tay che miệng cười, một tay chỉ vào hai đĩa thức ăn trên bàn:

- Món cật dê xào và đĩa chim sẻ rán này là bổ cho đàn ông nhiều hơn. Theo y học Đông phương thì *thận* là “gốc của tiên thiên”, chủ việc phát dục và sinh sản, chủ về thủy dịch, và hai đường bài tiết.” *Cật dê, cật lợn, cật bò* đều là những thức ăn bổ dương. Nó còn chữa được những thứ bệnh như đau lưng, mỏi lưng, tai ù, tai điếc, tiểu gắt, tiểu sót. Cật có thể chế biến thành nhiều món ăn như xào, nấu cháo hay chưng cách thủy. Có thêm *đỗ trọng, nhân hạt đào* thì tốt trong việc trị bệnh “đàn ông” (yếu sinh lý). *Chim sẻ* cũng bổ dương lắm, có khả

năng giúp người ta có con nhiều. Chim sẻ có thể chung hoặc hãm với vài vị thuốc bắc thì còn chữa được những bệnh đau nhức đầu gối, chóng mặt, và nó cũng là món ăn lý tưởng của người già⁽¹⁾.

Hội đứng lên vỗ vai Mơ khen:

- Vợ tôi giỏi quá! Thế còn món ăn nào khác bổ dương nữa không?

Mơ cười:

- Còn nhiều lắm chứ! Em chỉ kể mấy món ở trên bàn đây thôi mà. Sao anh hỏi em kỹ thế?

Hội cúi xuống hôn lên tóc Mơ:

- Tại anh muốn đông con.

Mơ trả lời với vẻ mặt hơi buồn:

- Anh muốn bao nhiêu con cũng được. Em chiều. Nhưng đừng để chúng sống nghèo khó quá. Chúng phải lên núi kiếm củi hay đi hái mơ rừng, đào rễ củ mài như em thì tội lắm.

Mọi người khựng lại vì câu nói của cô. Hội ôm lấy vai Mơ:

- Anh không để em và các con khổ đâu! Anh hứa mà!

Thư chạy lại ôm Mơ:

⁽¹⁾ Những câu chuyện liên quan tới vấn đề y học trong loạt bài này chỉ nhằm trong phạm vi câu chuyện mà thôi. Người viết không chịu trách nhiệm về sự ứng dụng trong thực tế.

- Em thương chị Mơ lắm! À, mà chị Mơ này, chị nhớ nấu món ăn nào “thật thật” bổ để giúp cho em học giỏi đấy nhé!

Mơ nắm lấy cánh tay Thư:

- Được rồi, hôm này về chị nấu món thịt *bò câu hầm với thuốc bắc* cho thầy mẹ và các em ăn. Bà ngoại chị nấu ăn giỏi lắm, đã dạy cho chị món ăn này lúc chị mới 12 hay 13 tuổi. Ăn thịt bò câu hầm với vài vị thuốc bắc sẽ tăng cường sức trong công việc nặng nhọc hay học tập, rất tốt cho người già. Nó còn có thể làm làn da mịn màng, giữ được sự hấp dẫn của phụ nữ nữa đấy. Em chịu không?

Thư vỗ tay hoan hô. Hội cúi xuống hỏi nhỏ Mơ:

- Hầm bò câu cho thầy mẹ và cho các em ăn, thế còn anh đâu?

Mơ đánh vào tay Hội:

- Em không cho anh ăn món này vì món này cũng bổ dương lắm. Ăn xong lại cứ đòi hôn em là không được. Em dặn, về nhà anh không được hôn em nữa đâu đấy. Thầy mẹ trông thấy thì xấu hổ chết.

Thư đứng cạnh cười to:

- Chị không cho anh ấy hôn thì cho anh ấy cù được không?

Thư vừa nói xong liền cù Mơ. Hội bắt chước cô em cũng cù theo làm Mơ phải đứng lên uốn éo người và cười rũ ra. Chúng tôi cũng cười theo. Hội

ngồi xuống và Thư cũng về chỗ ngồi. Chúng tôi lại tiếp tục ăn.

Cụ Từ cứ ngồi cười. Bây giờ mới lên tiếng:

- Cháu Mơ giỏi lắm! Hai cháu sẽ có nhiều hạnh phúc lắm đây. Tôi chúc mừng!

Vừa nói dứt lời cụ nâng cốc rượu lên mời mọi người cùng uống. Các cô chỉ uống “nước ngọt” nhưng cũng nâng cốc lên. Hội dìu Mơ đứng lên cảm ơn mọi người.

Hội đứng thưa với cụ Từ:

- Hôm nào đám cưới chúng cháu, thế nào chúng cháu cũng về xin đón cụ đến dự để cụ chúc phúc cho chúng cháu ạ.

Cụ Từ cũng đứng lên:

- Thế thì quý hóa quá! Cảm ơn hai cháu trước.

Vừa ăn, chúng tôi vừa nói chuyện vang cả sân thượng. Thấy chúng tôi cười đùa, ông chủ nhà hàng cũng tò mò lên sân thượng cười góp. Chúng tôi mời ông cùng ngồi ăn cho vui. Ông chỉ tiếp rượu cụ Từ, lâu lâu mới gắp một miếng thức ăn cho lấy lệ. Câu chuyện lan man hết chuyện này tới chuyện kia tưởng như không dứt. Bỗng cụ Từ “À” lên một tiếng như nhớ một chuyện gì mà cụ chưa có dịp nói.

- Cứ nói chuyện lan man mãi, nhắc tới dân ca tôi mới nhớ. Xin giới thiệu với các cháu, ông chủ

nhà hàng đây là dân Thái Bình, người làng Khuốc về đây sinh sống đã lâu năm. Làng Khuốc thì nổi tiếng về hát chèo. Mà hát chèo thì lại phát xuất từ cố đô Hoa Lư này từ thời vua Đinh Tiên Hoàng cơ đấy. Nhân tiện đây thì ta cũng nên nói qua một chút về bộ môn hát diễn dân ca này. Nó cũng là một nét văn hóa hết sức đặc thù của Cố đô. Chúng ta nhờ ông chủ đây giảng giải cho nhé.

Ông chủ nhanh nhẩu đáp:

- Thưa cụ, vâng ạ!

Chúng tôi ăn cơm đã xong, người phục dịch đã lên dọn dẹp sạch sẽ để chúng tôi vừa dùng trái cây tráng miệng vừa được cụ Từ và ông chủ nhà hàng nói chuyện về hát chèo cho chúng tôi nghe và học hỏi.

Cụ Từ chậm rãi :

- Bà *Trần Thị Trân*, sinh năm 926, quê ở Hồng Châu (Hưng Yên), có tài ca, múa và làm trò nổi tiếng. Khi vua Đinh vừa thống nhất đất nước, xây dựng đội quân Thập đạo lớn mạnh lên tới chục vạn người, Vua mời bà Trân về kinh đô để chuyên dạy biểu diễn nghệ thuật cho quân sĩ vui chơi, giải trí.

Bà Trần Thị Trân đã cùng nhiều nghệ sĩ dân gian khác dạy cho quân sĩ hát, múa, gảy đàn, đánh trống... Lại tổng hợp các bộ môn đó để tạo thành những vở tuồng tích đơn giản diễn tả cuộc sống hàng ngày. Bà được vua Đinh phong cho chức *Ưu Bả*. Nghệ thuật chèo phát sinh từ đó. Bà mất vào

năm 976, và bà được suy tôn là *bà Tổ của nghệ chèo*.

Theo cụ, chèo là một trong những nghệ thuật sân khấu cổ truyền của Việt Nam. Nó được hết sức phổ biến trong nông thôn thuộc đồng bằng sông Hồng và trung du miền Bắc. Vùng đất Hoa Lư này là cái nôi của chèo, và từ cái nôi ấy, dù có biết bao thăng trầm của lịch sử đất nước, chèo vẫn không ngừng phát triển. Do đó chúng ta có một chỗ đứng quan trọng trong nền văn hóa dân gian nước ta.

Chèo là hình thức sinh hoạt văn hóa nghệ thuật quen thuộc và phong phú từ bao đời nay nhờ cái tính chất *trữ tình, diễn tả nội tâm sâu sắc* với sự kết hợp của hàng loạt yếu tố khác như *hát, múa, nhạc, kịch* vô cùng độc đáo. Niềm đam mê chèo của người Việt được thể hiện qua những câu thơ:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo vỗ bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo.*

Cụ Từ nói đến đây, nhìn ông chủ nhà hàng quê ở làng Khuốc:

- Nhắc đến chèo ở Thái Bình thì ta nhớ tới câu thơ “chèo làng Khuốc”, một dòng chèo nổi tiếng và đặc biệt của làng này:

*Hỡi cô thắt dải lưng xanh
Có xem chèo Khuốc với anh thì về*

Nhắc đến chèo ở Nam Định thì ta nhớ tới thơ của nhà thơ Nguyễn Bính nói về dòng chèo ở làng Dặng:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy
Hội chèo làng Dặng đi ngang ngõ
Mẹ bảo: "Thôn Đoài hát tới nay."*

Đứng về mặt nghệ thuật sân khấu dân gian cổ mang màu sắc văn hóa dân tộc, ngoài chèo cũng có hát tuồng (miền Bắc) hay hát bội (miền Nam), cũng có những câu ca dao:

*Tháng năm ngày tám năm suông,
Nghe đục trống tuồng, bé bụng đi xem.*

Và:

*Má ơi đừng đánh con đau,
Để con hát bội làm đào má coi.*

Vào các dịp hội hè đình đám ở nông thôn miền Bắc ít khi nào không nghe thấy tiếng trống chèo. Chèo được trình diễn bởi những “phường chèo”, do sự kết hợp của những nghệ sĩ không chuyên nghiệp, thường là những người ngày thường thì đi làm ruộng, lúc có “đám” mới tụ tập nhau lại để đi hát, có khi kéo dài hàng tháng tới khi lúa chín mới về. Những phường chèo như thế có chừng khoảng ít ra là mười, mười lăm người. Ông trùm phụ trách chung, ông *thơ* tìm tích, đặt câu, phân vai,... bảy tám người làm *đào, kép, lão, mẹ, hề*, một dàn nhạc với vài *nhạc công*. Những vở tuồng chèo cổ thường

được trình diễn và mang sắc thái biểu tượng mà người nào cũng ưa thích xem như Trương Viên, Lưu Bình, Quan Âm, Tống Trân Cúc Hoa, Lý Công, Từ Thức, Phạm Công, Kim Nham...

Cụ Từ nói đến đây, quay sang ông chủ nhà hàng:

- Về mặt chuyên môn của hát chèo thì chúng tôi phải nhờ đến ông đây giảng giải cho.

Ông chủ nhà hàng khiêm tốn xin phép cụ Từ:



Mô hình chiếu chèo Thái Bình

- Xin cụ cho phép!

- Xin nhờ ông!

Ông chủ nhà hàng giảng giải:

- Để có một vài ý niệm cơ bản về chèo, chúng ta lưu tâm vài điểm sơ đẳng như thế này:

**/Sân khấu chèo :* Ngày xưa, các phường chèo phần lớn đi lưu diễn tại các thôn làng chung quanh, có khi cũng xa xôi. Phương tiện trình diễn thì rất eo hẹp, thường diễn ở sân đình, sân chùa hay thửa đất trống trong làng, trong xóm. Hay trên cái sân gạch của những nhà phú hộ khi có đình đám trong nhà, họ thuê phường chèo về diễn để mua vui. Sân khấu chỉ là ba bốn chiếc chiếu ghép liền lại với nhau. Có một chiếc màn vải che để phân biệt sân khấu với hậu

trường. Nhạc công ngồi ngay bên cạnh. Người xem ngồi chung quanh, rất gần với các diễn viên đang trình diễn.

**/Y phục :* Trang phục của các diễn viên trên sân khấu chèo cổ thường giống những bộ quần áo mặc hàng ngày của những người dân quê hay những bộ quần áo mặc trong hội hè, lễ tết. Tuy nhiên màu sắc có rực rỡ hơn tùy vai trò để phù hợp với sân khấu. Trang phục của vai nữ có khác nhau tùy vai đóng, được xem như một khía cạnh thể hiện từng hoàn cảnh hay nội tâm của mỗi nhân vật. Người ta chia diễn viên nữ thành hai nhóm: *chín* và *lệch*.

Nhóm chín hay còn gọi là *nhóm nữ thuận*, những người phụ nữ tiêu biểu cho lễ giáo phong kiến như tam tòng, tứ đức, nét na, chung thủy, đảm đang... Trang phục của nhóm này phải kín đáo phù hợp với đức tính đoan trang, thùy mị. Thường là mặc áo dài cặp sa, mớ ba, mớ bảy. Những vai này như nàng Châu Long trong tích Lưu Bình (đã đi nuôi bạn thay chồng mà vẫn giữ được đạo vợ chồng thủy chung), như bà Thị Kính trong tích Quan Âm (chịu oan khuất giết chồng), Trinh Nguyên trong tích Tôn Mạnh - Tôn Trọng (đã tình nguyện chọn đứa con trai ruột của mình để chết thay cho con chồng), Thị Phương trong tích Trương Viên (18 năm vất vả, vẫn một lòng thủy chung với chồng nơi xa, vẫn thành tâm nuôi mẹ chồng hết mực).

Nhóm lệch hay còn gọi là *nhóm nữ nghịch*, những người phụ nữ có tư duy hay hành động trái

với lễ giáo, lại lẳng lơ, không theo phép tắc Khổng Mạnh. Trang phục của nhóm này thường là tấm áo dài tứ thân màu sắc sỡ. Những vai này như Xúy Vân trong tích Kim Nham (đã giả điên để ruồng rẫy chồng và đi theo trai), Thị Mầu trong tích Quan Âm (đã lên chùa ghẹo tiểu Kính, về nhà ngủ với Nô để có con, không sợ phạt vạ của xã), Thiệt Thê trong tích Chu Mãi Thân (bỏ chồng để làm thiếp cho người khác).

Ngoài ra trong các vai mục, trang phục cũng có khác như mục giàu và mục nghèo.

** /Nhạc cụ* : nhạc cụ gồm *bộ gõ* như trống đê, trống cơm, trống ban, trống bộc, trống cái, thanh la, chuông, cồng, tiau, chũm chọe... mà trống là phổ biến nhất; kèm theo đây cũng còn có *bộ dây* như nhị, hồ, nguyệt, bầu, tam thập lục; *bộ trúc* hay *bộ hơi* như sáo, tiêu, kèn... Tùy theo câu chuyện tuồng tích mà người ta sử dụng nhạc cụ khác nhau cho phù hợp. Trong ba bộ kể trên, bộ gõ là loại phổ biến nhất, đa dạng và có nguồn gốc lâu đời nhất vì chúng là sản phẩm của nghề nông nghiệp lúa nước mà ra. Trống tạo nên tiếng sấm, cầu đảo mưa, xin cho mưa thuận gió hòa. Đan cử, ta hãy nghe bà Hồ Xuân Hương vịnh cảnh chùa gồm vài nhạc cụ thuộc bộ gõ:

*Khi cảnh, khi tiau, khi chũm chọe,
Giọng hì, giọng hỉ, giọng hi ha.*

** /Âm nhạc* gắn bó với tuồng tích chèo như hình với bóng. Nhạc không chỉ làm nền, nó còn hoà

quyện với lời ca, tiếng kể của diễn viên, hoạt cảnh. Nó thâm thấu vào lời thơ, khi ẩn khi hiện, khi mạnh khi yếu, khi hỉ nộ, khi bi ai, biến hóa vô cùng để vở diễn trở nên linh động và lột được hết cái tinh túy của tuồng tích trong suốt buổi trình diễn.



**/Trình diễn :*

Múa chèo gồm 5 động tác chính. *Nhóm chạy đàn*, có những bước đi lúc chậm lúc nhanh, lúc thanh thoát, lúc uyển chuyển, vui buồn, sâu lắng, mênh mông. *Nhóm dâng hoa*, tả những cảnh bông bênh sông nước, tâm trạng rạn vỡ, gấn bó, duyên tình. *Nhóm dâng rượu*, với những động tác nghiêm trang, kính cẩn. *Nhóm cướp bông*, động tác đầy ngẫu hứng. *Nhóm tấu nhạc*, gồm những tiết tấu lập đi lập lại, nhấn mạnh... Từ năm nhóm này làm cơ sở, múa được phối hợp với nhiều động tác hoa mỹ mà biến hóa ra muôn hình, muôn vẻ để diễn tả được đầy đủ những trạng thái của hoàn cảnh và tâm hồn mà vai trò đòi hỏi.

Chèo cho ta thấy có *tính linh hoạt*. Những diễn viên không nhất thiết phải tuân thủ bài bản và diễn xuất một cách chặt chẽ. Tùy theo hoàn cảnh nơi địa phương hay người xem thích cái gì mà biến đổi theo cho phù hợp, như khi người nghe thích nghe hát thì tăng phần hát, khi người xem thích hài thì phải phải tăng phần hài lên... Do đó mà tuồng tích đôi khi không giống nhau và có nhiều dị bản. Người xem và người trình diễn lại ở vị trí rất gần nhau nên những lời phê bình, khen thưởng hay bày tỏ ý kiến thường được diễn viên “bắt” được rất nhanh để thay đổi cho phù hợp với sở thích của người xem. Sự thay đổi bất ngờ này đòi hỏi những diễn viên phải thật nhanh trí và ứng khẩu nói hay hát một cách linh động. Và diễn viên cũng có thể xuất thần biến đổi cách trình diễn, cách hát để “lột” được cái tinh túy của vở tuồng tích hay khả năng diễn xuất của mình. Quan hệ giữa người xem và diễn viên rất khăng khít bởi cái không gian sân khấu không lớn lắm.



Ngay cả trong phần âm nhạc cũng vậy, các nhạc công cũng có thể uyển chuyển cho phù hợp với nhu

cầu miễn sao đoạn khởi đầu và kết cuộc phải đúng theo quy luật mà thôi. Đoạn giữa, nhạc công được phóng túng, tùy nghi để bộc lộ hết cái tài năng của mình.

Chèo kết hợp hát, múa, nhạc và kịch. Có câu “*nhất cử nhất động giai điểm vũ*”, tức mỗi động tác của chèo đều mang tính múa. Múa ở đây không mang tính chất trừu tượng, tượng trưng hay ước lệ mà là những hình ảnh sinh hoạt, lao động của nông thôn diễn ra trong ngày. Ở chèo nhiều động tác tưởng chừng như không phải là múa như đi, đứng, đổi vị trí, giao tiếp, v.v... mà lại là múa.

Múa trong tuồng chèo xây dựng trên cơ sở tương quan *cặp đôi* giữa các bộ phận của cơ thể và động tác. Nó phải dựa trên *nguyên lý đối xứng, hài hòa* và tuân thủ *luật âm dương* một cách chặt chẽ. Đội hình múa phổ biến là hình *tròn và vuông*. Khi chân này làm trụ thì chân kia duỗi ra. Nếu phải di chuyển thì tiến về phía trước bao nhiêu thì sẽ lùi lại phía sau bấy nhiêu. Tay phải nâng lên cao thì tay trái phải hạ xuống thấp. Tay phải chỉ về phía trước thì tay trái bỏ xuôi ra phía sau. Muốn chỉ tay sang phải thì chân phải bước sang trái rồi mới day sang



phải. Ngoài ra sự hài hòa còn được tạo nên bởi sự tương phản, chế ngự lẫn nhau. Phải có sự tương quan giữa nội tâm và ngoại cảnh, giữa múa với hát, nghĩa là múa phải đi sát với lời văn (chữ đâu bộ đó).

Dựa vào những nghệ thuật lẫn kỹ thuật cơ bản, múa của chèo phải thể hiện được cái *uyển chuyển nhịp nhàng* của con người. Múa chèo hay dùng đôi tay, cánh tay, cổ tay, kể cả ngón tay để hòa nhập với sự diễn xuất của cả toàn thân mà đặc biệt là với đôi mắt. Có người nói không ngoa là “bàn tay chèo” là bàn tay “biết nói”, là nhụy hoa của tâm hồn, là những gì tinh túy được bộc lộ qua nhân vật chèo. Với đôi bàn tay khéo léo trong từng cử chỉ, trong từng động tác để tạo nên cái “thần” của nhân vật, tạo được sự thành công của người diễn. Diễn viên cũng hay dùng quạt, biến hóa, sinh động khi xoay khi mở, khi xòe khi khép, khi là trang sách, khi là đề thơ.

Mỗi vai đều có cái khó riêng của nó. Ví dụ như vai thư sinh thì đòi hỏi diễn viên có hình thể tương đối đẹp, khoan thai, nhẹ nhàng, dung dị. Còn vai phản diện thì phải có nét mặt hoặc cách diễn mang tính chất hơi đều. Kể cả tiếng nói, ngôn ngữ và động tác.

Tuy múa chèo có bài bản, luật lệ nghiêm khắc nhưng sự thành công của vở chèo cũng còn phải phụ thuộc vào nghệ thuật biểu diễn, tài năng, khả năng linh động và ngẫu hứng của diễn viên làm múa chèo có vẻ đẹp đa dạng, phong phú, xem không biết chán.

Xin mời xem *Thị Mầu lên chùa*:

<https://www.youtube.com/watch?v=A3fMAoVyfZY>

**/Hài trong chèo cổ* : Trong chèo thì không thể thiếu hài. Hài được những anh hề đảm trách. Hề có hề môi, hề gậy... Có những nhân vật không phải là hề nhưng với diễn xuất của họ cũng vẫn làm người xem phải cười như những vai thầy bói, thầy cúng. Như bên cạnh cái bi ai của Thị Kính thì lại có Thị Mầu, Xã trưởng, mẹ Đốp làm người xem khóc đấy rồi lại cười đấy.

(Trích theo ý của nghệ sĩ Quốc Trọng)

[Hề chèo thì bắt buộc phải vừa hát, vừa diễn, lại phải nhân cách hóa, cách điệu. Hơn nữa phải biết kết hợp giữa hát, múa, diễn cho hài hòa, mới tạo ra tính cách của một vai hề. Xưa nay, người ta vẫn cho rằng hề chẳng qua chỉ là vai phụ trong một vở diễn. Đó là một quan niệm sai lầm. Hề có số phận hẩm hoi, đóng góp không nhỏ vào thành công của vở diễn. Một vở diễn không có tiếng cười thì là vở diễn kém sự thành công.

Hát hề chèo rất khó vì phải đưa được cái hồn của hề vào. Nó có chất vừa dí dỏm, vừa phóng khoáng, vừa mang tính chất châm chọc, châm biếm, đả kích, dí dỏm bằng ngôn từ, hành động, động tác, cử chỉ, điệu hát... phối kết lại. Hề chèo chữ hay, chữ duyên dáng, chữ lịch thiệp. Đó là nhân vật hề chèo.

“Phi hề bất thành chèo.” Để diễn được một vai cho ra chất hề là không hề đơn giản. Người diễn viên thủ vai hề không thể thiếu được sự sáng tạo trong từng vai diễn để đem lại cho khán giả những tiếng cười sảng khoái trên sân khấu và cả những nụ cười ý nhị, sâu sắc như mục đích cha ông ta sáng tạo ra vai hề trong nghệ thuật chèo.

Vai chính diện hoặc phản diện thì thông thường tìm dễ hơn. Nhưng hề chèo cần có cái khiếu đặc biệt. Đào tạo ra nghệ sỹ hề chèo thì vẫn có nhưng để theo kịp, làm được những thứ như các cụ ngày xưa thì rất khó. Vì hề chèo đòi hỏi nhiều yếu tố rất khắt khe.]

(Hết trích)

Dường như trong chèo cổ, cái cười ngày càng chiếm thời gian dài, càng chú ý phản ánh những thói hư tật xấu của người đời. Điều đó, làm cho tính xã hội của chèo ngày mỗi nổi đậm về sau.

Một nhân vật thật đáng yêu về cái hồn hậu chất phát, như lão say qua cặp thơ “lục bát”. Kết hợp với hình ảnh một diễn viên râu tóc bạc phơ, khăn quần, áo cánh lụa điều, quần lụa mỡ gà, ống hơi xéch, mắt hóm hỉnh, tay chông gậy trúc dài, bước bập bồng xiêu vẹo, chân nam đá chân chiêu, rõ ra ông già say rượu phóng khoáng, mát tính, lấy câu “tửu lạc vong bản” (rượu vui quên nghèo) tiêu khiển... khiến ai xem cũng cười xòa thoải mái.

*Ai ơi chơi lấy kéo già
Mãng mọc quá lứa duyên ta nhờ thì.*

Hai câu thơ được hát theo chèo:

*Chơi chơi lấy a/a/a/a/ kéo ối a/ôi/i i già i/i i
i /i i i.*

*Này ối ai ơi chơi lấy kéo/ i/ già, măng mọc
quá lứa duyên đôi ta nhờ i/ôi/i i/i i i i/thì
//a// nhờ thì đôi ta...*



Lã say



Phũ thủy

Thông thường
hề chèo được chia
ra làm hai loại:

- *Hề áo ngắn.*

Hề mặc áo
ngắn, màu sắc, sạch
sẽ thường đi theo
một thư sinh hay



Hề gậy

một ông quan gọi là *hề theo*. Hề này luôn tỏ ra khôn
ngoan, trí tuệ trong những lời đối thoại. Có loại
chuyên cầm gậy gọi là *hề gậy*. Có loại ra diễn xuất
trước vai quan gọi là *hề cung đình*. Có loại thường
diễn đôi, cầm mỗi lửa trong tay để múa thay vì quạt
hay gậy gọi là *hề mồi*.

- *Hề áo chùng* (hay áo dài).

Loại hề này thường mặc áo dài, hóa trang xấu
xí, nhọ nhem như phũ thủy, thầy bói, thầy đồ dốt.
Họ tự chế diễu mình, tự châm biếm bằng những cử
chỉ và lời nói diễu cợt để chọc cười như trong những

vở tuồng tích "Phù thủy sợ ma", "Thầy bói nói mò", "Thầy đồ đốt chữ."

**/Tiếng đế* : Là lời nói của người xem chen vào do ngẫu hứng. Những lời đế chen vào đó thấy hay quá, đúng chỗ quá, có duyên quá nên lần diễn sau người xem lại chêm vào câu đế đó, gọi chung là “tiếng đế”. Lần lần, những tiếng đế ấy lại trở thành một “thành phần” của vở tuồng, không thể thiếu được. Tới đoạn diễn đó, nếu người xem không đưa tiếng đế vào thì một người trong phường chèo ở hậu trường cất lên thế cho người xem. Tiếng đế trở thành vừa là lời nói của người xem mà nó cũng vừa trở nên một phần của vở diễn.

Thí dụ như trong vở Quan Âm, Thị Mầu đang chạy vòng vòng ve vãn chú tiểu Kính Tâm là gái giả trai. Thị Mầu đã dần lượn tới gần chú tiểu và sắp dở trò sàm sỡ thì một khán giả tinh nghịch lên tiếng lớn: “*Mầu ơi, ở nhà mày người ta bắt hết bò rồi!*” Diễn viên đóng vai Thị Mầu đã nhanh trí, đứng lại, hai tay chống nạnh, miệng cong cớn mà rằng: “*Nhà tao còn khối trâu!*” Thế là Thị Mầu tỏ được cái giàu có của nhà phú hộ mà lại hư thân tỏ ra bất cần để tiếp tục ve vãn chú tiểu. Tiếng đế ấy hay quá và có duyên quá nên cứ mỗi lần trình diễn tới đoạn ấy thì lại chêm tiếng đế ấy vào vở tuồng.

Câu đế làm cho không khí trình diễn trở nên uyển chuyển và linh động, có khi đang bi lại trở thành hài, hay đang trang nghiêm lại trở thành đùa cợt. Tiếng đế là tiếng nói của người xem, có khi

chúng là những câu hỏi khi thắc mắc, là những câu khen, câu chê, câu bông đùa nghịch ngẫu hứng. Tiếng đế phát xuất từ người xem nên đôi khi diễn viên bị thụ động, và lâm vào thế bị động. Diễn viên phải thật nhanh trí để hóa giải.

Trong vở Tôn Mạnh - Tôn Trọng có đoạn như thế này:

Thầy bói: Ông tam đại nhà mày chết ban ngày đây.

Tiếng đế: Thác ban đêm!

*Thầy bói: Ờ ờ... nhẽ ra thì thác ban ngày /
Thương con nhớ vợ hồn rày thác đêm!
Ngôi mộ này để ở ruộng cây dấy.*

Tiếng đế: Để trên gò chứ!

*Thầy bói: Ờ ờ... Nhẽ ra thì để ruộng cây/
Bỗng dưng nước lụt khiêng ngay lên gò.*

Thậm chí tiếng đế còn tranh cả vai của ông trùm - người chỉ huy đêm diễn:

Tiếng đế: Trong buồng trò có thầy bói nào không, cho tôi mượn một ông nào!

Thầy bói (cấp tráp đi ra): Thầy bói thì không có, nhưng mà giả thông minh thì vô khối đây!

(Trích trong "Tìm về Bản Sắc Văn Hoá Việt Nam" - Trần Ngọc Thêm)

Do đó tiếng đế chính là hình ảnh truyền thống dân chủ của nền văn hóa làng xã nông nghiệp.

**/Người cầm châu :* Khi phường chèo đi đến làng nào trình diễn thì làng ấy thường đề cử ra một người *cầm châu*, thường là người vai vế trong làng. Người này ngồi ngay góc chiếu sân khấu để “cầm trịch” suốt buổi trình diễn với chiếc “trống châu”. Ông là người ngồi châu (nhìn) để lên tiếng thưởng, phạt, khen, chê sự trình diễn của phường chèo bằng cách gõ vào trống châu. Ông là người thông hiểu về tuồng tích, sành về nghệ thuật, biết nhiều làn điệu của chèo. Đêm hát chèo sôi nổi, giòn giã hay tẻ nhạt một phần cũng do người này. Quy luật khen chê được quy định bởi cách đánh trống. Quy ước đó được ấn định như sau: 9 tiếng là trống đục, 1 tiếng là để điểm câu, 2 tiếng là khen vừa, 3 tiếng là khen nhiều; 1 tiếng “tịch” (một dùi chặn, 1 dùi đánh) là chê, đánh “cắc” vào tang trống là chê nhiều cần góp ý với ông bầu. Ông cầm châu có quyền đòi hỏi “bác” thơ cho thay diễn viên. Sự liên hệ mật thiết giữa người cầm châu, đại diện cho người xem và phường chèo luôn giữ được sự gần gũi và tạo được *sự cân bằng* giữa người thưởng thức có trình độ nghệ thuật cao với các diễn viên trình diễn chứ không thể khen chê một cách bát nháo của đám đông được.

Có một câu chuyện kể:

Tương truyền trong tư dinh của tả tướng quân Lê Văn Duyệt diễn vở Võ Thành Lâm. Theo tích, khi trung thần bị giặc đuổi tới bờ sông, đang lúng

túng thì có con cá chép thần nổi lên cống người trung thần sang sông. Ngồi trên lưng cá thần, người kép đóng vai người trung thần xúc cảm cất tiếng hát:

*Cười ô mã qua miền hải ngạn,
Cống tiên hoàng tỏ rạng đường non
Vấn vợ cá lội như cò ... Họ... họ...*

Ngài Lê văn Duyệt đang cầm châu bèn đánh “cắc” một tiếng vào tang trống, miệng lớn tiếng gất: “Cá chứ đâu phải ngựa đâu mà “họ” mầy?” Người kép nhanh trí hát tiếp:

Họ... họ... Tưởng con ô mã ai ngờ lý ngư!

Ngài Lê Văn Duyệt dù chưa hết bức nhưng cũng phải vung tay đánh trống hiệu ban thưởng cho người kép hát thông minh.

(Trích trong "Tìm về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam" - Trần Ngọc Thêm)

**/Thơ trong chèo. Văn học chèo là văn học thơ và động tác chèo là động tác thơ. Những lời hát, những điệu múa, cho dù là múa không lời hát mà vẫn uyển chuyển, nhịp nhàng mang đầy vẻ đẹp và giúp thăng hoa cho ý nghĩa của “bài thơ động tác” một cách tuyệt vời. Người đạo diễn chèo phải là người biết về luật thơ để phối hợp nhuần nhuyễn giữa thơ và động tác để tạo thành một vở diễn thơ.*

**/Giáo huấn, khuyến giáo trong chèo : Nội dung của tuồng tích chèo có tích chất giáo huấn. Đề cao đức hạnh của người phụ nữ, ca tụng tinh thần*

trung hiếu, cái thiện thắng cái ác được thể hiện qua các vai “chính” hay vai thuận. Đả phá những thói hư tật xấu, cương thường đảo lộn của một xã hội nháo nhào được thể hiện qua các vai “lệch” hay vai nghịch.

Tuy nhiên những vai nữ nghịch trong chèo, như Thị Mầu lẳng lơ, chúng ta thấy không những không bị người xem ghét bỏ, căm giận như thường thấy ở trong *tuồng* hay trong *hát bội* mà ngược lại còn tỏ ra hào hứng hòa theo và yêu thích nữa. Phải chăng đó là thái độ khoan dung hoặc đồng cảm với vai diễn trong những hoàn cảnh nghịch lý của xã hội phong kiến ngày xưa.

**/ Vài làn điệu chèo quen thuộc của làng Khuốc*
- Thái Bình

Chẳng biết từ thời nào, hát chèo, diễn chèo, xem chèo đã ăn sâu vào con tim người Việt Nam. Với người dân nông thôn ở châu thổ sông Hồng thì chèo được coi như là món ăn tinh thần dường như không thể thiếu được. Và cũng vì lý do đó, từ xưa đã thành hình nhiều thứ chèo như chèo Đông, chèo Đoài, chèo Nam và chèo Bắc.

Và rồi những năm tháng gần đây có nhiều thành phố, nhiều địa phương cứ tự nhận nơi ấy là cái nôi của ngành chèo. Thái Bình cũng khiêm nhường và trân trọng chỉ tự nhận mình là một trong những cái nôi chèo ấy trong cả nước mà thôi.

Những làn điệu chèo mà ta thường gặp:

- *Hát Vỡ Nước.*

- *Sa Lệch Chênh.* Những lời hát nhấn nhủ tha thiết, hàm chứa lời trách móc của người bạn tình.

- *Du Xuân.* Điệu hát Du Xuân thì êm dịu, uyển chuyển, êm ả và nhớ nhung man mác, nhẹ nhàng.

- *Đò Đưa.* Làn điệu Đò Đưa đã phát triển tới hàng trăm lời với tình huống tinh tế, dí dỏm nhưng vẫn khác nhau.

- *Hề Đơm Đó.* Là làn điệu “Hề chèo” có lời thơ mộc mạc, than thân trách phận nhưng cũng châm biếm và chua chất.

- *Hát Cách.* Là một trong những làn điệu có tính cách tươi sáng, lạc quan, trang trọng (như một đoạn trong vở Quan Âm).

- *Quân Tử Vu Dịch.* Bằng tình cảm kín đáo, người hát như nhấn nhủ thiết tha, nhớ nhung một cách nhẹ nhàng (như đoạn Lưu Bình nhấn nhủ Châu Long sang nuôi Dương Lễ trong vở Lưu Bình-Dương Lễ).

Ông chủ nhà hàng vừa nói xong, Chúng tôi cùng đứng lên vỗ tay tán thưởng. Cụ Từ cũng cứ gật đầu tấm tắc khen. Ông chủ nhà hàng khiêm tốn:

- Dân ca nước ta, trong đó có môn hát chèo này thì rất hay và thâm thúy lắm. Hiểu được và thưởng thức được các làn điệu dân ca, chúng ta cũng phải mất nhiều công sức để tìm tòi, học hỏi. Những diễn viên thường được trui luyện bởi những kinh nghiệm

trong thực tế. Những kinh nghiệm ấy được gạn lọc, bồi đắp từ thế hệ này truyền qua thế hệ khác để họ có thể đem những điệu múa, điệu hát dân ca đi khắp các nơi và để nó trường tồn trong lòng người dân khắp miền đất nước, đặc biệt là trong lòng những người dân quê được thể hiện qua những ngày lễ hội, đình đám trong thôn làng. Tuy vậy mỗi làng, các làn điệu ca lại có sự phát triển riêng của nó để mang những nét đặc thù như làng Khuốc tôi ở Thái Bình thì chú trọng nhiều về hát *cheo*, làng Lim ở Bắc Ninh thì phát triển về hát *quan họ* chẳng hạn. Tôi sinh trưởng trong “làng Chèo” thì sự hiểu biết của tôi về Chèo là lẽ tất nhiên, nhưng đó chỉ là những hiểu biết cóp nhặt không thể sánh được với những người khác trong làng tôi hay những bậc thức giả chuyên ngành trong cả nước.

Cụ Từ như còn lưu tâm tới Mơ nên cất tiếng hỏi:

- Cháu Mơ có ý kiến gì không?

- Thừa cụ và ông, cháu cũng thỉnh thoảng được ra đình xem chèo, nhưng nay cháu mới được hiểu biết về nó. Cháu chỉ biết hát chút ít về *quan họ*. Cháu được những liền anh, liền chị trong làng chỉ dạy và thường được đi trình diễn giúp vui vào mùa Xuân, trong dịp mở hội chùa Hương.

Cụ Từ và ông chủ nhà hàng vỗ tay khen và đề nghị:

- Cô hát cho chúng tôi nghe đi!

Mơ cứ nhìn Hội như hỏi ý kiến. Hội đặt tay lên vai Mơ gật đầu.

Mơ đứng lên cất giọng hát. Tiếng hát của cô trong trẻo và quyến rũ làm sao. Hội và chúng tôi cứ lắng người để nghe. Lời ca sao nó tình tứ quá. Mơ hát say sưa, thỉnh thoảng cô lại nhìn Hội mỉm cười nhẹ như muốn nói “em hát cho anh nghe đây, em muốn mượn lời ca này để gửi đến anh.” Tất nhiên là ai cũng hiểu như thế. Mơ hát thật tha thiết và truyền cảm. Trước khi chấm dứt câu hát cuối cùng, cô nhìn Hội một cách say đắm và tình tứ: *Ước gì mình cùng sống (ối à) với nhau. Miếng trầu mặn mà sớm tối ta có nhau ... Miếng trầu mặn mà sớm tối ta có nhau.*

Cô vừa dứt lời ca, chúng tôi đồng loạt đứng lên vỗ tay. Người vỗ tay to nhất là Hội và Thư. Hội ôm chặt Mơ rồi chột cúi xuống, bế xốc Mơ lên hai tay chạy vòng quanh bàn. Mơ sợ cứ nắm chặt lấy lưng áo Hội mà cười. Thư chạy theo sau, cứ đâm nhẹ vào lưng ông anh nhắc đừng chạy nhanh lắm “bà chị dâu” sợ.

Chạy đủ hai vòng, Hội mới chịu đặt Mơ ngồi xuống ghế. Mơ cứ ngồi nhìn Hội âu yếm cười. Hội thở hồn hển nói với Mơ:

- Em cứ làm anh hết từ ngạc nhiên này sang tới ngạc nhiên khác. Em giỏi thật!

Hội cứ đứng chống nạnh nhìn Mơ một chốc, rồi lên giọng đồng dục tuyên bố:

- Anh không cho em đi hát nữa đâu!

Mơ che miệng cười:

- Anh lại ghen hả?

Hội trợn mắt:

- Phải! Anh ghen đấy!

Thư đứng lên phản đối:

- Anh ghen vô lý thế! Mất đâu mà sợ! Anh đáng ghét thật!

Hội nhìn Thư cười rồi nạt:

- Ô! Cái cô này hay nhỉ! Cứ như là chuyện của mình ấy!

Mơ nhìn Thư cười nhẹ:

- Anh Hội nói đúng đấy! Có chồng con rồi cũng khó mà đi hát hồng được lắm. Vừa cho con bú vừa hát sao được. Con nó lại “hét” theo thì chết.

Mơ quay sang Hội, chấp tay trước ngực, cúi gập người xuống nói đùa:

- Thưa “mình” vâng ạ! Em sẽ không đi hát nữa ạ!

Hội đứng khoanh tay, ưỡn ngực ra lệnh:

- Thôi được! Tôi cho “mình” đi hát một năm một lần. Hát trong ngày hội Xuân thôi đấy.

Mơ cười rũ ra, đánh vào tay Hội:

- Về nhà không được “mình mình”, “tôi tôi” đâu đấy. Bố mẹ nghe được thì bị “chửi” chết. Cái miệng

anh cũng khó giữ lắm. Không biết em có “bị” kịp được không đây.

Mọi người trong bàn thấy hai người đóng kịch nên cũng cùng cười rộ một cách vui vẻ, thoải mái.

Thì chồm về phía người tôi để coi Hội và Mơ, tôi hôn lên má Thi. Thi không nói gì. Tôi hôn lên má Thi lần thứ hai. Thi quay sang cắn nhanh vào cánh tay tôi rồi “véo” mạnh vào đùi tôi, nói nhỏ:

- Chị Uyên đang nhìn kia kìa!

Tôi quay nhìn sang Uyên. Uyên đang mãi nói chuyện với Thư chứ có nhìn gì chúng tôi đâu. Thi nói nhỏ chỉ đủ để tôi nghe:

- Anh học anh Hội sao nhanh thế!

Tôi cũng nói nhỏ đủ cho nàng nghe:

- Anh giỏi hơn anh Hội!

- Anh nói sao?

Tôi cười:

- Vì anh biết em sẽ hôn anh.

Thì lườm yêu và lại “véo” vào đùi tôi rồi tùm tùm cười ngoảnh đi chỗ khác.■



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-5

NGHỆ THUẬT UỐNG TRÀ

Cụ Từ gọi người hầu bàn tới gần rồi đưa gói trà mạn mà chúng tôi vừa biếu cụ cho anh ta:

- Cháu pha một ấm trà lớn cho mọi người nhé.

Câu chuyện lại lan man hết chuyện này tới chuyện kia. Cụ Từ say sưa nói chuyện với ông chủ nhà hàng ra vẻ tâm đắc lắm. Chúng tôi ngồi nghe hai người nói chuyện một cách thích thú.

Ấm nước trà mạn được bung lên. Cụ Từ đích thân rót cho mỗi người một chén nước trà nóng, màu vàng như rượu “sâm banh” (champagne), mùi thơm dịu dịu. Cụ đưa chén trà lên mũi ngửi, uống một ngụm rồi cụ ngừng lên:

- Trà ngon lắm! Các cháu mua ở đâu mà được thứ trà này vậy?

Tôi thưa:

- Chúng cháu mua ở tiệm thuốc bắc trong thành phố ạ!

Cụ nói tiếp:

- Các cháu uống đi!

Cụ lại quay sang ông chủ nhà hàng:

- Các cháu đây mới vừa mua cho. Trà ngon lắm. Xin mời ông.

Ông chủ nhà hàng nâng chén trà lên uống một ngụm nhỏ:

- Trà ngon thật! Các cô cậu đây cũng khéo biết mua trà lắm đấy chứ. Ngồi dưới ánh trăng, thưởng thức trà ngon, chúng ta đâu thua kém gì người xưa đâu nhỉ. Chỉ tiếc là chúng ta không biết làm thơ như các cụ.

Tôi nhìn ông chủ nhà hàng:

- Chúng ta không biết làm thơ thì chúng ta đọc thơ của các cụ cũng được chứ ạ. Cháu xin đọc vài câu về trà để cụ và ông nghe nhé.

Thơ của Thượng tướng Trần Quang Khải:

*Thử lai yêu khách nghiêu trà uyển
Vũ quá hô đồng lý dược lan.*

(Mùa hè lại, pha trà mời khách uống
Con mưa xong, gọi trẻ sửa chậu lan)

(Vũ Thế Ngọc (?) dịch)

Và thơ của cụ Nguyễn Trãi:

*Bao giờ dưới núi làm nhà
Nước khe gối đá pha trà ngủ say*

Còn cụ Cao Bá Quát thì có những vần thơ :

*Thư nhàn hỏi lửa pha trà mới,
Thích thú tựa thông nhìn ráng sa
Chợt nghĩ về hưu vui thú ẩn,
Một cần câu trúc chuyện đời qua.*

Cụ Từ và ông chủ vỗ tay khen:

- Các cụ ngày xưa sống hay hơn chúng ta ngày nay nhiều quá. Lúc xuất thế thì như thế, lúc xử thế (về ở ẩn) thì như thế. Chúng ta sao sánh kịp.

Hội chạy sang chỗ Thi nói nhỏ vào tai nàng và cũng để tôi nghe:

- Thằng này nó thuộc nhiều thơ văn thế này, coi chừng nó có số đào hoa đấy!

Thi cứ ngồi cười không nói gì. Tôi nắm tay Thi bóp nhẹ trán an:

- Đúng là anh chàng hay ghen, ghen hộ cả cho người khác.

Thi chỉ nhìn tôi cười cười mà không nói gì.

Cụ Từ chợt nhìn Mơ:

- Chúng ta đang uống trà dưới trăng, nghe thơ về trà của người xưa. Nhân tiện, cháu nói cho mọi người ở đây biết về trà qua Đông y đi.

Mơ cứ nhìn Hội như hỏi ý. Hội giục Mơ:

- Em nói đi! Em nói xong, anh cũng nói thêm về trà theo Tây y.

Mơ nhất định không chịu nói. Mơ giục Hội:

- Anh nói đi!

Hội lại giục Mơ:

- Em nói trước đi, anh sẽ nói sau để tiếp lời cho em mà.

Mơ nhìn Hội lần nữa rồi mới cất tiếng:

- Anh Hội cháu cứ đưa (đưa đây) cho cháu nên cháu mới dám xin thưa ạ. Cháu xin bỏ qua những vị thuốc trong trà mà chỉ xin nói về kết quả của trà mang tới như trà phân giải chất béo, đề phòng động mạch bị xơ cứng, tăng cường hoạt động của tim. Uống trà làm đầu óc tỉnh táo, đề phòng và chữa bệnh tiểu đường, giải trừ chất độc hại trong rượu và thuốc lá.

Tuy nhiên trà nên kiêng ở một số trường hợp như uống trà lúc đói, trà đặc quá, nước trà đã để qua đêm, trước khi đi ngủ hay trong thời gian uống thuốc. Có những trường hợp uống trà không những



không có lợi mà còn có hại cho những người suy dinh dưỡng, trẻ em, người suy nhược thân kinh, mất ngủ, loét dạ dày, bệnh tim mạch, cao huyết áp, phụ nữ cho con bú hay đang có thai, táo bón, người già sức khỏe kém, sau khi ăn mặn ⁽¹⁾.

Mơ vừa ngưng nói. Hội vội lên tiếng ngay:

- Ngày xưa có nhiều trường hợp vợ đóng cửa dậy chồng. Ngày nay lại có cảnh ấy xảy ra, không biết vợ dậy thì tôi có bị ăn đòn vì ngu không đây.

Mơ cứ đánh vào tay Hội:

- Cái anh này! Nói đi chứ! Định “đánh trống lảng” đấy hả?

Chúng tôi thấy cảnh ấy đều cười. Thư nói lớn:

- Anh Hội không được ăn gian! “Chị Hội” cười cho chết đấy!

Lần đầu tiên Mơ thấy Thư gọi mình là “chị Hội” nên cảm động lắm, nhìn Thư với cặp mắt đầy biết ơn.

Hội nhìn Thư rồi cóc nhẹ vào đầu Mơ:

- Anh không ăn gian! Để anh nói. Thưa cụ và ông, trong Tây y, được biết trong lá trà rất giàu chất dinh dưỡng như vitamin, protein, đường và chất khoáng.

(1) Những câu chuyện liên quan tới vấn đề y học trong loạt bài này chỉ nhằm trong phạm vi câu chuyện mà thôi. Người viết không chịu trách nhiệm về sự ứng dụng trong thực tế.

Tuy nhiên, cũng tương tự như Đông y, Tây y thêm vào là những *người thiếu máu* do thiếu sắt (Fe) vì chất “axit tannic” trong trà sẽ làm cơ thể khó hấp thụ chất sắt làm tình trạng thiếu máu trở nên xấu hơn; *người cao huyết áp và bệnh tim* vì chất “cà phê - in” sẽ làm tăng huyết áp, nhịp tim cũng sẽ tăng lên nhanh chóng; *người mắc sỏi thận* vì trà sẽ khiến cho những viên sỏi trong thận sẽ tăng số lượng và kích cỡ ⁽²⁾.

Thư đứng lên vỗ tay:

- Đúng sắp là ông “đốc tò” rồi!

Cụ Từ và ông chủ nhà hàng ngạc nhiên hỏi Hội:

- Thế cháu Hội đây là “đốc tò” đấy à?

(²) Vitamin trong lá trà rất nhiều, chúng duy trì và phát huy chức năng sinh lý bình thường của cơ thể cho nên uống trà có thể bổ sung các loại vitamin mà cơ thể thiếu, như trong đó vitamin E có khả năng chống lão hóa.

- Protein trong lá trà cực kỳ phong phú, chúng có tác dụng bồi bổ sức khỏe, tiêu trừ mệt mỏi, nâng cao năng suất lao động, có lợi cho việc tiêu hóa và hấp thụ chất dinh dưỡng.

- Đường (carbohydrates) trong trà gồm glucose, fructose, mentose... và nhiều loại đường khác có thể cung cấp, bổ sung nguồn năng lượng cho cơ thể.

- Chất khoáng trong trà đều cần thiết cho cơ thể con người, có thể cung cấp chất xúc tác cần thiết cho hoạt động hóa học bên trong cơ thể. Trong trà có Zinc (Zn) có thể cải thiện chất tinh dịch ở đàn ông; trà có Flore (Fl), chất này không thể thiếu trong răng nên uống nước trà còn để phòng bệnh sâu răng. Từ đó, uống trà rất có lợi cho cơ thể. Trà còn là phẩm vật tốt để chống già, sống lâu.

Hội lúng túng trả lời:

- Thừa cụ cháu còn đang đi học, một hai năm nữa mới ra trường ạ.

Cụ lại chỉ vào tôi hỏi:

- Còn cháu này?

Hội nhanh nhẩu trả lời dùm tôi:

- Anh bạn cháu học cùng trường với cháu.

Tôi cũng vội trả lời ngay:

- Nhưng cháu học dưới anh Hội ạ!

Cụ Từ vui vẻ cười:

- Thế là chẳng mấy lâu nữa hai cháu đây là “Quan đốc tờ” cả đấy. Hai cháu gái này (cụ chỉ Mơ và Thi) cũng sắp làm các “bà Quan đốc tờ” đến nơi rồi, còn sợ gì nghèo nữa. Sắp sửa “lên xe xuống ngựa” cả rồi.

Mơ và Thi cứ ngồi yên lặng. Thư đứng lên:

- Thừa cụ và ông, các anh chị cháu đây “lên xe” thì có, còn “xuống ngựa” thì không, vì có ngựa đâu để mà xuống ạ!

Mọi người lại cười ồ. Thư lúc nào cũng làm cho câu chuyện trở nên sống động bởi bản tính lô tô, bộc trực và óc hài hước của cô.

Hội thưa:

- Thừa cụ và ông, âu đây chẳng qua cũng chỉ là một cái nghề như bao nghề khác thôi ạ. Nghề nào

cũng quý cả. Miễn người hành nghề phải biết yêu cái nghề của mình đã chọn, giữ được cái nhân cách của mình khi hành nghề và biết tôn trọng kẻ khác. Chúng cháu cố gắng theo gương người xưa vốn đã có câu “lương y như từ mẫu” ạ.

Cụ Từ:

- Cháu nói thế cũng phải!

Cụ Từ chậm rãi:

- Nay đến phiên tôi đóng góp thêm chút ít về câu chuyện trà lúc nãy nhé.

Chúng tôi vỗ tay hoan hô. Cụ tỏ ra hứng chí, vui vẻ:

- Trà là một thứ nước uống rất phổ biến trong cả nước. Trà xanh là phổ biến hơn cả. Trà ngon là trà hái từ búp với 2 lá hay 3 lá. Lá càng già thì giá trị càng thấp. Để giữ được lâu người ta làm trà mạn qua những giai đoạn: làm héo, vò, ủ, phơi hoặc sấy. Người ta uống trà xanh để mộc (không pha thêm hương vị ngoài), hoặc ướp với các loài hoa như hương sen, nhài, ngâu, sồi, bưởi hay hương liệu, dược liệu. Người ta đôi khi ướp trà rất cầu kỳ như ban đêm người ta bỏ ít trà vào những búp sen trong đầm sen rồi túm lại, sáng sớm, mở ra để lấy trà đã ướp hương sen trong đêm qua. Hương thơm trong mát của sen thấm vào trà. Trong triều đình Huế người ta ướp trà trong hồ sen Tĩnh Tâm nên gọi trà ướp đó là trà Tĩnh Tâm. Ướp trà đã cầu kỳ như thế, *pha trà lại còn cầu kỳ hơn.*

Các loại trà thông thường dùng ngày nay được đa số ưa chuộng là trồng ở Phú Thọ, Thái Nguyên (xã Tân Cương). Trà Chính Thái, Ninh Thái và Sinh Thái là những loại trà ướp bằng hương thơm và các vị thuốc bắc tán nhỏ.

Uyên cất tiếng hỏi:

- Thưa cụ, cách pha trà phải pha như thế nào ạ?

Ông chủ nhà hàng cướp lời cụ Từ, trả lời Uyên:

- Cứ như trà chúng tôi phục vụ khách hàng thì tùy theo loại khách hàng mà chúng tôi pha. Có những khách sành điệu thì đôi khi người ta đòi tự pha lấy. Những người sành điệu thì cách pha trà cũng nhiều kê lắm.

Ta nên nhớ trước khi pha trà là ta đã chuẩn bị xong các “trà cụ” gồm ấm pha trà, chén “tống” (chén tương) và chén “quân”. Mỗi chén “quân” được đặt trên một chiếc đĩa nhỏ. “Trà cụ” được đặt trên một khay. Khay thường được chạm trổ để tăng phần mỹ thuật và trang trọng trong việc thưởng thức trà ngon. Ấm trà thì có loại độc ấm, song ấm và đa ấm.

Về nước để pha trà thì phải là nước trong, tinh khiết. Có nhiều giai thoại lý thú về việc chọn nước pha trà lắm, đặc biệt là ở bên Tàu. Chúng tôi ở đây thường dùng nước mưa là tốt.

Nước đun sôi cũng không được sôi già quá hay sôi non quá. Trà được bỏ vào ấm, nhiều ít tùy theo

độ đậm nhạt của loại trà. Đổ nước sôi vào ấm, đập nắp nhanh. Tưới nước sôi lên ấm trà để cho nóng cả bên ngoài. Khi trà “nước đầu” đã ngấm, rót ra chén “tổng” rồi chia đều ra những chén “quân”, nửa chén thôi. Đổ nước sôi vào ấm để lấy “nước thứ hai”. Nước thứ hai ngấm thì rót tiếp vào chén “tổng” rồi lại chia đều thêm cho chén “quân”. Uống trà phải còn nóng, chén trà còn bốc khói nhẹ.

Uống trà cũng là cả một nghệ thuật. Cách cầm chén trà đưa lên miệng sao cho thanh lịch, uống trà phải cho từ tốn, trân trọng và tận hưởng được các mùi, vị cao quý của trà. *Thưởng thức trà cũng là một biểu tượng của văn hóa* mà. Nói ra thì còn nhiều lắm. Chẳng thế người Tàu, người Nhật đã đưa việc uống trà lên hàng nghệ thuật cao, còn đưa lên hàng “trà đạo” nữa. Thường là phát xuất từ những vị cao tăng sống ẩn dật ngày xưa.

Cụ Từ cười nói thêm:

- Cũng như uống rượu, uống trà cũng phải có bạn trà hiểu được cái “ẩm nhi tri kỷ vị”.

Chúng tôi được cụ Từ và ông chủ nhà hàng, đều là những người sành uống trà, chỉ vẽ thêm cho về nghệ thuật uống trà. Chúng tôi vừa thưởng thức trà vừa ngồi nói chuyện với nhau. Nay chúng tôi mới thấm thía câu “đi một quãng đường, học một sàng khôn” của các cụ ngày xưa để lại.

Thấy trời đã khuya, cụ Từ nhắc nhở chúng tôi đi ngủ để ngày mai dậy sớm lên đường thăm thú vài

nơi khác nữa của cố đô Hoa Lư. Mọi người lục đục trở về phòng. Hội đưa cụ về nhà người bạn của cụ rồi mới quay trở về.

Tôi và Thi còn đứng lại trên sân thượng ngắm trăng. Chúng tôi đứng bên nhau, tựa tay trên thành lan can nhìn những rặng núi xa xa ẩn hiện mờ mờ dưới ánh trăng. Những ngôi sao lấp lánh trên cao. Chúng tôi đứng bên nhau khá lâu trong sự yên tĩnh. Mọi cảnh vật chung quanh tưởng như đã rủ nhau đi ngủ, chỉ trừ còn hai đứa chúng tôi.

Tôi lên tiếng:

- Thế là ngày mai chúng ta trở về Hà Nội. Ngày vui qua mau quá nhỉ. Ngày kia (ngày mốt) chúng ta lại phải vật lộn với công việc hàng ngày rồi.

Thi nhìn tôi với ánh mắt đầy tha thiết:

- Từ nay, anh đi học hay đi dạy kèm về, anh nhớ ghé ăn cơm chung với em. Em đủ lớn rồi, đã biết tự lo cho mình mà. Anh không cần phải săn sóc hay quan tâm đến em nhiều như xưa nữa. Em cũng phải có bốn phận với anh nữa chứ.

Tôi nhìn Thi, nhẹ vuốt tóc nàng:

- Cám ơn em! Em cũng bận, đâu có thua gì anh đâu.

- Em còn có thì giờ để xin anh cho em đi làm thêm cơ mà.

Tôi véo má Thi:

- Ủ, nếu thế thì anh nhận sự giúp đỡ của em. Anh hứa sẽ về ăn cơm chung với em. Em nhớ nấu thêm phần cơm cho anh nữa nhé.

Thi vui mừng nắm tay tôi:

- Như vậy em sẽ cảm thấy vui và yên lòng hơn.

Thi nhìn tôi trù mến:

- Và em phải công bình với anh nữa chứ. Cứ bắt anh lo cho em mãi sao!

Tôi ngừng đầu lên trời nhìn những ngôi sao sáng, nói nhẹ với Thi:

- Anh cảm ơn em! Em đã cho anh những giây phút hạnh phúc tuyệt vời. Anh sẽ nhớ mãi đêm nay ... và ở chốn này.

Thi cảm động, nắm tay tôi cùng đi về phía phòng ngủ. Qua phòng ngủ của tôi Thi nói nhỏ:

- Chúc anh ngủ ngon!

- Chúc em ngủ ngon!

Bất chợt, Thi cắn mạnh vào cánh tay tôi rồi vội nhả ra. Tôi giật mình hỏi:

- Sao em lại cắn anh?!

Thi cười nũng nịu đáp:

- Tại em thấy muốn cắn anh!

- Thế em không muốn hôn anh à?

Tôi vừa nói vừa đưa má tôi về phía Thi. Thi ngập ngừng, rồi vội hôn tôi một cái thật nhanh như sợ có ai trông thấy. Thi chỉ vào mặt tôi cười, nói nhỏ:

- Anh khôn quá! Lúc nào em cũng phải thua anh!

Nói xong Thi vội vã quay bước về phía phòng mình.

Tôi đứng nhìn Thi cho tới khi nàng khuất bóng sau cánh cửa.

Vài con chim bay đêm cất tiếng kêu rời rạc rồi xa dần. Không gian yên tĩnh lại phủ xuống. Ánh trăng vẫn vàng vạc trên cao cùng với những ngôi sao nhấp nháy. Tôi mỉm cười bước vào phòng ngủ với sự an bình và niềm hạnh phúc vô biên.■



CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-6

PHỤ BẢN

(Tiểu sử 4 vị quan “Tứ trụ triều đình” nhà Đinh)

Chép *nguyên văn* từ bốn bia ký dựng ở Phủ Đột (hay Đền Trình).

Bốn bia ký được soạn bởi Tiến sĩ *Nguyễn Minh Tường* và nhà thư pháp *Nguyễn Đức Chính* viết chữ.



Bia ký

TIỂU SỬ NGUYỄN BẠC

Nguyễn Bạc (924-980), người thôn Vĩnh Ninh, nay là thôn Đại Hữu, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Bạc là người cùng làng, cùng lứa tuổi với Đinh Tiên Hoàng (924-979). Lúc nhỏ ông cùng với Đinh Điền, Trịnh Tú, Lưu Cơ tôn Đinh Tiên Hoàng lên làm chúa. Phàm khi chơi đùa, bạn bè cùng với Nguyễn Bạc tréo tay làm kiệu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước Đinh Tiên Hoàng như nghi trượng thiên tử.

Đến tuổi trưởng thành, Nguyễn Bạc là người hùng tài, thông minh và giỏi về chính trị, quân sự. Bảy giờ Mười hai sứ quân đều tự xưng hùng trưởng cát cứ đất đai. Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều, Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm, Kiều Tam Chế chiếm Phong Châu, Nguyễn Thái Bình chiếm Nguyễn Gia Loan, Đỗ Cảnh Thạc chiếm miền Đỗ Đông Giang, Nguyễn Lệnh Công chiếm Tây Phủ Liệt, Tê Giang thì có Lữ Tá Đường, Tiên Du có Nguyễn Thủ Tiệp, Siêu Loại có Lý Lăng Công, Hồi Hồ có Kiều Lệnh Công, Đằng Châu có Phạm Phòng Át, Bồ Hải khẩu có Trần Minh Công. Nguyễn Bạc phù giúp Đinh Tiên Hoàng một phen cát quân là dẹp yên được.

Năm Mậu Thìn (968), Vua lên ngôi đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời kinh ấp về Động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành, đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi.

Năm Tân Mùi (971) bắt đầu quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo, Nguyễn Bặc được giữ chức Thái tử, tước Định Quốc công, tức vị quan đứng đầu triều đình nhà Đinh thời bấy giờ. Nguyễn Bặc làm quan cẩn thận, nghị luận công chính không thiên tư, nên chính trị trong nước dần dần được ổn định.

Sau khi chết, Nguyễn Bặc được tôn làm vị Thủy tổ của nhiều dòng họ Nguyễn ở Việt Nam. Nguyễn Bặc được thờ ở nhiều nơi từ Bắc chí Nam. Ngày nay, tại quê hương Đại Hữu còn có đền thờ Nguyễn Bặc. Trong đền thờ có bức hoành phi “Khởi nguyên đường” (Đền thờ vị Thủy tổ dòng họ Nguyễn) và đôi câu đối:

Cổ Việt thiên khai, Chúa hữu anh hùng,

Thần tráng liệt.

Đại Hữu địa tú, gia vị khởi tổ, quốc nguyên huân.

(Trời mở vận, nước Đại Cồ Việt ra đời, có vị chúa anh hùng, có bề tôi trung liệt.

Đất tốt đẹp sinh bậc Thủy tổ Nguyễn Bặc, người mở đầu họ Nguyễn, bậc nguyên huân cả nước).

Đây là ca ngợi vua Đinh Tiên Hoàng và Thái tử Định Quốc công Nguyễn Bặc.

TIỂU SỬ ĐINH ĐIỀN

Đinh Điền (924-980), người làng Đại Hữu, nay thuộc Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,

là người cùng họ, cùng quê với vua Đinh Tiên Hoàng. Thuở nhỏ, Đinh Điền cùng Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ tôn Đinh Tiên Hoàng lên làm chúa. Bọn họ thường ở bên cạnh Đinh Tiên Hoàng làm như quan thị vệ tôn quý thân cận. Đinh Điền là người cẩn thận, tu thân, chấp chính kiệm ước, có tài chính trị, giỏi về quân sự, được Đinh Tiên Hoàng tin yêu, quý trọng.

Thuở ấy, Mười hai sứ quân nổi dậy xưng hùng cát cứ đất đai khắp nơi trong nước. Đinh Điền cùng với Nguyễn Bặc luôn phò giúp vua Đinh Tiên Hoàng trong việc dẹp yên quân hùng. Phàm Đinh Tiên Hoàng mưu tính đánh trận nào, tất cùng bốn người phù tá thân cận là Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Trịnh Tú, Lưu Cơ bàn bạc. Đinh Điền nghị luận công chính, giải quyết sự tình, thêm bớt, giải pháp rất là thích hợp. Vua Đinh Tiên Hoàng phần nhiều nghe theo kiến giải của Đinh Điền. Vì thế, vua Đinh Tiên Hoàng chỉ một phen cất quân là dẹp yên được loạn Mười hai sứ quân.

Năm Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, Đinh Điền cùng với Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ là những người có công đầu giúp đỡ mệnh vua, ổn định tình hình chính trị trong nước.

Năm Tân Mùi (971), Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo. Nguyễn Bặc giữ chức Thái tử, tước Định Quốc công, Đinh Điền giữ chức Ngoại giáp, tức là vị tướng trông coi quân đội ở bên ngoài kinh đô Hoa Lư. Đinh Điền chỉ huy uân

đội dùng chính sách vừa ra uy vừa ban ơn, khiến mọi người theo phục.

Đình Điền phụng sự nhà Đinh, sự nghiệp thấy được lòng trung nghĩa, nổi tiếng chính, liêm, cần, thứ, được quân đội tin yêu, nước nhà dựa cậy. Tấm lòng lo nước của Đình Điền trước sau không sòn. Sau khi chết, Đình Điền được nhân dân nhiều nơi nhớ ơn thờ làm thần Thành hoàng. Hiện nay, nơi có nhiều đền thờ Đình Điền là các huyện Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư... thuộc tỉnh Ninh Bình. Dư thấy người dân ngưỡng mộ và kính ái vị quan Ngoại giáp Đình Điền như thế nào.

TIỂU SỬ LƯU CƠ

Lưu Cơ (924-?), người làng Đại Hữu, nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, là người cùng làng, cùng lứa tuổi với Đinh Tiên Hoàng. Thuở nhỏ, Lưu Cơ cùng với Nguyễn Bặc, Đình Điền, Trịnh Tú là bạn rất thân với Đinh Tiên Hoàng. Lưu Cơ với Nguyễn Bặc, Đình Điền, Trịnh Tú thường cùng với Đinh Tiên Hoàng chăn trâu ngoài đồng, rồi suy Đinh Tiên Hoàng làm chúa. Trong lúc chơi đùa, Đinh Tiên Hoàng thường bắt Lưu Cơ với bọn trẻ chèo tay làm kiệu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước như nghi trượng của thiên tử.

Thuở bấy giờ, Mười hai sứ quân đều tự xưng hùng trưởng, cát cứ đất đai. Lưu Cơ luôn ở bên cạnh

Đinh Tiên Hoàng sách hoạch việc quân cơ. Lời bàn của Lưu Cơ, cùng với mưu kế của Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Trịnh Tú đều được Đinh Tiên Hoàng nghe theo và thực hiện. Do vậy, Đinh Tiên Hoàng mưu tính, đánh trận nào là tất thắng. Trong việc đánh dẹp Mười hai sứ quân, thu giang san về một mối, Lưu Cơ có công lao không phải nhỏ.

Lưu Cơ là người thông minh, thận trọng, tính tình đôn hậu, biết giữ lễ, khiêm cung. Năm Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, Lưu Cơ cùng với Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Trịnh Tú bàn mưu sáng lập quy chế.

Năm Tân Mùi (971), Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định quy chế cho bá quan văn võ trong triều và các đạo trong cả nước. Bấy giờ, sử cũ chép: lấy Nguyễn Bặc làm Đinh Quốc công, Lưu Cơ làm Đô Hộ phủ Sĩ sư, Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân . . Như vậy Lưu Cơ được giao trọng trách coi việc hình án ở Phủ đô hộ tức là trong cả nước Đại Cồ Việt thời bấy giờ.

Trước khi mới lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng muốn dùng uy, chế ngự thiên hạ, sai đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi khiến mọi người khiếp sợ. Nhưng từ khi Lưu Cơ giữ chức Đô Hộ phủ Sĩ sư, chắc hẳn việc hình án bớt khắc nghiệt hơn. Lê Tung từng nhận xét: *“Đinh Tiên Hoàng dùng bốn Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cung, Trịnh Tú làm người phụ tá, sáng chế triều nghi, định lập quân đội, vua chính thống của nước ta thực bắt đầu từ đây”*.

Đó là ghi nhận của sử thần xưa đối với công lao to lớn của Lưu Cơ trong việc thống nhất non sông, sáng lập vương triều Đinh vào nửa cuối thế kỷ thứ 10.

TIỂU SỬ TRỊNH TÚ

Trịnh Tú (924-?), người làng Đại Hữu, nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, là người cùng làng, cùng lứa tuổi với Đinh Tiên Hoàng. Thuở nhỏ, Trịnh Tú cùng với Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ thường cùng Đinh Tiên Hoàng chăn trâu ngoài đồng. Bọn ông đều biết kiến thức không bằng Đinh Tiên Hoàng, nên cùng nhau suy tôn Tiên Hoàng làm chúa, thường làm kiệu tay, cầm cờ hoa lau rước như nghi trượng thiên tử. Ngày rồi, Trịnh Tú cùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ theo Đinh Tiên Hoàng kéo nhau đi đánh trẻ con các thôn khác, đến đâu bọn trẻ đều sợ phục. Hàng ngày, Trịnh Tú cùng trẻ con trong làng rủ nhau đến phục dịch, kiếm củi, nấu cơm cho Đinh Tiên Hoàng. Bà mẹ Đinh Tiên Hoàng thấy vậy mừng lắm, mổ lợn nhà cho Trịnh Tú, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ với trẻ con trong làng ăn uống vui vẻ . . .

Trịnh Tú là người thông minh, học rộng về thư sử, cần mẫn, có tài thức và giỏi ứng đối. Phàm mọi công việc từ lệnh, ngoại giao với bên ngoài, Đinh Tiên Hoàng đều tin cậy giao cho Trịnh Tú.

Năm Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, Trịnh Tú cùng với Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ bàn mưu sáng lập quy chế.

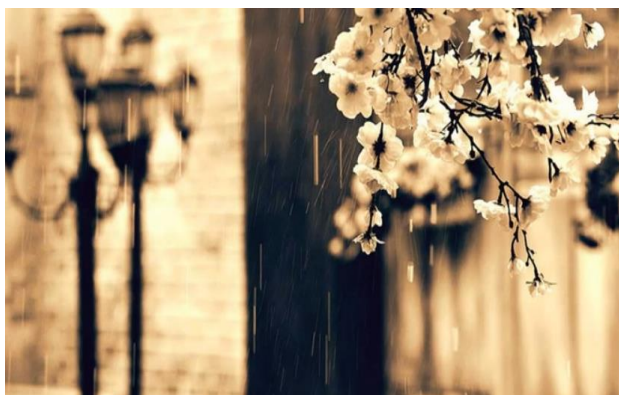
Năm Tân Mùi (971), Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định triều nghi, định cấp bậc văn võ, tăng đạo. Nguyễn Bặc được giữ chức Thái tử, tước Định Quốc công, Lưu Cơ giữ chức Đô Hộ phủ Sĩ sư, Đinh Điền giữ chức Ngoại giáp, tiếc rằng, sử cũ chép sót không cho biết Trịnh Tú được giữ chức gì? Nhưng sách Đại Việt Sử ký Toàn thư chép rõ rằng: vào mùa xuân năm Ất Hợi (975), Đinh Tiên Hoàng sai Trịnh Tú sang sứ nhà Tống, tước cống vàng lụa, sừng tê và ngà voi. Điều đó đủ thấy Trịnh Tú là người có tài thức và học vấn vào loại hàng đầu trong số quan lại của triều Đinh thời đầu dựng nước. Vì dưới thời quân chủ việc lựa chọn sứ thần sang Trung Quốc là việc rất hệ trọng, chỉ những người có học thức và có tài ứng đối, biện luận mới được



Tượng thờ 4 vị ở Phủ Duyệt hay Đền Trình

triều đình trao cho trọng trách này. Đây là lần cử sứ giả thứ hai của triều Đinh sang nhà Tống. Lần thứ nhất vào năm Nhâm Thân (972) sứ giả của Đinh triều là Nam Việt Vương Đinh Liễn, con cả của Đinh Tiên Hoàng. Chuyến đi sứ của Trịnh Tú ngoài việc tước cống, chắc hẳn còn có nhiệm vụ xin nhà Tống gia phong cho Đinh Liễn làm Giao Chỉ Quận

vương. Trịnh Tú hoàn thành xuất sắc công việc của mình, cho nên mùa thu năm ấy, nhà Tống sai sứ thần sang nước ta gia phong cho Đinh Liễn.■



Tài Liệu Tham Khảo

(Cuốn 2.1 & 2.2)

Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư

- 1- Di tích và thắng cảnh Hoa Lư (*Nguyễn Văn Trò và Dương Thanh Lam*)
- 2- Nghìn xưa văn hiến (*Trần Quốc Vượng*)
- 3- Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (*Trần Ngọc Thêm*)
- 4- Bồi bổ sức khỏe bốn mùa (*Nguyễn Ngọc Thông – Phương Thúy - Cao Tự Thanh*)
- 5- Nam hải dị nhân (*Phan Kế Bính*)
- 6- Bách thần Hà Nội (*Nguyễn Minh Ngọc*)
- 7- Mỹ thuật cổ truyền Việt Nam (*Nguyễn Khắc Ngữ*)
- 8- Việt Nam Sử Lược (*Trần Trọng Kim*)
- 9- Nhìn lại sử Việt (*Lê Mạnh Hùng*)
- 10- Hỏi đáp văn hóa dân ca ba miền (*Tủ sách Văn hóa*)
- 11- Văn hóa dân gian Việt Nam (*Đình Gia Khánh*)
- 12- Đất nước Việt Nam qua các đời (*Đào Duy Anh*)

- 13- Việt Sử - Những dấu ấn đầu tiên (*Lê Thái Dũng*)
- 14- Văn học dân gian Việt Nam (*Lương Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn*)
- 15- Văn học đời Ngô-Lê-Lý (*Phạm Khắc Hàm*)
- 16- Hội làng và Dáng nét Việt Nam (*Lý Khắc Cung*)
- 17- Giai thoại xứ Huế (*Tôn Thất Bình*)
- 18- Đặc khảo về Dân nhạc ở Việt Nam (*Phạm Duy*)
- 19- Cảm ca Việt Nam (*Toan Ánh*)
- 20- Việt Sử Khảo Luận (*Hoàng Cơ Thụy*)
- 21- Đại Việt Sử ký Toàn thư (*Ngô Sĩ Liên*)
- 22- Quyền trí Trung Hoa (*Lãnh Thành Kim, do Ông Văn Tùng và Nguyễn Đắc Thanh dịch*)
- 23- Các tài liệu khác:
 - Từ các websites du lịch trong và ngoài nước.
 - Từ Wikipedia.
 - Từ YouTube liên quan.
 - Tài liệu của Chánh tòa Phát Diệm.
 - Tài liệu từ hệ thống “VANHOAVIETTV” về Hoa Lư và Tràng An ...
 - Buổi nói chuyện của GS Trần Văn Khê về âm nhạc dân tộc.

Hình minh họa và nhạc lấy trên internet. ■

